

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

GIÁO TRÌNH
**CHỦ NGHĨA XÃ HỘI
KHOA HỌC**

(Dùng trong các trường đại học, cao đẳng)

(Tái bản lần thứ hai có sửa chữa, bổ sung)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

GIÁO TRÌNH
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI
KHOA HỌC

Mã số: 1DL (075)
CTQG - 2006

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

GIÁO TRÌNH
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI
KHOA HỌC

(Dùng trong các trường đại học, cao đẳng)

(Tái bản lần thứ hai có sửa chữa, bổ sung)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HÀ NỘI - 2006

ĐỒNG CHỦ BIÊN:

GS,TS. Đỗ Nguyên Phương

TS. Nguyễn Viết Thông

TẬP THỂ TÁC GIẢ:

PGS,TS. Đỗ Công Tuấn

PGS,TS. Nguyễn Đức Bách

GS,TS. Đỗ Nguyên Phương

TS. Nguyễn Viết Thông

TS. Dương Văn Duyên

TS. Phùng Khắc Bình

TS. Phạm Văn Chín

TS. Nguyễn Đình Đức

TS. Phạm Ngọc Anh

Th.S. Vũ Thanh Bình

CHÚ DẪN CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Được sự đồng ý của Ban Khoa giáo Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương tại Công văn số 3327/TB-TTVH ngày 16-2-2002, sau khi được cấp trên thẩm định bằng Công văn số 1019-CV/KGTW ngày 7-7-2003 và Công văn số 3273-CN/TTVHTW ngày 4-7-2003, Quyết định số 34/2003/QĐ ngày 31-7-2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo xuất bản cuốn sách ***Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*** (dùng trong các trường đại học, cao đẳng). Nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên, chúng tôi quyết định sửa chữa, bổ sung để tái bản Giáo trình này, trên cơ sở tiếp thu ý kiến của giảng viên các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh các trường đại học, cao đẳng và của bạn đọc.

Cuốn sách quán triệt tinh thần cơ bản nội dung và phương pháp biên soạn *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học* của Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quán triệt đường lối, quan điểm xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta, tổng kết 20 năm đổi mới

đất nước và Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng.

Tuy nhiên, do những điều kiện khách quan và chủ quan nên khó tránh khỏi những hạn chế. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Bộ Giáo dục và Đào tạo rất mong nhận được ý kiến xây dựng của đông đảo bạn đọc để giáo trình sẽ hoàn chỉnh hơn khi được tái bản lần sau.

Thư góp ý xin gửi về:

Vụ Đại học và Sau Đại học, Bộ Giáo dục và Đào tạo, 49 Đại Cồ Việt, Hà Nội hoặc Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 24 Quang Trung, Hà Nội.

Tháng 7 năm 2006

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

CHƯƠNG I

VỊ TRÍ, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP VÀ CHỨC NĂNG CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Kế thừa những nhân tố tích cực của các trào lưu tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng trong lịch sử và những tinh hoa của nhân loại; khảo sát và phân tích thực tiễn của chủ nghĩa tư bản, Các Mác và Phridrich Ăngghen đã sáng lập ra một lý thuyết khoa học về chủ nghĩa xã hội, đó là *chủ nghĩa xã hội khoa học*. Chủ nghĩa Mác-Lênin bao gồm ba bộ phận hợp thành là triết học Mác - Lênin, kinh tế học chính trị Mác - Lênin và chủ nghĩa xã hội khoa học, trở thành một học thuyết khoa học và hoàn chỉnh, trở thành hệ tư tưởng khoa học và cách mạng của giai cấp công nhân hiện đại, soi đường cho cách mạng xã hội chủ nghĩa giải phóng nhân loại khỏi chế độ tư hữu, áp bức bất công và nghèo nàn lạc hậu.

I. VỊ TRÍ CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Các nhà sáng lập ra chủ nghĩa Mác-Lênin đã sử dụng hai thuật ngữ: “chủ nghĩa xã hội khoa học” hoặc “chủ nghĩa cộng sản khoa học” cơ bản là thống nhất về ý nghĩa. Hiện nay, chúng ta dùng thuật ngữ “*chủ nghĩa xã hội khoa học*”.

1. Khái niệm chủ nghĩa xã hội khoa học

Chủ nghĩa xã hội khoa học là một ý nghĩa – về mặt lý luận nằm trong khái niệm “chủ nghĩa xã hội”, là một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác-Lênin, nghiên cứu sự vận động xã hội nhằm thủ tiêu chủ nghĩa tư bản và xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa, tiến tới xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Với tư cách là một bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác-Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học có những đặc điểm đáng chú ý:

Một là, chỉ rõ con đường hiện thực dựa vào khoa học để thủ tiêu tình trạng người bóc lột người và đưa ra một tổ chức xã hội mới không biết đến những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản mà những người theo chủ nghĩa xã hội không tưởng đã hằng mơ ước.

Hai là, dựa vào những kết luận của hai bộ phận hợp thành khác của chủ nghĩa Mác-Lênin là triết học duy vật biện chứng, duy vật lịch sử và kinh tế học chính trị.

Ba là, chủ nghĩa xã hội khoa học là thế giới quan, hệ tư tưởng chính trị của giai cấp công nhân, biểu hiện những lợi ích của giai cấp này trong nhiệm vụ xây dựng lại xã hội một cách cách mạng.

Bốn là, chủ nghĩa xã hội khoa học tổng kết không những kinh nghiệm đấu tranh giai cấp của giai cấp công nhân, kinh nghiệm cách mạng xã hội chủ nghĩa mà cả kinh nghiệm của những phong trào dân chủ của quần chúng, của các cuộc cách mạng dân chủ tư sản và giải phóng dân tộc.

2. Vị trí của chủ nghĩa xã hội khoa học

- Chủ nghĩa Mác-Lênin là một khối thống nhất giữa lý luận khoa học, hệ tư tưởng của giai cấp công nhân với những nguyên tắc lãnh đạo chính trị và thực tiễn đấu tranh cách mạng. Sự thống nhất tư tưởng một cách hữu cơ của chủ nghĩa Mác-Lênin thể hiện ở các bộ phận cấu thành của nó là triết học, kinh tế chính trị học và chủ nghĩa xã hội khoa học.

- Sự thống nhất của chủ nghĩa Mác-Lênin không loại trừ mà còn định rõ tính đặc thù về chất giữa các bộ phận cấu thành với tính cách là các khoa học độc lập, có đối tượng nghiên cứu riêng.

Trước hết, với ý nghĩa là tư tưởng, là lý luận, thì chủ nghĩa xã hội *nằm trong* quá trình phát triển chung của các sản phẩm tư tưởng, lý luận mà *nhân loại* đã sản sinh ra; đặc biệt về lĩnh vực khoa học xã hội và *chính trị - xã hội*. Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong những đỉnh cao nhất của các khoa học xã hội nhân loại nói chung.

Chủ nghĩa xã hội khoa học cũng *nằm trong* quá trình phát triển *lịch sử các tư tưởng xã hội chủ nghĩa của nhân loại*. Chủ nghĩa xã hội khoa học đã kế thừa, phát triển những giá trị của chủ nghĩa xã hội không tưởng, loại trừ những yếu tố không tưởng, tìm ra những cơ sở khoa học, cơ sở thực tiễn của tư tưởng xã hội chủ nghĩa (tập trung nhất ở *tính khoa học* là đã tìm ra *những quy luật, tính quy luật* của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa, giải phóng con người, giải phóng xã hội).

Trong hệ tư tưởng Mác-Lênin (hay còn gọi là chủ nghĩa Mác-Lênin), chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành (cùng với triết học Mác-Lênin, kinh tế học chính trị Mác-Lênin).

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin đã phân tích rõ *nghĩa hẹp* và *nghĩa rộng* của chủ nghĩa xã hội khoa học.

- *Theo nghĩa hẹp* thì chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận của chủ nghĩa Mác-Lênin.

Chủ nghĩa xã hội khoa học đã dựa trên phương pháp luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử; đồng thời cũng dựa trên những cơ sở lý luận khoa học về các quy luật kinh tế, quan hệ kinh tế... để luận giải một cách khoa học về quá trình nảy sinh cách mạng xã hội chủ nghĩa, hình thành và phát triển hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, gắn liền với sứ mệnh lịch sử có tính toàn thế giới của giai cấp công nhân hiện đại, nhằm giải phóng con người, giải phóng xã hội.

- *Theo nghĩa rộng*, chủ nghĩa xã hội khoa học tức là chủ nghĩa Mác-Lênin (gồm cả 3 bộ phận). Nói về nghĩa rộng của chủ nghĩa xã hội khoa học, V.I.Lênin khẳng định: “chủ nghĩa xã hội khoa học tức là chủ nghĩa Mác”. Bởi vì, *suy cho cùng cả triết học Mác lẫn kinh tế chính trị Mác đều dẫn đến cái tất yếu lịch sử là làm cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa*. Người lãnh đạo, tổ chức cùng nhân dân thực hiện sự nghiệp cách mạng lâu dài và triệt để đó chỉ có thể là giai cấp công nhân hiện đại, thông qua đảng của nó. Mà phạm trù “*giai cấp công nhân*” và “*sứ mệnh lịch sử của*

giai cấp công nhân" lại trực tiếp là những phạm trù cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học. Cho nên, gọi toàn bộ chủ nghĩa Mác (hay chủ nghĩa Mác-Lênin) là chủ nghĩa xã hội khoa học theo nghĩa rộng là nói về thực chất và mục đích của toàn bộ chủ nghĩa Mác-Lênin. Thậm chí, khi nghiên cứu kỹ lưỡng bộ *Tư bản* của C.Mác, V.I.Lênin đã xác định rằng: "bộ *Tư bản*" - tác phẩm chủ yếu và cơ bản ấy trình bày chủ nghĩa xã hội khoa học... những yếu tố từ đó nảy sinh ra chế độ tương lai"¹. Sẽ là sai lầm khi nói đến bộ *Tư bản* mà chỉ thấy những vấn đề kinh tế, khía cạnh kinh tế, không thấy nội dung chính trị - xã hội của nó.

Bởi vậy, khi nghiên cứu, giảng dạy, học tập triết học Mác-Lênin, kinh tế học chính trị Mác-Lênin mà lại không luận chứng cuối cùng dẫn đến sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, dẫn đến chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản... là những biểu hiện lệch hướng trong quá trình giáo dục chủ nghĩa Mác-Lênin.

II. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU VÀ PHẠM VI KHẢO SÁT, ỨNG DỤNG CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

1. Đối tượng nghiên cứu của triết học và kinh tế học chính trị Mác-Lênin là cơ sở lý luận của chủ nghĩa xã hội khoa học

Triết học Mác-Lênin có đối tượng nghiên cứu là những quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy. Triết học, dù theo trường phái nào, thì cũng đều là thế giới quan

1. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1974, t.1, tr.226.

và nhân sinh quan của con người; khi xã hội có giai cấp thì thế giới quan, nhân sinh quan mang tính giai cấp. Triết học Mác-Lênin là thế giới quan, nhân sinh quan của giai cấp công nhân hiện đại, đại biểu cho toàn thể nhân dân lao động trong thời đại hiện nay. Triết học Mác-Lênin vì thế mà trở thành *cơ sở lý luận và phương pháp luận chung cho chủ nghĩa xã hội khoa học* (và nhiều khoa học khác). Đặc biệt là khi luận giải về quy luật chung nhất của sự phát triển xã hội là do mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, triết học Mác-Lênin khẳng định xã hội loài người có sự kế tiếp của các hình thái kinh tế - xã hội như “một quá trình lịch sử tự nhiên”. Quá trình đó tất yếu dẫn đến *hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa* ở tất cả các nước với những hình thức, bước đi và thời gian khác nhau.

Kinh tế học chính trị Mác-Lênin có đối tượng nghiên cứu là những quy luật của các quan hệ xã hội hình thành và phát triển trong quá trình sản xuất và tái sản xuất của cải vật chất, phân phối, trao đổi, tiêu dùng những của cải đó trong những trình độ nhất định của sự phát triển xã hội loài người; đặc biệt là những quy luật *trong chế độ tư bản chủ nghĩa và quá trình chuyển biến tất yếu lên chủ nghĩa xã hội* của cả thời đại ngày nay.

Chủ nghĩa xã hội khoa học cũng phải dựa trên những cơ sở lý luận cơ bản của kinh tế học chính trị Mác-Lênin mới có thể làm rõ những quy luật, những vấn đề mà chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu của mỗi nước và của thời đại ngày nay – thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

2. Đối tượng nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học

Chủ nghĩa xã hội khoa học có đối tượng nghiên cứu là: *những quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân để thực hiện sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản (và các chế độ tư hữu) lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.*

Sự chuyển biến từ các chế độ tư hữu, từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội... mang tính quy luật khách quan của lịch sử nhân loại. Nhưng vì đó là vấn đề xã hội, quy luật xã hội cho nên nó không tự diễn ra như quy luật tự nhiên mà đều *thông qua những hoạt động của con người*. Nhân tố **Người** ở đây lại trước hết là giai cấp công nhân hiện đại. Với ý nghĩa đó, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin khái quát rằng: “Chủ nghĩa cộng sản... là sự biểu hiện lý luận của lập trường của giai cấp vô sản”¹, là “sự khái quát lý luận về những điều kiện giải phóng của giai cấp vô sản”² gắn với giải phóng con người, giải phóng xã hội.

Những nội dung lý luận khoa học chung nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học mà chủ nghĩa Mác-Lênin nêu ra

1, 2. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr.399.

cần được vận dụng cụ thể, đúng đắn và phát triển sáng tạo ở mỗi nước, trong những giai đoạn và hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Nếu ở đâu biến những lý luận của chủ nghĩa xã hội khoa học thành những công thức giáo điều thì ở đó đã làm mất tính biện chứng - khoa học và cách mạng cũng như giá trị và sức sống của chủ nghĩa xã hội khoa học.

Trong hệ thống nội dung lý luận của chủ nghĩa xã hội khoa học có những phạm trù, khái niệm, vấn đề mang tính quy luật rất cơ bản sau đây: “giai cấp công nhân” và “sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân” (gắn với đảng cộng sản); “hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa” (trong đó đặc biệt là “xã hội xã hội chủ nghĩa”); “cách mạng xã hội chủ nghĩa”; “nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa”; “cơ cấu xã hội - giai cấp, liên minh công nông và các tầng lớp lao động...”; “vấn đề tôn giáo trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội”, “vấn đề dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội”; “vấn đề gia đình trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội”; “vấn đề nguồn lực con người trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội”; “thời đại ngày nay”...

3. Phạm vi khảo sát và vận dụng của chủ nghĩa xã hội khoa học

Với tư cách là một khoa học, cũng như các khoa học khác: lý thuyết của chủ nghĩa xã hội khoa học đều bắt nguồn từ sự khảo sát, phân tích những tư liệu thực tiễn, thực tế. Do đó, khi vận dụng những lý thuyết khoa học đương nhiên phải gắn với thực tế, thực tiễn một cách chủ động, sáng tạo, linh hoạt sao cho phù hợp và hiệu quả nhất trong những hoàn cảnh cụ thể khác nhau. *Những*

vấn đề chính trị - xã hội giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội, giữa các quốc gia, các dân tộc... có đặc điểm, vai trò, mục đích... khác nhau lại là những vấn đề thường là phức tạp hơn so với nhiều vấn đề của các khoa học khác.

Nhận thức được những nội dung nêu trên chúng ta có khả năng khắc phục những bệnh giản đơn, chủ quan duy ý chí, thờ ơ chính trị... trong thời đại khoa học - công nghệ phát triển rất cao như hiện nay.

Thực tiễn gần một thế kỷ ở một số nước xây dựng chủ nghĩa xã hội đã có nhiều thành tựu về mọi mặt. Song, các nước xã hội chủ nghĩa cũng mắc nhiều sai lầm, khuyết điểm và lâm vào khủng hoảng, thoái trào nghiêm trọng. Các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ là do đảng cộng sản ở các nước đó vừa sai lầm về đường lối, vừa xa rời lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, vừa có cả những sự phản bội từ cấp cao nhất; đồng thời có sự phá hoại nhiều mặt của chủ nghĩa đế quốc... Một trong những sai lầm, khuyết điểm của các đảng cộng sản, các nước xã hội chủ nghĩa mấy thập kỷ qua là *bệnh chủ quan duy ý chí, giản đơn*, biến chủ nghĩa Mác-Lênin, trong đó có chủ nghĩa xã hội khoa học thành những công thức máy móc, giáo điều, khô cứng... làm suy giảm, thậm chí mất sức sống trong thực tiễn.

Các nước xã hội chủ nghĩa còn lại đã rút ra được những kinh nghiệm quý, vẫn kiên định mục tiêu, con đường xã hội chủ nghĩa, kiên định chủ nghĩa Mác-Lênin, nhưng biết chú trọng sửa chữa những sai lầm, khuyết điểm nêu trên, đồng thời giữ vững và phát huy những thành quả đã đạt được, đổi mới, cải cách phù hợp một cách toàn diện. Đến

nay, sau khoảng hai thập kỷ tiến hành đổi mới và cải cách, các nước xã hội chủ nghĩa (trong đó có Việt Nam) đã đạt được nhiều thành quả to lớn: ổn định chính trị - xã hội, phát triển về mọi mặt và nâng cao đời sống nhân dân. Những thành tựu đó được nhân dân trong nước và nhân loại tiến bộ thừa nhận, tin tưởng.

Những vấn đề nêu khái quát trên đây cũng thuộc phạm vi khảo sát và vận dụng của môn chủ nghĩa xã hội khoa học. Vận dụng, bổ sung và phát triển đúng đắn chủ nghĩa xã hội khoa học chắc chắn sẽ làm cho các nước xã hội chủ nghĩa phát triển đúng mục tiêu, bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội mới – một chế độ thực sự là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã đặc biệt coi trọng vấn đề *đổi mới tư duy lý luận*, coi đó như một tiền đề tư tưởng hàng đầu để lãnh đạo thành công sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

III. PHƯƠNG PHÁP CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Chủ nghĩa xã hội khoa học là bộ phận thứ ba của chủ nghĩa Mác-Lênin, có quan hệ chặt chẽ với hai bộ phận kia là triết học Mác-Lênin và kinh tế học chính trị Mác-Lênin.

1. Phương pháp luận chung của chủ nghĩa xã hội khoa học

Chủ nghĩa xã hội khoa học sử dụng phương pháp luận chung nhất của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ

nghĩa duy vật lịch sử của triết học Mác-Lênin: Chỉ có dựa trên phương pháp luận khoa học đó thì chủ nghĩa xã hội khoa học mới luận giải đúng đắn, khoa học về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về quá trình phát sinh, hình thành, phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa và các khái niệm, phạm trù, các nội dung khác của chủ nghĩa xã hội khoa học.

Trên cơ sở phương pháp luận chung đó, chủ nghĩa xã hội khoa học cũng đặc biệt chú trọng sử dụng những phương pháp khác, cụ thể hơn và những phương pháp có tính liên ngành, tổng hợp.

2. Các phương pháp đặc trưng của chủ nghĩa xã hội khoa học

Phương pháp kết hợp lịch sử - logic. Đây cũng là một nội dung của phương pháp luận triết học Mác-Lênin, nhưng nó càng đặc biệt quan trọng đối với chủ nghĩa xã hội khoa học. Phải trên cơ sở những tư liệu thực tiễn của các sự thật lịch sử mà phân tích để rút ra những nhận định, những khái quát về lý luận có kết cấu chặt chẽ, khoa học – tức là rút ra được logic của lịch sử (chứ không dừng lại ở sự kể lể về sự thật lịch sử). Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin đã là những tấm gương mẫu mực về việc sử dụng phương pháp này khi phân tích lịch sử nhân loại, đặc biệt là về sự phát triển các phương thức sản xuất... để rút ra được logic của quá trình lịch sử, căn bản là quy luật mâu thuẫn giữa *lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất*, giữa giai cấp bóc lột và bị bóc lột, quy luật đấu tranh giai cấp dẫn đến các cuộc cách mạng xã hội và do đó, cuối cùng “*đấu tranh giai cấp tất yếu dẫn đến chuyên*

chính vô sản", dẫn đến chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Sau này, chính cái kết luận lôgic khoa học đó đã vừa được chứng minh vừa là nhân tố dẫn dắt tiến hành thắng lợi của Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga (1917) và sau đó là hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới ra đời với rất nhiều thành tựu mới cho nhân loại tiến bộ. Còn sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô *không phải* do cái tất yếu lôgic của chủ nghĩa xã hội, mà trái lại, do các đảng cộng sản ở các nước đó xa rời, phản bội cái tất yếu đã được luận giải khoa học trên lập trường chủ nghĩa Mác-Lênin.

- *Phương pháp khảo sát và phân tích về mặt chính trị - xã hội dựa trên các điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể* là phương pháp có tính đặc thù của chủ nghĩa xã hội khoa học. Khi nghiên cứu, khảo sát thực tế, thực tiễn một xã hội cụ thể, đặc biệt là trong điều kiện của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, những người nghiên cứu, khảo sát... phải luôn có *sự nhạy bén về chính trị - xã hội* trước tất cả các hoạt động và quan hệ xã hội, trong nước và quốc tế. Thường là, trong thời đại còn giai cấp và đấu tranh giai cấp, còn chính trị thì mọi hoạt động, mọi quan hệ xã hội ở các lĩnh vực, kể cả khoa học công nghệ, tri thức và sử dụng tri thức, các nguồn lực, các lợi ích... đều có *nhân tố chính trị* chi phối mạnh nhất, nhưng nó lại có vẻ "đứng đằng sau hậu trường" (thậm chí cố tình che giấu như trong các đảng và chính phủ tư sản cầm quyền). Không chú ý phương pháp khảo sát và phân tích về mặt chính trị - xã hội, không có nhạy bén chính trị và lập trường - bản lĩnh chính trị vững vàng, khoa học thì dễ mơ hồ, lầm lẫn, sai lệch khôn lường.

Các phương pháp có tính liên ngành: Chủ nghĩa xã hội khoa học là một môn khoa học xã hội nói chung và khoa học chính trị - xã hội nói riêng, do đó nó cần thiết phải sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu cụ thể của các khoa học xã hội khác: như phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh, điều tra xã hội học, sơ đồ hoá, mô hình hoá, v.v. để nghiên cứu những khía cạnh chính trị - xã hội của các mặt hoạt động trong một xã hội còn giai cấp, đặc biệt là trong chủ nghĩa tư bản và trong chủ nghĩa xã hội (kể cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội).

Có thể đề cập đến một phương pháp nghiên cứu có tính khái quát mà chủ nghĩa xã hội khoa học cần sử dụng đó là *phương pháp tổng kết lý luận từ thực tiễn*, nhất là thực tiễn về chính trị - xã hội.

IV. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC VÀ Ý NGHĨA VIỆC NGHIÊN CỨU CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

1. Chức năng và nhiệm vụ của chủ nghĩa xã hội khoa học

Thứ nhất, chủ nghĩa xã hội khoa học có chức năng và nhiệm vụ trang bị những tri thức khoa học, đó là hệ thống lý luận chính trị - xã hội và phương pháp luận khoa học mà chủ nghĩa Mác-Lênin đã phát hiện ra và luận giải quá trình tất yếu lịch sử dẫn đến hình thành, phát triển hình thái kinh tế - xã hội cộng sản, giải phóng xã hội, giải phóng con người. Chức năng này cũng thống nhất với chức năng của triết học Mác-Lênin và kinh tế chính trị học

Mác-Lênin, nhưng trực tiếp nhất là trang bị lý luận nhận thức về cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Không làm được chức năng này, chủ nghĩa xã hội khoa học sẽ không thể cung cấp cơ sở lý luận và phương pháp nhận thức về chính trị - xã hội cho người nghiên cứu và hoạt động thực tiễn trong cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là cho các đảng cộng sản, nhà nước xã hội chủ nghĩa với chức năng lãnh đạo và quản lý xã hội.

Thứ hai, chủ nghĩa xã hội khoa học có chức năng và nhiệm vụ trực tiếp nhất là giáo dục, trang bị lập trường tư tưởng chính trị của giai cấp công nhân cho đảng cộng sản, giai cấp công nhân và nhân dân lao động – lập trường xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa. Chính các nhà sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học đã có công lớn là xây dựng hệ thống lý luận phản ánh sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân rồi tuyên truyền, giáo dục trở lại cho giai cấp công nhân hiện đại hiểu về sứ mệnh lịch sử và bản chất của chính mình. Hệ thống lý luận đó đã trở thành hệ tư tưởng của giai cấp công nhân hiện đại.

Không có hệ tư tưởng cách mạng và khoa học, không có lập trường và bản lĩnh chính trị xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa thì giai cấp công nhân, đảng của nó và nhân dân lao động không thể tiến tới giành chính quyền và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản; không thể đấu tranh với các hệ tư tưởng và các hoạt động thù địch chống chủ nghĩa xã hội, chống nhân dân lao động.

Thứ ba, chủ nghĩa xã hội khoa học có chức năng và nhiệm vụ *định hướng về chính trị - xã hội* cho mọi hoạt động của giai cấp công nhân, của đảng cộng sản, của nhà nước và của nhân dân lao động trên mọi lĩnh vực, sao cho sự ổn định và phát triển của xã hội luôn luôn đúng với bản chất, mục tiêu xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa; tức là qua từng nấc thang phát triển, tính chất xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa thuộc mọi lĩnh vực của xã hội thể hiện ngày càng rõ hơn và hoàn thiện hơn.

2. Ý nghĩa của việc nghiên cứu, học tập chủ nghĩa xã hội khoa học

Về mặt lý luận: Việc nghiên cứu, học tập, vận dụng và phát triển lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin là phải chú ý cả ba bộ phận hợp thành của nó. Nếu không chú ý nghiên cứu, học tập, vận dụng, phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học sẽ làm cho triết học, kinh tế chính trị học Mác-Lênin dễ chệch hướng chính trị - xã hội, trước hết và chủ yếu là chệch hướng bản chất, mục tiêu là xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản, giải phóng hoàn toàn xã hội và con người khỏi các chế độ tư hữu, áp bức, bất công, chiến tranh, nghèo nàn lạc hậu và mọi tai họa xã hội khác... mà thực tế lịch sử nhân loại đã từng chứng kiến.

Nghiên cứu, học tập chủ nghĩa xã hội khoa học còn có ý nghĩa lý luận là: trang bị những nhận thức chính trị - xã hội (như đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp của chủ nghĩa xã hội khoa học đã nêu trên) cho đảng cộng sản, nhà nước và nhân dân lao động trong quá trình bảo vệ và xây dựng chủ nghĩa xã hội... Vì thế, các nhà kinh

điển Mác-Lênin có lý khi xác định rằng, chủ nghĩa xã hội khoa học là vũ khí lý luận của giai cấp công nhân hiện đại và đảng của nó để thực hiện quá trình giải phóng nhân loại và giải phóng bản thân mình. Cũng như triết học và kinh tế chính trị học Mác-Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học không chỉ giải thích thế giới mà căn bản là ở chỗ *cải tạo thế giới* (cả tự nhiên, xã hội và bản thân con người) theo hướng tiến bộ, văn minh.

Đội ngũ trí thức và thế hệ trẻ nước ta hiện nay là những lực lượng xã hội có trí tuệ, có nhiều khả năng và tâm huyết trong quá trình cải tạo và xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Nếu chỉ thuần túy chú trọng về khoa học và công nghệ, phi chính trị, hoặc mơ hồ về chính trị và vi phạm pháp luật, họ càng không thể góp tài góp sức xây dựng Tổ quốc của mình. Nghiên cứu, học tập chủ nghĩa xã hội khoa học chính là việc *được trang bị trực tiếp nhất* về ý thức chính trị - xã hội, lập trường tư tưởng chính trị và bản lĩnh cho mỗi cán bộ, đảng viên và mọi công dân Việt Nam góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới, định hướng xã hội chủ nghĩa do Đảng đề ra.

Nghiên cứu, học tập chủ nghĩa xã hội khoa học cũng làm cho ta có căn cứ nhận thức khoa học để luôn cảnh giác, phân tích đúng và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch, những tuyên truyền chống phá của chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động đối với Đảng ta, Nhà nước, chế độ ta; chống chủ nghĩa xã hội, đi ngược lại xu thế và lợi ích của nhân dân, dân tộc và nhân loại tiến bộ.

Về mặt thực tiễn, bất kỳ một lý thuyết khoa học nào,

đặc biệt là các khoa học xã hội, bao giờ cũng có khoảng cách nhất định so với thực tiễn, nhất là *những dự báo khoa học* có tính quy luật. Nghiên cứu, học tập chủ nghĩa xã hội khoa học lại càng thấy rõ những khoảng cách đó, bởi vì chủ nghĩa xã hội trên *thực tế*, chưa có nước nào xây dựng hoàn chỉnh. Sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ, cùng với thoái trào của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, lòng tin vào chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội khoa học, chủ nghĩa Mác-Lênin của nhiều người có giảm sút. Đó là một thực tế dễ hiểu. Vì thế, nghiên cứu, giảng dạy chủ nghĩa xã hội khoa học càng khó khăn trong tình hình hiện nay và cũng có ý nghĩa chính trị cấp bách.

Chỉ có bình tĩnh và sáng suốt, kiên định và chủ động sáng tạo tìm ra *những nguyên nhân cơ bản* và *bản chất* của những sai lầm, khuyết điểm, khủng hoảng, đổ vỡ và của những thành tựu to lớn trước đây cũng như của những thành quả đổi mới, cải cách ở các nước xã hội chủ nghĩa, chúng ta mới có thể đi tới kết luận chuẩn xác rằng: *không phải* do chủ nghĩa xã hội – một xu thế xã hội hoá mọi mặt của nhân loại; *cũng không phải* do chủ nghĩa Mác-Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học... làm các nước xã hội chủ nghĩa khủng hoảng. Trái lại, chính là do các nước xã hội chủ nghĩa đã nhận thức và hành động trên nhiều vấn đề trái với chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa Mác-Lênin... đã giáo điều, chủ quan duy ý chí, bảo thủ, kể cả việc đổ ky, xem nhẹ những thành quả chung của nhân loại, trong đó có chủ nghĩa tư bản; đồng thời do xuất hiện chủ nghĩa cơ hội – phản bội trong một số đảng cộng sản và sự phá hoại của

chủ nghĩa đế quốc thực hiện âm mưu diễn biến hoà bình đã làm cho chủ nghĩa xã hội thế giới lâm vào thoái trào.

Thấy rõ *thực chất* những vấn đề đó một cách khách quan, khoa học; đồng thời được minh chứng bởi thành tựu rực rỡ của sự nghiệp đổi mới, cải cách của các nước xã hội chủ nghĩa, trong đó có Việt Nam, chúng ta càng củng cố bản lĩnh kiên định, tự tin tiếp tục sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc theo định hướng xã hội chủ nghĩa mà Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn.

Do đó, việc nghiên cứu học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, lý luận chính trị - xã hội nói riêng và các khoa học khác... *càng là vấn đề thực tiễn cơ bản và cấp thiết*. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng, chống mọi biểu hiện cơ hội chủ nghĩa, dao động, thoái hoá, biến chất trong đảng và cả xã hội, giáo dục lý luận chính trị - xã hội một cách cơ bản khoa học tức là ta tiến hành củng cố *niềm tin thật sự đối với chủ nghĩa xã hội...* cho *cán bộ, học sinh, sinh viên, thanh thiếu niên và nhân dân*. Tất nhiên đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và mở rộng hợp tác quốc tế; tiến hành hội nhập quốc tế, toàn cầu hoá về kinh tế; xây dựng "kinh tế tri thức", thực hiện cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa... đang là những vận hội lớn, đồng thời cũng có những thách thức lớn đối với nhân dân ta, dân tộc ta. Đó cũng là *trách nhiệm lịch sử rất nặng nề và vẻ vang của cả thế hệ trẻ đối với sự nghiệp xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa trên đất nước ta*.

CÂU HỎI THẢO LUẬN VÀ ÔN TẬP

1. Phân biệt hai khái niệm "chủ nghĩa xã hội" và "chủ nghĩa xã hội khoa học"?

2. Nêu rõ vị trí, đối tượng và chức năng của chủ nghĩa xã hội khoa học (so sánh và nêu mối quan hệ giữa ba bộ phận của chủ nghĩa Mác-Lênin)?

3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học, nhất là trong tình hình hiện nay trên thế giới và ở Việt Nam?

CHƯƠNG II

LƯỢC KHẢO LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Mọi lý luận và học thuyết khoa học ra đời, phát triển đều dựa trên hai căn cứ: Một mặt là kế thừa chọn lọc các tri thức khoa học hợp lý mà nhân loại đã tích lũy trong quá khứ; mặt khác, tổng kết những kinh nghiệm hoạt động thực tiễn trong mỗi lĩnh vực tương ứng mà lý thuyết khoa học đó quan tâm, phản ánh. Sự hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học cũng không nằm ngoài quy luật đó.

I. KHÁI NIỆM VÀ PHÂN LOẠI TƯ TƯỞNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Khái niệm tư tưởng xã hội chủ nghĩa

a) Định nghĩa tư tưởng xã hội chủ nghĩa

Tư tưởng (tiếng Hy Lạp là *Idéa* - hình tượng) là một hình thái ý thức của con người phản ánh thế giới hiện thực. Bất cứ tư tưởng nào cũng do điều kiện sinh hoạt vật chất, do chế độ xã hội quy định và là sự phản ánh những điều kiện sinh hoạt vật chất của chế độ xã hội nhất định.

Từ khi xuất hiện chế độ tư hữu và đi liền với nó là sự phân chia xã hội thành các giai cấp: thống trị và bị thống trị, áp bức và bị áp bức..., trong ý thức xã hội cũng bắt đầu xuất hiện và không ngừng phát triển các tư tưởng biểu hiện cho sự đối lập về lợi ích, về sự đấu tranh giữa các giai cấp. Ngay từ thời cổ đại, bên cạnh các tư tưởng phản ánh, bảo vệ lợi ích của các giai cấp thống trị, đã xuất hiện tư tưởng phản ánh, bảo vệ cho lợi ích, khát vọng của các giai cấp bị thống trị. Tư tưởng của giai cấp thống trị, duy trì củng cố địa vị của giai cấp thống trị, bất công, áp bức xã hội... Còn tư tưởng của các giai cấp bị thống trị phản ánh những nhu cầu về một chế độ xã hội không có áp bức, bất công, mọi người cùng lao động, sống bình đẳng... Không những thế, những nhu cầu, những quan niệm, ước mơ, khát vọng ấy dần trở thành những con đường, cách thức, phương pháp... đấu tranh thực tiễn của nhân dân lao động. Nếu không có những tư tưởng tiến bộ xã hội chủ nghĩa có căn cứ khoa học thì không thể dẫn dắt được các phong trào thực tiễn của nhân dân đấu tranh vì lợi ích của mình.

Vậy, tư tưởng xã hội chủ nghĩa là một hệ thống những quan niệm về những nhu cầu hoạt động thực tiễn và những ước mơ của các giai cấp lao động, bị thống trị; về con đường, cách thức và phương pháp đấu tranh nhằm thực hiện một chế độ xã hội mà trong đó, tư liệu sản xuất là thuộc về toàn xã hội, không có áp bức và bóc lột, bất công, mọi người được bình đẳng về mọi mặt và đều có cuộc sống tự do, ấm no, hạnh phúc, văn minh.

Chính sự xuất hiện chế độ tư hữu, xuất hiện giai cấp thống trị và bóc lột được xem như tiền đề kinh tế - xã hội cho sự xuất hiện các phong trào và tư tưởng xã hội chủ nghĩa từ phía nhân dân lao động.

b) Các biểu hiện cơ bản của tư tưởng xã hội chủ nghĩa

- Tư tưởng xã hội chủ nghĩa là các quan niệm về một chế độ xã hội mà mọi tư liệu sản xuất thuộc về mọi thành viên, thuộc về toàn xã hội.

- Tư tưởng xã hội chủ nghĩa là tư tưởng về một chế độ xã hội mà ở đó ai cũng có việc làm và ai cũng lao động.

- Tư tưởng xã hội chủ nghĩa là những tư tưởng về một xã hội, trong đó mọi người đều bình đẳng, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc. Mọi người đều có điều kiện để lao động, cống hiến, hưởng thụ và phát triển toàn diện.

2. Phân loại các tư tưởng xã hội chủ nghĩa

Các nhà nghiên cứu lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa thường đưa ra hai tiêu chí phân loại các tư tưởng xã hội chủ nghĩa: *thứ nhất*, căn cứ vào quá trình lịch sử hình thành các tư tưởng xã hội chủ nghĩa gắn với các chế độ xã hội; *thứ hai*, căn cứ vào tính chất, trình độ phát triển của các tư tưởng ấy. Tuy nhiên, các nhà sử học mácxít, các nhà nghiên cứu tư tưởng xã hội chủ nghĩa theo quan điểm duy vật lịch sử thường tiến hành phân loại dựa trên sự kết hợp đúng mức hai tiêu chí nói trên.

a) Phân loại tư tưởng xã hội chủ nghĩa theo lịch đại

Theo tiến trình lịch sử phát triển, hay theo lịch đại, các

nhà nghiên cứu lịch sử tư tưởng thường chia tư tưởng xã hội chủ nghĩa thành các giai đoạn phát triển tương ứng với các giai đoạn phát triển xã hội loài người. Theo cách này, người ta chia thành: tư tưởng xã hội chủ nghĩa cổ đại và trung đại, tư tưởng xã hội chủ nghĩa thời kỳ Phục hưng, tư tưởng xã hội chủ nghĩa thời kỳ cận đại và tư tưởng xã hội chủ nghĩa thời kỳ hiện đại.

b) Phân loại tư tưởng xã hội chủ nghĩa theo trình độ phát triển

Theo trình độ phát triển của tư tưởng xã hội chủ nghĩa, người ta phân thành: chủ nghĩa xã hội sơ khai, chủ nghĩa xã hội không tưởng, chủ nghĩa xã hội không tưởng - phê phán và chủ nghĩa xã hội khoa học.

c) Kết hợp tính lịch đại với trình độ phát triển để phân loại các tư tưởng xã hội chủ nghĩa

Dù sử dụng tiêu chí theo lịch đại hay theo trình độ phát triển của tri thức được tích lũy trong phân loại tư tưởng xã hội chủ nghĩa, các nhà nghiên cứu đều cho rằng không nên tuyệt đối hoá các tiêu chí được sử dụng để phân loại, mà chỉ nên coi đó là tiêu chí chủ yếu, cơ bản nhất mà thôi.

Do đó, khi phân loại tư tưởng xã hội chủ nghĩa để nghiên cứu, cần chú ý đến các cấp độ phát triển nội tại (theo kiểu kế thừa, phủ định, phát triển) của các tư tưởng ấy. Đây được coi là phương pháp phân loại đúng đắn nhất và là cơ sở để tiến hành khảo sát các tư tưởng xã hội chủ nghĩa.

II. LƯỢC KHẢO TƯ TƯỞNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRƯỚC MÁC

1. Tư tưởng xã hội chủ nghĩa thời cổ đại

Chế độ cộng sản nguyên thủy tan rã, thay vào đó là chế độ chiếm hữu nô lệ, với sự thống trị của giai cấp chủ nô. Kinh tế, xã hội đã có bước phát triển đáng kể. Quan hệ hàng hoá - tiền tệ xuất hiện, xã hội phân chia thành kẻ giàu, người nghèo. Giai cấp chủ nô cùng với các tầng lớp chủ công trường thủ công, quý tộc, tăng lữ, con buôn, cho vay nặng lãi... hợp thành lực lượng thống trị, áp bức xã hội. Giai cấp nô lệ và các tầng lớp lao động khác hợp thành lực lượng bị thống trị, bị áp bức. Cuộc đấu tranh chống áp bức, bóc lột do các giai cấp và tầng lớp bị thống trị tiến hành là tất yếu, phản ánh mâu thuẫn cơ bản trong phương thức sản xuất chiếm hữu nô lệ. Trong quá trình đấu tranh xã hội, đấu tranh giai cấp đó, những ước mơ, khát vọng về một xã hội không có áp bức, không có bóc lột được ra đời và phát triển.

Những tư tưởng xã hội chủ nghĩa thời cổ đại chủ yếu được thể hiện mới chỉ là những *ước mơ, niềm khát vọng* của công chúng bị bóc lột, bị áp bức. Chúng được lan truyền, được phổ biến trong công chúng lúc đầu bằng những câu chuyện kể chưa thành văn, về sau là cả những áng văn chương cổ vũ cho các phong trào đấu tranh, những cuộc khởi nghĩa của những người nô lệ. Những ước mơ, khát vọng ấy chỉ mới dừng ở lòng khao khát được quay về với "thời đại hoàng kim", mà sau này được các thánh kinh gọi là "giang sơn ngàn năm của Chúa", tức chế độ cộng sản nguyên thủy: không tư hữu, không giai cấp áp bức bóc lột, mọi người đều bình đẳng, tự do, v.v..

2. Tư tưởng xã hội chủ nghĩa từ thế kỷ XV đến cuối thế kỷ XVIII

a) Hoàn cảnh lịch sử

Từ khoảng thế kỷ XV đến cuối thế kỷ XVIII, nhân loại có những bước tiến dài trong đời sống kinh tế - xã hội. Các công trường thủ công có tính chất chuyên môn hoá dần hình thành, thay thế cho tính chất hợp tác sản xuất theo kiểu phường hội. Sự phân hoá giai cấp diễn ra mạnh mẽ hơn và kèm theo đó là những xung đột giai cấp cũng diễn ra quyết liệt hơn. Những thành phần đầu tiên của giai cấp tư sản và vô sản được hình thành, phát triển nhanh cùng với sự phát triển của nền công nghiệp lớn, sự mở mang thuộc địa, thị trường tư bản chủ nghĩa. Nhiều cuộc cách mạng tư sản nổ ra và thắng lợi. Giai cấp tư sản từng bước thiết lập địa vị thống trị của mình. Chủ nghĩa tư bản dần thay thế chế độ phong kiến ở phần lớn châu Âu, Bắc Mỹ. Sự tích tụ và tập trung tư bản diễn ra mạnh mẽ, xung đột giai cấp diễn ra gay gắt... Những điều kiện và tiền đề ấy, đã làm tư tưởng xã hội chủ nghĩa phát triển sang một thời kỳ mới, với một trình độ mới, qua công lao và đóng góp của nhiều nhà tư tưởng vĩ đại.

b) Các đại biểu xuất sắc và các tư tưởng xã hội chủ nghĩa chủ yếu

- Tư tưởng xã hội chủ nghĩa thế kỷ XVI - XVII:

Chủ nghĩa xã hội không tưởng thế kỷ XVI - XVII có nhiều đại biểu xuất sắc: Tômát Môrô (1478-1535); Tômadô Campanenla (1568-1639); Giêrácđơ Uynxtenli (1609-1652).

Trong đó đáng chú ý nhất là T. Morơ với tác phẩm Không tưởng nổi tiếng.

• *Tômát Morơ (1478 - 1535)*

Tác phẩm chủ yếu của T. Morơ để người đời sau biết đến ông như một nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa xuất sắc là cuốn *Không tưởng* (Utopie) viết về cuộc sống của người dân trên đảo Utopie (chưa tồn tại ở đâu cả). Trong tác phẩm này, T. Morơ đã đề cập nhiều nội dung của tư tưởng xã hội chủ nghĩa dưới hình thức một tác phẩm văn học.

Tư tưởng cơ bản nổi bật và có tính chất chủ đạo của ông là tư tưởng cho rằng, nguyên nhân sâu xa của mọi tệ nạn xã hội, của áp bức và bất công trong lòng xã hội tư bản là *chế độ tư hữu*. Trên cơ sở quan niệm xuất phát điểm ấy, ông mô tả một cách tài tình tình trạng phân hoá giàu, nghèo, những áp bức và bất công trong xã hội tư bản ngay khi mới hình thành; phân tích một cách sâu sắc sự khốn cùng của người nông dân do quá trình tích lũy nguyên thủy tư bản mang lại... Điều quan trọng và rất căn bản trong các quan niệm xã hội chủ nghĩa của ông là ở chỗ, ông chỉ ra rằng, muốn xoá bỏ bất công, áp bức, xoá bỏ tình trạng phân hoá giàu nghèo, *cần xoá bỏ chế độ tư hữu*. Với quan điểm có tính chất căn bản này, ông đã được xếp vào một trong số các nhà tư tưởng cộng sản chủ nghĩa vĩ đại của thế kỷ XVI.

- *Tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng thế kỷ XVIII*

Nhân loại trong thế kỷ XVIII được chứng kiến sự phát triển với tốc độ nhanh hơn của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ. Các tiền đề kinh tế - xã hội và chính trị - xã hội cho sự xác lập hoàn toàn địa vị thống trị của giai cấp

tư sản dần được chín muồi. Nền quân chủ chuyên chế đi vào thời kỳ suy tàn, thay vào đó là chính thể cộng hoà tư sản được thiết lập ở Hà Lan, Anh, Pháp, Hoa Kỳ... Tuy nhiên, cũng như cuộc Cách mạng tư sản Anh, cuộc Cách mạng tư sản Pháp diễn ra gay go, dai dẳng giữa các tập đoàn quý tộc, bảo thủ với bộ phận tư sản mới trong các lĩnh vực công nghiệp, thương nghiệp. Sự áp bức, bóc lột trong kinh tế cộng thêm chiến tranh, nội chiến triền miên đã làm gia tăng tính chít gay gắt của những mâu thuẫn và đối kháng giai cấp. Các phong trào phản kháng của nhân dân lao động chống lại giai cấp thống trị diễn ra mạnh mẽ. Để phản ánh cuộc đấu tranh ấy, đã xuất hiện nhiều nhà lý luận xã hội chủ nghĩa. Trong số đó phải kể đến các nhà tư tưởng Pháp: Giăng Mêliê, đặc biệt là Gabriêlơ Mably, Grắccơ Babóp...

• Grắccơ Babóp (1760 - 1797)

Trong bối cảnh không khí sục sôi của cuộc Cách mạng tư sản Pháp (1789), trong xã hội đã diễn ra một sự phân bố lực lượng mạnh mẽ. Nhiều nhà tư tưởng tiểu tư sản trước đây có khuynh hướng xã hội chủ nghĩa nay chuyển sang tham gia vào cuộc cách mạng lật đổ chế độ phong kiến. Giai cấp vô sản đã xuất hiện thành một lực lượng và bắt đầu có nhu cầu tách khỏi khối quần chúng nghèo khổ mà từ đó nó đã sinh ra. Đại biểu xuất sắc và là một lãnh tụ của lực lượng chính trị mới này là Grắccơ Babóp. Với sự ra đời của phái G. Babóp, lần đầu tiên trong lịch sử, vấn đề đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội được đặt ra với tính cách *một phong trào thực tiễn*, chứ không chỉ là tư tưởng,

lý luận, càng không chỉ là những khát vọng, mơ ước về chế độ xã hội mới. G. Babóp đã nêu ra *bản Tuyên ngôn* của những người bình dân. Đây được coi là một *cương lĩnh hành động* với những *nhiệm vụ, những biện pháp cụ thể* được thực hiện ngay trong tiến trình cách mạng.

Ngoài những tư tưởng xã hội chủ nghĩa của G. Mêliê, G. Babóp, khi nghiên cứu thời kỳ này, cũng cần chú ý đến các quan niệm tiến bộ, mang tính chất xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa của Môrely, của Gabriêđơ Mably.

Với Môrely, người mà cho đến nay giới sử học vẫn còn chưa biết rõ về tiểu sử của ông, tác giả của *Bộ luật của tự nhiên*. Trong đó ông đã trình bày một hệ thống những quan điểm có tính chất xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa không tương trên cơ sở cho rằng quyền bình đẳng là tự nhiên, vốn có của con người, như đã từng diễn ra trong thời kỳ công xã nguyên thủy và vẫn tồn tại trong một số bộ lạc thời kỳ đó, chế độ tư hữu ra đời đã làm tiêu tan cái quyền bình đẳng tự nhiên ấy.

Tương tự với Môrely, lý thuyết về quyền bình đẳng tự nhiên của G. Mably (1709-1785) được coi là cơ sở trong các luận điểm xã hội - chính trị của ông.

3. Chủ nghĩa xã hội không tương - phê phán đầu thế kỷ XIX

a) Hoàn cảnh lịch sử

Cuối thế kỷ XVIII được coi là thời kỳ bão táp của cách mạng tư sản. Trên lĩnh vực kinh tế, sự ra đời của *nền sản xuất công nghiệp* đã diễn ra nhanh chóng ở nước Anh, một phần châu Âu lục địa và Bắc Mỹ. Sản xuất công nghiệp đã

nhanh chóng làm biến đổi bộ mặt kinh tế - xã hội của thế giới mà theo đánh giá của Các Mác và Phridrich Ăngghen: chỉ sau hơn hai thế kỷ tồn tại, chủ nghĩa tư bản đã tạo ra một khối lượng của cải vật chất nhiều hơn tất cả các thời đại trước gộp lại. Lực lượng sản xuất phát triển nhanh chóng kéo theo sự biến đổi và ngày càng hoàn thiện quan hệ sản xuất chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa. Cùng với quá trình ấy, sự ra đời và hình thành ngày càng rõ nét hai lực lượng xã hội đối lập nhau: *giai cấp tư sản* và *giai cấp công nhân*. Giai cấp tư sản đã củng cố từng bước vững chắc địa vị thống trị của mình và cũng bắt đầu bóc lột những bản chất cố hữu của nó: bóc lột, áp bức nhân dân lao động vì quyền lợi của giai cấp mình. Trong khi đó, giai cấp công nhân xuất hiện, từng bước lớn mạnh, trở thành một lực lượng xã hội quan trọng trong lĩnh vực sản xuất, trong nền kinh tế. Trong lĩnh vực xã hội - chính trị, họ cũng như các giai cấp và tầng lớp lao động khác, bị áp bức, bóc lột thậm tệ. Tình trạng bất công xã hội, bất bình đẳng và nghèo khó đè nặng lên vai họ.

Trong điều kiện ấy, những phản kháng đầu tiên của giai cấp công nhân cùng với nhân dân lao động ngày càng tăng lên. Nhận thức được sự phản kháng ấy, một bộ phận trí thức tư sản và tiểu tư sản có tư tưởng cấp tiến đã phản ánh những lợi ích, khát vọng của giai cấp công nhân và của quần chúng lao động bị áp bức chống lại sự bất công xã hội. Một giai đoạn mới trong tiến trình phát triển của tư tưởng xã hội chủ nghĩa đã bắt đầu với tên tuổi của 3 nhà tư tưởng vĩ đại: Hăngri Đơ Xanh Ximông, Sáclo Phuriê và Rôbôt Ôoen.

b) Các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng - phê phán tiêu biểu

- Colôđơ Hăngri Đơ Xanh Ximông (1769 - 1825)

Ông là người viết nhiều tác phẩm đề cập nhiều nội dung có tính chất xã hội chủ nghĩa.

Trước hết, ông có công lao đề cập, luận giải cho lý thuyết về giai cấp và xung đột giai cấp. Mặc dù ông chưa thể phân định chính xác về nguồn gốc cũng như bản chất kinh tế - xã hội của các giai cấp nhưng đây là một đóng góp mới của ông đối với kho tàng tri thức nhân loại về xã hội nói chung, về tư tưởng xã hội chủ nghĩa nói riêng.

Ông tự tuyên bố là người phát ngôn của giai cấp cần lao v. giải phóng giai cấp ấy là mục đích cuối cùng của những nỗ lực mà ông thực hiện trong cuộc đời.

Ông cũng chỉ ra tính chất nửa vời, thiếu triệt để và không vì lợi ích của nhân dân lao động, của cuộc Cách mạng tư sản Pháp 1789, nên theo ông cần có một cuộc cách mạng mới, một cuộc "tổng cách mạng". Để thực hiện cuộc cách mạng mới đó, ông chủ trương phải bằng "con đường bình yên chung", mặc dù thời trẻ ông từng cống hiến sức lực của mình trong cuộc kháng chiến chống xâm lược của những người anh em ở Bắc Mỹ.

Quan niệm của ông về chế độ sở hữu của xã hội tương lai chứa đựng mâu thuẫn. Một mặt, ông cho rằng, trong xã hội ấy, chế độ sở hữu phải được tổ chức sao cho có lợi nhất cho toàn xã hội. Nhưng mặt khác, ông lại không chủ trương xoá bỏ chế độ tư hữu, mà chỉ cố gắng xoá bỏ sự phân hoá giàu nghèo một cách quá đáng, thông qua và bằng cách thực hiện chế độ tư hữu một cách phổ biến.

- *Sác-lơ Phuriê (1772 - 1837)*

Sinh ra và lớn lên trong một gia đình thương gia không mấy suôn sẻ trong việc buôn bán, S. Phuriê sớm được tiếp xúc với thương trường của xã hội tư bản phát triển. Là một người không được học hành đến nơi đến chốn, nhưng bù lại ông có một trí thông minh tuyệt vời. Tinh tế trong quan sát, sắc sảo trong nhận xét đánh giá, ông nắm rất vững phép biện chứng trong quan sát, phát hiện và phân tích vấn đề, sử dụng tài tình nguyên tắc antinomi trong trình bày các quan niệm về xã hội... Đó là những đặc thù trong nhân cách của S. Phuriê.

Ngay từ khi chủ nghĩa tư bản đang ở trong buổi bình minh của tự do cạnh tranh, S. Phuriê đã phát hiện ra tình trạng vô chính phủ của nền công nghiệp tư bản chủ nghĩa. Trong nền kinh tế ấy, người lao động làm ra sản phẩm được hưởng thụ quá ít, trong khi kẻ ăn bám thì lại hưởng thụ quá nhiều, "sự nghèo khổ được sinh ra từ chính sự thừa thãi". Cũng trên cái nhìn biện chứng ấy, ông đưa ra 4 giai đoạn phát triển lịch sử mà nhân loại đã trải qua: nông muội, dã man, gia trưởng và văn minh.

Đánh giá về chế độ văn minh tư bản, ông cho rằng nó chỉ có thể tạo ra sự giàu có nói chung chứ không thể tạo ra sự giàu có cho toàn xã hội. Trên cơ sở cái nhìn biện chứng đối với các tệ nạn của xã hội tư bản, ông dự đoán, xã hội văn minh tư bản nhất định sẽ được thay thế bằng chế độ xã hội mới mà ông gọi là "chế độ xã hội được đảm bảo" hay "xã hội hài hoà". Trong xã hội mới ấy, có sự thống nhất giữa lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể, mỗi cá nhân sẽ tìm thấy lợi ích của mình trong lợi ích chung của toàn xã hội.

Tuy nhiên, cũng như H. Xanh Ximông, S. Phuriê không chủ trương xoá bỏ chế độ tư hữu.

- *Rôbôt Ôoen (1771 - 1858)*

Trong những năm 30 của thế kỷ XIX, ở nước Anh diễn ra phong trào đòi cải cách tuyển cử có sự tham gia của đông đảo công nhân và lao động Anh. Trong bối cảnh ấy, xuất hiện một nhà cải cách có khuynh hướng cộng sản chủ nghĩa. Ông là Rôbôt Ôoen.

Khác với H. Xanh Ximông và S. Phuriê, R. Ôoen không chỉ đề xướng và kiến nghị những tư tưởng có tính chất xã hội chủ nghĩa, ông còn đề ra và tổ chức thực nghiệm những tình thần được nêu trong *Luật lao động nhân đạo* trong công xưởng nơi ông làm giám đốc. Bằng kinh nghiệm hoạt động thực tế ông đánh giá cao vai trò của công nghiệp, của tiến bộ kỹ thuật đối với sản xuất và phát triển kinh tế. Những chủ trương có tính nhân đạo mà ông thực hiện trong nhà máy của mình ít nhiều đã mang lại những kết quả nhất định trong cải thiện đời sống cho công nhân của ông. Ông là người chủ trương phải xoá bỏ tư hữu vốn là nguyên nhân của những bất công và tệ nạn xã hội trong xã hội tư bản.

Bị thất bại và khánh kiệt gia sản do những thực nghiệm đơn độc của mình ở Anh và ở Mỹ, ông dồn toàn bộ thời gian và sức lực còn lại của cuộc đời vào hoạt động trong phong trào của giai cấp công nhân Anh.

4. Giá trị và những hạn chế lịch sử của chủ nghĩa xã hội không tưởng

a) *Giá trị lịch sử của chủ nghĩa xã hội không tưởng*

+ Hầu hết các quan niệm, các luận điểm của các nhà tư

tưởng xã hội chủ nghĩa đều chứa đựng một *tinh thần nhân đạo* cao cả. Về cơ bản, những tư tưởng nhân đạo ấy chưa vượt khỏi tinh thần nhân đạo tư sản. Tuy nhiên, nhiều giá trị, luận điểm đã vượt được lên trên tinh thần nhân đạo tư sản, nhất là trong tư tưởng của các tác giả đầu thế kỷ XIX.

Với các mức độ và trình độ có khác nhau, nhưng nhìn chung các tư tưởng xã hội chủ nghĩa trong suốt các thời kỳ được xét đều thể hiện tinh thần *phê phán, lên án chế độ quân chủ chuyên chế và chế độ tư bản chủ nghĩa*. Chính vì thế, trong nhiều ấn phẩm, ta thường bắt gặp cụm từ "chủ nghĩa xã hội không tưởng - phê phán" để chỉ các trào lưu tư tưởng xã hội chủ nghĩa trước khi có chủ nghĩa xã hội khoa học.

Nhiều luận điểm, quan điểm, nhiều khái niệm... phản ánh ở mức độ khác nhau các giá trị xã hội chủ nghĩa của những phong trào hiện thực, đã thực sự làm phong phú thêm cho kho tàng tư tưởng xã hội chủ nghĩa, chuẩn bị những tiền đề lý luận cho sự kế thừa phát triển tư tưởng xã hội chủ nghĩa lên một trình độ mới.

+ Các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng đã nêu lên nhiều luận điểm có giá trị về sự phát triển của xã hội tương lai mà sau này các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học đã kế thừa một cách có chọn lọc và chứng minh chúng trên cơ sở khoa học. Đó là những luận điểm về tổ chức sản xuất và phân phối sản phẩm xã hội; về vai trò của công nghiệp và khoa học - kỹ thuật; về xoá bỏ sự đối lập giữa lao động chân tay và lao động trí óc; về sự nghiệp giải phóng phụ nữ; về vai trò lịch sử của nhà nước, v.v..

+ Không chỉ là những nhà tư tưởng đơn thuần, một số người đã xả thân, lăn lộn hoạt động trong phong trào thực tiễn, *thức tỉnh phong trào công nhân và người lao động*. Để từ đó mà quan sát phát hiện những giá trị tư tưởng mới. Nghĩa là, ngày càng dùng đầu óc để phát hiện trong thực tế chứ không phải là nghĩ ra từ đầu óc, như cách nói của Ăngghen sau này, khi ông chỉ ra nhiệm vụ của chủ nghĩa xã hội.

Với những giá trị nêu trên, các tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng, đặc biệt là chủ nghĩa xã hội không tưởng phê phán trở thành một trong ba nguồn gốc lý luận trực tiếp hình thành chủ nghĩa xã hội khoa học.

b) Những hạn chế lịch sử của tư tưởng xã hội chủ nghĩa trước Mác

+ Không thể không chịu ảnh hưởng sâu sắc quan niệm của chủ nghĩa duy lý và chân lý vĩnh cửu của triết học thời kỳ cận đại, các nhà không tưởng đầu thế kỷ XIX cũng đã không thể thoát khỏi quan niệm duy tâm về lịch sử. Họ cho rằng, chân lý vĩnh cửu đã có, đã tồn tại ở đâu đó, *chỉ cần có con người tài ba xuất chúng* là có thể phát hiện ra, có thể tìm thấy. Khi đã tìm thấy, chỉ cần những người đó thuyết phục toàn xã hội là xây dựng được xã hội mới.

+ Hầu hết các nhà không tưởng đều có khuynh hướng đi theo *con đường ôn hoà* để cải tạo xã hội bằng pháp luật và thực nghiệm xã hội... Một số ít khác thì chủ trương khởi nghĩa nhưng sự chuẩn bị đã không thể có được. Dù chủ trương bằng con đường nào, các nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa đều đã không thể chỉ ra được con đường cách mạng nhằm thủ tiêu chế độ tư bản chủ nghĩa, xây dựng

chế độ xã hội mới. Bởi các ông đã không thể giải thích được bản chất của chế độ nô lệ làm thuê tư bản, không thể phát hiện ra những quy luật nội tại chi phối con đường, cách thức cho những chuyển biến tiếp theo của xã hội.

+ Các nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa trong các thời kỳ được xét, ngay cả những đại biểu của đầu thế kỷ XIX đã *không thể phát hiện ra lực lượng xã hội tiên phong* có thể thực hiện cuộc chuyển biến cách mạng từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Lực lượng ấy đã được sinh ra, lớn lên và phát triển cùng với nền đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa. Đó là *giai cấp công nhân*.

Những hạn chế trên đây là những hạn chế có tính lịch sử, không thể tránh khỏi.

Nguyên nhân cơ bản của những hạn chế có tính chất lịch sử của chủ nghĩa xã hội không tưởng bắt nguồn từ những điều kiện kinh tế - xã hội lúc bấy giờ, đáng chú ý nhất là:

- Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa chưa phát triển đầy đủ, chưa bộc lộ hết những mâu thuẫn nội tại và những mặt trái cơ bản của nó.

- Giai cấp công nhân hiện đại chưa hình thành với tư cách là một giai cấp đã trưởng thành với những đặc điểm ưu việt riêng có; cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân còn ở trình độ thấp.

Theo Ph. Ăngghen, những lý luận chưa chín muồi đó chính là phù hợp với tình trạng chưa chín muồi của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, với những quan hệ giai cấp chưa chín muồi.

Do những hạn chế ấy, mà các tư tưởng về chủ nghĩa xã

hội trước C.Mác được gọi là *chủ nghĩa xã hội không tưởng*. Nhưng những gì mà các ông để lại thực sự là một đóng góp vô giá vào kho tàng tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Những đóng góp to lớn ấy đã thực sự làm cho chủ nghĩa xã hội của các ông là một trong những tiên đề tư tưởng lý luận quan trọng cho sự ra đời của tư tưởng xã hội chủ nghĩa ở một trình độ mới cao hơn: chủ nghĩa xã hội khoa học.

III. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

1. Sự hình thành của chủ nghĩa xã hội khoa học

a) Những điều kiện và tiên đề khách quan dẫn đến sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học

- Điều kiện kinh tế - xã hội

Vào những năm 40 của thế kỷ XIX, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã phát triển mạnh mẽ gắn liền với sự ra đời và lớn mạnh của nền công nghiệp lớn. Cùng với sự lớn mạnh của giai cấp tư sản, giai cấp công nhân có sự gia tăng nhanh chóng về số lượng và sự chuyển đổi về cơ cấu. Tỷ trọng công nhân công nghiệp đã tăng đáng kể và trở thành bộ phận hạt nhân của giai cấp. Đây là lực lượng công nhân lao động trong khu vực sản xuất then chốt có trình độ công nghệ và kỹ thuật hiện đại nhất. Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân chống lại sự thống trị áp bức của giai cấp tư sản, biểu hiện về mặt xã hội của mâu thuẫn ngày càng quyết liệt giữa lực lượng sản xuất có tính chất xã hội ngày càng cao với quan hệ sản xuất dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản

xuất. Nhiều cuộc khởi nghĩa, nhiều phong trào đấu tranh đã bắt đầu có tổ chức và trên quy mô rộng khắp. Điều kiện kinh tế, xã hội ấy đòi hỏi phải có lý luận tiên phong dẫn đường, điều mà chủ nghĩa xã hội không tưởng trước đó một vài thập kỷ đã không thể đảm đương; không chỉ đặt ra yêu cầu đối với các nhà tư tưởng của giai cấp công nhân mà còn là mảnh đất hiện thực cho sự sinh thành ra lý luận mới, tiến bộ soi sáng sự vận động đi lên của lịch sử.

- Tiền đề văn hoá và tư tưởng

Đầu thế kỷ XIX, nhân loại đã đạt nhiều thành tựu to lớn trên lĩnh vực khoa học, văn hoá và tư tưởng. Trong khoa học tự nhiên, những phát minh vạch thời đại trong vật lý học và sinh học đã tạo ra bước phát triển đột phá có tính cách mạng.

Trong triết học và khoa học xã hội, phải kể đến sự ra đời của triết học cổ điển Đức với tên tuổi của các nhà triết học vĩ đại: Hêghen, Phoiơbắc; của kinh tế chính trị học cổ điển Anh: A. Smít và Đ. Ricácđô; của chủ nghĩa xã hội không tưởng - phê phán: H. Xanh Ximông, S. Phuriê và R. Ôoen. Những giá trị khoa học, cống hiến mà các ông để lại đã tạo ra tiền đề cho các nhà tư tưởng, các nhà khoa học thế hệ sau kế thừa. Vấn đề còn lại là ở chỗ ai là người có đủ khả năng kế thừa phát triển những di sản ấy và kế thừa, phát triển như thế nào?

b) Vai trò của Các Mác và Phriđrich Ăngghen đối với sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học

C. Mác (1818 - 1883) và Ph. Ăngghen (1820 - 1895) trưởng thành ở một quốc gia có nền triết học phát triển rực rỡ với thành tựu nổi bật là chủ nghĩa duy vật của L. Phoiơbắc và

phép biện chứng của V.Ph. Hêghen. Bằng trí tuệ uyên bác, các ông đã tiếp thu với một tinh thần phê phán đối với các giá trị của nền triết học cổ điển và với kho tàng tư tưởng lý luận mà các thế hệ trước để lại; sớm đắm mình trong phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động... tất cả những điều đó đã cho phép các ông đến với nhau, trở thành đôi bạn cùng chí hướng, giúp các ông nhận thức được bản chất của những sự kiện kinh tế - xã hội, chính trị - xã hội đang diễn ra trong lòng chế độ tư bản. Kế thừa các giá trị khoa học trong kho tàng tư tưởng nhân loại, quan sát, phân tích với một tinh thần khoa học những sự kiện đang diễn ra... đã cho phép các ông từng bước phát triển học thuyết của mình, đưa các giá trị tư tưởng lý luận nói chung, tư tưởng xã hội chủ nghĩa nói riêng phát triển lên một trình độ mới về chất.

Nhờ hai phát kiến vĩ đại: *chủ nghĩa duy vật lịch sử và học thuyết về giá trị thặng dư*, các ông đã luận giải một cách khoa học *sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân*, (đây được coi là phát kiến lớn thứ ba của C. Mác và Ph. Ăngghen), khắc phục một cách triệt để những hạn chế có tính lịch sử của chủ nghĩa xã hội không tưởng.

2. Các giai đoạn cơ bản trong sự phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học

a) C. Mác và Ph. Ăngghen đặt nền móng và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học (1844-1895)

Quá trình C.Mác và Ph.Ăngghen xây dựng và phát triển chủ nghĩa xã hội - khoa học có thể chia thành ba thời kỳ nhỏ.

- Thời kỳ thứ nhất (1844-1848):

Nét tiêu biểu trong thời kỳ này là C.Mác và Ph.Ăngghen chuyển từ chủ nghĩa dân chủ cách mạng sang chủ nghĩa xã hội, từ chủ nghĩa duy tâm sang chủ nghĩa duy vật biện chứng. Sự chuyển biến ấy được phản ánh trong các tác phẩm tiêu biểu như: *Lời nói đầu của Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen, Bản thảo kinh tế - triết học 1844, Tình cảnh giai cấp lao động ở Anh, Gia đình thần thánh, Hệ tư tưởng Đức, Sự khốn cùng của triết học...*

Sự xuất hiện tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* vào đầu năm 1848 do C.Mác và Ph.Ăngghen soạn thảo đánh dấu sự hình thành về cơ bản chủ nghĩa xã hội khoa học. Những nguyên lý cơ bản được nêu ra trong tác phẩm này đã đặt cơ sở cho chủ nghĩa xã hội khoa học, nó thừa nhận sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là người đào huyệt chôn chủ nghĩa tư bản và là người xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nó chứng minh cách mạng xã hội chủ nghĩa là điều kiện tất yếu để chuyển chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, để giai cấp công nhân từ giai cấp bị bóc lột trở thành giai cấp thống trị cả về chính trị và kinh tế. Nó thừa nhận vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản trong cuộc đấu tranh vì một xã hội mới. Nó cũng chứng minh sự cần thiết phải thực hiện chủ nghĩa quốc tế vô sản trong phong trào cộng sản và công nhân

- Thời kỳ thứ hai (1848-1871):

Thời kỳ này bao quát những sự kiện của cách mạng

dân chủ tư sản của các nước Tây Âu (1848-1851). việc thành lập Quốc tế I (1864). Điều nổi bật trong thời kỳ này được đánh dấu bằng việc xuất bản tập I bộ *Tư bản* của Mác (1867) khẳng định thêm một cách vững chắc địa vị kinh tế – xã hội và vai trò lịch sử của giai cấp công nhân.

Trong thời kỳ này, lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học được phát triển phong phú thêm nhờ tổng kết kinh nghiệm đấu tranh của giai cấp công nhân. Mác đã rút ra kết luận hết sức quan trọng là, để giành lại quyền thống trị về chính trị, giai cấp công nhân cần đập tan bộ máy nhà nước quan liêu tư sản, xây dựng một nhà nước mới, nhà nước chuyên chính vô sản. Các nhà sáng lập chủ nghĩa khoa học đã xây dựng học thuyết về cách mạng không ngừng, về liên minh giai cấp của giai cấp công nhân, về chiến lược, sách lược đấu tranh giai cấp, về lựa chọn các phương pháp và hình thức đấu tranh trong các thời kỳ phát triển và suy thoái của cách mạng, v.v..

- Thời kỳ thứ ba (1871-1895):

C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm Công xã Paris, được thể hiện trong các tác phẩm chủ yếu *Nội chiến ở Pháp*, *Phê phán Cương lĩnh Gôta*, *Chống Đuyrinh*, *Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học*, *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước...*

Trong các tác phẩm này, các ông đã nêu nhiều luận điểm quan trọng về phá huỷ bộ máy nhà nước tư sản, về

một số nguyên lý xây dựng nhà nước mới, thừa nhận Công xã Paris là một hình thái nhà nước của giai cấp công nhân. Ở thời kỳ này, nhất là trong hai tác phẩm *Phê phán cương lĩnh Gôta* và *Chống Duyrinh*, C.Mác và Ph.Ăng ghen đã trình bày khá tập trung dự kiến khoa học về chủ nghĩa xã hội với những nét khái quát: Hình thái cộng sản chủ nghĩa chia thành hai giai đoạn thấp và cao; về mục đích, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản khác về cơ bản với tất cả các xã hội đã từng tồn tại trong lịch sử. Đó là một xã hội tạo mọi điều kiện để phát huy năng lực của con người và nhằm thoả mãn những nhu cầu ngày càng tăng của con người. Để đạt mục đích trên, các ông chỉ ra một số phương hướng cần phải làm...

Như mọi hệ thống khoa học khác, chủ nghĩa Mác nói chung, chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng là một hệ thống chỉnh thể tri thức. Trong hệ thống ấy, có các tri thức về các nguyên lý cơ bản phản ánh các quy luật vận động biến đổi của xã hội là những tri thức phản ánh bản chất của khách thể, chúng tồn tại mãi mãi với thời gian và không ngừng được bổ sung, hoàn thiện. Các tri thức về cách thức, biện pháp và phương pháp vận dụng các quy luật ấy có thể thay đổi và cần phải thay đổi theo những hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Điều này, với tư cách là những nhà khoa học chân chính, sinh thời chính C.Mác và Ph. Ăngghen cũng đã căn dặn chúng ta. Điều quan trọng là không thể và không bao giờ được cho rằng những hạn chế, nhược điểm thậm chí cả sai lầm trong các cách thức, biện pháp tác động mà các ông nêu ra là những sai lầm

của cả các tri thức phản ánh quy luật đã được nhận thức. Điều này cũng giống như, không thể vì những thất bại của hàng nghìn thí nghiệm của Êđixơn nhằm sáng chế ra đèn điện mà lại nói rằng nguyên lý về sự có thể chuyển điện năng thành nhiệt năng là sai lầm.

b) V.I. Lênin vận dụng và tiếp tục phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học trong hoàn cảnh lịch sử mới (1870-1924)

V.I. Lênin (1870-1924) là người đã kế tục một cách xuất sắc sự nghiệp cách mạng và khoa học của C. Mác và Ph. Ăngghen. Những đóng góp to lớn của Người vào sự vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học có thể được chia thành hai thời kỳ cơ bản: thời kỳ trước Cách mạng Tháng Mười và thời kỳ từ sau Cách mạng Tháng Mười đến khi Người từ trần.

- Lênin vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học thời kỳ trước Cách mạng Tháng Mười Nga

Trên cơ sở kế thừa và vận dụng sáng tạo các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, phân tích và tổng kết một cách nghiêm túc các sự kiện lịch sử diễn ra trong đời sống kinh tế - xã hội của hoàn cảnh lịch sử mới, V. I. Lênin phát hiện và trình bày một cách có hệ thống những khái niệm, phạm trù khoa học phản ánh những quy luật, những thuộc tính bản chất chi phối sự vận động biến đổi của đời sống xã hội trong quá trình chuyển biến tất yếu từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Đó là các tri thức về đảng kiểu mới của giai cấp công nhân, về các nguyên tắc tổ chức, cương lĩnh, sách lược trong nội dung hoạt động của đảng; về cách

mạng xã hội chủ nghĩa và chuyên chính vô sản, cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới và các điều kiện tất yếu cho sự chuyển biến sang cách mạng xã hội chủ nghĩa; những vấn đề mang tính quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vấn đề dân tộc và cương lĩnh dân tộc, đoàn kết và liên minh của giai cấp công nhân với nông dân và các tầng lớp lao động khác; những vấn đề về quan hệ quốc tế và chủ nghĩa quốc tế vô sản, quan hệ cách mạng xã hội chủ nghĩa với phong trào giải phóng dân tộc.

Bên cạnh hoạt động lý luận, V.I. Lênin đã từng bước lãnh đạo Đảng của giai cấp công nhân Nga tập hợp lực lượng đấu tranh chống chế độ chuyên chế Nga hoàng, tiến tới giành chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động Nga.

- V.I. Lênin vận dụng và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học thời kỳ sau Cách mạng Tháng Mười

Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười, do yêu cầu của công cuộc xây dựng chế độ mới, V. I. Lênin đã tiến hành phân tích làm rõ nội dung, bản chất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xác định cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bắt tay tổ chức các chính sách kinh tế, xác định chính sách kinh tế mới nhằm sử dụng và học tập các kinh nghiệm tổ chức, quản lý kinh tế của chủ nghĩa tư bản để cải tạo nền kinh tế tiểu nông lạc hậu của nước Nga Xôviết.

Cũng trong thời kỳ này, V. I. Lênin đã viết nhiều tác phẩm kinh điển trong đó nêu ra và luận giải cho một loạt những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, đấu

tranh chống lại mọi trào lưu của chủ nghĩa cơ hội - xét lại, chủ nghĩa giáo điều và bệnh "tả khuynh" trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Cùng với những cống hiến hết sức to lớn cả về lý luận và chỉ đạo thực tiễn cách mạng, V. I. Lênin còn nêu một tấm gương sáng ngời về lòng trung thành vô hạn với lợi ích của giai cấp công nhân, với lý tưởng cộng sản do C. Mác, Ph. Ăngghen phát hiện và khởi xướng; đồng thời Người cũng luôn phê phán bệnh giáo điều để phát triển sáng tạo chủ nghĩa xã hội khoa học. Những điều đó đã làm cho V. I. Lênin trở thành một thiên tài khoa học và một lãnh tụ kiệt xuất của giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới.

c) Sự vận dụng và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học từ sau khi V. I. Lênin từ trần (từ 1924 đến nay)

Hơn 80 mươi năm đã trôi qua kể từ khi Lênin từ trần, chủ nghĩa xã hội khoa học, phong trào cách mạng của giai cấp công nhân thế giới đã trải qua nhiều thử thách to lớn, đã có được nhiều thắng lợi vĩ đại và cũng đã có những tổn thất to lớn.

Có thể nêu một cách vắn tắt nhưng đầy đủ những nội dung cơ bản phản ánh sự vận dụng, phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học trong khoảng 80 năm qua như sau:

- Mọi thắng lợi cơ bản, quan trọng của nhân dân lao động, của cách mạng thế giới trong thế kỷ XX đều có phần đóng góp trực tiếp, cơ bản và rất quan trọng của chủ nghĩa xã hội, của sự vận dụng thành công những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học vào thực tiễn phong trào cộng sản và công nhân quốc tế ở mỗi nước cũng như của cả hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới. Trong đó thắng

lợi vĩ đại nhất là đã đưa nhân dân thế giới thoát khỏi họa phátxít, là tiền đề quan trọng nhất dẫn đến sự tan rã của chủ nghĩa thực dân cũ và mới, là sự hình thành và phát triển của hệ thống xã hội chủ nghĩa... Điều này đã đẩy nhanh tiến trình vận động của quy luật lịch sử nhân loại về phía trước. Cùng với những thành tựu trong đấu tranh, cách mạng, trong hoà bình xây dựng, các nước xã hội chủ nghĩa đã góp phần quan trọng vào đấu tranh vì dân sinh, dân chủ, tiến bộ xã hội trên toàn thế giới.

- Các đảng cộng sản và công nhân quốc tế đã tổng kết nêu ra và tiếp tục phát triển bổ sung nhiều nội dung quan trọng cho chủ nghĩa xã hội khoa học, cả về lý luận lẫn các vấn đề về phương hướng, giải pháp tác động, chủ trương chính sách xây dựng chế độ xã hội mới ở mỗi nước, góp phần quan trọng vào quá trình vận dụng sáng tạo, phát triển bổ sung và hoàn thiện chủ nghĩa xã hội khoa học. Điều này có thể minh chứng qua các hội nghị quốc tế các đảng cộng sản và công nhân quốc tế, các diễn đàn và hội nghị khoa học, lý luận chính trị, các cuộc viếng thăm trao đổi song phương và đa phương, nhất là các kỳ đại hội của các đảng cộng sản và công nhân quốc tế ở các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa trước đây, các nước đang tiến hành lựa chọn con đường phát triển xã hội chủ nghĩa hiện nay.

- Sự thắng lợi, phát triển rực rỡ và sau đó là sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô có thể được coi là minh chứng cho sự thành công và thất bại của vận dụng, áp dụng các nguyên lý, quy luật của chủ nghĩa xã hội khoa học vào thực tiễn. Chừng nào và ở đâu, đảng cộng sản nhận thức đúng, sáng tạo hoàn cảnh lịch sử cụ thể mà trong đó cách mạng đang vận động, để đề ra các chủ

trường chiến lược và sách lược đúng đắn vì mục tiêu xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, chừng đó và ở đó, cách mạng phát triển và thu được những thắng lợi. Trong trường hợp ngược lại, cách mạng sẽ lâm vào thoái trào và bị thất bại. Vấn đề đặt ra đối với chủ nghĩa xã hội khoa học là từ trong những thành công và thất bại của chủ nghĩa xã hội hiện thực trong thập kỷ cuối thế kỷ XX, cần nghiêm túc phân tích, khái quát và rút ra các vấn đề lý luận, những bài học kinh nghiệm, từ đó có những phương thức, biện pháp chủ trương chiến lược và sách lược hợp lý trong hoàn cảnh mới, tiếp tục bổ sung và phát triển sáng tạo chủ nghĩa xã hội khoa học, tiếp tục thực hiện thắng lợi trên thực tế chế độ xã hội mới: xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

d) Đảng Cộng sản Việt Nam với sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học

Lịch sử dân tộc Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo cho thấy, những thắng lợi, những thành tựu của cách mạng luôn gắn liền với quá trình vận dụng sáng tạo, phát triển và hoàn thiện lý luận của chủ nghĩa xã hội khoa học trong những điều kiện lịch sử cụ thể của thời đại, trên cơ sở thực tiễn Việt Nam. Trong sự nghiệp vĩ đại ấy, sự xuất hiện và những cống hiến vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm phong phú thêm kho tàng lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, cả trong những vấn đề hết sức cơ bản của lý luận ấy lẫn những tri thức về cách thức, biện pháp và chiến lược sách lược vận dụng chủ nghĩa xã hội khoa học vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã và đang thực sự là nền tảng tư tưởng, kim

chỉ nam cho mọi hành động cách mạng nước ta trước kia, trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa hiện nay. Những đóng góp, bổ sung và phát triển cũng như sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa xã hội khoa học của Hồ Chí Minh và Đảng ta có thể được tóm tắt trên một số vấn đề cơ bản như sau:

- Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là một tính quy luật của cách mạng Việt Nam, trong điều kiện thời đại ngày nay;

- Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trung tâm, đồng thời đổi mới từng bước về chính trị, đảm bảo giữ vững sự ổn định chính trị, tạo điều kiện và môi trường thuận lợi để đổi mới và phát triển kinh tế, xã hội;

- Xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước. Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa tăng trưởng, phát triển kinh tế với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội. Đây được xem như một nội dung cơ bản, thể hiện sự ưu việt của xã hội xã hội chủ nghĩa ngay từ những chặng đường đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Xây dựng phát triển kinh tế phải đi đôi với giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái;

- Mở rộng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy sức mạnh của mọi giai cấp và tầng lớp nhân dân, mọi thành phần dân tộc và tôn giáo, mọi công dân Việt Nam ở trong nước hay ở nước ngoài, tạo cơ sở xã hội rộng lớn và thống nhất cho sự nghiệp xây dựng chế độ xã hội mới;

- Tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, khai thác mọi khả năng có thể hợp tác nhằm mục tiêu xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại;

- Giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam - nhân tố quan trọng hàng đầu bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Khâu then chốt để đảm bảo tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng là phải coi trọng công tác xây dựng Đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Từ thực tiễn 20 năm đổi mới, Đảng ta đã rút ra một số bài học lớn, góp phần phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học.

"Một là, trong quá trình đổi mới phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh...

Hai là, đổi mới toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp...

Ba là, đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân, xuất phát từ thực tiễn, nhạy bén với cái mới...

Bốn là, phát huy cao độ nội lực, đồng thời ra sức tranh thủ ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới...

Năm là, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, không ngừng đổi mới hệ thống chính trị, xây

dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân..."¹

Trên đây là những bài học kinh nghiệm được khái quát từ thực tiễn đấu tranh cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam, là kết tinh những thể hiện sinh động các nguyên lý, quy luật được đúc kết của chủ nghĩa xã hội khoa học ở Việt Nam và trong hoàn cảnh lịch sử Việt Nam, trong điều kiện lịch sử cụ thể của thời đại ngày nay.

CÂU HỎI THẢO LUẬN VÀ ÔN TẬP

1. Phân tích những giá trị lịch sử, những hạn chế của tư tưởng xã hội chủ nghĩa trước khi xuất hiện chủ nghĩa xã hội khoa học? Vì sao tư tưởng xã hội chủ nghĩa trong các thời kỳ này được gọi là chủ nghĩa xã hội không tưởng ?

2. Phân tích những điều kiện và tiền đề ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học. Rút ra ý nghĩa về mặt phương pháp luận khi nghiên cứu những tiền đề và điều kiện đó đối với hoạt động dạy - học chủ nghĩa xã hội khoa học hiện nay?

3. Những giai đoạn cơ bản trong tiến trình phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học? Cống hiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Đảng ta đối với việc vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học?

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 70-72.

CHƯƠNG III

SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là phạm trù cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học. Phát hiện ra sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là một trong những cống hiến vĩ đại nhất của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ rõ ý nghĩa, nội dung căn bản, thể hiện cụ thể của sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân Việt Nam trong giai đoạn mới là: "Lợi ích giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích của toàn dân tộc trong mục tiêu chung là *độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*. Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp trong giai đoạn hiện nay là thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa..."¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 22.

I. KHÁI NIỆM GIAI CẤP CÔNG NHÂN

1. Quan niệm của chủ nghĩa Mác-Lênin

Để hiểu rõ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, trước hết cần làm rõ khái niệm giai cấp công nhân. Chính C.Mác và Ph.Ăngghen đã chỉ rõ: “Vấn đề là ở chỗ *giai cấp vô sản thực ra là gì*, và phù hợp với *sự tồn tại* ấy của bản thân nó, giai cấp vô sản buộc phải làm gì về mặt lịch sử”¹.

C.Mác và Ph.Ăngghen đã dùng nhiều thuật ngữ khác nhau: giai cấp vô sản, giai cấp xã hội hoàn toàn chỉ dựa vào việc bán sức lao động của mình, lao động làm thuê ở thế kỷ XIX, giai cấp vô sản hiện đại, giai cấp công nhân hiện đại, giai cấp công nhân đại công nghiệp... như những cụm từ đồng nghĩa để biểu thị một khái niệm giai cấp công nhân - con đẻ của nền đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa, giai cấp đại biểu cho lực lượng sản xuất tiên tiến, cho phương thức sản xuất hiện đại.

Dù khái niệm giai cấp công nhân có nhiều tên gọi khác nhau như thế nào đi nữa thì theo C. Mác và Ph. Ăngghen vẫn chỉ mang hai *thuộc tính* cơ bản:

- Về phương thức lao động, phương thức sản xuất, đó là những người lao động trực tiếp hay gián tiếp vận hành các công cụ sản xuất có tính chất công nghiệp ngày càng hiện đại và xã hội hóa cao.

C. Mác và Ph. Ăngghen đã nêu: “Các giai cấp khác đều suy tàn và tiêu vong cùng với sự phát triển của đại công

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội. 1995, t.2, tr.56.

ngiệp, còn giai cấp vô sản lại là sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp"¹; "Công nhân cũng là một phát minh của thời đại mới, giống như máy móc vậy... Công nhân Anh là đứa con đầu lòng của nền công nghiệp hiện đại"².

- Về vị trí trong quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, đó là những người lao động không có tư liệu sản xuất, phải bán sức lao động cho nhà tư bản và bị nhà tư bản bóc lột về giá trị thặng dư. Thuộc tính thứ hai này nói lên một trong những đặc trưng cơ bản của giai cấp công nhân dưới chế độ tư bản chủ nghĩa nên C.Mác và Ph.Ăngghen còn gọi giai cấp công nhân là giai cấp vô sản.

Ngày nay, với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, bộ mặt của giai cấp công nhân hiện đại có nhiều thay đổi khác trước. Cơ cấu ngành nghề của giai cấp công nhân đã có những thay đổi to lớn: bên cạnh công nhân của nền công nghiệp cơ khí đã xuất hiện công nhân của nền công nghiệp tự động hoá, với việc áp dụng phổ biến công nghệ thông tin vào sản xuất. Song, dù cho trình độ kỹ thuật có thay đổi như thế nào đi nữa thì xét theo tiêu chí kinh tế - xã hội, giai cấp công nhân vẫn tồn tại như là một giai cấp đặc thù.

Căn cứ hai thuộc tính cơ bản của giai cấp công nhân như đã trình bày ở trên, chúng ta có thể coi những người lao động trong các ngành sản xuất công nghiệp, dịch vụ công nghiệp là công nhân. Còn những người làm công ăn lương phục vụ trong các ngành khác như y tế, giáo dục,

1. *Sđd*, t. 4, tr. 610.

2. *Sđd*, t. 12, tr. 11.

văn hoá, dịch vụ (không liên quan trực tiếp đến sản xuất công nghiệp)... là những người lao động nói chung, đang được thu hút vào tổ chức công đoàn nghề nghiệp, nhưng không phải là công nhân.

Sau khi cách mạng vô sản thành công, giai cấp công nhân trở thành giai cấp cầm quyền, không còn ở địa vị giai cấp bị bóc lột nữa, mà nó đã trở thành giai cấp thống trị, giai cấp lãnh đạo cuộc đấu tranh cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, đại biểu cho toàn thể nhân dân lao động, làm chủ những tư liệu sản xuất cơ bản đã được công hữu hoá. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, giai cấp công nhân có đặc trưng chủ yếu nhất bằng thuộc tính thứ nhất; còn về thuộc tính thứ hai nếu xét toàn bộ giai cấp, thì giai cấp công nhân đã là người làm chủ, nhưng trong điều kiện tồn tại nhiều thành phần kinh tế, thì còn có một bộ phận công nhân làm thuê trong các doanh nghiệp tư nhân. Những người này về danh nghĩa tham gia làm chủ cùng toàn bộ giai cấp công nhân và nhân dân lao động, nhưng xét về mặt cá nhân, họ vẫn là những người làm công, ăn lương và với những mức độ nhất định, họ vẫn bị những chủ sở hữu tư nhân bóc lột về giá trị thặng dư.

2. Định nghĩa giai cấp công nhân

Những quan điểm của C. Mác và Ph. Ăngghen về hai thuộc tính cơ bản của giai cấp công nhân cho đến nay vẫn giữ nguyên giá trị, vẫn là cơ sở phương pháp luận để chúng ta nghiên cứu giai cấp công nhân hiện đại, đặc biệt là để làm sáng tỏ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay. Căn cứ hai thuộc tính cơ bản nói trên, chúng ta có thể định nghĩa: Giai cấp công nhân là

một tập đoàn xã hội ổn định, hình thành và phát triển cùng với quá trình phát triển của nền công nghiệp hiện đại, với nhịp độ phát triển của lực lượng sản xuất có tính chất xã hội hóa ngày càng cao; là lực lượng lao động cơ bản tiên tiến trong các quy trình công nghệ, dịch vụ công nghiệp, trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, tái sản xuất ra của cải vật chất và cải tạo các quan hệ xã hội; đại biểu cho lực lượng sản xuất và phương thức sản xuất tiên tiến trong thời đại hiện nay.

Ở các nước tư bản, giai cấp công nhân là những người không có hoặc về cơ bản không có tư liệu sản xuất, làm thuê cho giai cấp tư sản và bị bóc lột giá trị thặng dư; ở các nước xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân là người đã cùng nhân dân lao động làm chủ những tư liệu sản xuất chủ yếu, là giai cấp lãnh đạo xã hội trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

II. NỘI DUNG VÀ ĐIỀU KIỆN KHÁCH QUAN QUY ĐỊNH SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

1. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

Nói một cách khái quát, nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là xoá bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa, xoá bỏ chế độ người bóc lột người, giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể nhân loại khỏi mọi sự áp bức, bóc lột, nghèo nàn lạc hậu, xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa văn minh.

Ph. Ăngghen viết: “Thực hiện sự nghiệp giải phóng thế giới ấy, - đó là sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản hiện đại”¹. V.I. Lênin cũng chỉ rõ: “Điểm chủ yếu trong học thuyết của Mác là ở chỗ nó làm sáng rõ vai trò lịch sử thế giới của giai cấp vô sản là người xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa”².

Ở nước ta, giai cấp công nhân trước hết phải làm cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là phải lãnh đạo cuộc cách mạng đó thông qua đội tiên phong của mình là Đảng Cộng sản Việt Nam, đấu tranh giành chính quyền, thiết lập nền chuyên chính dân chủ nhân dân. Trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân từng bước lãnh đạo nhân dân lao động xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, không có người bóc lột người, giải phóng nhân dân lao động khỏi mọi sự áp bức, bóc lột, bất công.

2. Những điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

Luận thuyết về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân đã được C. Mác và Ph. Ăng ghen trình bày sâu sắc trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*. Trong tác phẩm này các ông đã chỉ rõ các điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

- Do địa vị kinh tế - xã hội khách quan, giai cấp công nhân là giai cấp gắn với lực lượng sản xuất tiên tiến nhất

1. *Sđd*, t. 20, tr. 393.

2. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1980, t. 23, tr. 1.

dưới chủ nghĩa tư bản. Và, với tính cách như vậy, nó là lực lượng quyết định phá vỡ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Sau khi giành chính quyền, giai cấp công nhân, đại biểu cho sự tiến bộ của lịch sử, là người duy nhất có khả năng lãnh đạo xã hội xây dựng một phương thức sản xuất mới cao hơn phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

- Giai cấp công nhân, còn để của nền sản xuất công nghiệp hiện đại, được rèn luyện trong nền sản xuất công nghiệp tiến bộ, đoàn kết và tổ chức lại thành một lực lượng xã hội hùng mạnh. Bị giai cấp tư sản áp bức, bóc lột nặng nề, họ là giai cấp trực tiếp đối kháng với giai cấp tư sản, và xét về bản chất họ là giai cấp cách mạng triệt để nhất chống lại chế độ áp bức, bóc lột tư bản chủ nghĩa. Điều kiện sinh hoạt khách quan của họ quy định rằng, họ chỉ có thể tự giải phóng bằng cách giải phóng toàn xã hội khỏi chế độ tư bản chủ nghĩa. Trong cuộc cách mạng ấy, họ không mất gì ngoài xiềng xích và được cả thế giới về mình.

- Địa vị kinh tế - xã hội khách quan không chỉ khiến cho giai cấp công nhân trở thành giai cấp cách mạng triệt để nhất mà còn tạo cho họ khả năng làm việc đó. Đó là khả năng đoàn kết thống nhất giai cấp, khả năng đạt tới sự giác ngộ về địa vị lịch sử của khả năng hành động chính trị để từng bước đạt mục tiêu cách mạng. Đó là khả năng đoàn kết các giai cấp khác trong cuộc đấu tranh chống tư bản. Đó là khả năng đi đầu trong cuộc đấu tranh của toàn thể dân lao động và của dân tộc vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đó là khả năng đoàn kết toàn thể giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức trên quy mô quốc tế theo chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Lịch sử thế giới đã chứng minh những kết luận C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là đúng đắn. Tuy nhiên, cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân nhằm hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình không phải diễn ra một cách bằng phẳng, thuận buồm xuôi gió.

Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân tuy đang đứng trước những thử thách hết sức nặng nề, nhưng xem xét toàn cảnh của sự phát triển xã hội, giai cấp công nhân, lực lượng sản xuất tiến bộ vẫn đang chuẩn bị những tiền đề khách quan cho thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình dù có trải qua những bước thăng trầm, quanh co, nhưng nó vẫn tiếp tục diễn ra theo quy luật khách quan của lịch sử.

Đúng là ở những nước tư bản phát triển, đời sống của một bộ phận không nhỏ trong giai cấp công nhân đã được cải thiện, có thu nhập cao; một bộ phận công nhân ở các nước trên đã có mức sống "trung lưu hóa", song điều đó không có nghĩa là công nhân ở các nước ấy không còn bị bóc lột hoặc bị bóc lột không đáng kể.

Một thực tế đã, đang và còn tồn tại ngày càng sâu sắc ở các nước tư bản phát triển, đó là sự bất công, bất bình đẳng và thu nhập càng cách xa giữa giai cấp tư sản với giai cấp công nhân và quần chúng lao động. Dù có cố gắng tìm cách "thích nghi" và mọi biện pháp xoa dịu nhưng giai cấp tư sản không thể khắc phục được mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản. Thực tế, cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân vẫn diễn ra ở các nước tư bản chủ nghĩa dưới nhiều hình thức phong phú, với những nội dung khác nhau.

III. NHỮNG NHÂN TỐ CHỦ QUAN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân xuất hiện một cách khách quan, song, để biến khả năng khách quan đó thành hiện thực thì phải thông qua những nhân tố chủ quan. Trong những nhân tố chủ quan ấy, việc thành lập ra đảng cộng sản trung thành với sự nghiệp, lợi ích của giai cấp công nhân là yếu tố quyết định nhất đảm bảo cho giai cấp công nhân có thể hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình.

1. Bản thân giai cấp công nhân

Ngay từ khi mới hình thành trong xã hội tư bản chủ nghĩa, bản thân giai cấp công nhân đã không ngừng hoạt động và trưởng thành từng bước về số lượng và chất lượng.

Về số lượng chẳng những ngày càng tăng lên rất rõ rệt ở tất cả các nước, kể cả trong "kinh tế tri thức" hiện nay, mà còn đa dạng hơn về cơ cấu các loại công nhân với nhiều ngành nghề ngày càng phong phú, phát triển, tinh vi hơn. Theo Tổ chức lao động Quốc tế (ILO) thì: từ năm 1900, toàn thế giới có 80 triệu công nhân; đến năm 1990, thế giới đã có hơn 600 triệu công nhân và đến 1998 đã có 800 triệu công nhân...

Về chất lượng, bản thân giai cấp công nhân luôn có sự nâng cao về học vấn, về khoa học công nghệ và tay nghề; từ hoạt động kinh tế, đấu tranh kinh tế trước mắt, đã từng bước hoạt động chính trị, đấu tranh chính trị, thông qua các tổ chức nghiệp đoàn, công đoàn, từng bước có ý thức

giai cấp, giác ngộ giai cấp và cao nhất là dẫn đến hình thành đảng tiên phong là đảng cộng sản. Khi đó, theo chủ nghĩa Mác-Lênin, giai cấp công nhân đã từ chỗ là "giai cấp tự nó" (tức là chưa có ý thức giác ngộ giai cấp) đến chỗ là "giai cấp vì nó" (tức giai cấp tự giác).

Vì thế, giai cấp công nhân trở thành *cơ sở chính trị* căn bản nhất của đảng cộng sản.

2. Tính tất yếu, quy luật hình thành và phát triển đảng của giai cấp công nhân

Chỉ khi nào giai cấp công nhân đạt tới trình độ tự giác bằng việc tiếp thu lý luận khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin thì phong trào cách mạng của nó mới thật sự là một phong trào chính trị. Trình độ lý luận đó cho phép giai cấp công nhân nhận thức được vị trí, vai trò của mình trong xã hội, nguồn gốc tạo nên sức mạnh và biết tạo nên sức mạnh đó bằng sự đoàn kết, nhận rõ mục tiêu, con đường và những biện pháp giải phóng giai cấp mình, giải phóng cả xã hội và giải phóng nhân loại.

Phải có chủ nghĩa Mác soi sáng¹, giai cấp công nhân mới đạt tới trình độ nhận thức lý luận về vai trò lịch sử của mình. Sự thâm nhập của chủ nghĩa Mác vào phong trào công nhân dẫn đến sự hình thành chính đảng của giai cấp công nhân. V.I. Lênin chỉ ra rằng, đảng là sự kết hợp phong trào công nhân với chủ nghĩa xã hội khoa học. Nhưng trong mỗi nước, sự kết hợp ấy là sản phẩm của lịch sử lại được thực hiện bằng những con đường đặc biệt, tùy theo điều kiện không gian và thời gian. Ở nhiều nước thuộc địa, nửa thuộc địa, chủ nghĩa Mác thường kết hợp

với phong trào công nhân và phong trào yêu nước thành lập ra đảng cộng sản.

Từ thực tiễn lịch sử ở nước ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: Chủ nghĩa Mác - Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn tới việc thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương vào đầu năm 1930.

Chỉ có đảng cộng sản lãnh đạo, giai cấp công nhân mới chuyển từ đấu tranh tự phát sang đấu tranh tự giác trong mỗi hành động với tư cách một giai cấp tự giác và thực sự cách mạng. C. Mác đã nhấn mạnh rằng, trong cuộc đấu tranh của mình chống lại quyền lực liên hiệp của các giai cấp hữu sản, chỉ khi nào giai cấp vô sản tự mình tổ chức được thành một chính đảng độc lập của mình chống lại quyền lực liên hiệp của các giai cấp hữu sản, chỉ khi nào giai cấp vô sản tự mình tổ chức được thành một đảng độc lập với tất cả mọi chính đảng cũ do giai cấp hữu sản lập ra thì mới có thể hành động với tư cách là một giai cấp được.

3. Mối quan hệ giữa đảng cộng sản với giai cấp công nhân

Đảng chính trị là tổ chức cao nhất, đại biểu tập trung cho trí tuệ và lợi ích của toàn thể giai cấp. Đối với giai cấp công nhân đó là đảng cộng sản, chẳng những đại biểu cho trí tuệ và lợi ích của giai cấp công nhân mà còn đại biểu cho toàn thể nhân dân lao động và dân tộc.

Cho nên phải có một đảng chính trị vững vàng, kiên định và sáng suốt, có đường lối chiến lược và sách lược đúng đắn thể hiện lợi ích của toàn giai cấp và toàn bộ phong trào để giai cấp công nhân có thể hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình.

Giai cấp công nhân là cơ sở xã hội - giai cấp của đảng, là nguồn bổ sung lực lượng của đảng, đảng là đội tiên phong chiến đấu, là bộ tham mưu của giai cấp, là biểu hiện tập trung lợi ích, nguyện vọng, phẩm chất, trí tuệ của giai cấp công nhân và của dân tộc. Giữa đảng với giai cấp công nhân có mối liên hệ hữu cơ, không thể tách rời. Những đảng viên của đảng cộng sản có thể không phải là công nhân nhưng phải là người giác ngộ về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và đứng trên lập trường của giai cấp này.

Với một đảng cộng sản chân chính thì sự lãnh đạo của đảng chính là sự lãnh đạo của giai cấp. Đảng với giai cấp là thống nhất, nhưng đảng có trình độ lý luận và tổ chức cao nhất để lãnh đạo cả giai cấp và dân tộc; vì thế không thể lẫn lộn đảng với giai cấp. Đảng đem lại giác ngộ cho toàn bộ giai cấp, sức mạnh đoàn kết, nghị lực cách mạng, trí tuệ và hành động cách mạng của toàn bộ giai cấp, trên cơ sở đó lôi cuốn tất cả các tầng lớp nhân dân lao động khác và cả dân tộc đứng lên hành động theo đường lối của đảng nhằm hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình. Để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh của mình, giai cấp công nhân cũng như mỗi người công nhân cần thường xuyên phấn đấu vươn lên, trưởng thành về các mặt: tư tưởng, chính trị, lập trường giai cấp, văn hoá, khoa học kỹ thuật, tay nghề... Các tổ chức nghiệp đoàn, công đoàn, thường xuyên phát triển vững mạnh... cùng với quá trình phát triển không ngừng của nền sản xuất công nghiệp hiện đại, v.v..

IV. SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM

1. Sự ra đời, đặc điểm và điều kiện giai cấp công nhân vươn lên thành giai cấp lãnh đạo cách mạng Việt Nam

Với chính sách khai thác thuộc địa của chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt Nam, giai cấp công nhân Việt Nam đã ra đời từ đầu thế kỷ này, trước cả sự ra đời của giai cấp tư sản Việt Nam và là giai cấp trực tiếp đối kháng với tư bản thực dân Pháp. Sinh ra và lớn lên ở một nước thuộc địa nửa phong kiến, dưới sự thống trị của đế quốc Pháp, một thứ chủ nghĩa tư bản thực lợi không quan tâm mấy đến phát triển công nghiệp ở nước thuộc địa, nên giai cấp công nhân Việt Nam phát triển chậm.

Mặc dù số lượng ít, trình độ nghề nghiệp thấp, còn mang nhiều tàn dư của tâm lý và tập quán nông dân, song giai cấp công nhân Việt Nam đã nhanh chóng vươn lên đảm đương vai trò lãnh đạo cách mạng ở nước ta do những điều kiện sau đây:

* - Giai cấp công nhân Việt Nam sinh ra trong lòng một dân tộc có truyền thống đấu tranh bất khuất chống ngoại xâm. Ở giai cấp công nhân, nỗi nhục mất nước cộng với nỗi khổ vì ách áp bức bóc lột của giai cấp tư sản đế quốc làm cho lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc kết hợp làm một, khiến động cơ cách mạng, nghị lực cách mạng và tính triệt để cách mạng của giai cấp công nhân được nhân lên gấp bội.

- Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời và từng bước trưởng thành trong không khí sôi sục của một loạt phong trào yêu nước và các cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp

liên tục nổ ra từ khi chủ nghĩa đế quốc Pháp đặt chân lên đất nước ta: phong trào Cần Vương và cuộc khởi nghĩa của Phan Đình Phùng, của Hoàng Hoa Thám, các cuộc vận động yêu nước của Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thái Học, v.v. đã có tác dụng to lớn đối với việc cổ vũ tinh thần yêu nước, ý chí bất khuất và quyết tâm đập tan xiềng xích nô lệ của toàn thể nhân dân ta. Nhưng tất cả các phong trào ấy đều thất bại và sự nghiệp giải phóng dân tộc đều lâm vào tình trạng bế tắc về đường lối.

Vào lúc đó, phong trào cộng sản và công nhân thế giới phát triển, cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga bùng nổ, thắng lợi và ảnh hưởng đến phong trào dân tộc dân chủ ở nước khác, nhất là ở Trung Quốc, trong đó có phong trào cách mạng ở nước ta. Chính vào lúc đó, nhà yêu nước Nguyễn Ái Quốc trên hành trình tìm đường cứu nước đã đến với chủ nghĩa Mác-Lênin và tìm thấy ở chủ nghĩa Mác-Lênin bí quyết thần kỳ cho sự nghiệp giải phóng dân tộc ta. Từ đó, Người đã đề ra con đường duy nhất đúng dẫn cho cách mạng Việt Nam - con đường cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và chuyển cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân lên cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Tấm gương cách mạng Nga và phong trào cách mạng ở nhiều nước khác đã cổ vũ giai cấp công nhân non trẻ Việt Nam đứng lên nhận lấy sứ mệnh lãnh đạo cách mạng nước ta và đồng thời cũng là chất xúc tác kích lệ nhân dân ta lựa chọn, tiếp nhận con đường cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin và đi theo con đường cách mạng của giai cấp công nhân. Từ đó giai cấp công nhân Việt Nam là giai cấp duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Giai cấp công nhân Việt Nam, mà tuyệt đại bộ phận là

xuất thân từ nông dân lao động và những tầng lớp lao động khác, nên có mối liên hệ tự nhiên với đông đảo nhân dân lao động bị mất nước, sống nô lệ nên cũng là điều kiện thuận lợi để giai cấp công nhân xây dựng nên khối liên minh công nông vững chắc và khối đoàn kết dân tộc rộng rãi bảo đảm cho sự lãnh đạo của giai cấp công nhân trong suốt quá trình cách mạng ở nước ta.

2. Vai trò lãnh đạo giai cấp công nhân trong cách mạng Việt Nam

Lịch sử Việt Nam cũng chứng minh rằng, giai cấp công nhân Việt Nam ra đời chưa được bao lâu ngay cả khi nó chưa có Đảng mà đã tổ chức một cách tự phát nhiều cuộc đấu tranh chống bọn tư bản thực dân và được nhân dân ủng hộ. Cuộc bãi công của 600 thợ nhuộm ở Chợ Lớn năm 1922 mà Nguyễn Ái Quốc coi đó mới chỉ là “do bản năng tự vệ” của những người công nhân “không được giáo dục và tổ chức” nhưng đã là “dấu hiệu... của thời đại”¹. Năm 1927 có gần chục cuộc bãi công với hàng trăm người tham gia. Năm 1928-1929 có nhiều cuộc bãi công khác với hàng nghìn người tham gia, trong đó tiêu biểu nhất là cuộc đấu tranh của công nhân xí măng Hải Phòng, sợi Nam Định, xe lửa Trường Thi (Vinh), AVIA (Hà Nội), Phú Riềng (Bình Phước). Những cuộc đấu tranh như thế không chỉ giới hạn trong công nhân mà còn tác động sâu sắc đến các tầng lớp khác, đặc biệt là đến giai cấp nông dân, các tầng lớp nhân dân lao động, thanh niên, sinh viên làm cho bọn thống trị thực dân hoảng sợ.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002. t. 2, tr. 114.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở nước ta vào đầu năm 1930 của thế kỷ XX. Đảng đã đem yếu tố tự giác vào phong trào công nhân, làm cho phong trào cách mạng nước ta có một bước phát triển nhảy vọt về chất.

Giai cấp công nhân Việt Nam lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản Việt Nam. Khi nói giai cấp công nhân lãnh đạo là nói đến toàn bộ giai cấp như một chỉnh thể chứ không phải từng nhóm, từng người. Để có thể lãnh đạo, giai cấp công nhân phải có lực lượng, có tổ chức tiêu biểu cho sự tự giác và bản chất giai cấp của mình. Lực lượng đó là Đảng Cộng sản. Xét về thành phần xuất thân thì nước ta có nhiều đảng viên không phải là công nhân. Nhưng, bất cứ đảng viên nào cũng phải đứng trên lập trường giai cấp công nhân thể hiện ở lý tưởng, ở lý luận Mác-Lênin và đường lối cách mạng, ở tinh thần kiên quyết cách mạng trong cuộc đấu tranh để thực hiện sứ mệnh của giai cấp công nhân vì lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc. Điều này được Đảng ta khẳng định rất rõ: "Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc"¹. Đảng của giai cấp công nhân nước ta đã lãnh đạo toàn dân hoàn thành thắng lợi trọn vẹn cuộc cách mạng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 130.

giải phóng dân tộc và đang tiến hành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đây là nhiệm vụ lịch sử khó khăn, phức tạp nhất.

Trong công cuộc xây dựng đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội hiện nay, đội ngũ công nhân Việt Nam bao gồm những người lao động chân tay và lao động trí óc hoạt động sản xuất trong ngành công nghiệp và dịch vụ thuộc các doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã, hay thuộc khu vực tư nhân, hợp tác liên doanh với nước ngoài, tạo thành một lực lượng giai cấp công nhân thống nhất đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam được vũ trang bằng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh đang lãnh đạo công cuộc đổi mới và phát triển đất nước. Họ là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, là cơ sở xã hội chủ yếu nhất của Đảng và Nhà nước ta, là hạt nhân vững chắc trong liên minh công nhân - nông dân - trí thức, nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Tuy nhiên, do hoàn cảnh hình thành, điều kiện kinh tế - xã hội quy định, giai cấp công nhân Việt Nam còn có những nhược điểm (như số lượng còn ít, chưa được rèn luyện nhiều trong công nghiệp hiện đại, trình độ văn hoá và tay nghề còn thấp...). Nhưng điều đó không thể là lý do để phủ nhận sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam. Để khắc phục những nhược điểm ấy, Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khoá VII của Đảng ta, một Nghị quyết gắn trực tiếp vấn đề công nghiệp hoá, hiện đại hoá với vấn đề xây dựng phát triển giai cấp công nhân đã chỉ rõ phương hướng xây dựng giai

cấp công nhân nước ta trong giai đoạn hiện nay là: "Cùng với quá trình phát triển công nghiệp và công nghệ theo xu hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, cần xây dựng giai cấp công nhân phát triển về số lượng, giác ngộ về giai cấp, vững vàng về chính trị, tư tưởng, có trình độ học vấn và tay nghề cao, có năng lực tiếp thu và sáng tạo công nghệ mới, lao động đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, vươn lên làm tròn sứ mệnh lịch sử của mình"¹.

Công cuộc đổi mới đất nước, định hướng xã hội chủ nghĩa do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Giai cấp công nhân đang đi đầu trong xây dựng xã hội mới, nhất là trong việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội nhằm thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đó là bằng chứng chỉ rõ năng lực lãnh đạo của giai cấp công nhân nước ta, vai trò không có lực lượng xã hội nào có thể thay thế được trong sự nghiệp... "lãnh đạo thành công công cuộc xây dựng một xã hội mới, trong đó nhân dân lao động làm chủ, đất nước độc lập và phồn vinh, xoá bỏ áp bức bất công, mọi người đều có điều kiện phấn đấu cho cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc"².

Đảng Cộng sản Việt Nam đặc biệt chú trọng phương hướng xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam trong quá

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa VII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr.98.

2. Sđd, tr. 33.

trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng chỉ rõ: "Đối với *giai cấp công nhân*, phát triển về số lượng, chất lượng và tổ chức; nâng cao giác ngộ và bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn và nghề nghiệp, xứng đáng là một lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước."¹

CÂU HỎI THẢO LUẬN VÀ ÔN TẬP

1. Phân tích những thuộc tính cơ bản của giai cấp công nhân và những nội dung để xác định khái niệm về giai cấp công nhân?

2. Những quan điểm cơ bản của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin về điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân?

3. Phân tích các quan điểm của Lênin và Hồ Chí Minh về điều kiện thành lập đảng cộng sản và mối quan hệ giữa đảng với giai cấp công nhân?

4. Phân tích những điều kiện để giai cấp công nhân Việt Nam làm tròn sứ mệnh lịch sử của mình đối với cách mạng Việt Nam?

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 118.

CHƯƠNG IV

CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

I. CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ TÍNH TẤT YẾU CỦA NÓ

1. Quan niệm về cách mạng xã hội chủ nghĩa

Cách mạng xã hội chủ nghĩa là một cuộc cách mạng nhằm thay thế chế độ cũ, nhất là chế độ tư bản chủ nghĩa, bằng chế độ xã hội chủ nghĩa, trong cuộc cách mạng đó, giai cấp công nhân là người lãnh đạo và cùng với quần chúng nhân dân lao động khác xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Theo nghĩa hẹp: cách mạng xã hội chủ nghĩa được hiểu là một cuộc cách mạng chính trị được kết thúc bằng việc giai cấp công nhân cùng với nhân dân lao động giành được chính quyền, thiết lập nên nhà nước chuyên chính vô sản - nhà nước của giai cấp công nhân và quần chúng nhân dân lao động.

Theo nghĩa rộng: cách mạng xã hội chủ nghĩa là quá trình cải biến một cách toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội từ kinh tế, chính trị, văn hóa, tư tưởng, v.v. để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản. Như vậy, theo nghĩa rộng, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa bao gồm cả việc

giành chính quyền về tay giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả quá trình giai cấp công nhân cùng với quần chúng nhân dân lao động tiến hành cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội, tới khi xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội thì cuộc cách mạng này mới kết thúc.

2. Nguyên nhân của cách mạng xã hội chủ nghĩa

Chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng, nguyên nhân sâu xa của những cuộc cách mạng xã hội là do sự phát triển của lực lượng sản xuất. Theo quy luật chung của sự phát triển xã hội, khi lực lượng sản xuất không ngừng phát triển mâu thuẫn với quan hệ sản xuất đã lỗi thời, kìm hãm nó, tất yếu phải thay thế quan hệ sản xuất lỗi thời bằng một quan hệ sản xuất mới tiên tiến hơn. C. Mác và Ph. Ăngghen đã chỉ rõ: "Từ chỗ là những hình thức phát triển của các lực lượng sản xuất, những quan hệ ấy trở thành những xiềng xích của các lực lượng sản xuất. Khi đó bắt đầu thời đại một cuộc cách mạng xã hội"¹.

Dưới chủ nghĩa tư bản, nhất là từ khi máy hơi nước ra đời, lực lượng sản xuất ngày càng phát triển, ngày càng mang tính chất xã hội hoá cao, mâu thuẫn với quan hệ sản xuất mang tính chất tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất. C. Mác đã viết: "Sự tập trung tư liệu sản xuất và xã hội hoá lao động đạt đến cái điểm mà chúng không còn thích hợp với cái vỏ tư bản chủ nghĩa của chúng

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội, 1993, t. 13, tr. 15.

nữa... nền sản xuất tư bản chủ nghĩa lại để ra sự phủ định bản thân nó, với tính tất yếu của một quá trình tự nhiên"¹.

Biểu hiện mâu thuẫn trong lĩnh vực kinh tế là tính tổ chức, tính kế hoạch trong từng doanh nghiệp ngày càng tăng với tính vô tổ chức của sản xuất toàn xã hội do tính cạnh tranh của nền sản xuất hàng hoá tư bản chủ nghĩa gây ra.

Quy luật cạnh tranh, tính chất vô chính phủ trong sản xuất dẫn tới khủng hoảng thừa, buộc một số doanh nghiệp phải ngừng sản xuất. Dưới chủ nghĩa tư bản, giai cấp công nhân sống bằng việc bán sức lao động, do vậy, một khi sản xuất đình trệ làm cho công nhân không có việc làm, họ đã đứng lên đấu tranh chống lại các nhà tư sản và giai cấp tư sản.

Để khắc phục tình trạng trên, giai cấp tư sản đã tổ chức ra các xanhdica, tởrôt, côngxôxiom và nhà nước tư bản ngày càng can thiệp sâu vào kinh tế, bằng việc quốc hữu hoá một số ngành khi khó khăn, tư hữu hoá khi thuận lợi.

Tuy rằng, mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong chế độ tư bản ngày càng gay gắt, nhưng quy luật xã hội không tự nó xảy ra mà phải thông qua hoạt động của con người. Cách mạng xã hội chủ nghĩa muốn nổ ra, giai cấp công nhân phải nhận thức được sứ mệnh lịch sử của mình, thực hiện việc tuyên truyền vận động nhân dân lật đổ chính quyền nhà nước của giai cấp tư sản để giành lấy chính quyền, giành lấy dân chủ.

1. *Sđd*, t.23, tr. 1059.

3: Những điều kiện của cách mạng xã hội chủ nghĩa

Cách mạng xã hội chủ nghĩa muốn nổ ra phải có điều kiện khách quan và điều kiện chủ quan.

a) Điều kiện khách quan của cách mạng xã hội chủ nghĩa

Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, nền sản xuất ngày càng phát triển, những thành phố lớn, những khu công nghiệp tập trung hình thành ngày càng nhiều. Cùng với nó, quy luật cạnh tranh theo kiểu "cá lớn nuốt cá bé", càng đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế, hình thành những khu công nghiệp, những tập đoàn tư bản ngày càng lớn. Sự phát triển của lực lượng sản xuất đã tạo ra một đội ngũ công nhân ngày càng đông về số lượng, ngày càng nâng cao về chất lượng.

Để thắng trong cạnh tranh, giai cấp tư sản phải ra sức tìm ra những biện pháp hữu hiệu để bóc lột công nhân. Trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản phương Tây đang phát triển trung bình, một ngày công nhân phải làm 12 tiếng. Điều đó giúp cho công nhân dễ dàng nhận thấy rằng, họ là đồ vật, là tài sản của giai cấp tư sản và công nhân trở thành kẻ thù của giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản.

Giai cấp tư sản với lòng tham vô đáy, với khát vọng giàu có và quyền lực, đã tiến hành những cuộc chiến tranh xâm lược các nước khác, biến những nước này thành thuộc địa của chúng, chủ nghĩa tư bản trở thành chủ nghĩa đế quốc. Điều đó làm cho mâu thuẫn giữa các nước tư bản, đế quốc với các nước thuộc địa ngày càng trở nên gay gắt.

Để có lợi nhuận cao, giai cấp tư sản, một mặt tiến hành

khai thác cạn kiệt tài nguyên của các nước, mặt khác tìm cách cải tiến máy móc, đầu tư trang thiết bị ngày càng hiện đại, dẫn tới tình trạng thất nghiệp của công nhân ngày càng gia tăng. Điều đó càng làm cho mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản ngày càng gay gắt, đòi hỏi phải giải quyết mâu thuẫn trên bằng một cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa nhằm xoá bỏ ách áp bức của giai cấp tư sản, xoá bỏ quan hệ sản xuất tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, thiết lập quan hệ sản xuất mới và chế độ mới xã hội chủ nghĩa.

Hiện nay, sự phát triển như vũ bão của lực lượng sản xuất, những thành tựu ngày càng to lớn của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, càng tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất để nâng cao mức sống nhân dân, mở rộng tình đoàn kết giữa các dân tộc.

Song, do tính chất tư bản chủ nghĩa, vì lợi nhuận siêu ngạch, các tập đoàn tư bản lớn trên thế giới đang đẩy lại vào tiềm năng kinh tế, sức mạnh quân sự gây ra những cuộc chiến tranh, xung đột trên thế giới. Những cuộc chiến tranh này đã để lại những hậu quả nặng nề cho quần chúng nhân dân lao động. Tình trạng nghèo đói trong các nước nghèo ngày càng gia tăng, khoảng cách chênh lệch giữa nước giàu và nước nghèo ngày càng lớn.

b) Điều kiện chủ quan của cách mạng xã hội chủ nghĩa

Có điều kiện khách quan mà thiếu điều kiện chủ quan thì cách mạng xã hội chủ nghĩa cũng không thể nổ ra, nếu nó nổ ra thì cũng không thể thắng lợi.

Điều kiện chủ quan có ý nghĩa quyết định nhất là sự

trưởng thành của giai cấp công nhân, đặc biệt là khi nó đã có đảng tiên phong của mình.

Giai cấp công nhân là lực lượng sản xuất quan trọng nhất, dưới chủ nghĩa tư bản, nhưng lại không có tư liệu sản xuất, phải bán sức lao động để kiếm sống.

Những cuộc đấu tranh của công nhân chống lại giai cấp tư sản đã nổ ra ngay từ khi chủ nghĩa tư bản ra đời, theo quy luật có áp bức có đấu tranh. Quy mô những cuộc đấu tranh của công nhân chống lại giai cấp tư sản ngày càng mở rộng. Nhưng chỉ khi nào giai cấp công nhân nhận thức được rằng, chỉ có xoá bỏ chế độ nô lệ làm thuê, giải phóng giai cấp mình và giải phóng toàn xã hội bằng một cuộc cách mạng thắng lợi triệt để họ mới được giải phóng thật sự. Giai cấp công nhân phải nhận thức được sứ mệnh lịch sử của mình, của việc thực hiện việc xoá bỏ trật tự của chế độ tư bản chủ nghĩa, thiết lập nên chế độ xã hội chủ nghĩa; tức là phải nhận thức được "việc giải phóng giai cấp công nhân phải là sự nghiệp của bản thân giai cấp công nhân"¹.

Trong chế độ tư bản chủ nghĩa, không chỉ có giai cấp công nhân bị áp bức bóc lột mà cả những giai cấp, tầng lớp nhân dân lao động khác như: thợ thủ công, nông dân, những người buôn bán nhỏ và kể cả đa số trí thức... cũng bị bóc lột. Dưới chủ nghĩa tư bản, giai cấp công nhân có những lợi ích cơ bản thống nhất với lợi ích của giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức, những người thợ thủ công, v.v.. Điều đó đã tạo ra những điều kiện cho giai cấp này có khả năng

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội, 1995, t.21, tr. 523.

tập hợp các giai cấp, tầng lớp nhân dân lao động khác vào cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản. C. Mác và Ph. Ăngghen viết: "Lịch sử của cuộc đấu tranh giai cấp đó hiện nay đã phát triển tới giai đoạn trong đó giai cấp bị bóc lột và bị áp bức, tức là giai cấp vô sản, không còn có thể tự giải phóng khỏi ách của giai cấp bóc lột và áp bức mình, tức là giai cấp tư sản, nếu không đồng thời và vĩnh viễn giải phóng toàn xã hội khỏi ách bóc lột, áp bức, khỏi tình trạng phân chia giai cấp và đấu tranh giai cấp"¹.

Thực tế cuộc đấu tranh thử thách giai cấp công nhân, với sự soi sáng lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, giúp giai cấp này nhận thức được sự cần thiết phải xây dựng cho mình một ~~chính đảng~~ thực sự cách mạng, có khả năng tập hợp quần chúng nhân dân lao động, thực hiện việc giác ngộ quần chúng nhân dân, huy động họ đi vào cuộc đấu tranh, tổ chức cuộc đấu tranh, thì giai cấp công nhân mới thực hiện được sứ mệnh lịch sử của mình là xoá bỏ chủ nghĩa tư bản, xây dựng được một chế độ xã hội mới. V.I. Lênin đã chỉ rõ: "Khi những đại biểu tiên tiến của giai cấp đó (giai cấp công nhân - TG.) đã thấm nhuần được những tư tưởng của chủ nghĩa xã hội khoa học, tư tưởng về vai trò lịch sử của công nhân Nga, khi các tư tưởng đó đã được phổ biến rộng rãi và khi mà trong hàng ngũ công nhân đã lập ra được các tổ chức vững chắc có thể biến cuộc chiến tranh kinh tế phân tán hiện nay của công nhân thành một cuộc đấu tranh giai cấp tự giác, thì lúc đó NGƯỜI CÔNG NHÂN Nga, đứng đầu tất cả các phần tử dân chủ, sẽ đập

1. *Sđd*, t. 21, tr. 523.

đổ được chế độ chuyên chế và đưa GIAI CẤP VÔ SẢN NGÀ (sát cánh với giai cấp vô sản trong TẤT CẢ CÁC NƯỚC), *thông qua con đường trực tiếp đấu tranh chính trị công khai*, tiến tới CÁCH MẠNG CỘNG SẢN CHỦ NGHĨA THẮNG LỢI"¹.

Đảng cách mạng của giai cấp công nhân phải rèn luyện giai cấp công nhân có bản lĩnh chính trị, phải tự gạt bỏ những ảnh hưởng tư tưởng tư sản, phong kiến, khắc phục tính vị kỷ cá nhân, tư tưởng cục bộ, địa phương, bản vị mới có khả năng tập hợp quần chúng nhân dân, có khả năng đập tan những âm mưu thâm độc và sự chống phá quyết liệt của kẻ thù.

4. Tiến trình của cách mạng xã hội chủ nghĩa

Cách mạng xã hội chủ nghĩa là một tiến trình liên tục gồm hai giai đoạn:

- *Giai đoạn thứ nhất* là giai đoạn giai cấp vô sản tự xây dựng thành giai cấp thống trị, là giai đoạn giành lấy dân chủ. V.I. Lênin đã chỉ rõ: giành chính quyền là vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng.

Đập tan bộ máy nhà nước của giai cấp tư sản, thiết lập chính quyền của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trở thành mục tiêu trực tiếp của lực lượng cách mạng, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân. Muốn thực hiện điều đó cần phải có tình thế cách mạng.

Tình thế cách mạng xuất hiện khi mà giai cấp thống trị không thể thống trị như trước được nữa, những người bị áp bức không thể tiếp tục cuộc sống như trước, giai cấp lãnh đạo cách mạng đã đủ năng lực lãnh đạo, phát động

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1974, t.1, tr. 385 - 386.

được cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp những người lao động chống lại giai cấp tư sản.

Để cách mạng nổ ra và giành thắng lợi phải có *thời cơ cách mạng*. Ở bên trong mỗi nước, thời cơ cách mạng là lúc giai cấp thống trị tỏ ra hoang mang cực độ, xâu xé lẫn nhau do sự lớn mạnh của phong trào cách mạng, phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân lao động. Lực lượng lãnh đạo cách mạng đã sẵn sàng hành động cho cuộc quyết chiến để giành chính quyền. Ở bên ngoài, là phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân quốc tế ủng hộ cách mạng, kiên quyết đứng lên đấu tranh chống lại những âm mưu xâm lược, can thiệp của những lực lượng tư bản, lực lượng đế quốc hiếu chiến, tạo điều kiện cho cách mạng bùng nổ và giành thắng lợi.

Với bản chất hiếu chiến, những thế lực tư bản đế quốc chủ nghĩa sẵn sàng sử dụng bạo lực phản cách mạng để đàn áp phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân lao động, do vậy, trong hoàn cảnh đó, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa chỉ có thể giành được thắng lợi, giành được chính quyền "bằng cách dùng bạo lực lật đổ giai cấp tư sản"¹.

Bạo lực cách mạng được hiểu dưới hình thức khởi nghĩa vũ trang kết hợp với bãi công chính trị của quần chúng. Bạo lực cách mạng cũng có thể được tiến hành bằng cuộc đấu tranh chính trị một cách hoà bình của quần chúng nhân dân lao động, những lực lượng cách mạng, đi đầu là giai cấp công nhân dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản. Con đường đấu tranh hoà bình đó phát triển đến mức đ²

1. C.Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr. 612.

áp lực buộc giai cấp tư sản phải giao chính quyền nhà nước cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Phương pháp đấu tranh này đổ đổ xương máu, đổ gây tổn thất cho quần chúng nhân dân lao động, rất quý và hiếm. Thực tế, cho tới nay, chưa có nước xã hội chủ nghĩa nào giành được chính quyền bằng con đường trên. Tuy nhiên, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin vẫn dự báo khả năng trên và cho rằng, chỉ khi tương quan so sánh lực lượng hoàn toàn có lợi cho phía cách mạng, thì khả năng trên mới có thể xảy ra.

- *Giai đoạn thứ hai*: là giai đoạn giai cấp công nhân đã nắm chính quyền, sử dụng chính quyền đó, dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản, tập hợp các tầng lớp nhân dân lao động, thực hiện cải tạo xã hội cũ, tổ chức xây dựng xã hội mới về mọi mặt như: kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hoá, xã hội, v.v..

Quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới trên các lĩnh vực của đời sống xã hội đòi hỏi giai cấp công nhân và quần chúng nhân dân lao động phải biết xoá bỏ những cái gì là bảo thủ lạc hậu, là phản nhân văn, đồng thời phải biết tiếp thu những cái gì là tiến bộ, là nhân văn mà nhân loại đã tạo ra và phải biết quý trọng, kế thừa những giá trị truyền thống của dân tộc mình.

Quá trình tổ chức xây dựng xã hội mới là một nhiệm vụ rất mới mẻ, do đó rất phức tạp, lâu dài và gian khổ. Một mặt, cần phải khắc phục những tàn dư, những thói quen, tập tục lạc hậu đã ăn sâu vào trong hàng triệu quần chúng nhân dân lao động, mặt khác, phải tiến hành cuộc đấu tranh chống lại những âm mưu phá hoại vừa thâm

độc, vừa nham hiểm của những thế lực phản động, hiếu chiến.

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ ĐỘNG LỰC CỦA CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Mục tiêu của cách mạng xã hội chủ nghĩa

Cách mạng dân chủ tư sản với khẩu hiệu tự do, bình đẳng, bác ái đã tập hợp quần chúng nhân dân lao động trong cuộc đấu tranh lật đổ giai cấp quý tộc, phong kiến. Nhưng khi giai cấp tư sản giành được chính quyền, thì mọi quyền tự do, dân chủ của quần chúng nhân dân lao động không được tôn trọng. Tự do trong chế độ tư bản chủ nghĩa là tự do bóc lột của giai cấp tư sản, tự do bán sức lao động của người công nhân; tự do bóc lột của nước giàu với nước nghèo, tự do thống trị của nước lớn với nước nhỏ, v.v..

Giải phóng con người, giải phóng xã hội là mục tiêu của giai cấp công nhân, của cách mạng xã hội chủ nghĩa, cho nên có thể nói chủ nghĩa xã hội mang tính nhân văn, nhân đạo sâu sắc. Chủ nghĩa xã hội không chỉ dừng lại ở ý thức, ở khẩu hiệu giải phóng con người, mà từng bước thực hiện việc giải phóng con người "trên thực tế, biến con người từ vương quốc của tất yếu sang vương quốc tự do", tạo nên một thể liên hiệp "trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người"¹.

Khi chúng ta nói mục tiêu là cái đích cần đạt tới, do vậy, những mục tiêu khả thi nêu trên từng bước biến

1. *Sđd*, t. 4, tr. 628.

thành hiện thực thông qua quá trình lao động nhiệt tình của quần chúng nhân dân lao động, thông qua những biện pháp tổ chức xã hội một cách khoa học trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội của nhà nước xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản.

Mục tiêu giai đoạn thứ nhất của cách mạng xã hội chủ nghĩa là giành lấy chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Mục tiêu giai đoạn thứ hai của cách mạng xã hội chủ nghĩa là "xoá bỏ mọi chế độ người bóc lột người... nhằm đưa lại đời sống ấm no cho toàn dân"¹. Khi mà "xoá bỏ tình trạng người bóc lột người thì tình trạng dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xoá bỏ"².

2. Nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa

Cách mạng xã hội chủ nghĩa được tiến hành trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Trên lĩnh vực chính trị: đưa quần chúng nhân dân lao động từ địa vị nô lệ, làm thuê, bị áp bức, bóc lột trở thành người làm chủ nhà nước, làm chủ xã hội, bằng lao động sản xuất, bằng cuộc đấu tranh xoá bỏ những cái xấu của xã hội cũ, xây dựng xã hội mới về mọi mặt làm cho xã hội ngày càng phát triển, mức sống của nhân dân ngày càng nâng lên.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 9, tr. 156.

2. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 4, tr. 624.

Muốn thực hiện được những nội dung nêu trên, giai cấp công nhân cùng với nhân dân lao động, dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản, dùng bạo lực cách mạng đập tan bộ máy nhà nước của giai cấp tư sản, "giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc"¹.

Bước tiếp theo, giai cấp công nhân phải không ngừng nâng cao trình độ tri thức về mọi mặt cho quần chúng nhân dân lao động, tạo ra những điều kiện cần thiết để ngày càng mở rộng dân chủ cho nhân dân, thu hút quần chúng nhân dân lao động tham gia vào công việc quản lý nhà nước, quản lý xã hội, làm cho nhà nước thực sự là của dân, do dân, vì dân.

Quá trình xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, quá trình nhân dân thực hiện quyền làm chủ về chính trị cũng là quá trình đấu tranh gay go quyết liệt giữa cái cũ và cái mới, giữa cá nhân và tập thể, giữa chủ nghĩa cách mạng và phản cách mạng, v.v..

Trên lĩnh vực kinh tế: những cuộc cách mạng trước đây về thực chất là cách mạng chính trị. Chúng kết thúc bằng việc lật đổ ách thống trị của giai cấp này, thay thế bằng sự thống trị của giai cấp khác. Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, thực chất, là có tính chất kinh tế. Việc giành được chính quyền về tay giai cấp công nhân, nhân dân lao động mới là bước đầu. Nhiệm vụ trọng tâm, có ý nghĩa quyết định cho sự thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa là

1. *Sđd*, t.4, tr. 623-624.

phải phát triển kinh tế, không ngừng nâng cao năng suất lao động, cải thiện đời sống nhân dân.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực kinh tế, trước hết, phải thay đổi vị trí, vai trò của người lao động đối với tư liệu sản xuất, thay chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa bằng chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa dưới những hình thức thích hợp; thực hiện những biện pháp cần thiết gắn người lao động với tư liệu sản xuất.

Trên cơ sở lực lượng sản xuất phát triển, năng suất lao động ngày càng tăng cao, từng bước cải thiện đời sống nhân dân lao động, nâng cao chất lượng sức khỏe, năng lực của người lao động. Mặt khác, dưới chủ nghĩa xã hội, tìm mọi cách phát huy tính tích cực xã hội, khả năng sáng tạo của người lao động để ngày càng nâng cao năng suất lao động, hiệu quả công tác làm cho nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ngày càng phát triển góp phần chiến thắng chủ nghĩa tư bản.

Dưới chủ nghĩa xã hội, có điều kiện đưa tiến bộ khoa học vào sản xuất, góp phần nâng cao năng suất lao động, tạo ra nhiều của cải xã hội phục vụ quần chúng nhân dân lao động, vì có sự thống nhất về lợi ích giữa cá nhân, tập thể và xã hội.

Chủ nghĩa xã hội thực hiện phân phối theo lao động, do vậy, năng suất lao động, hiệu quả công tác là thước đo đánh giá sự đóng góp của mỗi người cho xã hội. Năng suất lao động, hiệu suất công tác là biểu hiện cụ thể của lòng yêu nước, ý thức giai cấp, ý thức dân tộc của mỗi người ở trong xã hội.

Trên lĩnh vực tư tưởng - văn hoá: Trong các xã hội trước

đây, giai cấp bóc lột nắm tư liệu sản xuất vật chất, họ cũng nắm luôn công cụ thống trị về mặt tinh thần. Dưới chủ nghĩa xã hội, giai cấp công nhân và quần chúng nhân dân lao động đã là những người làm chủ những tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội, do vậy, cũng là những sáng tạo ra những giá trị tinh thần của xã hội. Người lao động là người sáng tạo, làm phong phú thêm những giá trị văn hoá tinh thần của xã hội, đồng thời cũng là những người hưởng thụ những giá trị văn hoá tinh thần đó.

Trên cơ sở kế thừa có chọn lọc và nâng cao các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc, tiếp thu các giá trị văn hoá tiên tiến của thời đại, cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực văn hoá thực hiện việc giải phóng những người lao động về mặt tinh thần thông qua việc xây dựng từng bước thế giới quan và nhân sinh quan mới cho người lao động, hình thành những con người mới xã hội chủ nghĩa, giàu lòng yêu nước, thương dân, có bản lĩnh chính trị, nhân văn, nhân đạo, có hiểu biết và biết giải quyết đúng đắn mối quan hệ cá nhân, gia đình và xã hội..., có năng lực làm chủ xã hội.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa diễn ra đồng thời trên các lĩnh vực và các lĩnh vực đó có quan hệ mật thiết, tác động, thúc đẩy lẫn nhau.

Nhìn chung, cách mạng xã hội chủ nghĩa là một quá trình cải biến toàn diện xã hội cũ thành xã hội mới, trong đó công cuộc cải tạo kết hợp chặt chẽ với công cuộc xây dựng mà xây dựng là chủ yếu. Cải tạo đóng vai trò như một phương tiện phục vụ cho mục tiêu xây dựng xã hội mới, ngược lại, công cuộc xây dựng xã hội mới tạo ra

những điều kiện có ý nghĩa quyết định để triển khai công cuộc cải tạo.

3. Động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa

"Tất cả những phong trào lịch sử, từ trước đến nay, đều là do thiếu sót thực hiện, hoặc đều mưu lợi ích cho thiếu sót. Phong trào vô sản là phong trào độc lập của khối đại đa số, mưu lợi ích cho khối đại đa số"¹.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa với mục đích giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động ra khỏi tình trạng áp bức bóc lột, do vậy, thu hút được sự tham gia của giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động khác.

Giai cấp công nhân ngày càng tăng về số lượng, nâng cao về chất lượng, ngày càng giác ngộ về lợi ích giai cấp của mình thông qua sự lãnh đạo của đảng cộng sản, cho nên là động lực cơ bản, chủ yếu của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Vai trò động lực và vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân là yếu tố hàng đầu bảo đảm cho sự thắng lợi của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Thực tế lịch sử đã chỉ ra rằng, khi nào và ở đâu phong trào công nhân vững mạnh, sự lãnh đạo của giai cấp công nhân sáng suốt thì cách mạng thắng lợi, những lực lượng phản động quốc tế bị đẩy lùi. Ở đâu và khi nào phong trào công nhân suy yếu, sự lãnh đạo của giai cấp công nhân giảm sút thì phong trào cách mạng sẽ gặp khó khăn.

Giai cấp nông dân có nhiều lợi ích cơ bản thống nhất

1. *Sđd*, t.4, tr. 611.

với lợi ích của giai cấp công nhân, do vậy, giai cấp này trở thành động lực cách mạng to lớn trong cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong quá trình đấu tranh giành chính quyền, giai cấp công nhân chỉ giành thắng lợi khi giai cấp nông dân đi theo giai cấp công nhân, làm cho sức mạnh của cách mạng tăng lên. Trước đây, C. Mác đã chỉ ra, nếu giai cấp công nhân không thực hiện được bài đồng ca cách mạng với giai cấp nông dân thì bài đơn ca của giai cấp công nhân sẽ trở thành bài ai điếu.

Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng vậy, giai cấp công nhân chỉ có thể hoàn thành được sứ mệnh lịch sử khi đại đa số giai cấp nông dân đi theo giai cấp công nhân, cùng giai cấp công nhân xây dựng xã hội mới ngày càng tốt đẹp trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội.

Sự tham gia đông đảo của giai cấp nông dân vào cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa là điều kiện đảm bảo sự lãnh đạo của đảng, là cơ sở xây dựng chính quyền nhà nước vững mạnh, xây dựng một xã hội quyền lực thuộc về nhân dân. Giai cấp nông dân là lực lượng quan trọng trong sự phát triển kinh tế của đất nước, cùng với giai cấp công nhân xây dựng nền kinh tế ngày càng phát triển - điều kiện đảm bảo cho sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội đối với chủ nghĩa tư bản.

Trí thức là những người có vị trí quan trọng trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong quá trình đấu tranh giành chính quyền và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trước đây V.I. Lênin đã khẳng định, không có trí thức không thể có chủ nghĩa xã hội. Trí thức là những người có đóng góp to lớn trong chăm sóc sức khỏe nhân dân, phát triển dân trí,

đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước, tham gia xây dựng đường lối của đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, đưa chúng vào trong quần chúng nhân dân và tổ chức quần chúng thực hiện cho được đường lối, chính sách đó.

Trong thời đại khoa học công nghệ, lượng giá trị lao động chất xám ngày càng chiếm tỉ lệ cao trong sản phẩm hàng hoá, thì vai trò động lực phát triển xã hội của trí thức lại càng cao. Ngày nay, không một sản phẩm nào trong công nghiệp, trong nông nghiệp lại không gắn với khoa học công nghệ.

Vai trò trí thức ngày càng tăng trong xã hội. Trí thức ngày càng có ý nghĩa to lớn với sự phát triển đất nước, nhưng trí thức không bao giờ trở thành lực lượng lãnh đạo cách mạng, vì họ không đại biểu cho bất cứ một phương thức sản xuất nào, không có hệ tư tưởng độc lập. Trí thức phục vụ cho giai cấp nào thì mang ý thức hệ của giai cấp đó. Trí thức trong cách mạng xã hội chủ nghĩa thì theo ý thức hệ của giai cấp công nhân - chủ nghĩa Mác-Lênin.

Báo cáo tổng kết 20 năm đổi mới (1986-2006) của Đảng đã chỉ rõ: Để đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, phải tạo lập và phát huy các động lực của nó, có như vậy mới giải phóng được lực lượng sản xuất, giải phóng con người.

- Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đây là nguồn sức mạnh và là động lực chủ yếu bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu vừa là động lực của công cuộc đổi mới.

- Kết hợp hài hoà lợi ích xã hội, tập thể và cá nhân, quan tâm lợi ích thiết thân của con người.

- Trong sự nghiệp đổi mới, cần quan tâm tới các động lực khác rất quan trọng, như phát triển văn hoá, xây dựng con người, thi đua xã hội chủ nghĩa,... kể cả động lực tinh thần (tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, ý chí vươn lên, tự lực tự cường, khoa học – công nghệ...). Bản thân đổi mới cũng là một động lực của sự phát triển¹.

III. LÝ LUẬN CÁCH MẠNG KHÔNG NGỪNG CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN VÀ SỰ VẬN DỤNG Ở VIỆT NAM

1. Lý luận cách mạng không ngừng của chủ nghĩa Mác-Lênin

Trong lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về cách mạng xã hội chủ nghĩa, lý luận về sự phát triển cuộc cách mạng dân chủ tư sản theo một cương lĩnh mang tính triệt để để rồi chuyển biến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa do V. I. Lênin nêu lên có một vị trí nổi bật.

Để làm việc đó, V.I.Lênin đã kế thừa những tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen về cách mạng không ngừng. Khi luận chứng về mặt lý luận, C.Mác và Ph.Ăngghen xem cách mạng như một quá trình gồm hai giai đoạn, nhưng phát triển liên tục, thông qua việc hoàn thành mục tiêu của giai đoạn thống nhất rồi tiến tới mục tiêu cuối cùng.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới (1986-2006)*, lưu hành nội bộ, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 137-140.

Trong khi quan tâm và đặt hy vọng chủ yếu vào sự bùng nổ đồng loạt của cách mạng ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, hai ông bỏ qua các nước mà chủ nghĩa tư bản mới chỉ đạt mức độ trung bình, còn tồn tại những tàn tích nặng nề của chế độ phong kiến trung cổ. Xem các nước này như những bộ phận không tách rời trong hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới, hai ông nêu lên giả định cho rằng, cách mạng xã hội chủ nghĩa có thể nổ ra ở các nước này trước khi nó nổ ra ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển. Ở các nước này, theo C.Mác và Ph.Ăngghen cần kết hợp cuộc cách mạng của giai cấp vô sản với phong trào đấu tranh của nông dân và của các lực lượng tư sản chống phong kiến, giành dân chủ. Cuộc đấu tranh giành dân chủ phải được đặt trong xu thế tiến tới một cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nghiên cứu tình hình nước Đức vào nửa đầu thế kỷ XIX, hai ông cho rằng, nước Đức hiện nay đang ở vào đêm hôm trước của một cuộc cách mạng tư sản và cách mạng tư sản Đức chỉ có thể là màn đầu trực tiếp cho một cuộc cách mạng vô sản.

Điều mà C.Mác và Ph.Ăngghen chỉ xem như ngoại lệ trong thời đại của các ông đã được V.I.Lênin căn cứ vào hoàn cảnh lịch sử mới, khẳng định là nét tiêu biểu của thời đại mình. Ông phân tích sâu tình hình nước Nga cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Do là nơi tập trung các mâu thuẫn lúc đó và là khâu yếu nhất trong sợi dây chuyền đế quốc chủ nghĩa, giai cấp công nhân tuy ra đời muộn nhưng sớm trưởng thành, nước Nga trở thành trung tâm của cách mạng thế giới.

Trong lòng nước Nga “đế quốc - phong kiến - quân phiệt” cùng một lúc xuất hiện tiền đề của hai cuộc cách mạng. Chủ nghĩa tư bản đạt tới mức độ phát triển trung bình và đã chuyển vào giai đoạn đế quốc chủ nghĩa làm cho mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản biểu hiện gay gắt, tạo nên tiền đề cho cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước Nga. Tàn tích phong kiến trung cổ được duy trì ở mức độ nặng nề làm cho mâu thuẫn giữa giai cấp nông dân và giai cấp địa chủ biểu hiện không kém gay gắt, tạo nên tiền đề của cách mạng dân chủ.

Trong bầu không khí sục sôi cách mạng ở nước Nga, cùng một lúc xuất hiện nhiều lực lượng đấu tranh. Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và tự do, dân chủ và chủ nghĩa xã hội; cuộc đấu tranh của giai cấp nông dân đòi ruộng đất và quyền dân sinh, dân chủ tối thiểu; cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức đòi bình đẳng và tự quyết dân tộc; cuộc đấu tranh của đông đảo nhân dân đòi chấm dứt chiến tranh và tạo lập một nền hoà bình vững chắc. V.I.Lênin nhận rõ rằng hoà bình, dân sinh, dân chủ là “mẫu số chung” của tất cả các trào lưu đó. Vì thế cương lĩnh cách mạng do Người nêu ra là tiến hành một cuộc cách mạng dân chủ triệt để rồi chuyển biến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa.

V.I.Lênin chỉ ra rằng, khác với giai đoạn trước, ở giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, do thái độ của các giai cấp và mối tương quan giữa các giai cấp đã có những thay đổi nhất định nên cách mạng dân chủ đã có những biểu hiện mới trong nội dung. Cách mạng dân chủ tư sản Nga mang tính nhân dân sâu sắc, đồng thời biểu lộ cả những “dấu hiệu vô

sản". Đó là cuộc cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới do giai cấp công nhân lãnh đạo. Sự hoàn thành triệt để cuộc cách mạng đó có nghĩa là tạo lập chiếc cầu trực tiếp để chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa.

V.I.Lênin cho rằng thắng lợi triệt để của cách mạng dân chủ phải được đánh dấu bằng sự ra đời của một thiết chế chính trị mang tính quá độ, đó là nền chuyên chính dân chủ cách mạng của giai cấp công nhân và giai cấp nông dân. Thiết chế chính trị đó mang tính mềm dẻo, hoạt động của nó vừa đáp ứng những nhiệm vụ mà cách mạng dân chủ đặt ra một cách trực tiếp, vừa thể hiện được xu thế phát triển lên cách mạng xã hội chủ nghĩa. Chỉ khi chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa thì nền chuyên chính này mới chuyển thành chuyên chính vô sản.

V.I.Lênin còn nêu lên và thực hiện tư tưởng về sự "giao kết" giữa cách mạng dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Sự "giao kết" đó biểu hiện ở chỗ trong cách mạng dân chủ đã giải quyết một số nhiệm vụ nhằm chuẩn bị tiền đề trực tiếp cho cách mạng xã hội chủ nghĩa, còn khi đã chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa thì vẫn phải tiếp tục làm tốt những nhiệm vụ còn lại của cách mạng dân chủ. Sự "giao kết" đó gắn bó hai giai đoạn cách mạng vào một tiến trình liên tục và thống nhất.

V.I.Lênin viết: Thắng lợi hoàn toàn của cách mạng hiện tại sẽ đánh dấu bước kết thúc của cách mạng dân chủ và mở đầu cho cuộc đấu tranh kiên quyết cho cách mạng xã hội chủ nghĩa.

V.I.Lênin cũng chỉ ra rằng, để thực hiện sự chuyển biến

từ cách mạng dân chủ lên cách mạng xã hội chủ nghĩa phải có đủ ba điều kiện chủ yếu:

Một là, sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua chính đảng của nó được bảo đảm và không ngừng củng cố.

Hai là, khối liên minh công nông được giữ vững và phát triển trên cơ sở một đường lối thích hợp với từng giai đoạn cách mạng.

Ba là, chính quyền dân chủ cách mạng được củng cố để hoàn thành nhiệm vụ của nó ở giai đoạn thứ nhất, đồng thời chuẩn bị những điều kiện để chuyển sang giai đoạn thứ hai.

2. Sự chuyển biến từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân lên cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

a) Tính tất yếu của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam

Ngay từ khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, với truyền thống yêu nước, nhân dân ta đã kiên cường đứng lên đấu tranh chống thực dân Pháp giành lại độc lập cho dân tộc.

Các sĩ phu yêu nước dưới ngọn cờ "Cần Vương" mong giành lại độc lập cho dân tộc khôi phục chế độ phong kiến, đã bị thực dân Pháp đàn áp đẫm máu. Những người nông dân với lòng căm thù giặc sâu sắc, cầm gươm giáo đứng lên khởi nghĩa chống Pháp cuối cùng cũng thất bại.

Với ảnh hưởng tư tưởng dân chủ tư sản phương Tây, mà trực tiếp nhất là cách mạng Tân Hợi Trung Quốc,

hiều nhà cách mạng Việt Nam như: Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu, Nguyễn Thái Học v.v. muốn giành độc lập cho dân tộc, đưa đất nước theo con đường tư bản chủ nghĩa, noi gương các nước phương Tây cuối cùng đều bị thất bại.

Sở dĩ các phong trào đấu tranh trên đều bị thất bại, bởi vì cách mạng lúc đó thiếu đường lối đúng đắn, các phong trào không đáp ứng được những yêu cầu dân chủ của thời đại mới, tư tưởng phong kiến, tư sản đã trở nên lạc hậu với thời đại. Tuy những phong trào cách mạng đó đã thất bại, nhưng đã góp phần thức tỉnh tinh thần đấu tranh cách mạng của nhân dân, góp phần nâng cao chí khí, khai thông dân trí cho dân tộc.

Cách mạng Tháng Mười Nga (1917) đã thức tỉnh các dân tộc bị áp bức đứng lên giành độc lập dân tộc, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, từng bước đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Giai cấp công nhân Việt Nam được hình thành qua các cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, tuy số lượng không đông nhưng đã sớm tiếp thu được tinh thần yêu nước của dân tộc, lại bị ba tầng áp bức là đế quốc, địa chủ, và tư sản, nên đã tỏ rõ là một lực lượng kiên cường trong các cuộc đấu tranh.

Nỗi nhục của người dân bị mất nước, bị áp bức bóc lột nặng nề của thực dân, đế quốc là một trong những nhân tố làm cho giai cấp công nhân Việt Nam từng bước có ý thức gắn liền với quyền lợi giai cấp, cuộc đấu tranh giành độc lập của cả dân tộc ta.

Thực tiễn lịch sử cách mạng Việt Nam những năm đầu của thế kỷ XX, sự áp bức của thực dân, đế quốc, phong kiến với quần chúng nhân dân lao động vô cùng tàn bạo, những phong trào đấu tranh theo xu hướng phong kiến, tư sản đều bị thất bại, đã là mảnh đất tốt để tuyên truyền tư tưởng xã hội chủ nghĩa cho nhân dân. Hồ Chí Minh viết: "Sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất rồi: Chủ nghĩa xã hội chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi"¹.

Trong quá trình bôn ba tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã nhận thức được tính tất yếu lịch sử: "Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức", do vậy, Người đã tích cực tuyên truyền chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam, đưa đến việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam vào ngày 3-2-1930.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã làm cho cách mạng Việt Nam thoát khỏi sự khủng hoảng về đường lối chính trị.

Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, sự nghiệp đấu tranh của nhân dân Việt Nam đã kết hợp hai sự nghiệp giải phóng dân tộc bị áp bức và giải phóng giai cấp những người lao động. Đi theo ngọn cờ của Đảng, nhân dân Việt Nam đã hoàn thành xuất sắc hai nhiệm vụ đó để đưa đất nước đi lên con đường xã hội chủ nghĩa.

b) Tính tất yếu chuyển biến từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân lên cách mạng xã hội chủ nghĩa

Tính tất yếu chuyển biến từ cách mạng dân tộc dân chủ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.1, tr. 28.

nhân dân lên cách mạng xã hội chủ nghĩa đã được khẳng định ngay trong Cương lĩnh cách mạng đầu tiên của Đảng ta: "Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản"¹.

Thực tế của cách mạng Việt Nam từ khi có Đảng ta lãnh đạo cũng thể hiện rõ tính tất yếu nêu trên.

Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945, thực dân Pháp lại trở lại xâm lược nước ta một lần nữa. Nhân dân Việt Nam vừa phải kháng chiến, vừa phải kiến quốc với phương châm dựa vào sức mình là chính, phải dựa vào dân, huy động sức dân mà kháng chiến.

Muốn kháng chiến thắng lợi chúng ta phải xây dựng chủ quyền của nhân dân, làm cho nhân dân là người chủ thực sự của đất nước. Quyền hành, lực lượng đều ở nhân dân, một khi:

"Dân chúng đồng lòng, việc gì cũng làm được.

Dân chúng không ủng hộ, việc gì làm cũng không nên"².

Để thực hiện được điều đó Nhà nước dân chủ nhân dân phải từng bước xoá bỏ sở hữu địa chủ phong kiến, đưa lại ruộng đất cho nông dân, phải tạo điều kiện cho công nhân làm chủ xí nghiệp. Ngọn cờ của chủ nghĩa xã hội đã quy tụ sức mạnh của nhân dân lao động, giúp chúng ta giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Pháp, miền Bắc được giải phóng và đi lên chủ nghĩa xã hội.

1. *Sđd.* t.3, tr.1.

2. *Sđd.* t.5, tr. 293.

Bằng thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội trên nửa nước, nhân dân miền Bắc đã có điều kiện huy động sức người sức của cùng với nhân dân miền Nam thực hiện thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Tính tất yếu của sự chuyển từ cách mạng dân chủ nhân dân sang cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam chính là: đường lối và mục tiêu cách mạng Việt Nam là nhất quán, dù có phân chia hai giai đoạn, nhưng đều do một Đảng duy nhất là Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Không lý gì một Đảng một giai cấp đang lãnh đạo thắng lợi đối với một dân tộc lại tự rời bỏ vai trò của mình cho đảng khác, giai cấp khác (điều này trái cả với quy luật của nhân loại, từ khi có giai cấp và Đảng chính trị). Hơn nữa, những kết quả, thắng lợi của giai đoạn cách mạng do Đảng ta lãnh đạo cũng đồng thời là điều kiện, mở đầu cho giai đoạn cách mạng mới cũng do Đảng ta lãnh đạo trên phạm vi cả nước. Cả dân tộc ta có đủ những điều kiện và tư liệu thực tiễn lịch sử để hoàn toàn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa của nước ta, dân tộc ta.

Hiện nay tình hình quốc tế có những biến động, các lực lượng tư bản chủ nghĩa đang có loĩ thẽ về phát triển khoa học công nghệ, về sức mạnh kinh tế, sức mạnh quân sự, chủ nghĩa xã hội đang có thoái trào tạm thời sau sự sụp đổ của Đông Âu và Liên Xô, (chủ yếu là do những sai lầm và tự xóa bỏ chủ nghĩa xã hội), Đảng ta tiếp tục khẳng định

một cách đúng đắn rằng: "loài người vẫn đang trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội"¹.

Sở dĩ Đảng ta khẳng định như vậy bởi lẽ, hiện nay chủ nghĩa tư bản tuy có thay đổi hình thức áp bức, bóc lột, nhưng vẫn không hề thay đổi bản chất, vẫn là nguyên nhân gây ra sự nghèo đói cho các nước chậm phát triển, vẫn là nguồn gốc gây ra những cuộc chiến tranh và tạo nên bao tai họa về văn hoá, xã hội, môi sinh... trên thế giới. Ngay trong các nước tư bản phát triển như Mỹ, Anh, v.v. tình trạng phân hoá giàu nghèo vẫn diễn ra rất gay gắt, người nghèo vẫn sống trong tình trạng không nhà cửa. Nhiều nước dân tộc chủ nghĩa, sau khi giành được độc lập đưa đất nước đi theo con đường tư bản chủ nghĩa, nhưng đất nước vẫn đang rơi vào tình trạng nghèo đói, khó khăn, chiến tranh, xung đột dân tộc, tôn giáo, v.v.. Sự nghèo khổ của những người lao động ở những nước này ngày càng trở nên trầm trọng. Sự nghèo đói, chậm phát triển làm cho các nước đó không thể có độc lập thật sự.

Nhiều nước trước đây vốn là các nước xã hội chủ nghĩa, trong công cuộc cải tổ, cải cách, đã mắc nhiều sai lầm cơ bản về đường lối cách mạng, thậm chí có sự phản bội lại chủ nghĩa xã hội muốn đưa đất nước đi theo con đường của chủ nghĩa tư bản hay chủ nghĩa xã hội dân chủ, ảo tưởng mong chờ sự giúp đỡ của thế giới tư bản, hiện nay đang rơi vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng về kinh tế - xã hội, về con đường phát triển của đất nước. Nhiều định hướng giá trị của xã hội bị đảo lộn. Xung đột dân tộc,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 76.

tôn giáo, phe phái gia tăng. Đời sống của những người lao động ngày càng khó khăn. Sự phân hoá giàu nghèo trong xã hội ngày càng gia tăng. Vị thế của các nước đó trên trường quốc tế ngày càng suy giảm.

Việt Nam do giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện đổi mới một cách đúng đắn "... đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là quan niệm đúng đắn hơn về chủ nghĩa xã hội và thực hiện mục tiêu ấy bằng những hình thức, bước đi và biện pháp phù hợp"¹, nên đã thu được những thắng lợi to lớn.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (tháng 4 năm 2001) của Đảng Cộng sản Việt Nam đã phát triển thêm và cụ thể hoá hơn những nội dung của đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam với những bước đi, hình thức để đạt được mục tiêu cụ thể hơn. Đó là: "Xây dựng chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, *cho nên phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính quá độ*. Trong các lĩnh vực của đời sống xã hội diễn ra sự đan xen và đấu tranh giữa cái mới và cái cũ. Từ Đại hội VIII của Đảng năm 1996, đất nước ta đã chuyển sang chặng đường mới đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phấn đấu đến năm 2020 cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Trong chặng đường hiện nay còn phải tiếp tục hoàn thành một số nhiệm vụ của chặng đường trước"².

1. *Sđd*, tr. 70.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 85.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X (tháng 4 năm 2006) của Đảng đã khẳng định: “Hai mươi năm qua, với sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, công cuộc đổi mới ở nước ta đã đạt **những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử**.”

Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, có sự thay đổi cơ bản và toàn diện. Kinh tế tăng trưởng khá nhanh, sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Chính trị – xã hội ổn định. Quốc phòng và an ninh được giữ vững. Vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng nâng cao. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia đã tăng lên rất nhiều, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp.

Những thành tựu đó chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo, phù hợp thực tiễn Việt Nam. Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn; hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã hình thành trên những nét cơ bản”¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 67 - 68.

CHƯƠNG V

THỜI ĐẠI NGÀY NAY

I. KHÁI NIỆM VỀ THỜI ĐẠI VÀ THỜI ĐẠI NGÀY NAY

1. Quan niệm về thời đại và cơ sở phân chia thời đại lịch sử

a) Quan niệm về thời đại

Thời đại là một khái niệm khoa học dùng để phân kỳ lịch sử xã hội, phân biệt những nấc thang phát triển xã hội loài người

Các ngành khoa học khác nhau có cách phân chia thời đại lịch sử khác nhau, ví dụ như:

- Nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng Pháp là Phuriê (1772 - 1837) chia lịch sử phát triển xã hội loài người thành bốn giai đoạn: mông muội, dã man, gia trưởng, văn minh.

- Nhà nhân chủng học Mỹ là Moócgan (1818 - 1881) lại phân chia thành ba giai đoạn: mông muội, dã man và văn minh.

- Nhà tương lai học người Mỹ, Anvin Tôpphơ lại dựa vào trình độ phát triển công cụ sản xuất, chia lịch sử phát triển nhân loại thành ba nền văn minh: văn minh nông nghiệp, văn minh công nghiệp và văn minh hậu công nghiệp.

Như vậy, dựa trên những cơ sở khác nhau, có thể có sự phân chia thời đại khác nhau. Đối với chủ nghĩa tư bản, V.I. Lênin cũng chia thành thời đại thứ nhất, từ cuộc Đại cách mạng Pháp đến cuộc Chiến tranh Pháp - Phổ là thời đại giai cấp tư sản đang phát triển mạnh. Thời đại thứ hai là thời đại giai cấp tư sản giành được quyền thống trị hoàn toàn và đang bắt đầu đi xuống. Thời đại thứ ba giai cấp tư sản đã trở thành như lãnh chúa, thời đại đế quốc chủ nghĩa¹.

Việc nghiên cứu thời đại lịch sử có một ý nghĩa to lớn. Có hiểu được thời đại chúng ta đang sống là thời đại nào "thì chúng ta mới có thể định ra đúng đắn sách lược của chúng ta; và chỉ trên cơ sở hiểu biết những đặc điểm cơ bản của thời đại, chúng ta mới có thể tính đến những đặc điểm chi tiết của nước này hay nước nọ"².

b) Cơ sở phân chia thời đại lịch sử

- Theo quan điểm chủ nghĩa Mác-Lênin, *cơ sở thứ nhất để phân chia thời đại lịch sử là các hình thái kinh tế - xã hội*.

Theo Ph. Ăngghen, mọi thời đại lịch sử, sản xuất kinh tế và cơ cấu xã hội - cơ cấu này tất yếu phải do sản xuất kinh tế mà ra, - cả hai cái đó tạo thành cơ sở của lịch sử chính trị và lịch sử tư tưởng của mỗi thời đại³.

Lý luận hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác-Lênin cho chúng ta cơ sở khoa học để phân chia thời đại

1, 2. V.I.Lênin: *Toàn tập*. Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1980. t.26, tr. 175 - 176, 174.

3. Xem C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.21, tr.11.

lịch sử, nó nói tới sự phát triển của lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, cả cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng (bao gồm: các yếu tố chính trị, tư tưởng, văn hoá, khoa học, v.v.). Nó nêu lên lịch sử phát triển nhân loại trong mỗi thời kỳ lịch sử một cách toàn diện.

- Dựa vào sự thay đổi vị trí trung tâm của các giai cấp trong xã hội.

Sự chuyển biến từ hình thái kinh tế - xã hội này sang hình thái kinh tế - xã hội khác cao hơn, tiến bộ hơn, không diễn ra một cách tự phát mà phải thông qua hoạt động của con người, hoạt động của giai cấp tiên tiến và những lực lượng cách mạng.

Trong xã hội có giai cấp và đối kháng giai cấp, mỗi một hình thái kinh tế - xã hội có một giai cấp giữ vai trò thống trị, đứng ở vị trí trung tâm của thời đại đó. Giai cấp đứng ở vị trí trung tâm của thời đại phải là giai cấp tiên tiến, giai cấp đại diện cho xu hướng vận động của lịch sử, có khả năng tập hợp các tầng lớp nhân dân lao động khác vào cuộc đấu tranh xoá bỏ chế độ cũ, thiết lập chế độ xã hội mới. Giai cấp tiên tiến đứng ở vị trí trung tâm của thời đại có vai trò quyết định xu hướng vận động của lịch sử trong thời đại đó.

Trong chế độ phong kiến, giai cấp quý tộc phong kiến là người đại diện. Trong chế độ tư bản chủ nghĩa, giai cấp tư sản là người đại diện.

Khi chủ nghĩa tư bản chuyển thành chủ nghĩa đế quốc, V.I. Lênin cho rằng đã xuất hiện những điều kiện khách quan cho việc xoá bỏ hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ

nghĩa, thiết lập hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Giai cấp công nhân Nga, dưới sự lãnh đạo của Đảng Bôn-sê-vích đã lãnh đạo quần chúng nhân dân lật đổ chế độ chuyên chế Nga hoàng, xoá bỏ thiết chế tư bản chủ nghĩa, mở ra một thời đại lịch sử mới là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi thế giới.

Như vậy, từ sau Cách mạng Tháng Mười, nội dung cơ bản của thời đại là quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới. Nhưng để thực hiện được điều đó, giai cấp công nhân ở mỗi nước phải nhận thức được sứ mệnh lịch sử của mình, tập hợp các tầng lớp nhân dân lao động tiến hành cuộc đấu tranh kiên quyết lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, xoá bỏ hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa thiết lập hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Tóm lại: Cơ sở khoa học để xác định thời đại lịch sử là những điều kiện vật chất khách quan, hình thái kinh tế - xã hội. Hình thái kinh tế - xã hội chỉ xã hội ở một giai đoạn nhất định, với một kiểu quan hệ sản xuất đặc trưng cho xã hội đó, phù hợp với một trình độ nhất định của lực lượng sản xuất và một kiến trúc thượng tầng tương ứng về chính trị, đạo đức, pháp luật, được xây dựng trên quan hệ sản xuất đó. Trong mỗi thời đại lịch sử lại có một giai cấp đại diện đứng ở vị trí trung tâm, quyết định xu hướng vận động của lịch sử trong giai đoạn đó.

Hình thái kinh tế - xã hội tiên tiến mở đầu một thời đại, tạo nên nội dung của thời đại. Nhưng khái niệm hình thái kinh tế - xã hội và thời đại lịch sử là không đồng

nhất. Trong một thời đại lịch sử đồng thời tồn tại nhiều hình thái kinh tế - xã hội, cả hình thái kinh tế - xã hội tiên tiến và cả lạc hậu. Chúng đấu tranh với nhau một cách quyết liệt, lâu dài. Thời đại là một thời kỳ lịch sử lâu dài có sự chuyển biến từ hình thái kinh tế - xã hội thấp lên hình thái kinh tế - xã hội cao. Đặc trưng cho tính chất và xu hướng vận động của thời đại là hình thái kinh tế - xã hội tiến bộ nhất.

2. Thời đại ngày nay và các giai đoạn chính của nó

a) Quan niệm về thời đại ngày nay

Cách mạng Tháng Mười đã mở đầu một thời đại mới trong lịch sử thế giới. "Một kỷ nguyên mới đã mở ra trong lịch sử thế giới.

Nhân loại đang vứt bỏ hình thức cuối cùng của chế độ nô lệ: chế độ nô lệ tư bản hay chế độ nô lệ làm thuê.

Thoát khỏi được chế độ nô lệ đó, lần đầu tiên nhân loại sẽ bước vào chế độ tự do chân chính"¹.

Sự thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười là cột mốc đánh dấu sự mở đầu một thời đại lịch sử mới, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản vì cuộc cách mạng này đã làm sụp đổ trật tự xã hội cũ - xã hội tư bản chủ nghĩa, tổ chức xây dựng một xã hội mới do nhân dân lao động làm chủ. Sau Cách mạng Tháng Mười, nhân dân Nga (sau này là Liên Xô) đã là những người làm chủ bộ máy nhà nước, làm chủ những tư

V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1978, t. 38, tr.364.

liệu sản xuất chủ yếu của xã hội. Nhân dân Liên Xô dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Liên Xô, đã lao động quên mình, nhanh chóng biến nước Nga lạc hậu thành một nước xã hội chủ nghĩa có nền kinh tế phát triển, nhiều ngành khoa học tiên tiến, có một xã hội luôn luôn quan tâm tới đời sống của quần chúng nhân dân lao động.

Với thành quả của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, với niềm tin vào lý tưởng cộng sản đã giúp cho nhân dân Liên Xô cùng với những lực lượng dân chủ tiến bộ trên thế giới đập tan chủ nghĩa phátxít, cứu nhân loại khỏi họa diệt chủng, giải phóng hàng loạt nước Đông Âu, tạo điều kiện cho các nước này đi lên chủ nghĩa xã hội.

Chủ nghĩa xã hội với tính ưu việt của nó đã cổ vũ hàng loạt các nước đứng lên đấu tranh giành độc lập cho dân tộc, dân chủ cho nhân dân, xoá bỏ tàn tích của chế độ thực dân phong kiến. Nhiều nước trong số đó đã lựa chọn con đường lên chủ nghĩa xã hội hoặc định hướng lên chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội đã vượt khỏi phạm vi một nước trở thành hệ thống trên thế giới đối lập với thế giới tư bản chủ nghĩa.

Sau Cách mạng Tháng Mười, nhất là từ khi nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa ra đời, sự vận động của tình hình thế giới có lợi cho lực lượng hoà bình, dân chủ và tiến bộ trên thế giới.

Tóm lại, Cách mạng Tháng Mười Nga đã mở đầu thời đại mới - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới vì:

Thứ nhất, sau Cách mạng Tháng Mười Nga chủ nghĩa xã hội đã từ lý luận trở thành thực tiễn, đã xuất hiện hình

thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, là cái đối lập, phủ định hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa.

Thứ hai, chiều hướng phát triển chủ yếu, trực tuyến suốt của sự vận động lịch sử từ sau Cách mạng Tháng Mười là đấu tranh xoá bỏ trật tự tư bản chủ nghĩa, thiết lập và từng bước xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi thế giới.

Thứ ba, từ sau Cách mạng Tháng Mười, các nước xã hội chủ nghĩa, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế trở thành lực lượng nòng cốt, đi đầu trong cuộc đấu tranh vì hoà bình, dân chủ và tiến bộ trên phạm vi toàn thế giới.

Thứ tư, sau Cách mạng Tháng Mười, cách mạng giải phóng dân tộc nằm trong phạm trù cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhiều nước sau khi giành được độc lập dân tộc đã đi lên con đường chủ nghĩa xã hội.

~ Sự vận động của lịch sử là quanh co và phức tạp khi tiến, khi lùi. Do vậy, hiện nay mặc dù tình hình quốc tế đang còn diễn ra vô cùng phức tạp, nhưng Đảng ta vẫn khẳng định: "Chủ nghĩa xã hội hiện đứng trước nhiều khó khăn, thử thách. Lịch sử thế giới hiện trải qua những bước quanh co; song, *loài người cuối cùng nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội vì đó là quy luật tiến hoá của lịch sử*"¹.

b) Những giai đoạn chính của thời đại ngày nay

Thời đại ngày nay được mở đầu bằng cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại, là thời đại đấu tranh cho hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, là thời

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr. 8.

đại đang diễn ra cuộc cách mạng khoa học và công nghệ nhằm chuẩn bị những tiền đề vật chất chín muồi cho sự xuất hiện chủ nghĩa xã hội.

Như V.I. Lênin khẳng định, tính phức tạp trong sự vận động của lịch sử nhân loại, song có thể chia thời đại của chúng ta từ Cách mạng Tháng Mười tới nay thành bốn giai đoạn:

Giai đoạn thứ nhất: Từ sau Cách mạng Tháng Mười năm 1917 tới kết thúc Chiến tranh thế giới lần thứ hai năm 1945.

Giai đoạn này là giai đoạn chủ nghĩa xã hội mới hình thành trên phạm vi một số nước như Liên Xô, Trung Quốc. Cuộc Cách mạng Tháng Mười là cuộc cách mạng đầu tiên trong lịch sử đưa nhân dân lao động từ những người nô lệ, làm thuê trở thành những người làm chủ đất nước. Sức mạnh của chế độ mới đã giúp nhân dân lao động Nga đứng vững trong cuộc nội chiến, đập tan âm mưu can thiệp của chủ nghĩa đế quốc. Với khí thế lao động của những con người được giải phóng, thông qua chính sách kinh tế mới, thông qua con đường hợp tác hoá trong nông nghiệp, công nghiệp hoá đất nước, sau 20 năm Liên Xô đã tạo ra sự phát triển mạnh mẽ trong nền kinh tế. Đó là những nguyên nhân giúp cho nhân dân Liên Xô đánh bại chủ nghĩa phátxít trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai, cứu nhân loại khỏi thảm họa của chủ nghĩa phátxít¹.

Giai đoạn thứ hai: Từ sau năm 1945 tới đầu những năm 1970.

1. Xem: Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam: *Kinh tế Liên Xô, thành tựu và vấn đề*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1987, tr. 23.

Đây là giai đoạn chủ nghĩa xã hội phát triển thành hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới.

Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, hàng loạt các nước xã hội chủ nghĩa ra đời, nhất là từ sau khi nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa xuất hiện, cùng với những thành tựu to lớn của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa về kinh tế, xã hội, văn hoá, khoa học kỹ thuật, v.v., hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới đã trở thành chỗ dựa vững chắc cho phong trào đấu tranh vì hoà bình, tiến bộ trên thế giới, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh của những thế lực phản động quốc tế.

Những thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội của các nước xã hội chủ nghĩa đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh vì dân sinh, dân chủ, tiến bộ xã hội trong các nước tư bản chủ nghĩa, đã động viên nhân dân các nước thuộc địa đứng lên đấu tranh giải phóng dân tộc. Trong những năm 60 thế kỷ XX, khoảng 100 quốc gia giành được độc lập dân tộc với những mức độ khác nhau.

Bên cạnh những kết quả đó, trong giai đoạn này, trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đã có những bất hoà. Trong *Di chúc* của Hồ Chí Minh, phần về phong trào cộng sản thế giới, Người viết: "... tôi càng tự hào với sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bao nhiêu, thì tôi càng đau lòng bấy nhiêu vì sự bất hoà hiện nay giữa các đảng anh em!"¹.

Giai đoạn thứ ba: Từ cuối những năm 1970 đến cuối những năm 1980.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.12, tr. 511.

Trong giai đoạn này ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa không chú ý tới công tác xây dựng đảng, nhiều kẻ cơ hội chui vào hàng ngũ đảng cộng sản. Một số người mắc vào tệ sùng bái cá nhân, không ít người mắc bệnh kiêu ngạo cộng sản, không nhìn thấy và không đánh giá đúng những thay đổi trong chính sách của chủ nghĩa tư bản. Ở không ít nước xã hội chủ nghĩa, bộ máy nhà nước trở nên quan liêu, vi phạm những quyền dân chủ của nhân dân. Trong xây dựng kinh tế chủ quan nóng vội, không tuân thủ những quy luật kinh tế khách quan, chậm đưa tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất. Trong lĩnh vực xã hội thực hiện bao cấp tràn lan, không kích thích được tính tích cực cá nhân, do vậy không tạo ra được động lực thúc đẩy xã hội phát triển.

Những sai lầm trên kéo dài, chậm được phát hiện và khắc phục triệt để đã hạn chế tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của các nước, dẫn tới tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội ở nhiều nước, buộc các nước phải cải cách đổi mới.

Trong quá trình cải cách đổi mới, nhiều đảng cộng sản mắc những sai lầm mang tính chất nguyên tắc. Lợi dụng tình hình đó, những thế lực thù địch với chủ nghĩa xã hội ở bên ngoài, kết hợp với những kẻ phản bội ở bên trong, thậm chí cả những người đứng đầu cơ quan đảng và nhà nước đã tấn công làm sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô.

Như vậy sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô có nguyên nhân sâu xa là những sai lầm

của các đảng cộng sản, các nhà nước xã hội chủ nghĩa, sự chống phá quyết liệt của kẻ thù và sự phản bội của một số người cộng sản, chứ hoàn toàn không phải là sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội và lý luận khoa học về chủ nghĩa xã hội như một số người vẫn đang rêu rao.

Đây cũng là bài học kinh nghiệm trong quá trình đổi mới của các nước xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn hiện nay.

Giai đoạn thứ tư: Giai đoạn từ đầu những năm 1990 tới nay.

Giai đoạn hiện nay, chủ nghĩa xã hội thế giới tạm thời lâm vào thoái trào. Cùng với sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô, nhiều đảng cộng sản và công nhân bị tan rã, nhiều đảng viên xin ra khỏi đảng. Nhiều nước dân tộc chủ nghĩa đã định hướng lên chủ nghĩa xã hội, nhưng giờ đây mất chỗ dựa về vật chất và tinh thần, các lực lượng phản động giành lại chính quyền đưa đất nước theo con đường khác.

Ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới giảm đi nghiêm trọng.

Những thế lực phản động quốc tế đang dùng trăm phương, nghìn kế bằng nhiều luận điệu khác nhau để xoá bỏ chủ nghĩa Mác - Lênin và phá hoại sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của các nước xã hội chủ nghĩa còn lại, nhằm xác lập sự thống trị tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản trên thế giới.

Lịch sử đang đặt ra những thử thách to lớn cho chủ nghĩa xã hội, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Để vượt qua những thử thách đó, các nước xã hội chủ nghĩa phải tự đổi mới, phải khắc phục những yếu kém, nhược điểm hạn chế trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, tranh thủ những điều kiện thuận lợi do cuộc cách mạng khoa học và công nghệ tạo ra, không ngừng nâng cao năng suất lao động, cải thiện đời sống nhân dân, để nâng cao sức mạnh mọi mặt của đất nước.

Trải qua những thăng trầm của lịch sử, những người cộng sản ở các nước thuộc Liên Xô trước đây và các nước Đông Âu hiện nay đã nhận rõ bộ mặt kẻ thù, đang ra sức tập hợp lực lượng, tiến hành cuộc đấu tranh bền bỉ nhằm khôi phục những giá trị của chủ nghĩa xã hội để đưa đất nước trở lại con đường xã hội chủ nghĩa.

Từ thực tế những năm vừa qua giúp cho giai cấp công nhân, nhân dân tiến bộ trên thế giới thấy được bộ mặt thật và tính chất nguy hiểm của chủ nghĩa tư bản hiện đại, từ đó mà đoàn kết nhau lại để đấu tranh xoá bỏ chủ nghĩa tư bản, đưa đất nước đi theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Trong thời đại ngày nay: "Chủ nghĩa xã hội trên thế giới, từ những bài học thành công và thất bại cũng như từ khát vọng và sự thức tỉnh của các dân tộc, có điều kiện và khả năng tạo ra bước phát triển mới. Theo quy luật tiến hoá của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội"¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.14.

II. TÍNH CHẤT VÀ NHỮNG MÂU THUẤN CƠ BẢN CỦA THỜI ĐẠI NGÀY NAY

1. Tính chất của thời đại ngày nay

Thời đại ngày nay đang diễn ra cuộc đấu tranh gay go, quyết liệt giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản trên phạm vi toàn thế giới. Cuộc đấu tranh giữa hai chế độ xã hội khác nhau về bản chất đã và đang chi phối toàn bộ quá trình vận động của lịch sử nhân loại.

Đây là cuộc đấu tranh giữa một chế độ mới ra đời, đang trưởng thành, nhưng còn hạn chế về nhiều mặt với một chế độ xã hội đã lạc hậu về mặt lịch sử, nhưng đang có những ưu thế nhất định về kinh tế, về quân sự.

Cuộc đấu tranh giữa hai chế độ xã hội đối lập về bản chất đã và đang diễn ra trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội: kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hoá, v.v..

Trong lĩnh vực kinh tế: Các học giả tư sản đang tìm mọi cách chứng minh nền kinh tế tư bản chủ nghĩa là vĩnh cửu; chủ nghĩa tư bản không còn bóc lột như trước.

Thế giới tư bản chủ nghĩa đang dựa vào lợi thế kinh tế của mình; chủ nghĩa đế quốc đang tìm trăm phương ngàn kế để phá hoại, hạn chế sự phát triển kinh tế của các nước xã hội chủ nghĩa bằng bao vây, cấm vận kinh tế, hoặc thông qua chính sách toàn cầu hoá để tiếp tục áp bức bóc lột những nước nghèo đem lại lợi thế to lớn cho các nước phát triển.

Chủ nghĩa xã hội đang tìm cách khẳng định mình, bằng cách huy động mọi tiềm năng, trí tuệ trong nhân dân, điều chỉnh những sai lầm trong cải cách, đổi mới,

khắc phục yếu kém trong quản lý kinh tế, tranh thủ những thành tựu khoa học - công nghệ hiện đại để chúng mình tính ưu việt của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Trong lĩnh vực chính trị: Các đảng tư sản, chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là Mỹ đang dùng mọi cách để tuyên truyền quảng bá cho chế độ dân chủ tư sản, tự do tư sản; biện minh cho những chính sách bá quyền của họ để can thiệp vào công việc nội bộ các nước.

Bằng nhiều âm mưu thủ đoạn khác nhau từ mua chuộc, lôi kéo, dụ dỗ, lợi dụng những khuyết điểm, hạn chế của một số nước xã hội chủ nghĩa, tới những biện pháp đe dọa, chủ nghĩa tư bản đang thực hiện âm mưu "diễn biến hoà bình" nhằm lật đổ nhà nước xã hội chủ nghĩa, hòng khôi phục lại chế độ tư bản chủ nghĩa ở các nước này.

Các nước xã hội chủ nghĩa, các đảng cộng sản phải tỉnh táo và chủ động kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu phá hoại của kẻ thù, bảo vệ đảng, bảo vệ nhà nước xã hội chủ nghĩa, bảo vệ thành quả cách mạng. Đồng thời, giai cấp công nhân quốc tế, các nhà nước xã hội chủ nghĩa phải làm rõ tính chất phản động, hiếu chiến của các tập đoàn tư bản hiện nay, tập hợp mọi lực lượng dân chủ tiến bộ, yêu chuộng hoà bình trên thế giới tấn công làm thất bại mọi âm mưu chống phá cách mạng của kẻ thù.

Trong lĩnh vực tư tưởng: Chủ nghĩa tư bản dựa vào ưu thế về kinh tế, khoa học - công nghệ và sức mạnh quân sự đang tìm mọi cách phổ biến những giá trị của phương Tây, tuyên truyền quan điểm đa nguyên chính trị, đa đảng hoặc "phi giai cấp", "phi ý thức hệ", "phi chính trị"; làm lẫn lộn giữa đúng, sai, phải, trái nhằm chống lại chủ nghĩa xã hội và những lực lượng hoà bình và tiến bộ trên thế giới.

Đặc biệt đối với các nước xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa đế quốc đã thực hiện chiến lược diễn biến hoà bình, tuyên truyền các lý thuyết tư sản, tìm mọi cách phủ nhận học thuyết Mác-Lênin - lý luận cách mạng, vũ khí sắc bén của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Mặt khác, chúng đang tìm cách mua chuộc, làm thoái hoá về tư tưởng, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ đảng viên; tìm cách chia rẽ cán bộ với cán bộ, đảng với dân, cán bộ với nhân dân, v.v..

Các đảng cộng sản, các nhà nước xã hội chủ nghĩa phải đẩy mạnh cuộc đấu tranh tư tưởng bằng nhiều cách khác nhau, phê phán những tư tưởng phản động, hiếu chiến muốn duy trì sự thống trị, sự áp bức giữa nước giàu đối với nước nghèo, nước lớn đối với nước nhỏ; cổ vũ cho cuộc đấu tranh, vì một thế giới hoà bình, hữu nghị, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau cùng phát triển.

2. Những mâu thuẫn cơ bản của thời đại ngày nay

Hiện nay trên phạm vi toàn thế giới vẫn có 4 mâu thuẫn cơ bản sau:

Thứ nhất: Mâu thuẫn giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản. Đây là mâu thuẫn cơ bản nhất, bởi sự vận động của mâu thuẫn này tác động tới những mâu thuẫn còn lại. Một khi chủ nghĩa xã hội vững mạnh, phong trào công nhân trên thế giới phát triển, thì cuộc đấu tranh của nhân dân lao động trên thế giới vì hoà bình, ổn định được phát triển.

Đây là mâu thuẫn nổi bật, xuyên suốt từ khi Cách mạng Tháng Mười thành công. Chính vì vậy chủ nghĩa đế

quốc tìm mọi cách xoá bỏ chủ nghĩa xã hội trên thế giới. từ khi nó ra đời tới nay.

Ngay sau Cách mạng Tháng Mười, 14 nước đế quốc đã bao vây hòng tiêu diệt nước Nga Xôviết.

Tiếp theo Chiến tranh thế giới lần thứ hai, chủ nghĩa phátxít cũng muốn tiêu diệt Liên Xô.

Cuộc chiến tranh lạnh, thế giới tư bản tìm mọi cách cô lập các nước xã hội chủ nghĩa, bằng cách tiến hành bao vây kinh tế, đẩy mạnh chạy đua vũ trang với mong muốn làm suy yếu những nước này để đi đến xoá bỏ hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa.

Hiện nay, một số nước xã hội chủ nghĩa đã có quan hệ ngoại giao, quan hệ kinh tế và nhiều quan hệ khác với các nước tư bản chủ nghĩa. Điều đó không có nghĩa là mâu thuẫn giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản dịu đi hay không còn nữa. Trái lại, mâu thuẫn giữa hai chế độ xã hội này biểu hiện dưới dạng mới là vừa hợp tác, vừa đấu tranh trên nhiều phương diện. Cần phải ý thức rõ điều đó, không được mơ hồ, mất cảnh giác với âm mưu "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội.

Thứ hai: Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp công nhân; giữa tư bản và lao động.

Đây là mâu thuẫn cơ bản trong thời đại ngày nay, mâu thuẫn giữa *hai giai cấp cơ bản trong chủ nghĩa tư bản*.

Chừng nào chủ nghĩa tư bản vẫn còn tồn tại thì mâu thuẫn giữa hai giai cấp cơ bản trong xã hội này vẫn là khách quan, giai cấp công nhân vẫn là những người lao động làm thuê cho giai cấp tư sản.

Hiện nay do cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và những lực lượng tiến bộ trên thế giới, cùng với năng suất lao động cao do cuộc cách mạng khoa học và công nghệ tạo ra, chủ nghĩa tư bản có những điều chỉnh trong chính sách xã hội, thực hiện tăng phúc lợi xã hội. Song sự phân hoá giàu nghèo vẫn diễn ra quyết liệt, sự chênh lệch giàu nghèo ngày càng gia tăng trong các nước tư bản chủ nghĩa.

Nếu như trước đây trong các nước tư bản chủ nghĩa mâu thuẫn cơ bản nổi lên giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản thì nay mâu thuẫn này đã phát triển thành mâu thuẫn rộng lớn hơn là mâu thuẫn giữa tư bản và lao động. Trong xã hội, không chỉ có giai cấp công nhân bị áp bức, bóc lột mà cả những người lao động khác cũng bị bóc lột; mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất ngày càng mang tính xã hội hoá cao với tính chất tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất ngày càng gay gắt.

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, một mặt giúp nâng cao mức sống cho xã hội, mặt khác làm cho tình trạng thất nghiệp của những người lao động trong xã hội tư bản chủ nghĩa ngày càng gia tăng. Cùng với nó là tình trạng tội phạm xã hội, ma tuý, sự suy thoái về đạo đức, lối sống làm cho những mâu thuẫn vốn có trong xã hội tư bản ngày càng trở nên gay gắt. Những mâu thuẫn đó chỉ được giải quyết bằng một cuộc cách mạng xã hội xoá bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa, thiết lập chế độ xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, với những âm mưu "diễn biến hoà bình" chống phá quyết liệt của kẻ thù, những thủ đoạn nham hiểm của giai cấp tư sản, cùng với sự thiếu thống nhất, sự

chia rẽ của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế hiện nay, cách mạng xã hội chủ nghĩa còn gặp rất nhiều khó khăn.

Thứ ba: Mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa, phụ thuộc và kém phát triển với chủ nghĩa đế quốc.

Vào những năm 50, 60 của thế kỷ XX, với ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười và hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa, khoảng 100 nước đã đấu tranh thắng lợi giành được độc lập dân tộc ở những mức độ khác nhau. Song, do các nước này có trình độ kinh tế, văn hoá thấp kém, cho nên vẫn đang còn lệ thuộc vào các nước tư bản chủ nghĩa về khoa học kỹ thuật, về tài chính, v.v. ở mức độ khác nhau. Từ sự phụ thuộc về kinh tế khiến họ tất yếu phải phụ thuộc các nước tư bản chủ nghĩa về chính trị.

Bằng những biện pháp tinh vi, các nước tư bản chủ nghĩa đang bóc lột các nước dân tộc chủ nghĩa một cách thậm tệ, làm cho khoảng cách giữa các nước giàu và nước nghèo ngày càng gia tăng. Nhiều nước hiện nay không còn khả năng trả nợ.

Theo quy luật của cơ chế thị trường, chất xám có xu hướng chảy từ nước nghèo sang nước giàu, do vậy, các nước chậm phát triển có nguy cơ chảy máu chất xám làm cho các nước này đã nghèo lại càng trở nên nghèo hơn. Tình trạng nghèo đói của các nước kinh tế chậm phát triển đã là nguyên nhân dẫn tới những xung đột dân tộc, tôn giáo ở những nước này gia tăng.

Như vậy, hiện nay các nước chậm phát triển, một mặt phải tiến hành cuộc đấu tranh chống lại sự can thiệp và xâm lược bằng quân sự, bằng kinh tế, bằng văn hoá của

các nước phương Tây; mặt khác, phải đấu tranh chống lại nghèo đói, bệnh tật, lạc hậu.

Tình trạng trên làm cho mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc với chủ nghĩa đế quốc ngày càng gia tăng. Điều đó được biểu hiện qua sự gia tăng những cuộc chiến tranh trên thế giới thời gian gần đây.

Thứ tư: Mâu thuẫn giữa các nước tư bản chủ nghĩa.

Các nước tư bản có sự thống nhất với nhau về bản chất chế độ, về lợi ích giai cấp, về mục tiêu chống phá chủ nghĩa xã hội và phong trào cách mạng, những lực lượng tiến bộ trên thế giới.

Quan hệ giữa các nước tư bản chủ nghĩa, giữa các tập đoàn tư bản chủ nghĩa là quan hệ liên minh nhằm tìm kiếm lợi nhuận tối đa. Song giữa các nước tư bản chủ nghĩa có những mâu thuẫn về lợi ích quốc gia, lợi ích của mỗi tập đoàn tư bản, do vậy, luôn luôn diễn ra những cuộc đấu tranh lúc công khai, lúc ngầm ngấm.

Mâu thuẫn trên đã là nguyên nhân nổ ra hai cuộc chiến tranh trên thế giới. Hiện nay mâu thuẫn này được thể hiện thông qua mâu thuẫn giữa ba trung tâm tư bản lớn: Mỹ - Nhật - Tây Âu. Mỹ dựa vào tiềm lực kinh tế - tiềm lực quân sự tìm mọi cách tranh giành quyền lợi với Nhật và Tây Âu. Do vậy, Nhật, Tây Âu vừa là đồng minh chiến lược, vừa là đối thủ cạnh tranh với Mỹ.

Tóm lại: thế giới đang tồn tại bốn mâu thuẫn cơ bản nêu trên. Những mâu thuẫn này quy định nội dung cơ bản của thời đại ngày nay. Tuy nhiên, sự biểu hiện những mâu thuẫn cơ bản trên hiện nay có những khác biệt so với trước đây, đòi hỏi chúng ta cần phân tích làm rõ những biểu

hiện đó. Sự vận động những mâu thuẫn này là quanh co phức tạp, do vậy, sự vận động của quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội trên thế giới cũng quanh co phức tạp.

III. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN VÀ XU THẾ VẬN ĐỘNG CỦA THỜI ĐẠI NGÀY NAY

1. Những đặc điểm cơ bản của thời đại ngày nay

a) Đấu tranh giai cấp và dân tộc diễn ra gay gắt trên phạm vi thế giới

Cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản vẫn diễn ra quyết liệt trên thế giới. Chủ nghĩa xã hội vẫn là đối trọng chính của chủ nghĩa tư bản. Do vậy, sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa sụp đổ ở Liên Xô và Đông Âu, các nước tư bản chủ nghĩa tìm mọi cách xoá bỏ chủ nghĩa xã hội cả trên lý luận và trên thực tế. Giai cấp tư sản tìm nhiều biện pháp để chia rẽ, phá hoại phong trào công nhân, bằng cách dành đặc quyền đặc lợi cho đội ngũ công nhân có trình độ cao: "công nhân cổ cồn, công nhân áo trắng".

Nguy cơ chiến tranh thế giới đã bị đẩy lùi, nhưng xung đột sắc tộc, tôn giáo xảy ra gay go, quyết liệt và diễn biến phức tạp trên thế giới. Chạy đua vũ trang, chủ nghĩa khủng bố đang gây ra hậu quả rất lớn làm tổn thất về người và của cho nhiều dân tộc.

b) Cách mạng khoa học và công nghệ đang gây ra những thay đổi to lớn trên thế giới

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ tạo ra điều kiện nhanh chóng phát triển lực lượng sản xuất trên thế giới.

Trung bình 10 - 15 năm của cải nhân loại tăng gấp đôi, do vậy, nhìn chung mức sống của con người không ngừng được nâng cao.

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đang tạo ra những thay đổi trong nhiều quan niệm của đời sống xã hội từ kinh tế tới chính trị, văn hoá, v.v., đòi hỏi chúng ta phải nghiên cứu, nắm vững và thích ứng.

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đang tạo ra xu hướng toàn cầu hoá trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội từ kinh tế tới chính trị, văn hoá, v.v.. Sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia ngày càng gia tăng; khoảng cách sự phân hoá giàu nghèo giữa các nước ngày càng lớn.

c) Những vấn đề toàn cầu đòi hỏi sự hợp tác giải quyết của các quốc gia

Hiện nay, cộng đồng quốc tế đang đứng trước những vấn đề có tính toàn cầu, đòi hỏi các quốc gia, các tổ chức quốc tế phải cùng nhau giải quyết, không phân biệt chế độ xã hội, biên giới như: khoảng cách chênh lệch giữa các nhóm nước giàu và nước nghèo ngày càng tăng; sự gia tăng dân số cùng với các luồng dân di cư; tình trạng khan hiếm nguồn năng lượng, cạn kiệt tài nguyên; môi trường sinh thái bị huỷ hoại; khí hậu trái đất diễn biến ngày càng xấu, thay đổi thất thường kèm theo những thiên tai khủng khiếp; các bệnh dịch lớn, các tội phạm xuyên quốc gia có chiều hướng phát triển. Tất cả những điều đó đòi hỏi phải có sự hợp tác, liên kết giữa các quốc gia cùng nhau giải quyết .

d) Khu vực châu Á - Thái Bình Dương đang là khu vực phát triển năng động, khả năng phát triển với tốc độ cao,

đồng thời cũng đang tiềm ẩn một số nhân tố có nguy cơ gây mất ổn định

Khu vực này có khả năng phát triển với tốc độ cao, và tài nguyên của khu vực chưa bị khai thác nhiều, giá lao động rẻ tạo điều kiện cho các nước trong khu vực thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài; thế mạnh nông nghiệp nhiệt đới giúp cho các nước mở rộng giao lưu quốc tế, tranh thủ công nghệ hiện đại.

Song, trong khu vực luôn tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định như những tranh chấp về ảnh hưởng và quyền lực, về biên giới, lãnh thổ, biển đảo, tài nguyên giữa các nước; những bất ổn về kinh tế, chính trị, xã hội ở từng nước...

Tóm lại, tình hình thế giới hiện nay đang đan xen những yếu tố phức tạp, phát triển và suy thoái, hợp tác và đấu tranh, ổn định và mất ổn định. Tuy rằng, hiện nay sự vận động của thế giới diễn ra phức tạp như vậy, nhưng chúng ta cần phải thấy được những xu thế chủ yếu, trên cơ sở đó mà đề ra những đường lối chính sách cho đúng nhằm tranh thủ những thuận lợi, vượt qua những thách thức để nhanh chóng đưa đất nước ta phát triển lâu bền.

2. Những xu thế chủ yếu của thế giới hiện nay

a) Toàn cầu hoá

Cách mạng khoa học và công nghệ là một động lực xuyên quốc gia, nó đang tạo cơ sở vật chất cho quá trình toàn cầu hoá, thúc đẩy sự chuyển dịch kinh tế, cơ cấu kinh tế, làm thay đổi nhiều quan niệm cũ về nhiều lĩnh vực trên phạm vi quốc gia và quốc tế. Toàn cầu hoá là một xu

thế khách quan, vừa có mặt tích cực vừa có mặt tiêu cực đang bị các quốc gia phát triển và các tập đoàn kinh tế xuyên quốc gia chi phối. Toàn cầu hoá buộc các quốc gia chủ động xác định lộ trình hội nhập vào mọi mặt đời sống nhất là lĩnh vực kinh tế của thế giới.

b) Hoà bình, ổn định để cùng phát triển

Từ những hậu quả các cuộc chiến tranh trên thế giới, các quốc gia đều nhận thấy được tầm quan trọng của hoà bình, ổn định để phát triển. Trong thực tế không một nước nào có thể phát triển được trong hoàn cảnh có chiến tranh, do vậy, hoà bình đã trở thành nhu cầu bức xúc của các dân tộc trên thế giới. Có hoà bình mới có điều kiện thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài, mới huy động được sức người, sức của trong nhân dân để phát triển đất nước. Một khi kinh tế phát triển mới có điều kiện nâng cao mức sống nhân dân, mới có điều kiện chăm lo tới y tế, giáo dục từ đó mới có sự ổn định và phát triển đất nước.

Phần lớn các nước trên thế giới đã dành những ưu tiên cho phát triển kinh tế, thông qua đó mà phát triển tiềm lực của mình, tạo điều kiện giữ gìn hoà bình trong nước và trên thế giới.

c) Gia tăng xu hướng liên kết, hợp tác giữa các quốc gia

Ngày nay với sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, tạo ra xu hướng toàn cầu hoá trong các lĩnh vực. Không một quốc gia nào có thể phát triển được nếu không có sự hợp tác khu vực, hợp tác quốc tế. Do vậy, hợp tác là xu hướng tất yếu trên thế giới hiện nay.

Hình thức hợp tác quốc tế hiện nay rất đa dạng: hợp tác song phương, hợp tác khu vực, hợp tác quốc tế. Các tổ chức quốc tế như: Liên hợp quốc, Quỹ tiền tệ quốc tế, Tổ chức thương mại thế giới, v.v. ngày càng tham gia nhiều vào đời sống kinh tế, đời sống chính trị của các nước.

Lĩnh vực hợp tác giữa các nước ngày càng đa dạng: hợp tác kinh tế, khoa học kỹ thuật, hợp tác thương mại, hợp tác nghiên cứu chinh phục vũ trụ và cả hợp tác chính trị.

d) Các dân tộc ngày càng nâng cao ý thức độc lập, tự chủ, tự cường

Với sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, của phong trào cách mạng trên thế giới, của phương tiện thông tin, các dân tộc ngày càng ý thức được những quyền lợi dân tộc cơ bản của mình như: quyền độc lập dân tộc, quyền tự quyết chế độ chính trị, quyền lựa chọn con đường phát triển, v.v.. Mặt khác, các nước lớn, các nước giàu thường ỷ lại vào những thế mạnh về kinh tế, quân sự để chi phối các nước nhỏ, các nước nghèo bằng cách áp đặt quan điểm chính trị, dùng thủ đoạn bóc lột về kinh tế thông qua quan hệ trao đổi mua bán không bình đẳng, thậm chí tiến hành cả những cuộc chiến tranh xâm lược, lật đổ. Điều đó đã dẫn tới những cuộc đấu tranh của các nước dân tộc chủ nghĩa đòi quyền bình đẳng, đòi tôn trọng lợi ích quốc gia dân tộc của họ.

đ) Các nước xã hội chủ nghĩa, các đảng cộng sản và công nhân kiên trì đấu tranh vì hoà bình, tiến bộ và phát triển

Tình hình quốc tế hiện nay có những diễn biến phức

tạp, nhưng phấn đấu cho hoà bình, ổn định, tiến bộ và phát triển vẫn là xu thế chung của nhân loại.

Hiện nay, tuy rằng chủ nghĩa xã hội đang gặp khó khăn rất lớn, đang phải đấu tranh chống lại những âm mưu phá hoại của kẻ thù, nhưng các nước xã hội chủ nghĩa, cùng với các đảng cộng sản và công nhân quốc tế vẫn là lực lượng đi đầu, là nòng cốt trong cuộc đấu tranh chống lại những thế lực gây chiến, bảo vệ hoà bình thế giới, phấn đấu cho sự phát triển và tiến bộ của nhân loại.

e) Các nước có chế độ chính trị khác nhau vừa hợp tác vừa đấu tranh cùng tồn tại trong hoà bình

Các nước xã hội chủ nghĩa là những nước có nền kinh tế phát triển thấp, trình độ khoa học - công nghệ chưa phát triển, do vậy, cần tranh thủ khoa học - kỹ thuật, công nghệ tiên tiến của các nước tư bản phát triển để phát triển sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân, tăng năng lực cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá.

Mục đích của sản xuất tư bản chủ nghĩa là lợi nhuận. Các nước tư bản chủ nghĩa thấy được những tiềm năng to lớn về đầu tư, mở rộng buôn bán trong các nước xã hội chủ nghĩa. Cho nên, sự hợp tác giữa các nước xã hội chủ nghĩa và các nước tư bản chủ nghĩa là tất yếu.

Song, sự đối lập về hệ tư tưởng của giai cấp công nhân và giai cấp tư sản không hề giảm. Mâu thuẫn về lợi ích giữa giai cấp tư sản và giai cấp công nhân vẫn là mâu thuẫn cơ bản nhất. Cho nên, giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội vừa hợp tác vừa đấu tranh là tất yếu.

Thế giới hiện nay đang đồng thời tồn tại cả những thời

cơ và thách thức, những thuận lợi và khó khăn. những người cộng sản phải đi sâu nghiên cứu nắm bắt thời cơ, tranh thủ những thuận lợi để vượt qua những khó khăn, thách thức đưa cách mạng tiến lên.

Cuộc đấu tranh này vô cùng gay go phức tạp, đòi hỏi các đảng cộng sản, các nhà nước xã hội chủ nghĩa phải tự đổi mới, phải tiếp tục bổ sung, phát triển về mặt lý luận, đấu tranh khắc phục tình trạng yếu kém trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội, quản lý nhà nước để đưa cách mạng tiến lên.

Các đảng cộng sản, các nước xã hội chủ nghĩa phải nhanh chóng tập hợp lực lượng, khắc phục những bất đồng trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, kịp thời ngăn chặn những âm mưu hiếu chiến của những thế lực phản động quốc tế, thông qua đó mà phát huy ảnh hưởng trong quần chúng nhân dân, đấu tranh cho dân sinh, dân chủ và thực hiện thắng lợi mục tiêu của chủ nghĩa cộng sản.

Muốn thực hiện được điều đó, các đảng cộng sản phải có đường lối cách mạng, có chiến lược, sách lược đúng đắn, phải tìm ra nhiều hình thức đấu tranh, phải tiếp tục bổ sung phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin cho phù hợp với thời đại ngày nay.

CÂU HỎI THẢO LUẬN VÀ ÔN TẬP

1. Quan niệm về thời đại ngày nay và những giai đoạn của nó?

2. Phân tích tính chất và những mâu thuẫn cơ bản của thời đại ngày nay?

3. Làm rõ những đặc điểm của thời đại ngày nay và xu thế phát triển của nó (chú ý quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về vấn đề này)?

CHƯƠNG VI

XÃ HỘI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Có nhận thức khoa học về "xã hội xã hội chủ nghĩa" thì chúng ta mới có thể tìm ra những nội dung cụ thể, hình thức, bước đi và những điều kiện cơ bản để xây dựng xã hội đó ở nước ta, theo những nấc thang phát triển từ thấp đến cao. Muốn hiểu về "*xã hội xã hội chủ nghĩa*", trước hết phải hiểu những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về "hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa", vì ở trong đó có "*xã hội xã hội chủ nghĩa*".

I. HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI CỘNG SẢN CHỦ NGHĨA

1. Khái niệm hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa

Các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác-Lênin phát hiện ra quy luật khách quan của quá trình biến chuyển cách mạng căn bản và khẳng định lịch sử xã hội loài người là lịch sử kế tiếp nhau của các hình thái kinh tế - xã hội phát triển từ thấp đến cao diễn ra như "một quá trình lịch sử - tự nhiên". Thực tế lịch sử nhân loại đã có năm hình thái kinh tế - xã hội kế tiếp nhau.

Trên cơ sở khái niệm chung về hình thái kinh tế - xã hội, chúng ta có khái niệm cụ thể hơn về hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa là chế độ xã hội phát triển cao nhất, có quan hệ sản xuất dựa trên sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất, thích ứng với lực lượng sản xuất ngày càng phát triển, tạo thành cơ sở hạ tầng có trình độ cao hơn so với cơ sở hạ tầng của chủ nghĩa tư bản; có kiến trúc thượng tầng tương ứng thực sự là của nhân dân với trình độ xã hội hoá ngày càng cao.

2. Các điều kiện cơ bản của sự ra đời hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa

Trên cơ sở khảo sát, phân tích rất tỉ mỉ hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa để từ đó có những căn cứ khoa học và thực tiễn cơ bản nhất, C.Mác đã *dự báo khoa học* về sự ra đời tất yếu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Chính V. I. Lênin đã đánh giá công lao *dự báo khoa học* của C.Mác về hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa "giống như một nhà tự nhiên học... đặt vấn đề tiến hoá của một giống sinh vật mới, một khi đã biết nguồn gốc của nó và định được rõ rệt hướng của những biến đổi của nó"¹.

a) Những điều kiện cơ bản của sự ra đời hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa từ các nước tư bản chủ nghĩa đã phát triển cao

Thứ nhất là, những lực lượng sản xuất, đặc biệt là nền công nghiệp hiện đại, dựa trên các thành tựu khoa học - kỹ thuật đã phát triển cao của chủ nghĩa tư bản, càng

1. V.I.Lênin: *Toàn tập*. Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1976, t.33, tr.104

phát triển cao thì *trình độ xã hội hoá cũng càng cao*. Sự kiện đó tạo ra mâu thuẫn ngày càng gay gắt với quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất chủ yếu. Chủ thể làm ra những thành quả lực lượng sản xuất đó chủ yếu là giai cấp công nhân và nhân dân lao động, trong khi đó chủ thể chiếm hữu tư liệu sản xuất và sản phẩm của sản xuất lại chủ yếu là giai cấp tư sản thống trị xã hội.

Thứ hai là, trong chủ nghĩa tư bản có hai giai cấp cơ bản, tiêu biểu nhất, đối lập nhau về lợi ích cơ bản đó là *giai cấp công nhân* đại biểu cho lực lượng sản xuất hiện đại, xã hội hoá cao và *giai cấp tư sản* thống trị xã hội, đại biểu cho quan hệ sản xuất tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất. Hai giai cấp này mâu thuẫn với nhau ngày càng rõ rệt, sâu sắc và gay gắt. Các cuộc *đấu tranh giai cấp* của giai cấp công nhân (gắn với nhân dân lao động bị áp bức bóc lột) chống giai cấp tư sản áp bức bóc lột phát triển từ trình độ thấp, quy mô nhỏ, tự phát tiến tới trình độ cao hơn, quy mô lớn hơn và tính tự giác ngày càng thể hiện rõ hơn. Đến độ chín muồi của sự phát triển, phong trào công nhân hình thành đảng chính trị của mình với hệ tư tưởng và tổ chức tiên phong để lãnh đạo giai cấp công nhân và nhân dân lao động chống lại, lật đổ ách thống trị của giai cấp tư sản. Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản là biểu hiện về mặt xã hội của mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong chủ nghĩa tư bản.

Thứ ba là, cùng với những thành tựu to lớn về nhiều mặt của chủ nghĩa tư bản giai cấp tư sản, trong các thế kỷ

phát triển của nó cũng đồng thời tạo ra bao nhiêu tai họa cho giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cho cả nhân loại cũng như môi trường thiên nhiên (chế độ áp bức bóc lột, bất công, phân hoá giàu nghèo ngày càng tăng, phân biệt chủng tộc, chiến tranh xâm lược giết hại hàng trăm triệu người, lối sống phản văn hoá, đạo đức suy đồi, tệ nạn xã hội phức tạp, tàn phá thiên nhiên, v.v.).

Với những điều kiện cơ bản có tính tổng quát và tất yếu nêu trên, giai cấp tư sản và chế độ tư bản chủ nghĩa, dù có đạt được những thành quả của nó, cũng không thể là giai cấp, là chế độ xã hội "tuyệt đỉnh", "vĩnh hằng"... như một số lý luận gia tư sản thường tuyên truyền. Thực tế cho thấy, trong xã hội tư bản chủ nghĩa hiện nay tất yếu nảy sinh những mâu thuẫn và những tai họa, cùng lắm thì giai cấp tư sản cầm quyền ở các nước tư bản cố gắng cũng chỉ có thể "điều chỉnh", "thích nghi" ở những hình thức và mức độ nhất định trong một thời gian nhất định để tiếp tục tồn tại, phát triển. Song những mâu thuẫn và những tai họa cơ bản nêu trên không hề giảm đi. Đến khi xuất hiện những tình thế, thời cơ, tạo ra những điều kiện cần và đủ thì *cách mạng xã hội chủ nghĩa* tất yếu sẽ xảy ra - cuộc cách mạng do giai cấp công nhân hiện đại và Đảng của nó lãnh đạo thành công. Khi đó bắt đầu của một thời đại mới, với sự xuất hiện hình thái kinh tế - xã hội mới "lột lòng" từ chủ nghĩa tư bản mà ra.

b) Những điều kiện cơ bản của sự ra đời hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa từ các nước tư bản chủ nghĩa trung bình và các nước chưa qua chủ nghĩa tư bản

Lịch sử nhân loại chứng minh rằng, đã có một số nước

"bỏ qua" một vài hình thái kinh tế - xã hội tiến lên hình thái kinh tế - xã hội cao hơn. Chủ nghĩa Mác-Lênin cho rằng, sự thật đó cũng nằm trong quy luật chung của lịch sử và trong thời đại hiện nay nó đang tiếp tục diễn ra. Sẽ có những nước tư bản chủ nghĩa ở trình độ phát triển trung bình và những nước chưa qua chủ nghĩa tư bản cũng có thể nổ ra cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa thành công và bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Theo V.I.Lênin, đó là loại "*đặc biệt*" và loại "*đặc biệt của đặc biệt*".

Hình thức "*đặc biệt*" đã được thực tiễn lịch sử chứng minh ở Nga và tất cả các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu. Hình thức "*đặc biệt của đặc biệt*" cũng đã được chứng minh ở Việt Nam (từ 1945 đến nay), Trung Quốc (từ 1949 đến nay), Cuba (từ 1959 đến nay), Triều Tiên, Lào, v.v.. Vì thế Đảng ta và Hồ Chí Minh đã đặc biệt coi trọng nghiên cứu về *những điều kiện cơ bản để ra đời hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa theo hình thức "đặc biệt của đặc biệt"* - tức là từ những nước vốn là nông nghiệp lạc hậu dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản đi lên chủ nghĩa xã hội. Tất nhiên phải có những điều kiện cơ bản sau đây:

Một là, nhân loại đã chuyển sang "giai đoạn cuối cùng của chủ nghĩa tư bản" - tức chủ nghĩa đế quốc đi xâm lược, đô hộ, áp bức bóc lột và khai thác thuộc địa; chiến tranh đế quốc chia lại thị trường thế giới... gây rất nhiều tai họa cho hàng trăm quốc gia dân tộc bị áp bức - hầu hết là các nước nông nghiệp lạc hậu. Do đó xuất hiện *những mâu thuẫn cơ bản và gay gắt của thời đại mới*: 1/ Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp công nhân; 2/ Mâu thuẫn

giữa chủ nghĩa đế quốc xâm lược với các quốc gia dân tộc bị xâm lược và đô hộ; 3/ Mâu thuẫn giữa các nước tư bản - đế quốc với nhau; 4/ Ở hàng trăm nước nông nghiệp vẫn còn mâu thuẫn giữa địa chủ và nông dân; tư sản và nông dân. Chính ở những nước nông nghiệp này (khi công nghiệp chưa phát triển, đội ngũ giai cấp công nhân và tư sản chưa hình thành đáng kể) lại *nổi lên mâu thuẫn chủ yếu là: giữa một bên là tư bản - đế quốc xâm lược* gắn với bè lũ tay sai phong kiến, tư sản phản động với *một bên là cả dân tộc* gồm nông dân, công nhân (nếu có), trí thức, tiểu thương, tiểu chủ, dân nghèo, phú nông, địa chủ yêu nước, tư sản dân tộc... *bị áp bức, bị nô lệ, mất độc lập tự do.*

Hai là, có tác động toàn cầu của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, của hệ tư tưởng giai cấp công nhân (chủ nghĩa Mác-Lênin), đặc biệt là những luận điểm về chủ nghĩa đế quốc và các dân tộc bị áp bức... làm thức tỉnh nhiều dân tộc, dấy lên phong trào yêu nước, giành độc lập dân tộc. Từ đó tất yếu hình thành các đảng chính trị lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm hệ tư tưởng để lãnh đạo các dân tộc giành lại quyền độc lập, tự do và đi theo con đường xã hội chủ nghĩa. Hồ Chí Minh, với tư cách Ủy viên quốc tế cộng sản, lãnh tụ của dân tộc Việt Nam đã có rất nhiều cống hiến về lý luận và thực tiễn trong vấn đề này, chẳng những có ý nghĩa đối với Việt Nam, mà còn đối với hàng trăm nước bị nô lệ, phụ thuộc chủ nghĩa đế quốc. Trong những cống hiến đó, có vấn đề khái quát về các nhân tố hình thành đảng Mác-Lênin ở các nước nông nghiệp,

thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc. Theo Người, *Đảng Cộng sản là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước*. Đó là sự vận dụng đúng đắn, sáng tạo những luận điểm rất cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin vào hoàn cảnh các dân tộc thuộc địa ở nhiều nước nông nghiệp. Từ đó Hồ Chí Minh hình thành tư tưởng nổi tiếng thế giới, mang tính quy luật là: "muốn giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản"; "Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội"; "Không có gì quý hơn độc lập, tự do", v.v..

Tính quy luật đặc thù về "bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa để đi lên chủ nghĩa xã hội" (ở những nước nông nghiệp, chưa qua chủ nghĩa tư bản) cũng *nằm trong quy luật chung* là "quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới", bắt đầu bằng Cách mạng Tháng Mười Nga (1917) - tức là trong thời đại ngày nay, thời đại đế quốc chủ nghĩa và cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Qua nghiên cứu khoa học và kiểm nghiệm thực tiễn, các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác-Lênin cũng phê phán hai xu hướng: *một là*, cứ để cho các nước trải qua chủ nghĩa tư bản phát triển đầy đủ rồi "tự nó" sẽ chuyển hoá thành chủ nghĩa cộng sản, không cần đấu tranh giai cấp, cách mạng xã hội (đó là tư tưởng cơ hội, hữu khuynh); *hai là*, bằng ý muốn chủ quan, giản đơn, duy ý chí, muốn có *ngay* cách mạng xã hội chủ nghĩa và chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản, bất chấp những quy luật và điều kiện khách quan, chủ quan... (đó là biểu hiện "tả" khuynh, nhưng

thực chất lại kéo lùi lịch sử lại vì làm tổn hại cho sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, làm xuất hiện thêm khó khăn, thậm chí thất bại đau đớn, dù là tạm thời).

3. Phân kỳ hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa

Chủ nghĩa Mác-Lênin đã có những luận điểm khoa học về phân kỳ các giai đoạn phát triển trong quá trình hình thành và hoàn thiện hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Có thể nêu khái quát các luận điểm cơ bản đó như sau:

a) Theo C. Mác và Ph. Ăngghen, hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa ra đời và có quá trình phát triển qua các giai đoạn, từ trình độ thấp lên trình độ cao hơn. Đó là:

- "*Giai đoạn thấp của xã hội cộng sản*" (hay "giai đoạn đầu của xã hội cộng sản"). Sau này Lênin và các đảng cộng sản gọi giai đoạn này là "chủ nghĩa xã hội" (hay "xã hội xã hội chủ nghĩa").

- "*Giai đoạn cao hơn của xã hội cộng sản*". Sau này Lênin và các đảng cộng sản gọi giai đoạn này là "chủ nghĩa cộng sản" (hay xã hội cộng sản chủ nghĩa).

- "Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia... một thời kỳ *quá độ chính trị*..., chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản", và C. Mác gọi thời kỳ quá độ này bằng hình tượng: "những cơn đau đẻ kéo dài" để cho chủ nghĩa xã hội lọt lòng từ xã hội cũ mà ra...

b) V.I. Lênin cũng nêu lại cách diễn đạt hình tượng về quá trình ra đời của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa mà C. Mác và Ph. Ăngghen đã nêu, đó là:

I. Những cơn đau đẻ kéo dài (tức là thời kỳ quá độ).

II. Giai đoạn đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa.

III. Giai đoạn cao của xã hội cộng sản chủ nghĩa¹.

V.I. Lênin còn cụ thể hoá và phát triển thêm quan điểm phân kỳ hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Ông gọi "giai đoạn thấp" là xã hội xã hội chủ nghĩa (hay chủ nghĩa xã hội); "giai đoạn cao" là xã hội cộng sản chủ nghĩa (hay chủ nghĩa cộng sản); đặc biệt là phát triển lý luận về "thời kỳ quá độ khá lâu dài từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội"².

V.I. Lênin đã có quan điểm khoa học xuất phát từ thực tiễn lịch sử về các kiểu quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đó là kiểu quá độ đặc biệt của các nước đã qua chủ nghĩa tư bản ở mức trung bình. V.I. Lênin còn có nhiều quan điểm cụ thể về "quá độ bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa" của nhiều nước vốn từ nước nông nghiệp lạc hậu - các nước "tiền tư bản"... lên chủ nghĩa xã hội. Đó là kiểu quá độ "*đặc biệt của đặc biệt*" (tất nhiên là phải trải qua rất nhiều khó khăn, phức tạp, lâu dài, chủ yếu vì chưa qua "trường học dân chủ tư sản" và chưa có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại). Nhưng trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, *thời đại của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên*

1. *Sđd*, t.33, tr. 223.

2. *Sđd*, t. 38, tr. 464.

thế giới thì hàng trăm nước đó vẫn có thể thực hiện kiểu quá độ "đặc biệt của đặc biệt" đó.

Những nước thuộc các kiểu "quá độ bỏ qua", đương nhiên phải có đảng cộng sản lãnh đạo nhân dân giành chính quyền, có đường lối xây dựng và bảo vệ đất nước theo mục tiêu xã hội chủ nghĩa; tận dụng được những thành quả của cách mạng xã hội chủ nghĩa, của chủ nghĩa tư bản và của cả nhân loại để quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Theo V.I. Lênin, ở những nước này cần chú trọng khắc phục những biểu hiện của tính tiểu tư sản, tiểu nông trong đảng cộng sản, trong quần chúng; chống lại mọi kẻ thù phá hoại... để từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội; phải trải qua và sử dụng rất nhiều *"những bước quá độ nhỏ"*, *"những hình thức trung gian quá độ"*, đan xen giữa "các thành phần", "các mảnh"... của cả chủ nghĩa tư bản lẫn của chủ nghĩa xã hội, v.v.. Do đó, ở các nước "quá độ bỏ qua" dù là "quá độ rút ngắn" thì cũng không thể chủ quan nóng vội, "đốt cháy giai đoạn"... mà phải vận dụng đúng đắn những quy luật khách quan, những tiền đề và điều kiện cụ thể... để giành thắng lợi từng bước, *trên tất cả các lĩnh vực của xã hội*.

Tóm lại, theo C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I. Lênin, dù có sự phân kỳ như vậy, nhưng *hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa đã bắt đầu từ thời kỳ quá độ cho đến khi xây dựng xong giai đoạn cao của xã hội cộng sản*. Và, dù là quá độ trực tiếp từ chủ nghĩa tư bản đã phát triển hay các kiểu quá độ gián tiếp (quá độ bỏ qua) cũng đều nằm trong quy luật và xu hướng tất yếu của lịch sử nhân loại trong thời đại ngày nay.

II. NHỮNG ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA XÃ HỘI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Vừa dựa trên cơ sở lý luận khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin, vừa dựa trên thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội và tổng kết lý luận, chúng ta có thể nêu ra những đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa sau đây:

1. Cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội (hay xã hội xã hội chủ nghĩa) là nền sản xuất công nghiệp hiện đại.

Cả mặt thực tế, cả logic - lý luận khoa học đều chứng minh rằng, xã hội xã hội chủ nghĩa là sự kế tiếp sau xã hội tư bản chủ nghĩa, có nhiệm vụ giải quyết những mâu thuẫn mà chủ nghĩa tư bản đã không thể giải quyết triệt để. Đặc biệt là giải quyết mâu thuẫn giữa yêu cầu xã hội hoá ngày càng tăng của lực lượng sản xuất ngày càng hiện đại hơn với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất. Do đó, lực lượng sản xuất của xã hội xã hội chủ nghĩa, khi nó hoàn thiện, phải cao hơn so với chủ nghĩa tư bản. Đương nhiên, các nước tư bản phát triển đã có lực lượng sản xuất cao (như G7...) thì lên xã hội xã hội chủ nghĩa giai cấp vô sản ở đó chủ yếu chỉ phải trải qua một cuộc *cách mạng chính trị* thành công. Khi đó chính trình độ lực lượng sản xuất đã phát triển cao là một cơ sở rất thuận lợi cho việc tiếp tục xây dựng thắng lợi, hoàn thiện chủ nghĩa xã hội - cả quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất *cao hơn* chủ nghĩa tư bản.

Ở những nước xã hội chủ nghĩa "bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa" (như Việt Nam và các nước khác) thì đương nhiên phải có quá trình thực hiện *công nghiệp hoá, hiện*

đại hoá, xây dựng từng bước cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại của chủ nghĩa xã hội. Hiện nay, Trung Quốc, Việt Nam, Cuba... đang đẩy mạnh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá với tốc độ khá cao, đạt được nhiều thành tựu to lớn và ngày càng vững chắc.

2. Xã hội xã hội chủ nghĩa đã xoá bỏ chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa, thiết lập chế độ công hữu về những tư liệu sản xuất chủ yếu

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin đã chỉ rõ, chủ nghĩa xã hội không xoá bỏ chế độ tư hữu nói chung mà chủ yếu xoá bỏ chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất (còn các *chế độ* tư hữu khác: chế độ tư hữu chủ nô, phong kiến, xét trên toàn cầu thì đã bị chủ nghĩa tư bản xoá bỏ trước đó rồi). Bởi vì chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa đã nô dịch, áp bức bóc lột giá trị thặng dư đối với đại đa số nhân dân lao động, đem lại lợi nhuận ngày càng cao cho thiểu số các tập đoàn tư bản lũng đoạn và giai cấp thống trị xã hội.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, kết cấu xã hội còn đan xen nhiều giai cấp, tầng lớp xã hội; cơ sở kinh tế quá độ còn nhiều thành phần vận hành theo cơ chế sản xuất hàng hoá, quan hệ thị trường, vẫn tồn tại *những quan hệ kinh tế cụ thể* như thuê mướn lao động... *cá nhân* người này vẫn có thể còn bóc lột *những cá nhân* khác. Đó chỉ là *những quan hệ bóc lột cụ thể* chứ không phải xem xét trên cả một chế độ xã hội, giai cấp này bóc lột các giai cấp, tầng lớp khác. V.I. Lênin và Đảng Cộng sản Nga, sau một thời gian áp dụng "Chính sách cộng sản thời chiến" (trưng thu lương thực... do yêu cầu phục

vụ chiến tranh bảo vệ Tổ quốc) đã bãi bỏ chính sách này khi bước vào thời kỳ quá độ, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đó là thời kỳ thực hiện "Chính sách kinh tế mới" (NEP) với kinh tế hàng hoá 5 thành phần và tự do lưu thông hàng hoá trên thị trường nhiều loại sản phẩm. Đó là một *đặc trưng kinh tế* của thời kỳ quá độ và cả của chủ nghĩa xã hội. Việc xoá bỏ một cách nóng vội những đặc điểm trên, sa vào bệnh chủ quan duy ý chí trong mấy thập kỷ cuối thế kỷ XX của các nước xã hội chủ nghĩa là trái với quan điểm của V.I. Lênin về nền kinh tế quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

3. Xã hội xã hội chủ nghĩa tạo ra cách tổ chức lao động và kỷ luật lao động mới

Quá trình xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội là một quá trình hoạt động tự giác của đại đa số nhân dân, vì lợi ích của đa số nhân dân. Chính từ bản chất và mục đích đó mà các nhà kinh điển Mác-Lênin đã đưa ra những kết luận khoa học cho đến nay vẫn còn giá trị: chủ nghĩa xã hội sẽ là một kiểu tổ chức lao động mới của bản thân nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo, hướng dẫn của đảng cộng sản, đội tiên phong của giai cấp công nhân và nhà nước xã hội chủ nghĩa. Do đó, kỷ luật lao động mới cũng có những đặc trưng mới, vừa là kỷ luật chặt chẽ theo những quy định chung của *luật pháp, pháp chế xã hội chủ nghĩa*, vừa có tính tự giác - *kỷ luật tự giác* (tức là mỗi người lao động giác ngộ về vai trò làm chủ đích thực của mình trước xã hội, trước mọi công việc được phân công ngày càng tốt hơn). Đương nhiên, để mọi người lao động có được tổ chức và kỷ luật lao động mới tự giác như thế, phải trải qua quá trình đấu tranh, từng bước hoàn thiện chủ nghĩa xã hội.

4. Xã hội xã hội chủ nghĩa thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động - nguyên tắc phân phối cơ bản nhất

Trong quá trình lao động cụ thể, mỗi người lao động sẽ nhận được từ xã hội một số lượng sản phẩm tiêu dùng có giá trị tương đương số lượng, chất lượng và hiệu quả lao động của họ đã tạo ra cho xã hội, sau khi đã trừ đi một số khoản đóng góp chung cho xã hội. Nguyên tắc phân phối này là phù hợp với tính chất và trình độ phát triển lực lượng sản xuất trong giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đó là một trong những cơ sở của công bằng xã hội ở giai đoạn này.

5. Nhà nước xã hội chủ nghĩa mang bản chất giai cấp công nhân, tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc; thực hiện quyền lực và lợi ích của nhân dân

Khi đề cập đến hệ thống chuyên chính vô sản, chủ nghĩa Mác-Lênin đã xác định rõ bản chất, chức năng, nhiệm vụ của nhà nước chuyên chính vô sản. Thực chất nhà nước đó là do đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo, nhân dân tổ chức ra. Thông qua nhà nước là chủ yếu mà đảng lãnh đạo toàn xã hội về mọi mặt và nhân dân lao động thực hiện quyền lực và lợi ích của mình trên mọi mặt của xã hội. *Nhân dân ngày càng tham gia nhiều vào công việc nhà nước*, theo V.I. Lênin, nhà nước chuyên chính vô sản (hay nhà nước xã hội chủ nghĩa) không còn nguyên nghĩa như nhà nước của chủ nghĩa tư bản, mà là "*nhà nước nửa nhà nước*", với tính tự giác, tự quản của nhân dân rất cao, thể hiện các quyền dân chủ, làm chủ và lợi ích của chính mình ngày càng rõ hơn.

6. Xã hội xã hội chủ nghĩa là chế độ đã giải phóng con người thoát khỏi áp bức bóc lột, thực hiện công bằng, bình đẳng, tiến bộ xã hội, tạo những điều kiện cơ bản để con người phát triển toàn diện

Việc giành chính quyền, độc lập, tự do, dân chủ - giải phóng con người về chính trị suy cho cùng cũng là để giải phóng con người về kinh tế, về đời sống vật chất và tinh thần. Dù lúc đầu mới có chính quyền, trình độ kinh tế, mức sống vật chất của nhân dân còn thấp, nhưng đã bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội là đã *không còn chế độ tư hữu, áp bức bóc lột* với tư cách một chế độ xã hội. Đây là những *tiền đề* chính trị, kinh tế khác về bản chất so với các chế độ cũ để từng bước thực hiện việc giải phóng con người và phát triển con người toàn diện. Không có những tiền đề cơ bản đó không thể giải phóng con người, không thực hiện được công bằng, bình đẳng, tiến bộ và văn minh xã hội... Nói bình đẳng trong chủ nghĩa xã hội, là nói trong điều kiện, giai đoạn xã hội vẫn còn giai cấp, còn nhà nước, trước hết bình đẳng giữa các công dân, giữa các chủ thể sản xuất - kinh doanh (dù họ ở thành phần kinh tế nào...) *trước pháp luật chung của nhà nước*; bình đẳng nam - nữ, bình đẳng giữa các dân tộc và đoàn kết toàn dân tộc, v.v..

III. QUAN NIỆM VỀ XÃ HỘI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

1. Quan niệm về xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin,

tổng kết thực tiễn quá trình cách mạng Việt Nam, nhất là trong hai mươi năm đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã hình thành một quan niệm tổng quát về xã hội xã hội chủ nghĩa.

"*Xã hội xã hội chủ nghĩa* mà Đảng, Nhà nước và nhân dân ta xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới"¹.

Có thể xem đây là mô hình chủ nghĩa xã hội của Việt Nam. Những đặc trưng trong mô hình đó vừa phản ánh tính phổ biến theo tinh thần học thuyết Mác-Lênin về xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa thể hiện tính đặc thù dân tộc, có tính đến các đặc điểm của thời đại. Tuy nhiên, ở đây vẫn còn nhiều vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu sâu và cụ thể hoá.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 17 - 18.

2. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

a) *Đặc điểm và thực chất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta*

Từ sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Việt Nam tạm thời chia hai miền: miền Nam tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân; miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội - hậu phương lớn của cách mạng miền Nam... Đảng ta đã xác định rõ: đặc điểm lớn nhất của miền Bắc, xét về kinh tế, là từ nền sản xuất nhỏ, nông nghiệp lạc hậu, quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Những thành tựu của miền Bắc trong những năm chống Mỹ, cứu nước đã thực sự xứng đáng là hậu phương lớn của miền Nam và có vai trò *quyết định nhất* đến toàn bộ hai nhiệm vụ chiến lược *của cách mạng cả nước*: giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Vận dụng những quan điểm cơ bản mà V.I. Lênin đã nêu ra về đặc điểm thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở "*những nước tiểu nông*", Đảng ta và nhân dân ta đã có những thành quả bước đầu trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ độc lập tự do của Tổ quốc. Nhưng khoảng thời gian 1975-1985, chúng ta đã phạm một số sai lầm, trong đó có biểu hiện chủ quan, nóng vội, giản đơn, nhất là về *quản lý kinh tế*: đó là quá chú trọng hai thành phần kinh tế là quốc doanh và tập thể một cách hình thức, thực hiện quá lâu cơ chế tập trung quan liêu, hành chính bao cấp của Nhà nước; nhận thức chưa đúng quan điểm của

V.I. Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nền kinh tế hàng hoá, nhiều thành phần kinh tế đan xen nhau... trong thời kỳ quá độ, do đó đã biến chế độ sở hữu toàn dân và tập thể trở nên trừu tượng, hình thức bề ngoài - nhiều tư liệu sản xuất chung của xã hội, nhất là đất đai, trở nên không có chủ cụ thể... Đó là một trong những nguyên nhân làm triệt tiêu các động lực, các tiềm năng của toàn dân ta, của đất nước ta và không phát huy hết nội lực, không tranh thủ được sự hợp tác quốc tế. Vì vậy, kinh tế, xã hội đã lâm vào trì trệ, khủng hoảng...

Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI đánh dấu sự mở đầu chính thức công cuộc đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đảng ta xác định đúng đắn, bắt đầu từ *đổi mới tư duy lý luận, nhất là tư duy kinh tế*. Đổi mới toàn diện, nhưng có trọng điểm đúng: trên cơ sở ổn định, phát triển kinh tế, cải thiện từng bước đời sống nhân dân, đồng thời và từng bước đổi mới hệ thống chính trị... để phát triển đất nước đúng định hướng xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta đã có nhận thức ngày càng rõ hơn về *"thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội"*, có thể thấy rõ những bước cụ thể hoá về phát triển "bỏ qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa". Đường lối đổi mới của Đảng ta đã khẳng định đó là "bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa". Đến Đại hội IX Đảng ta có nhận thức càng rõ hơn nữa: "bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã

đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại¹.

b) Nội dung của thời kỳ quá độ ở nước ta.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực là sự nghiệp khó khăn, phức tạp, cho nên thời kỳ quá độ ở nước ta rất lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ. Trong các lĩnh vực của đời sống xã hội diễn ra sự đan xen và đấu tranh giữa cái mới và cái cũ, giữa con đường tư bản chủ nghĩa và con đường xã hội chủ nghĩa, đấu tranh quyết liệt chống âm mưu “diễn biến hoà bình” của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động.

Trong thời kỳ quá độ, có nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, nhiều thành phần kinh tế, giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau, nhưng cơ cấu, tính chất, vị trí của các giai cấp trong xã hội đã thay đổi nhiều cùng với những biến đổi to lớn về kinh tế - xã hội. Mối quan hệ giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội là quan hệ hợp tác và đấu tranh trong nội bộ nhân dân, đoàn kết và hợp tác lâu dài trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng. Lợi ích giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích toàn dân tộc trong mục tiêu chung độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.84.

Nội dung chủ yếu của thời kỳ quá độ là tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết dân tộc trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hoà lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của toàn xã hội.

Trong giai đoạn hiện nay, *"Để đi lên chủ nghĩa xã hội"*, chúng ta phải phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc làm nền tảng tinh thần của xã hội; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế¹.

c) Những phương hướng - nhiệm vụ cơ bản của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta

Thứ nhất, xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân; củng cố liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng ta lãnh đạo làm nền tảng và là nòng cốt cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Thực hiện ngày càng đầy đủ các quyền dân chủ, làm chủ, quyền lực của nhân dân; giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi tội phạm và kẻ thù của nhân dân.

Thứ hai, phát triển lực lượng sản xuất, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước là nhiệm vụ trung tâm,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 69.

xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, không ngừng phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân về vật chất và tinh thần.

Thứ ba, thiết lập từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đáp ứng yêu cầu và tính chất của sự phát triển lực lượng sản xuất qua nhiều hình thức đa dạng về sở hữu, sử dụng các tư liệu sản xuất, hợp tác sản xuất kinh doanh trong nước và quốc tế. Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó kinh tế nhà nước là chủ đạo, cùng kinh tế tập thể làm nền tảng cho cả nền kinh tế quốc dân; từng bước phát triển kinh tế tri thức một cách phù hợp, có hiệu quả và đúng định hướng xã hội chủ nghĩa. Thực hiện nhiều hình thức phân phối, trong đó lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế làm nguyên tắc chủ đạo.

Thứ tư, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá, làm cho chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành hệ tư tưởng chủ đạo đời sống tinh thần của đất nước. Kế thừa và phát huy tinh hoa văn hoá của dân tộc ta và của nhân loại. Xây dựng con người xã hội chủ nghĩa có trí tuệ, đạo đức, lối sống, phong cách... có văn hoá, văn minh; có thể chất và đời sống thẩm mỹ lành mạnh. Đấu tranh loại trừ các biểu hiện phản văn hoá, văn minh, phi đạo lý, đạo đức... trái với giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta và của nhân loại tiến bộ, trái với mục tiêu và bản chất của chủ nghĩa xã hội.

Thứ năm, thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc, củng cố và mở rộng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tập hợp mọi lực lượng xã hội tán thành và phấn đấu vì mục

tiêu chung: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Thực hiện chính sách đối ngoại hoà bình, hợp tác, hữu nghị, bình đẳng, độc lập và cùng có lợi với các nước, các tổ chức quốc tế...

Thứ sáu, thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Thực hiện tốt quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, gắn chặt kinh tế với quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Thứ bảy, thường xuyên xây dựng, chỉnh đốn Đảng Cộng sản Việt Nam, theo phương châm: phát triển kinh tế là trọng tâm; xây dựng, chỉnh đốn Đảng là then chốt... để Đảng ta luôn luôn trong sạch, vững mạnh, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín đáp ứng vai trò lãnh đạo xã hội ta trên mọi lĩnh vực trước những yêu cầu ngày càng cao hơn, với những vận hội mới lẫn những thử thách mới.

CÂU HỎI THẢO LUẬN VÀ ÔN TẬP

1. Phân tích những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về sự phân kỳ hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa?

2. Nêu rõ những đặc điểm cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội?

3. Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội vào Việt Nam như thế nào?

CHƯƠNG VII

NỀN DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Lý luận và thực tiễn chứng minh rằng, không xây dựng và phát triển nền dân chủ, hệ thống chính trị, trong đó có nhà nước xã hội chủ nghĩa thì không thể thực hiện quyền lực, quyền dân chủ, quyền làm chủ và mọi lợi ích của nhân dân lao động trên thực tế các lĩnh vực của đời sống xã hội trong xã hội xã hội chủ nghĩa.

I. NỀN DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Quan niệm về dân chủ

a) Khái lược lịch sử của vấn đề dân chủ

Từ trước công nguyên, cách đây hàng ngàn năm, con người đã biết hợp lực với nhau để sản xuất, để chống thiên tai, thú dữ và đã tự tổ chức ra những hoạt động chung mang tính xã hội, trong đó có việc cử ra những người đứng đầu các cộng đồng người để thực thi những quy định chung và phê bỏ những người đó nếu họ không thực hiện những quy định chung theo ý nguyện, lợi ích chung của cộng đồng. Từ thời Hy Lạp cổ đại, khi có ngôn ngữ, chữ

viết, con người đã biết diễn đạt nội dung dân chủ: trong xã hội nguyên thủy, việc “cử ra và phế bỏ người đứng đầu” là *do quyền và sức lực của dân*.

Khi xã hội có chế độ tư hữu, có giai cấp – *chế độ chiếm hữu nô lệ* ra đời, giai cấp chủ nô đã lập ra nhà nước, lấy tên là nhà nước dân chủ (ở Aten, Hy Lạp cổ đại, từ thế kỷ thứ VIII đến thứ VI trước công nguyên) – tức nhà nước *dân chủ chủ nô* thống trị đại đa số người lao động là *giai cấp nô lệ*. Khi đó nhà nước chủ nô mới chính thức sử dụng danh từ “dân chủ”, tiếng Hy Lạp cổ gọi là “demos” (dễ mô) là “dân” và “kratos” (cratô) là “quyền lực”. Có nghĩa là nhà nước *dân chủ chủ nô* có “*quyền lực của dân*”. Nhưng “dân” lúc này là dân theo quy định của *luật pháp* do giai cấp chủ nô quy định gồm giai cấp chủ nô, tầng lớp, thương gia, một số trí thức và người tự do, còn đại đa số nhân dân trở thành *nô lệ thì không được coi là dân*. Về thực chất, đây là *giai cấp tư hữu, áp bức bóc lột đầu tiên* lập ra nhà nước đã dùng pháp luật và nhà nước của nó lạm dụng khái niệm dân chủ để *chiếm mất quyền lực thực sự của nhân dân lao động*. Sau hàng ngàn năm nay, các giai cấp tư hữu, áp bức bóc lột thống trị xã hội (như phong kiến, tư sản) vẫn là những giai cấp chiếm mất quyền lực của nhân dân lao động. Trong *chế độ dân chủ tư sản*, dù chế độ này có nhiều thành tựu to lớn (chủ yếu là do nhân dân lao động tạo ra...), dù chế độ đó có mang tên chế độ dân chủ, nhà nước dân chủ, nhưng về thực chất vẫn *không phải là nhà nước thực hiện quyền lực thực sự của nhân dân*, mà chỉ là nhà nước của giai cấp tư sản.

Chỉ đến khi Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga (1917) thắng lợi, mới bắt đầu một *thời đại mới*, khi đó *nhân dân lao động* đã giành lại chính quyền, tư liệu sản xuất... *giành lại quyền lực thực sự của dân* - tức là *dân chủ thực sự* và lập ra Nhà nước dân chủ xã hội chủ nghĩa, thiết lập nền dân chủ xã hội chủ nghĩa để thực hiện quyền lực của nhân dân.

Tóm lại, nhân loại từ lâu đời đã có nhu cầu và bước đầu thực hiện *dân chủ* và có quan niệm về dân chủ, *đó là việc thực thi quyền lực của dân*. (Đây là một khái niệm lịch sử, *dân* là những ai, còn do bản chất của chế độ xã hội quy định, nhất là từ khi xã hội phân chia thành giai cấp, thì dân còn do bản chất giai cấp thống trị xã hội quy định cụ thể trong từng xã hội nhất định).

b) Quan niệm của chủ nghĩa Mác-Lênin về dân chủ

Thứ nhất, chủ nghĩa Mác-Lênin kế thừa những nhân tố hợp lý trong hoạt động thực tiễn và nhận thức của nhân loại về dân chủ, đặc biệt là việc tán thành cho rằng: dân chủ là một nhu cầu khách quan của nhân dân lao động; *dân chủ là quyền lực của nhân dân* (hay dân chủ là quyền lực thuộc về nhân dân).

Thứ hai, khi xã hội có giai cấp và nhà nước – tức là một *chế độ dân chủ* thể hiện chủ yếu qua nhà nước thì khi đó không có “dân chủ chung chung, phi giai cấp, siêu giai cấp”, “dân chủ thuần túy”. Trái lại, mỗi *chế độ dân chủ* gắn với nhà nước đều mang *bản chất giai cấp thống trị xã hội*. Lịch sử nhân loại đã chứng minh rõ có các kiểu dân chủ: chế độ dân chủ chủ nô, chế độ dân chủ tư sản, chế độ dân chủ vô sản (hay dân chủ xã hội chủ nghĩa). Riêng chế

độ phong kiến là chế độ quân chủ, (rồi “quân chủ lập hiến”) không phải là chế độ dân chủ, nhưng những nhu cầu dân chủ, những biểu hiện dân chủ trong nhân dân, trong xã hội, thậm chí ngay cả trong một số triều đình phong kiến... của xã hội phong kiến vẫn có.

Do đó, từ khi có *chế độ* dân chủ thì dân chủ luôn luôn với tư cách một phạm trù lịch sử, *phạm trù chính trị*.

Thứ ba, từ khi có nhà nước dân chủ, thì dân chủ còn với ý nghĩa là *một hình thức nhà nước*, trong đó có chế độ bầu cử, bãi miễn các thành viên nhà nước, có quản lý xã hội theo pháp luật nhà nước và thừa nhận ở nhà nước đó “quyền lực thuộc về nhân dân” (còn dân là những ai thì do bản chất giai cấp thống trị xã hội quy định), gắn liền với một hệ thống chuyên chính của giai cấp thống trị xã hội.

Thứ tư, với một chế độ dân chủ và nhà nước tương ứng, đều do một giai cấp thống trị cầm quyền chi phối tất cả các lĩnh vực của toàn xã hội, do vậy tính giai cấp thống trị cũng gắn liền với và chi phối tính dân tộc, tính chất của chế độ chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội... ở mỗi quốc gia dân tộc cụ thể.

2. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

Từ việc nắm vững và phân tích thực tế lịch sử đã diễn ra trong sự phát triển dân chủ của nhân loại, nhất là qua những quy luật của chế độ dân chủ chủ nô, chế độ dân chủ tư sản..., các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin đã, *dự báo khoa học* – qua nhiều luận điểm cơ bản – về tính tất yếu xảy ra và thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa, của *nền dân chủ xã hội chủ nghĩa*, gắn liền với tất yếu của *chủ nghĩa xã hội*. Chính những luận điểm khoa

học đó đã được nhận thức và vận dụng đúng đắn, sáng tạo để dẫn dắt nhân dân lao động trong thực tiễn cách mạng, làm nên thắng lợi của Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga (1917), từ đó hình thành và từng bước phát triển *nền dân chủ xã hội chủ nghĩa* ở nước Nga, sau đó là Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới... Theo chủ nghĩa Mác-Lênin thì: *chuyên chính vô sản và dân chủ xã hội chủ nghĩa về căn bản là thống nhất*. Từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Đảng ta thống nhất gọi chuyên chính vô sản là *nền dân chủ xã hội chủ nghĩa (vẫn thực hiện nội dung cơ bản của chuyên chính vô sản)*.

Khái quát về *bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa* như sau:

a) *Bản chất chính trị*: Dưới sự lãnh đạo duy nhất của một đảng của giai cấp công nhân - đảng Mác-Lênin mà trên mọi lĩnh vực xã hội đều thực hiện *quyền lực của nhân dân*, thể hiện qua các quyền dân chủ, làm chủ, quyền con người, thoả mãn ngày càng cao hơn *các nhu cầu và các lợi ích của nhân dân*. Chủ nghĩa Mác-Lênin chỉ rõ: Bản chất chính trị của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là sự lãnh đạo chính trị của giai cấp công nhân thông qua đảng của nó đối với toàn xã hội, nhưng không phải chỉ để thực hiện quyền lực và lợi ích riêng cho giai cấp công nhân, mà chủ yếu là để thực hiện quyền lực và lợi ích của toàn thể nhân dân, trong đó có giai cấp công nhân. Hồ Chí Minh cũng đã chỉ rõ: Trong chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa thì bao nhiêu quyền lực đều là của dân, bao nhiêu sức mạnh đều ở nơi dân, bao nhiêu lợi ích đều là vì dân... Chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa... do đó về

thực chất là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, khác với các cuộc cách mạng trước đây là ở chỗ nó là cuộc cách mạng của số đông, vì lợi ích của số đông nhân dân. V.I. Lênin còn nhấn mạnh rằng: Dân chủ xã hội chủ nghĩa là chế độ mà nhân dân ngày càng tham gia nhiều vào công việc nhà nước. Với ý nghĩa đó, V.I. Lênin đã diễn đạt một cách khái quát về *bản chất và mục tiêu* của dân chủ xã hội chủ nghĩa rằng: đó là nền dân chủ “gấp triệu lần dân chủ tư sản”. Do vậy, dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa có bản chất giai cấp công nhân, vừa có tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc.

b) Bản chất kinh tế: Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa dựa trên chế độ công hữu về những tư liệu sản xuất chủ yếu của toàn xã hội đáp ứng sự phát triển ngày càng cao của lực lượng sản xuất dựa trên cơ sở khoa học - công nghệ hiện đại nhằm thoả mãn ngày càng cao những nhu cầu vật chất và tinh thần của toàn thể nhân dân lao động.

Bản chất kinh tế đó chỉ được bộc lộ đầy đủ qua một quá trình ổn định chính trị, phát triển sản xuất và nâng cao đời sống của toàn xã hội, dưới sự lãnh đạo của đảng Mác-Lênin và quản lý, hướng dẫn, giúp đỡ... của nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Bản chất kinh tế của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa dù khác về bản chất kinh tế của các chế độ tư hữu, áp bức, bóc lột, bất công, nhưng cũng như toàn bộ nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, nó không hình thành từ “hư vô” theo mong muốn của bất kỳ ai. Kinh tế xã hội chủ nghĩa cũng là sự kế thừa và phát triển mọi thành tựu nhân loại đã tạo ra trong lịch sử, đồng thời loại bỏ những nhân tố lạc hậu, tiêu cực, kìm

hãm... của các chế độ kinh tế trước đó, nhất là bản chất tư hữu, áp bức bóc lột, bất công... đối với đa số nhân dân.

c) *Bản chất tư tưởng - văn hoá*: Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa lấy hệ tư tưởng Mác-Lênin – hệ tư tưởng của giai cấp công nhân làm nền tảng, chủ đạo đối với mọi hình thái ý thức xã hội khác trong xã hội mới (như văn học nghệ thuật, giáo dục, đạo đức, lối sống, văn hoá, xã hội, tôn giáo v.v.). Đồng thời, dân chủ xã hội chủ nghĩa kế thừa, phát huy những tinh hoa văn hoá truyền thống các dân tộc; tiếp thu những giá trị tư tưởng - văn hoá, văn minh, tiến bộ xã hội... mà nhân loại đã tạo ra ở tất cả các quốc gia, dân tộc...

Do đó, đời sống tư tưởng - văn hoá của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa rất phong phú, đa dạng, toàn diện và ngày càng trở thành một nhân tố quan trọng hàng đầu, thành mục tiêu và động lực cho quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

3. Hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa

Nền dân chủ tư sản đã hoạt động và thể hiện trên thực tế thông qua hệ thống chính trị tư sản, chủ yếu là thực hiện quyền lực và lợi ích của giai cấp tư sản. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa cũng hoạt động và thể hiện trên thực tế thông qua hệ thống chính trị của nó, hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa.

Quan niệm về hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa:

Đó là hệ thống các tổ chức chính trị căn bản, có quy mô quốc gia, có ý nghĩa chiến lược đối với sự tồn tại, ổn định

và phát triển của một nước xã hội chủ nghĩa; được hình thành và hoạt động trong khuôn khổ pháp luật chung, phù hợp với vai trò, nhiệm vụ, chức năng của mỗi tổ chức và mối quan hệ giữa các tổ chức đó - toàn bộ hệ thống tổ chức này hoạt động là sự thể hiện trên thực tế của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Chủ nghĩa Mác-Lênin đã có những luận điểm cơ bản về “chuyên chính vô sản” và “hệ thống chuyên chính vô sản”. Đặc biệt là V.I. Lênin đã nêu cụ thể rằng, trong “hệ thống chuyên chính vô sản” gồm có đảng, nhà nước, công đoàn và một số tổ chức khác như “những bánh xe răng cưa” tạo ra “mối liên hệ giữa đội tiên phong với quần chúng”¹.

Vận dụng, phát triển và cụ thể hoá một cách đúng đắn và sáng tạo những luận điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về chuyên chính vô sản, hệ thống chuyên chính vô sản vào hoàn cảnh Việt Nam trong tình hình hiện nay của đất nước và của cả thời đại. Đảng Cộng sản Việt Nam, trong công cuộc đổi mới đất nước, đã sử dụng khái niệm “hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa” khi có chủ trương xây dựng và từng bước hoàn thiện “nền dân chủ xã hội chủ nghĩa”; bởi vì chuyên chính vô sản về cơ bản là thống nhất với dân chủ xã hội chủ nghĩa và dân chủ xã hội chủ nghĩa vẫn thực hiện những nguyên tắc và nội dung cơ bản của chuyên chính vô sản (như đã phân tích ở trên). Trong những điều kiện và những yêu cầu mới của sự phát triển đất nước ta theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta đã

1. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1979, t.42, tr. 250.

mở rộng và cụ thể hoá nhiều vấn đề về hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa.

Về cấu trúc cơ bản của hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa, gắn với vai trò, chức năng của từng tổ chức chính trị của nó, quan điểm của Đảng ta chỉ rõ: đó là gồm có Đảng Cộng sản, Nhà nước xã hội chủ nghĩa và các đoàn thể của nhân dân. Đảng ta nêu rõ vai trò, chức năng cơ bản của hệ thống các tổ chức chính trị trong hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa một cách khái quát, đúng thực chất và thực tiễn, đó là: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ; suy cho cùng thì tất cả quyền lực là của nhân dân, vì những lợi ích của nhân dân. Và, chỉ có thể thực hiện được những vấn đề cơ bản đó khi hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa phải là chế độ nhất nguyên về chính trị - tức là chỉ có một giai cấp và một Đảng duy nhất lãnh đạo xã hội, đó là giai cấp công nhân và Đảng của nó.

II. NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Quan niệm về nhà nước xã hội chủ nghĩa

Đó là một trong những tổ chức chính trị cơ bản nhất của hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa, một công cụ quản lý mà đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo nhân dân tổ chức ra để qua đó là chủ yếu, nhân dân lao động thực hiện quyền lực và lợi ích của mình; cũng qua đó là chủ yếu mà giai cấp công nhân và Đảng của nó lãnh đạo xã hội về mọi mặt trong quá trình bảo vệ và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Chủ nghĩa Mác-Lênin cũng quan niệm nhà nước xã hội chủ nghĩa là thống nhất về căn bản với nhà nước chuyên chính vô sản cả về bản chất, mục tiêu, vai trò, chức năng

và các hoạt động theo những nguyên tắc, pháp luật, chính sách của nó.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa nằm trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa. Đã là một loại hình nhà nước dân chủ thì nó có kế thừa và phát huy các thành quả chung - những giá trị của quá trình phát triển dân chủ mà nhân loại đã sản sinh ra. Ví dụ, dân chủ xã hội chủ nghĩa cũng kế thừa khái niệm và thuật ngữ “dân chủ”, với bản chất nhất là “quyền lực của dân”. Nhà nước xã hội chủ nghĩa cũng do nhân dân bầu cử ra và có thể bãi miễn nó. Nhà nước xã hội chủ nghĩa cũng kế thừa tính hợp lý về cơ cấu tổ chức có tính pháp quyền của nhà nước dân chủ tư sản: cũng có các cơ quan lập pháp (Quốc hội), hành pháp (Chính phủ) và tư pháp (Toà án, Viện kiểm sát...). Tất nhiên, về bản chất, mục tiêu, quyền lực, lợi ích... thì khác về căn bản so với nhà nước “tam quyền phân lập tư sản”.

2. Bản chất, chức năng, nhiệm vụ của nhà nước xã hội chủ nghĩa

a) Bản chất:

Bản chất của bất kỳ nhà nước nào trong xã hội có giai cấp bao giờ cũng mang *bản chất của giai cấp thống trị xã hội* (ví dụ: nhà nước dân chủ *chủ nô*, nhà nước quân chủ *phong kiến*, nhà nước dân chủ *tư sản*...).

Bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa (nhà nước chuyên chính vô sản) do đó trước hết nó mang *bản chất giai cấp công nhân*. Nhưng giai cấp công nhân lại là giai cấp thuộc nhân dân lao động mà ra, đại biểu phương thức

sản xuất mới, hiện đại, gắn với và đại biểu cho lợi ích của toàn thể nhân dân lao động và dân tộc, do vậy nhà nước xã hội chủ nghĩa vừa có *bản chất giai cấp công nhân*, vừa có *tính nhân dân* rộng rãi và *tính dân tộc* sâu sắc (giống như bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa).

Đảng ta và Hồ Chí Minh đã từ lâu có quan điểm rõ ràng và đúng đắn về nhà nước xã hội chủ nghĩa, trong đó có Nhà nước ta: đó là *Nhà nước của dân, do dân, vì dân...* cũng nói lên một cách tổng hợp về bản chất, thực chất Nhà nước của ta – nhà nước xã hội chủ nghĩa. Từ khi đổi mới đất nước, Đảng ta lại càng chú trọng vận dụng, phát triển, cụ thể hoá vấn đề nhà nước của dân, do dân, vì dân.

b) Chức năng, nhiệm vụ

Chức năng giai cấp của nhà nước vô sản được thực hiện cả bằng việc thực hiện có hiệu quả công tác tổ chức, xây dựng toàn diện xã hội mới, cả bằng việc sử dụng những công cụ bạo lực đã có trong tay để đập tan sự phản kháng của kẻ thù giai cấp chống lại công cuộc tổ chức, xây dựng đó. Khi đề cập tới sự cần thiết phải sử dụng phương thức thứ hai vừa nêu, C.Mác cho rằng sở dĩ giai cấp vô sản cần sử dụng công cụ bạo lực để bảo vệ thành quả cách mạng của mình vì chính giai cấp tư sản không cần dẫn dắt trong việc sử dụng những biện pháp cứng rắn nhất nhằm khôi phục lại trật tự tư bản chủ nghĩa của chúng. Tiếp tục phát triển lý luận về chuyên chính vô sản trong thời kỳ trực tiếp lãnh đạo quá trình xây dựng xã hội mới trong điều kiện có sự chống đối mạnh mẽ tới mức nội chiến do lực

lượng phản cách mạng gây ra, V.I.Lênin đã nhấn mạnh sự cần thiết phải thực hiện cưỡng bức như là lý do tồn tại của nhà nước nhằm chuyển từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

V.I.Lênin nhấn mạnh bạo lực của chuyên chính vô sản là vì, cách mạng Nga nổ ra và tồn tại trong hoàn cảnh có sự chống đối dữ dội của bọn bóc lột; thêm vào đó, 14 nước đế quốc cấu kết với nhau hòng bóp chết chính quyền Xô viết non trẻ.

Trước sự tấn công của kẻ thù, V.I.Lênin đương nhiên phải gắn chuyên chính vô sản với tình thế một cuộc đấu tranh; hơn nữa, đó lại là một cuộc đấu tranh ác liệt, lâu dài và dai dẳng hơn nhiều so với bất kỳ một cuộc đấu tranh nào trước đây¹. Việc chú ý tới bối cảnh lịch sử như vậy cho phép chúng ta khẳng định rằng, đặc điểm đó của chuyên chính vô sản do V.I.Lênin nêu ra không phải là phổ biến.

Bạo lực, trấn áp là cái vốn có của mọi chính sách, do đó, nó cũng là cái vốn có của nhà nước vô sản. Song, cả C.Mác - Ph.Ăngghen và V.I.Lênin đều xem tổ chức, xây dựng mang tính sáng tạo nhằm cải tiến trật tự chủ nghĩa tư bản và hình thành trật tự chủ nghĩa cộng sản là cái căn bản hơn trong chức năng của chuyên chính vô sản. Đặt mối tương quan với chức năng tổ chức - xây dựng, thì chức năng trấn áp chỉ là việc “quét sạch các đồng rác rưởi trước khi xây dựng” mà chưa phải là bản thân việc xây dựng².

1. *Sđd*, t.44, tr.261.

2. *Sđd*, t.39, tr.27.

Trước đó rất lâu, ngay từ năm 1847, Ph. Ăngghen đã nêu ra 12 nhiệm vụ mà giai cấp công nhân phải thực hiện sau khi giành được chính quyền, thì tất cả các nhiệm vụ đó đều trực tiếp liên quan tới tổ chức, xây dựng xã hội mới. Sau đó một năm, khi xác định những nấc thang, những giai đoạn của cuộc cách mạng công nhân nhằm đi tới giải phóng và phát triển toàn diện con người, C.Mác và Ph.Ăngghen cũng xem việc giai cấp công nhân giành lấy quyền lực nhà nước mới chỉ là giai đoạn đầu tiên. Sau đó phải sử dụng quyền lực nhà nước để tăng thật nhanh số lượng những lực lượng sản xuất.

Lãnh đạo giai cấp công nhân và nhân dân lao động Nga làm cách mạng, sau khi thiết lập chuyên chính vô sản, V.I.Lênin đã trực tiếp giải quyết, xây dựng xã hội mới. Đó là thời kỳ chủ nghĩa cộng sản không còn chỉ là cương lĩnh hay học thuyết, mà đã trở thành công việc xây dựng hằng ngày. Bởi vậy, V.I.Lênin đã có sự phát triển mới về mặt lý luận liên quan tới chức năng tổ chức và xây dựng của chuyên chính vô sản. Ông xem việc tích cực xây dựng chủ nghĩa cộng sản, sáng tạo ra những quan hệ kinh tế mới, sáng tạo ra một xã hội mới là nhiệm vụ bức bách, quan trọng hơn là đập tan sự phản kháng của tư sản.

Không dừng lại ở việc khẳng định nhiệm vụ hàng đầu là tổ chức, xây dựng so với nhiệm vụ trấn áp, V.I.Lênin còn làm rõ nội dung, biện pháp của nhiệm vụ đó trên nhiều bình diện khác nhau.

Trong lĩnh vực kinh tế: để thực hiện nhiệm vụ xây dựng, nhà nước vô sản phải hoàn thành việc tước đoạt giai cấp tư sản; phát triển mạnh các lực lượng sản xuất, củng cố kỷ luật lao động mới: nâng cao năng suất lao động được xem là nhiệm vụ cơ bản;...¹

Trong lĩnh vực xã hội: phải tạo ra quan hệ xã hội mới, tạo ra những tổ chức lao động mới có khả năng phối hợp những thành tựu mới nhất của khoa học và kỹ thuật với sự tập hợp đông đảo những người lao động: cải tạo dần tầng lớp tiểu sản xuất hàng hoá thông qua một công tác tổ chức lâu dài.

Đề cập chức năng tổ chức xây dựng của Nhà nước chuyên chính vô sản, V.I.Lênin dành sự chú ý đặc biệt cho nhiệm vụ quản lý. Sau khi giành được chính quyền, theo V.I.Lênin, vũ khí duy nhất mà nhờ đó giai cấp vô sản có thể chiến thắng giai cấp tư sản là quản lý. Trong nhiệm vụ quản lý toàn diện đời sống xã hội, V.I.Lênin xem quản lý nhà nước trong thời kỳ chuyên chính vô sản thực chất là quản lý kinh tế. Nhìn nhận nhiệm vụ này từ góc độ đấu tranh giai cấp, góc độ chính trị, V.I.Lênin quan niệm: “nhiệm vụ căn bản của mọi xã hội quá độ chuyển sang chế độ xã hội chủ nghĩa là ở chỗ giai cấp vô sản thống trị... phải chiến thắng giai cấp tư sản... tức là chúng ta phải đạt được chiến thắng đó trong lĩnh vực tổ chức kinh tế quốc dân, tổ chức sản xuất, trong lĩnh vực kiểm kê và kiểm soát có tính chất toàn dân.

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, 1998, t.38, tr.118-124.

III. ĐỔI MỚI HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Như trên đã đề cập, Nhà nước là “trụ cột” của hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay. Song, sự tồn tại, vận hành của nó chịu ảnh hưởng rất lớn của các yếu tố khác cấu thành hệ thống đó. Do vậy, không thể có Nhà nước mạnh, khi không có hệ thống chính trị mạnh.

Sau 20 năm đổi mới, hệ thống chính trị đã có những bước tiến quan trọng trên nhiều phương diện: trên cơ sở *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng thông qua, Đảng ta đã từng bước bổ sung và cụ thể hoá thành các chủ trương đổi mới trên từng lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Trong quá trình đó, Đảng ta không ngừng được củng cố về chính trị, tư tưởng và tổ chức: vai trò lãnh đạo của Đảng trong xã hội được tăng cường; đường lối đổi mới ngày càng được hoàn thiện, nhờ vậy, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng rõ hơn. Đảng khẳng định chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hoạt động của mình: Đảng giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy tinh thần sáng tạo, nhạy bén trong việc hoạch định chủ trương dân chủ trên các lĩnh vực cũng như triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương đó. Đảng ta có giải pháp tích cực nhằm đổi mới chính đốn Đảng, gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội trong giai đoạn hiện nay.

Trên lĩnh vực lập pháp, chúng ta đã ban hành Hiến pháp năm 1992 – Hiến pháp thể chế hoá Cương lĩnh và đường lối đổi mới của Đảng: đã sửa đổi và ban hành nhiều văn bản pháp luật quan trọng liên quan tới tổ chức và hoạt động của các cơ quan quyền lực Nhà nước, các tổ chức chính trị – xã hội, các thành phần kinh tế; nhiều quyền công dân và quyền con người đã được cụ thể hoá và thể chế hoá.

Chúng ta cũng đã tiến hành cải cách một bước nền hành chính quốc gia, tiếp tục xây dựng và củng cố Nhà nước pháp quyền Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, việc quản lý nhà nước bằng pháp luật và theo pháp luật từng bước được xác lập và hoàn thiện.

Mặt trận, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội đã từng bước đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động.

Cùng với việc đa dạng hoá chức năng của các tổ chức đó, trong khi không xem nhẹ chức năng tập hợp, giáo dục quần chúng tham gia xây dựng và thực hiện có hiệu quả mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước cũng như giám sát việc tổ chức thực hiện đó, chúng ta đã xem việc *bảo vệ, thoả mãn những nhu cầu, lợi ích chính đáng của các thành viên trong tổ chức mình là một chức năng cực kỳ quan trọng*. Nhờ vậy, các hội, đoàn thể quần chúng hợp pháp ngày càng có sinh khí hơn, hoạt động ngày càng có hiệu quả cao.

Khái quát những thành tựu đổi mới hệ thống chính trị và hiệu quả của nó tới việc phát huy dân chủ, Đại hội đại

biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã khẳng định: “Trên cơ sở Cương lĩnh, xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta đã từng bước cụ thể hoá đường lối đổi mới trên các lĩnh vực, củng cố Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong xã hội, ... tiến hành cải cách một bước nền hành chính Nhà nước, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị, xã hội từng bước đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, đạt hiệu quả thiết thực hơn. Quyền làm chủ của nhân dân trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, chính trị, tư tưởng, văn hoá được phát huy”¹.

Trong khi khẳng định những thành quả to lớn trên đây, cần thấy hệ thống chính trị còn tồn tại không ít điểm yếu.

Chuyển sang nền kinh tế thị trường nhiều thành phần, trên cơ sở đa dạng hoá hình thức sở hữu đối với tư liệu sản xuất, mở cửa với bên ngoài... là một chiến lược đúng đắn. Song, nhiều vấn đề thuộc lý luận về Đảng Cộng sản cầm quyền trong điều kiện kinh tế đó còn chưa được làm sáng tỏ. Trong khi khẳng định tính không đối lập về cơ bản giữa cơ chế thị trường với chủ nghĩa xã hội, chúng ta cũng thấy rõ rằng, bên cạnh tác động tích cực là cơ bản, kinh tế thị trường ngay trong trường hợp giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa cũng có mặt trái của nó. Do không được

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.61.

chuẩn bị ngay từ đầu để khắc phục những tác động nghịch chiều của cơ chế đó, “tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, bệnh cơ hội, chủ nghĩa cá nhân và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong một bộ phận cán bộ, công chức diễn ra nghiêm trọng”¹.

Những bước tiến trong việc đổi mới nền hành chính quốc gia còn rất hạn chế. Tình trạng quan liêu của cán bộ hành chính làm cho yêu cầu quản lý các quá trình kinh tế- xã hội và phát huy quyền làm chủ của nhân dân chưa thật nhanh, nhạy và có hiệu quả cao.

Phương thức tổ chức, phong cách hoạt động của nhiều tổ chức trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vẫn chưa thoát khỏi hẳn tình trạng quan liêu; cán bộ của nhiều đoàn thể chính trị xã hội vẫn trong tình trạng “viên chức hoá”.

Khái quát những yếu kém trên đây của hệ thống chính trị, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII của Đảng nhấn mạnh: “nhìn chung tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị, nhất là bộ máy hành chính nhà nước còn cồng kềnh, nhiều đầu mối, tầng nấc trung gian, chất lượng hoạt động và hiệu quả thấp. Chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và chế độ trách nhiệm của nhiều cơ quan và người đứng đầu chưa thật rõ, còn chồng chéo, cơ chế vận hành và nhiều mối quan hệ còn bất hợp lý; đội ngũ cán bộ, công chức còn hạn chế cả về năng lực chuyên môn và tinh thần trách nhiệm... Tình hình đó đã làm giảm

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 65.

hiệu quả công tác lãnh đạo của Đảng, làm yếu hiệu lực quản lý của Nhà nước; tệ quan liêu, lãng phí, tham nhũng... tăng lên, có mặt rất nghiêm trọng; trật tự kỷ cương bị vi phạm; sự tin cậy và gắn bó của nhân dân đối với hệ thống chính trị bị giảm sút”¹.

Tiếp tục đổi mới hệ thống chính trị nhằm khắc phục những yếu kém trên đây đã trở thành đòi hỏi bức thiết để hệ thống chính trị nói chung, Nhà nước ta nói riêng thực hiện quyền dân chủ của nhân dân.

Sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước nói riêng, đối với hệ thống chính trị và toàn xã hội nói chung cần thực hiện bằng những phương pháp vốn có của một đảng Mác-Lênin. Thông qua tuyên truyền, thuyết phục, giáo dục, nêu gương của đảng viên và các tổ chức cơ sở đảng làm cho Nhà nước, các tổ chức quần chúng thấy rõ tính đúng đắn trong các quyết định chính trị của Đảng.

Đảng phải tăng cường bản chất giai cấp công nhân của mình, củng cố mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với Nhà nước và nhân dân.

Để có dân chủ xã hội chủ nghĩa, một mặt, Nhà nước phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, mặt khác, mọi chủ trương và chính sách của Nhà nước phải xuất phát từ lợi ích chính đáng của nhân dân. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ rõ: “Xây dựng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, tr.33.

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Nhà nước ta là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, là Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp

Cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước gắn liền với xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn; nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức đảng và đảng viên trong các cơ quan nhà nước”¹.

Để nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước và phát huy dân chủ của nhân dân, cần dành sự chú ý đặc biệt cho quá trình lập pháp và lập quy của nhà nước. Liên quan đến vấn đề này, cần: Xây dựng chương trình lập pháp, phát huy quyền trình dự án luật của đoàn thể nhân dân; nâng cao kiến thức lập pháp của đại biểu Quốc hội; nâng cao trình độ, năng lực thẩm tra các dự án luật của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban Quốc hội; xác định rõ hơn quyền lập pháp và lập quy... Để nâng cao chất lượng và hiệu quả trên lĩnh vực này, cần tập hợp trí tuệ của các nhà khoa học, các chuyên gia, lắng ý kiến nhân dân nhất là các đối tượng có liên quan đến việc thi hành luật để xây dựng hệ thống pháp luật.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 131 - 132.

Yêu cầu nâng cao hiệu quả quản lý của nhà nước và thực hiện dân chủ, hiện nay phải xem cải cách một bước nền hành chính quốc gia là một nhiệm vụ trọng điểm. Cải cách hành chính phải tiến hành đồng bộ – từ cải cách thể chế hành chính đến cải cách tổ chức bộ máy và công tác cán bộ, công chức hành chính.

Liên quan tới vấn đề thứ nhất, phải cải cách thủ tục hành chính, hoàn thiện thể chế quản lý bằng pháp luật, đề cao nghĩa vụ và trách nhiệm công dân. Trong cải cách thể chế và thủ tục hành chính, để mở rộng dân chủ, Nhà nước cần “giảm tối đa cơ chế xin phép – cho phép trong từng vụ việc...” như Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII đã chỉ ra: nhưng phải tôn trọng nguyên tắc tập trung dân chủ trong điều hành, quản lý.

Liên quan tới vấn đề thứ hai, cần chấn chỉnh cơ cấu tổ chức, biên chế quy chế hoạt động của bộ máy hành chính các cấp; định rõ thứ bậc và quan hệ thứ bậc trong bộ máy hành chính, xác định rõ vị trí, vai trò từng cấp chính quyền; kiện toàn bộ máy chính quyền cơ sở.

Liên quan tới vấn đề thứ ba, việc ban hành quy chế về chế độ công vụ và công chức là rất cần thiết: định rõ nghĩa vụ, trách nhiệm, thẩm quyền, quyền lợi và kỷ luật hành chính: quy định chế độ đào tạo, tuyển dụng và sàng lọc công chức; xây dựng đội ngũ công chức có chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ cao, giác ngộ về chính trị, có tinh thần trách nhiệm, sự công tâm và tận tụy với công việc.

Để phát huy quyền dân chủ của nhân dân. Mặt trận Tổ

quốc và các đoàn thể chính trị – xã hội của nhân dân cũng cần được đổi mới theo hướng:

- Đoàn kết tất cả mọi người thuộc các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo, người Việt Nam ở trong nước và định cư ở nước ngoài... Xoá bỏ mọi định kiến, mọi mặc cảm, lấy sự tương đồng vì lợi ích của sự phát triển đất nước theo mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” làm trọng.

- Mặt trận vận động, tổ chức nhân dân, xây dựng, củng cố, bảo vệ chính quyền; thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc ngay trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước.

- Mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc bằng các hình thức đa dạng, thích hợp với từng người, từng thành phần xã hội, từng địa phương, cơ sở.

Để mở rộng Mặt trận có tác dụng tích cực nhằm thực hiện tốt việc bảo đảm quyền lực của nhân dân, cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng củng cố khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức, làm cho nó thực sự là nền tảng của Mặt trận.

Để phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, việc đổi mới hệ thống chính trị không dừng ở việc đổi mới từng yếu tố cấu thành, mà còn đòi hỏi phải đổi mới mối quan hệ qua lại giữa các yếu tố đó. Liên quan tới vấn đề này, cần đổi mới mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước: Đảng lãnh đạo Nhà nước; Nhà nước có nghĩa vụ thể chế hoá và tổ chức thực hiện nghiêm túc đường lối và các nghị quyết của Đảng.

Để phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa cần hoàn thiện hình thức dân chủ đại diện, mở rộng dân chủ trực tiếp của nhân dân. Khi đề cập vấn đề này, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII đã nhấn mạnh: “Tiếp tục phát huy tốt hơn và nhiều hơn quyền làm chủ của nhân dân qua các hình thức dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp để nhân dân tham gia xây dựng và bảo vệ Nhà nước, nhất là việc giám sát, kiểm tra của nhân dân đối với hoạt động của cơ quan và cán bộ, công chức nhà nước”¹.

Muốn hoàn thiện dân chủ đại diện, một vấn đề bức bách là nâng cao chất lượng của các tổ chức quần chúng, làm cho các tổ chức đó thật sự có được sự quan tâm thiết thân của các thành viên của mình, gần gũi với họ. Chỉ khi đó, một mặt, tổ chức ấy mới nắm vững và nhanh nhạy mọi nhu cầu bức xúc của các thành viên và phản ánh kịp thời với các cơ quan chức năng thuộc bộ máy Đảng và Nhà nước; mặt khác cũng chỉ khi đó, quần chúng thành viên mới thông qua tổ chức của mình mà tham gia tích cực vào hoạt động của mọi cơ quan thuộc hệ thống chính trị.

Việc mở rộng dân chủ trực tiếp nhằm phát huy dân chủ nhân quyền đòi hỏi:

- Lãnh đạo cơ quan và địa phương xác định rõ vấn đề cần có sự tham gia trực tiếp của nhân dân ở lĩnh vực, địa bàn tương ứng trước khi cấp có thẩm quyền quyết định;

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 41.

nâng cao chất lượng đóng góp của nhân dân vào việc hình thành các quyết định đó.

- Xác định rõ những vấn đề mà cơ quan lãnh đạo, người lãnh đạo phải có trách nhiệm báo cáo trước nhân dân ở lĩnh vực và trên địa bàn tương ứng.

- Xây dựng những thiết chế dân chủ ở cơ sở phù hợp với lĩnh vực và trình độ của đối tượng tương ứng.

- Nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ cơ sở, làm cho họ biết nghe, biết xử lý những ý kiến được nhân dân nêu ra. Hết sức tránh thái độ thụ động, “theo đuôi” quần chúng...

Gắn liền với việc mở rộng dân chủ trực tiếp đến người dân, Đại hội đại biểu toàn quốc IX của Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương: “Phân công, phân cấp, nâng cao tính chủ động của chính quyền địa phương..., tổ chức hợp lý Hội đồng nhân dân; kiện toàn các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân và bộ máy chính quyền cấp xã, phường, thị trấn”¹.

Bằng việc thực hiện có kết quả những vấn đề vừa nêu, Nhà nước xã hội chủ nghĩa của chúng ta sẽ được củng cố, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa sẽ không ngừng được phát triển. Đó là những nhân tố có ý nghĩa quan trọng đối với quá trình phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.133.

CÂU HỎI THẢO LUẬN VÀ ÔN TẬP

1. Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về dân chủ, về bản chất dân chủ xã hội chủ nghĩa?
2. Phân tích rõ cơ cấu hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa và vai trò của các tổ chức trong hệ thống đó; đặc biệt là của nhà nước xã hội chủ nghĩa?
3. Phân tích phương hướng đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay?

CHƯƠNG VIII

CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIỮA CÔNG NHÂN VỚI NÔNG DÂN VÀ TRÍ THỨC TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa là quá trình từng bước xoá bỏ cơ bản các quan hệ đối kháng giai cấp, hình thành một cơ cấu xã hội - giai cấp mới, trong đó liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân và trí thức là nền tảng của xã hội mới, chế độ mới. Trước khi xem xét vấn đề liên minh giai cấp, chúng ta cần phải nghiên cứu vấn đề rộng hơn, có tính chất hệ thống bao trùm hơn, đó là cơ cấu xã hội - giai cấp.

I. CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1. Quan niệm về cơ cấu xã hội - giai cấp

a) Cơ cấu xã hội và cơ cấu xã hội - giai cấp

- Mỗi con người đều tồn tại trong mối quan hệ lệ thuộc, tác động lẫn nhau và sự tác động này không chỉ mang tính cá nhân mà còn mang tính cộng đồng. Cộng đồng xã hội là một bộ phận người có chung một số dấu hiệu, nguyên

tắc. Tuỳ theo cách xác định các dấu hiệu, nguyên tắc mà người ta có thể xác định những cộng đồng với các tên gọi khác nhau (dân tộc, giai cấp, tập thể, đơn vị, nhóm hoạt động,...). Có hai loại cộng đồng: cộng đồng khách quan được hình thành một cách tự nhiên, không phụ thuộc vào ý muốn con người và cộng đồng chủ quan được hình thành từ ý đồ, mục đích của con người.

- Cơ cấu xã hội là tất cả những cộng đồng người và toàn bộ các quan hệ xã hội do sự tác động lẫn nhau của các cộng đồng ấy tạo nên. Cơ cấu xã hội đề cập chủ yếu đến các cộng đồng được hình thành một cách khách quan, dựa trên các dấu hiệu tự nhiên như giai cấp, dân số, dân cư, nghề nghiệp, dân tộc, tôn giáo,... Từ đó, người ta có thể xem xét các loại hình cơ cấu xã hội tương ứng: cơ cấu xã hội - giai cấp, cơ cấu xã hội - dân số (với dấu hiệu nhân khẩu), cơ cấu xã hội - dân cư (với dấu hiệu cùng cư trú theo địa lý), cơ cấu xã hội - nghề nghiệp, cơ cấu xã hội - dân tộc, cơ cấu xã hội - tôn giáo,... Dưới góc độ chính trị - xã hội, môn học chủ nghĩa xã hội khoa học ở đây chỉ tập trung nghiên cứu vấn đề cơ cấu xã hội - giai cấp.

Cơ cấu xã hội - giai cấp là hệ thống các giai cấp, tầng lớp xã hội và các mối quan hệ giữa chúng. Đó là các mối quan hệ về sở hữu, quản lý, địa vị chính trị - xã hội,... Cơ cấu xã hội - giai cấp vừa phản ánh sự tồn tại xã hội và vừa tác động lại sự phát triển của xã hội. C. Mác đã từng nói rằng: "lịch sử tất cả các xã hội tồn tại từ trước tới nay chỉ là lịch sử đấu tranh giai cấp" và V.I. Lênin cũng nói: kết cấu xã hội và chính quyền có nhiều biến đổi, nếu không

tiếp nhận những biến đổi này thì không thể tiến được một bước trong bất kỳ lĩnh vực hoạt động nào.

b) Vị trí của cơ cấu xã hội - giai cấp trong cơ cấu xã hội

- Cùng một con người sẽ thuộc về nhiều cộng đồng người khác nhau theo các hình thức phân chia khác nhau (thuộc về một giai cấp, tầng lớp, một nhóm nghề nghiệp, một địa bàn cư trú, một tôn giáo hoặc không theo tôn giáo nào,...). Các loại hình của cơ cấu xã hội có mối quan hệ với nhau và tác động qua lại lẫn nhau.

- Trong xã hội có giai cấp, thì cơ cấu xã hội - giai cấp là loại hình cơ bản và có vị trí quyết định nhất, chi phối các loại hình cơ cấu xã hội khác, vì trong quan hệ về mặt giai cấp của một xã hội quy định sự khác nhau về địa vị kinh tế, về quyền sở hữu tư liệu sản xuất, mối quan hệ xã hội giữa người với người trong hệ thống sản xuất, tổ chức lao động và phân phối thu nhập. Ở các loại hình cơ cấu xã hội khác không có được các mối quan hệ quan trọng và quyết định trên đây. Từ đó cho thấy cơ cấu xã hội - giai cấp có liên quan trực tiếp đến quyền lực chính trị và nó quyết định đến bản chất và xu hướng vận động của các loại hình cơ cấu xã hội khác. Mỗi xã hội có phân chia giai cấp đều có cơ cấu xã hội - giai cấp đặc trưng của mình, nó thể hiện cho sự khác nhau về chất giữa cơ cấu xã hội này với cơ cấu xã hội khác.

- Xuất phát từ cơ cấu xã hội - giai cấp mà người ta xây dựng các chính sách phát triển kinh tế, xã hội, văn hoá của mỗi xã hội trong từng giai đoạn cụ thể. Vị trí của cơ cấu xã hội - giai cấp là có ý nghĩa quan trọng, song không được tuyệt đối hoá, tức là chỉ thấy và dựa vào cơ cấu xã

hội - giai cấp, coi nhẹ các loại cơ cấu xã hội khác; cũng không thể tùy tiện xoá bỏ nhanh chóng các giai cấp, tầng lớp xã hội bằng biện pháp giản đơn theo ý muốn chủ quan.

2. Xu hướng biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội

a) Xu hướng chủ yếu

- Sự xích lại gần nhau từng bước giữa các giai cấp, tầng lớp về mối *quan hệ với tư liệu sản xuất*. Xu hướng này thể hiện thông qua việc dần dần hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từ thấp đến cao. Với chủ trương phát triển nhiều thành phần kinh tế, đa dạng hoá chế độ sở hữu, tồn tại nhiều thành phần kinh tế, liên kết, liên doanh trong sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện cho các thành phần xã hội tồn tại bên nhau, xích lại gần nhau, đan xen lẫn nhau để cùng phát triển.

- Sự xích lại gần nhau về *tính chất lao động* giữa các giai cấp, tầng lớp. Xu hướng này thể hiện thông qua việc phát triển cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, áp dụng những thành tựu mới vào quá trình phát triển lực lượng sản xuất, rút ngắn khoảng cách của sự khác biệt giữa các lực lượng xã hội trong quá trình lao động. Từ đó, tạo điều kiện cho xu hướng hội nhập khu vực và quốc tế trong lĩnh vực kinh tế.

- Sự xích lại gần nhau về mối *quan hệ phân phối tư liệu tiêu dùng* giữa các giai cấp và tầng lớp. Xu hướng này diễn ra chủ yếu liên quan đến việc thực hiện ngày càng hoàn thiện nguyên tắc phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế.

- Sự xích lại gần nhau về *tiến bộ về đời sống tinh thần*

giữa các giai cấp, tầng lớp. Xu hướng này thể hiện trực tiếp thông qua cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng - văn hoá. Từ đó tác động đến sự xích lại gần nhau và xoá bỏ dần mâu thuẫn giữa thành thị và nông thôn, giữa lao động trí óc và lao động chân tay.

Những xu hướng trên đây không tách rời nhau và được thể hiện trên các lĩnh vực chính trị, phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của xã hội.

b) Những vấn đề có tính quy luật của sự biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp

- Sự biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp được quy định bởi biến động cơ cấu kinh tế, cụ thể là cơ cấu ngành nghề kinh tế, thành phần kinh tế, cơ chế hành chính, kinh tế - xã hội. Yếu tố kinh tế luôn giữ vai trò quyết định đối với các vấn đề xã hội trong thời kỳ quá độ tồn tại nhiều thành phần kinh tế tất yếu đưa tới cơ cấu xã hội - giai cấp đa dạng và phức tạp. Trong thời kỳ này có những giai cấp, tầng lớp của cơ cấu xã hội - giai cấp mới và cũ, có đông đảo nhân dân lao động và tồn tại một bộ phận của giai cấp, tầng lớp bóc lột. Cơ cấu kinh tế trong thời kỳ quá độ tuy vận động theo cơ chế thị trường, song có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Về mặt chủ quan, cơ cấu xã hội - giai cấp mới hình thành lại tác động trực tiếp tới sự củng cố và phát triển cơ cấu kinh tế mới.

Thời kỳ quá độ là thời kỳ mà những nhân tố của xã hội mới và tàn tích của xã hội cũ tồn tại đan xen, đấu tranh với nhau. Cơ cấu xã hội - giai cấp luôn biến đổi trong mọi xã hội. Do đặc điểm của thời kỳ quá độ, quá trình biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp cũ sang cơ cấu xã hội giai cấp mới

là quá trình liên tục, đa dạng, phức tạp và mạnh mẽ. Quá trình này sẽ dần dần ổn định vào giai đoạn sau khi nền kinh tế đã ổn định, lực lượng sản xuất đã phát triển và quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đã đạt được những kết quả cơ bản.

Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội biến động và phát triển trong mối quan hệ vừa có mâu thuẫn, vừa có mối quan hệ liên minh với nhau, tiến tới xoá bỏ hiện tượng bất bình đẳng trong xã hội, đưa đến sự xích lại gần nhau giữa các giai cấp, tầng lớp cơ bản trong xã hội, đặc biệt là giữa công nhân, nông dân, trí thức. Mức độ và quá trình biến đổi này phụ thuộc vào điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước ở mỗi giai đoạn cụ thể. Mâu thuẫn và liên minh thể hiện tính độc lập tương đối và tính phát triển đa dạng của các giai tầng xã hội tạo nên sự hợp tác, xích lại gần nhau giữa các giai tầng cơ bản trong xã hội, xoá dần những quan hệ bóc lột giữa người với người.

- Xu hướng phát triển cơ cấu xã hội - giai cấp ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ *mang tính đa dạng và thống nhất*. Tính đa dạng thể hiện ở sự tồn tại các giai cấp, tầng lớp, các nhóm xã hội trong nền kinh tế nhiều thành phần và ngay cả trong cơ cấu của mỗi giai tầng đó cũng mang tính đa dạng và có sự thay đổi, vận động nhanh chóng để tiến tới sự ổn định tương đối ở các giai đoạn cuối của thời kỳ quá độ. Tính thống nhất thể hiện ở chỗ trong cơ cấu xã hội - giai cấp ấy, giai cấp công nhân, lực lượng tiêu biểu cho phương thức sản xuất giữ vai trò chủ đạo trong quá trình cải biến xã hội. Điều này thể hiện ở chỗ giai cấp công

nhân ngày càng phát triển mạnh mẽ cả về số lượng, chất lượng với cơ cấu hợp lý. Đồng thời vai trò chỉ đạo đó còn thể hiện ở sự phát triển của mối quan hệ liên minh giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và trí thức ngày càng giữ vị trí nền tảng chính trị - xã hội của nước ta. Từ đó tạo nên sự thống nhất của cơ cấu xã hội - giai cấp trong suốt thời kỳ quá độ.

II. LIÊN MINH CÔNG - NÔNG - TRÍ THỨC TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1. Tính tất yếu của liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân và trí thức

- Khi tổng kết thực tiễn phong trào công nhân ở châu Âu, nhất là ở Anh, Pháp cuối thế kỷ XIX, C. Mác và Ph. Ăngghen đã khái quát thành lý luận về liên minh công, nông và các tầng lớp lao động khác. Các ông đã chỉ ra nguyên nhân chủ yếu của thất bại trong các cuộc đấu tranh là do giai cấp công nhân không tổ chức được mối liên minh với "người bạn đồng minh tự nhiên" của mình là giai cấp nông dân. Do vậy, trong các cuộc đấu tranh này, giai cấp công nhân luôn đơn độc và cuộc cách mạng vô sản này đã trở thành "bài ca ai điếu".

Trong điều kiện đã phát triển cao của chủ nghĩa tư bản (chủ nghĩa đế quốc), V.I. Lênin đã vận dụng và phát triển lý luận của C.Mác, Ph.Ăngghen về tổ chức liên minh công, nông và các tầng lớp lao động khác trong Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga (1917). Trong thời kỳ đầu của thời kỳ quá độ, không chỉ có liên minh công, nông mà còn liên minh với các tầng lớp lao động khác. Ngay cả trong

chuyên chính vô sản, V.I. Lênin khẳng định: "Chuyên chính vô sản là một hình thức đặc biệt của liên minh giai cấp giữa giai cấp vô sản, đội tiên phong của những người lao động, với đông đảo những tầng lớp lao động không phải vô sản (tiểu tư sản, tiểu chủ, nông dân, trí thức, v.v.)"¹. Chủ nghĩa Mác - Lênin xác định trong thời kỳ quá độ không chỉ liên minh giữa các giai cấp mà bỏ qua các tầng lớp lao động khác mà ngược lại, rất cần phải liên minh với họ để thực hiện mục tiêu chung do giai cấp công nhân lãnh đạo.

- Trong một nước nông nghiệp đại đa số dân cư là nông dân thì vấn đề giai cấp công nhân liên minh với họ là điều tất yếu. V.I. Lênin đặc biệt lưu ý mối liên minh công, nông trong các giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội: "Nguyên tắc cao nhất của chuyên chính là duy trì khối liên minh giữa giai cấp vô sản và nông dân để giai cấp vô sản có thể giữ được vai trò lãnh đạo và chính quyền nhà nước"². Qua mối liên minh này, lực lượng đông đảo nhất trong xã hội là nông dân, công nhân được tập hợp về mục tiêu chung là xây dựng chủ nghĩa xã hội, vì lợi ích của toàn thể dân tộc. Đây là điều kiện để giai cấp công nhân giữ vai trò lãnh đạo. Đó chính là tính tất yếu về mặt chính trị - xã hội, là yếu tố kiến quyết.

- Liên minh công - nông - trí thức là nhu cầu giữ vững vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân, nhu cầu tự giải phóng của nông dân và nhu cầu phát triển của trí thức.

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1977, t. 38, tr. 452.

2. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.44, tr. 57.

2. Nội dung của liên minh công – nông – trí thức

Liên minh công – nông – trí thức là sự hợp tác toàn diện giữa công nhân, nông dân và trí thức trong tất cả các mặt khác nhau của đời sống xã hội.

- Nội dung kinh tế: Nhằm thoả mãn các nhu cầu, lợi ích kinh tế của công nhân, nông dân và trí thức.

- Nội dung chính trị: Khôi liên minh công – nông – trí thức là cơ sở vững chắc cho khối đại đoàn kết toàn dân tạo nên sức mạnh vượt qua những khó khăn trở ngại, đập tan âm mưu chống phá chủ nghĩa xã hội, xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Liên minh công – nông – trí thức được xây dựng và củng cố vững chắc chính là để đảm bảo vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với toàn xã hội.

- Nội dung văn hoá xã hội: Liên minh công – nông – trí thức nhằm đảm bảo xây dựng một nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, có khả năng tiếp thu các giá trị, tinh hoa văn hoá của loài người. Trong nội dung văn hoá - xã hội, trí thức giữ vai trò đặc biệt quan trọng.

Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, *liên minh công, nông, trí thức dưới góc độ kinh tế giữ vai trò quyết định*. Điều này do sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội quy định, do phải gắn chặt nông nghiệp với công nghiệp, với dịch vụ, khoa học và công nghệ để thực hiện việc thoả mãn lợi ích kinh tế cả trước mắt và cả lâu dài, cơ bản của xã hội. Trong thời đại ngày nay, vai trò của trí thức ngày càng trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp thì sự liên minh giữa công nhân với nông dân, trí thức trở thành vô cùng quan trọng để xây dựng thành công chủ nghĩa xã

hội. Như vậy, sự liên minh về mặt kinh tế là do yêu cầu khách quan của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội quy định.

III. CƠ CẤU XÃ HỘI – GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH CÔNG – NÔNG – TRÍ THỨC TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM.

1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta

- Đặc điểm cơ bản có liên quan đến cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ ở nước ta là sự tồn tại của nền kinh tế nhiều thành phần. Đằng sau các thành phần kinh tế là các giai cấp, tầng lớp xã hội nhất định. Tương ứng với nền kinh tế nhiều thành phần là một cơ cấu giai cấp đa dạng, phức tạp bao gồm các giai cấp, tầng lớp vừa liên minh, vừa đấu tranh với nhau, trong đó giai cấp công nhân giữ vai trò lãnh đạo. Sự hình thành cơ chế thị trường đã dẫn đến những thay đổi trong cơ cấu xã hội - giai cấp cùng với sự vận động phức tạp của các giai tầng xã hội. Tính đa dạng, phức tạp còn thể hiện ở sự biến đổi về chất ngay trong cơ cấu của từng giai cấp, tầng lớp xã hội.

- Cơ cấu giai cấp ở Việt Nam hiện nay bao gồm: giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức, người sản xuất nhỏ, tầng lớp doanh nhân. Liên minh công – nông – trí thức là cơ sở của toàn xã hội, làm cơ sở chính trị – xã hội vững chắc cho chế độ mới. Giai cấp công nhân giữ vai trò lãnh đạo, quyết định xu hướng phát triển của xã hội. Nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động trở thành

người làm chủ xã hội. Trí thức ngày càng có vai trò quyết định trong việc ứng dụng những thành tựu của cách mạng khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp xây dựng đất nước. Tầng lớp doanh nhân phát huy tiềm năng và vai trò tích cực của mình, hoạt động theo luật pháp và định hướng của nhà nước xã hội chủ nghĩa.

- Cơ cấu xã hội – giai cấp nước ta biến đổi theo xu hướng tiến bộ, được phản ánh ở sự thay đổi tích cực của các giai cấp tầng lớp xã hội (công nhân, nông dân, trí thức...). Do tính chất chưa ổn định về mặt xã hội, mới chỉ là định hướng xã hội chủ nghĩa nên trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ, các giai cấp, tầng lớp phát triển đa dạng. Sự ổn định dần của kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa sẽ tạo điều kiện hình thành từng bước một cơ cấu xã hội – giai cấp định hướng xã hội chủ nghĩa. Đến giai đoạn cuối của thời kỳ quá độ, các giai cấp, tầng lớp xích lại gần nhau hơn, liên minh, hợp tác chặt chẽ, ổn định hơn. Trong suốt thời kỳ quá độ, liên minh công – nông – trí thức là lực lượng chính trị – xã hội cơ bản, là nền tảng của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

2. Liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân và trí thức trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

a) Đặc điểm của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức Việt Nam

- Giai cấp công nhân Việt Nam có đầy đủ những yếu tố của giai cấp công nhân hiện đại và còn có những đặc điểm

riêng của mình. Đó là do ra đời trước giai cấp tư sản Việt Nam nên giai cấp công nhân Việt Nam có điều kiện sớm giữ vai trò lãnh đạo và giành ưu thế ngay từ khi có Đảng của mình. Hơn nữa, sự gắn bó giữa công nhân và nông dân đã hình thành một cách tự nhiên, phần lớn xuất thân từ nông dân nên giai cấp công nhân Việt Nam đã mang sẵn trong mình mối liên minh với nông dân và luôn giữ được vai trò lãnh đạo trong quá trình cách mạng Việt Nam. Ngày nay, trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông thôn, sẽ có nhiều người nông dân vào làm việc ở các cơ sở công nghiệp và trở thành công nhân ở chính ngay quê hương mình. Điều này càng tạo cho sự gắn bó của giai cấp công nhân với giai cấp nông dân, nông thôn một cách tự nhiên trên nhiều mặt của đời sống xã hội.

- Giai cấp nông dân là giai cấp của những người lao động sản xuất vật chất trong nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp... trực tiếp sử dụng một tư liệu sản xuất cơ bản và đặc thù, gắn với thiên nhiên là đất, rừng, biển để sản xuất ra nông sản. Nông dân có phương thức sản xuất phân tán, năng suất thấp. Theo V.I. Lênin, nông dân có "bản chất hai mặt" một mặt họ là những người lao động (đây là mặt cơ bản nhất); mặt khác, họ là những người tư hữu nhỏ (đây là mặt hạn chế sẽ được khắc phục trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá). Tuy nhiên, nông dân không dựa trên tư hữu nhỏ này để bóc lột các giai cấp, tầng lớp khác.

Giai cấp nông dân không có hệ tư tưởng riêng mà tư tưởng của họ phụ thuộc vào hệ tư tưởng của giai cấp thống trị xã hội. Họ vốn có cơ cấu không thuần nhất, không có sự

liên kết chặt chẽ cả về kinh tế và cả về tư tưởng, tổ chức. Trong một nước nông nghiệp thì họ là lực lượng chính trị - xã hội đông đảo nhất và khi được giác ngộ họ trở thành lực lượng cách mạng to lớn nhất trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Giai cấp nông dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng đã thực sự giải phóng khỏi chế độ áp bức bóc lột và trở thành người làm chủ xã hội và đóng góp to lớn vào sự nghiệp giải phóng đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Trí thức bao gồm những người lao động trí óc phức tạp và sáng tạo, có trình độ học vấn đủ để am hiểu và hoạt động trong lĩnh vực lao động của mình. Họ hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực nghiên cứu, giảng dạy, ứng dụng khoa học, văn học, nghệ thuật, lãnh đạo và quản lý... Sản phẩm lao động của trí thức tác động quyết định đến năng suất lao động, đến sự phát triển xã hội về cả mặt đời sống vật chất và cả về đời sống tinh thần.

Trí thức không có hệ tư tưởng riêng vì không có phương thức sản xuất riêng và địa vị kinh tế - xã hội độc lập. Vai trò và tư tưởng của họ phụ thuộc vào giai cấp thống trị xã hội. Mặc dù vậy, trí thức luôn giúp giai cấp thống trị khái quát về lý luận để hình thành hệ tư tưởng của giai cấp thống trị xã hội.

Trong các chế độ tư hữu đa số trí thức là những người lao động bị áp bức, bóc lột. Khi được sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, trí thức trở thành người làm chủ xã hội và đóng góp to lớn trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ở Việt Nam, trí thức đã có nhiều đóng góp trong quá

trình đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, đại bộ phận được đào tạo trong chế độ mới. Họ xuất thân chủ yếu từ nông dân, công nhân và các tầng lớp lao động khác. Do vậy họ có mối liên hệ gần gũi với công nhân, nông dân và luôn là lực lượng cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Ngày nay, cách mạng khoa học và công nghệ ngày càng trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp và trí thức ngày càng có vai trò, vị trí quan trọng, nhất là trong quá trình xây dựng kinh tế tri thức và quá trình hội nhập khu vực và quốc tế.

b) Nội dung cơ bản của liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Nguyên tắc cơ bản nhất của liên minh là *kết hợp đúng đắn các lợi ích về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội*. Lợi ích của giai cấp công nhân phù hợp với lợi ích dân tộc và đồng thời thoả mãn lợi ích của đại đa số nhân dân lao động nên quan hệ giữa các giai tầng trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là quan hệ hợp tác, đấu tranh trong nội bộ nhân dân vì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

- *Nội dung chính trị của liên minh*

- *Nhu cầu, lợi ích chính trị cơ bản của công nhân, nông dân, trí thức và của cả dân tộc là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*. Mỗi giai cấp, tầng lớp ở mỗi giai đoạn đều có lập trường chính trị - tư tưởng của mình. Khi liên minh không phải là thực hiện sự dung hoà lập trường tư tưởng - chính trị của cả ba giai cấp, tầng lớp này. Khi chưa giác

ngộ cách mạng vô sản thì tư tưởng chính trị của nông dân, trí thức cơ bản còn phụ thuộc vào hệ tư tưởng của giai cấp thống trị xã hội phong kiến hoặc tư bản. Mặc dù có nguyện vọng nhưng nông dân và trí thức không thể tự giải phóng khỏi chế độ tư bản, áp bức bóc lột. Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa liên minh giữ ba giai tầng này phải trên lập trường chính trị - tư tưởng của giai cấp công nhân. Bởi vì chỉ có dựa trên và phấn đấu thực hiện mục tiêu lý tưởng của giai cấp công nhân thì mới thực hiện được đồng thời cả nhu cầu, lợi ích của giai cấp công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức.

- Nguyên tắc về chính trị của liên minh là do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo. Để thực hiện từng bước mục tiêu, lợi ích chính trị cơ bản của liên minh trên lập trường tư tưởng - chính trị của giai cấp công nhân thì liên minh này phải do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo.

Trong thời kỳ quá độ, liên minh công, nông, trí thức là nền tảng chính trị - xã hội và kinh tế của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, là nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Dựa trên lập trường tư tưởng - chính trị của giai cấp công nhân, để thực hiện liên minh cần phải xây dựng từng bước nền dân chủ xã hội chủ nghĩa chính do yêu cầu của nền dân chủ này mà nội dung chính trị của liên minh công, nông, trí thức không tách rời nội dung, phương thức đổi mới hệ thống chính trị trên phạm vi cả nước. Trong điều kiện hội nhập khu vực và quốc tế, với nền kinh tế nhiều thành phần và đa dạng thì việc cụ thể hoá của đổi mới nội dung và tổ chức hoạt động của các tổ chức chính

trị của công nhân trong các loại hình xí nghiệp công nghiệp, nông dân ở các cơ sở lao động sản xuất nông thôn và trí thức ở các cơ sở khoa học, công nghệ là rất cần thiết. Nội dung hoạt động chính trị phải gắn và thông qua các hoạt động sản xuất, kinh tế, khoa học công nghệ, văn hoá, xã hội,... Các hoạt động này luôn vận động và đổi mới với tốc độ ngày càng nhanh chóng do đó các hình thức cụ thể của hệ thống chính trị phải được đổi mới cho phù hợp và tạo điều kiện cho các hoạt động phát triển tốt. Đương nhiên tất cả các hoạt động này phải hướng tới mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

• *Nội dung kinh tế của liên minh*

Nội dung kinh tế là nội dung cơ bản, quyết định nhất, là cơ sở vật chất - kỹ thuật vững chắc của liên minh trong thời kỳ quá độ. Trong thời kỳ này, nhiệm vụ cách mạng chuyển trọng tâm sang lĩnh vực kinh tế cho nên nội dung kinh tế mà thực chất là kết hợp đúng đắn các lợi ích kinh tế của các giai tầng xã hội được lấy làm trọng tâm (mà trong các giai đoạn trước đó chưa đặt ra một cách trực tiếp). Việc thực hiện kết hợp các lợi ích kinh tế được xác định bởi các nhu cầu kinh tế của các chủ thể lợi ích và các điều kiện thực hiện nó. Nội dung kinh tế của liên minh ở nước ta trong thời kỳ quá độ được cụ thể hoá ở các điểm sau đây:

- Xuất phát từ thực trạng, tiềm năng kinh tế của nước ta để xác định cơ cấu kinh tế hợp lý trong đó phải tính đến những nhu cầu về kinh tế của công nhân, nông dân, trí thức và của toàn xã hội trong các điều kiện, thời gian cụ thể. Đảng ta xác định cơ cấu kinh tế chung của cả nước là

"công - nông nghiệp - dịch vụ". Điều này thể hiện rõ nội dung kinh tế của liên minh công, nông, trí thức, là điều kiện, môi trường để các giai tầng hoạt động và phát triển sự liên minh. Trong điều kiện hiện nay, Đảng ta xác định "từng bước phát triển kinh tế trí thức"¹ trong quá trình hội nhập khu vực và quốc tế đã tạo điều kiện cho trí thức ngày càng gắn bó với sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và các lĩnh vực kinh tế khác. Từ đó mỗi liên minh công, nông, trí thức ngày càng có khả năng tăng cường hơn.

- Trên cơ sở kinh tế, các nhu cầu kinh tế phát triển dưới nhiều hình thức hợp tác, liên kết, giao lưu,... trong cả sản xuất, lưu thông phân phối giữa công nhân, nông dân, trí thức; giữa các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, khoa học công nghệ và các dịch vụ khác; giữa các địa bàn, vùng miền dân cư trong cả nước.

Trong điều kiện từ một nước nông nghiệp tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, Đảng ta xác định: "Đặc biệt coi trọng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn; phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến nông, lâm, thuỷ sản; phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Nâng cấp, cải tạo, mở rộng và xây dựng mới có trọng điểm kết cấu hạ tầng kinh tế"². Nông dân chiếm đại bộ phận về số lượng và khu vực nông thôn còn nhiều tiềm

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 263.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 86.

năng chưa được khơi dậy và cũng có nơi còn nhiều khó khăn, thiệt thòi. Do đó, một mặt phải khuyến khích, tạo điều kiện cho người nông dân ngày càng chủ động trong việc hợp tác, liên kết với công nhân, trí thức và các thành phần kinh tế để họ phát huy được tiềm năng của mình. Mặt khác, Nhà nước, giai cấp công nhân và đội ngũ trí thức phải thực sự đến với nông dân, nông thôn không chỉ hợp tác mà còn có nhiệm vụ hướng dẫn, giúp đỡ cải thiện đời sống kinh tế cho nông thôn và giai cấp nông dân. Đó cũng chính là nhu cầu kinh tế của chính Nhà nước, của các giai cấp công, nông, trí thức.

- Từng bước hình thành quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong quá trình thực hiện liên minh. Việc phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần phải được thể hiện qua việc đa dạng và đổi mới các hình thức hợp tác kinh tế, hợp tác xã, kinh tế hộ gia đình, trang trại, dịch vụ ở nông thôn. Theo V.I. Lênin, chế độ hợp tác xã là con đường dễ tiếp thu nhất đối với nông dân, khi thấy có lợi cho họ, họ sẽ mau chóng tham gia hợp tác xã nhưng phải do chế độ hợp tác xã hưởng một số đặc quyền kinh tế, tài chính, ngân hàng¹. Trong quá trình hình thành quan hệ sản xuất phải trên cơ sở công hữu hoá những tư liệu sản xuất chủ yếu, kinh tế nhà nước vươn lên giữ vai trò chủ đạo, cùng kinh tế tập thể làm nền tảng cho nền kinh tế cả nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Nội dung kinh tế của liên minh ở nước ta còn thể hiện ở vai trò của Nhà nước. Ở nước nông nghiệp, vai trò của

1. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1978, t. 45, tr. 425.

Nhà nước có vị trí đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện liên minh. Đặc biệt, vai trò của Nhà nước đối với nông dân được thể hiện qua chính sách khuyến nông, qua bộ máy nhà nước, các tổ chức khuyến nông, các cơ sở kinh tế nhà nước. Nông nghiệp, nông thôn không chỉ là một ngành kinh tế, một khu vực kinh tế mà còn là lĩnh vực mang ý nghĩa sinh thái - xã hội.

Đại hội Đảng lần thứ IX đã chỉ rõ: "Đối với *giai cấp nông dân*... tập trung sự chỉ đạo và các nguồn lực cần thiết cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, phát triển nông thôn; thực hiện tốt các chính sách về ruộng đất, phát triển nông nghiệp toàn diện, tiêu thụ nông sản hàng hoá, bảo hiểm sản xuất và bảo hiểm xã hội; phát huy lợi thế từng vùng, giúp đỡ vùng khó khăn; phân bố dân cư theo quy hoạch, phát triển ngành nghề, giải quyết việc làm, xoá đói, giảm nghèo, cải thiện đời sống, nâng cao dân trí, xây dựng nông thôn mới"¹. Nhà nước có những chính sách hợp lý thể hiện quan hệ của mình với nông dân, tạo điều kiện cho liên minh phát triển.

Đối với trí thức, Nhà nước cần phải đổi mới và hoàn chỉnh các luật, chính sách có liên quan trực tiếp đến sở hữu trí tuệ như chính sách về phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, về bản quyền tác giả, về báo chí, xuất bản, về văn học nghệ thuật,... Hướng các hoạt động của trí thức vào việc phục vụ công, nông, gắn với cơ sở sản xuất và đời sống của toàn xã hội. Xây dựng hệ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 125.

thống các cơ quan hoạt động khoa học - công nghệ, phát huy tiềm năng đội ngũ cán bộ khoa học, tăng cường hợp tác khoa học trong nước và quốc tế.

• *Nội dung văn hoá, xã hội của liên minh*

Nội dung chính trị mang tính nguyên tắc, nội dung kinh tế là cơ bản quyết định nhất và suy cho cùng là để phục vụ mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, thoả mãn nhu cầu vật chất, tinh thần của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức và của toàn xã hội. Liên minh về văn hoá, xã hội thể hiện qua các nội dung cụ thể sau đây:

- *"Tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái"*¹. Đó chính là ưu việt của chủ nghĩa xã hội, tất cả cho con người, vì con người và do con người, trong đó lực lượng đông đảo nhất, nòng cốt là công nhân, nông dân, trí thức. Từ đó tạo cho công nhân, nông dân, trí thức trực tiếp thể hiện vai trò chủ thể của mình trong các hoạt động và là chủ thể trong hưởng thụ thành quả của xã hội.

- Vấn đề xoá đói giảm nghèo cho công, nông, trí thức chủ yếu bằng tạo việc làm đồng thời kết hợp các giải pháp hỗ trợ, cứu trợ. Giải quyết được vấn đề này sẽ khắc phục được hạn chế của các chế độ tư hữu trước đây: con người là vốn quý của xã hội, nhưng người lao động nếu thất nghiệp

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội. 1996, tr. 72.

thì họ lại trở thành gánh nặng cho xã hội, trở thành một trong các nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng, đổ vỡ của chế độ xã hội.

- Đổi mới và thực hiện tốt các chính sách xã hội trong điều kiện đại đa số các gia đình thương binh, liệt sĩ, có công với nước, chịu hậu quả chiến tranh là một trong những nội dung cơ bản của liên minh. Các chính sách này để hỗ trợ nông dân, công nhân, trí thức và tạo điều kiện cho họ khắc phục khó khăn sau chiến tranh, đồng thời nội dung này còn mang ý nghĩa giáo dục truyền thống, đạo lý, lối sống,... cho toàn xã hội và các thế hệ sau.

- Nâng cao dân trí là nội dung cơ bản lâu dài tạo cho liên minh phát triển vững chắc. Trước mắt tập trung vào việc củng cố thành tựu xoá mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, tiến hành phổ cập trung học cơ sở và phổ cập trung học, nâng cao kiến thức về khoa học công nghệ, về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội. Khắc phục các tệ nạn xã hội, hủ tục lạc hậu, các biểu hiện tiêu cực như tham nhũng, quan liêu, nhất là ở nông thôn. Dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống tôn sư, trọng đạo, hiếu học và chăm chỉ cần cù nên việc đầu tư cho giáo dục cả về vật chất lẫn tinh thần là được đặc biệt chú trọng. Đây vừa là thuận lợi, là yếu tố thúc đẩy tiến bộ xã hội, đồng thời vừa là yêu cầu nâng cao chất lượng đối với sự nghiệp giáo dục. Vấn đề gắn bó với trí thức cách mạng, với tầm cao của tri thức của công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động là cơ sở vững chắc, có tính truyền thống được kế thừa trong nhiều đời nay của dân tộc ta.

- Gắn quy hoạch phát triển công nghiệp, khoa học, công

nghệ với quy hoạch phát triển nông thôn, đô thị hoá, công nghiệp hoá những trọng điểm ở nông thôn với kết cấu hạ tầng ngày càng thuận lợi và hiện đại. Xây dựng các cơ sở giáo dục, y tế, văn hoá, thể thao, các công trình phúc lợi công cộng một cách tương xứng, hợp lý ở các vùng nông thôn, đặc biệt là ở vùng núi, vùng sâu vùng xa, vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đô thị hoá nông thôn, khai thác những tiềm năng của nông lâm ngư nghiệp. Đẩy mạnh việc nghiên cứu, chuyển giao công nghệ ở khu vực nông, lâm, ngư nghiệp.

Đối với những nước nông nghiệp đi lên chủ nghĩa xã hội như nước ta thì liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức vừa là vấn đề có tính quy luật tất yếu trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và vừa là lực lượng sản xuất, lực lượng chính trị cơ bản và đông đảo nhất của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

CÂU HỎI THẢO LUẬN VÀ ÔN TẬP

1. Cơ cấu xã hội là gì? Cơ cấu xã hội và cơ cấu xã hội - giai cấp có mối quan hệ như thế nào?
2. Phân tích những đặc điểm của cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh công - nông - trí thức trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội?
3. Phân tích cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh công - nông - trí thức trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam?

CHƯƠNG IX

VẤN ĐỀ DÂN TỘC TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Vấn đề dân tộc là một nội dung có ý nghĩa chiến lược của chủ nghĩa Mác - Lênin và của cách mạng xã hội chủ nghĩa; là vấn đề thực tiễn nóng bỏng đòi hỏi phải được giải quyết một cách đúng đắn và thận trọng.

I. DÂN TỘC VÀ HAI XU HƯỚNG KHÁCH QUAN CỦA SỰ PHÁT TRIỂN CÁC DÂN TỘC

1. Khái niệm và những đặc trưng cơ bản của dân tộc

Cũng như nhiều hình thức cộng đồng khác, dân tộc là sản phẩm của một quá trình phát triển lâu dài của xã hội loài người. Trước khi dân tộc xuất hiện, loài người đã trải qua những hình thức cộng đồng từ thấp đến cao: thị tộc, bộ lạc, bộ tộc.

Ở phương Tây, dân tộc xuất hiện khi phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa được xác lập và thay thế vai trò của phương thức sản xuất phong kiến. Chủ nghĩa tư bản ra đời trên cơ sở của sự phát triển sản xuất và trao đổi hàng hoá đã làm cho các bộ tộc gắn bó với nhau. Nền kinh tế tự cấp, tự túc bị xoá bỏ, thị trường có tính chất địa phương

nhỏ hẹp, khép kín được mở rộng thành thị trường dân tộc. Cùng với quá trình đó, sự phát triển đến mức độ chín muồi của các nhân tố ý thức, văn hoá, ngôn ngữ, sự ổn định của lãnh thổ chung đã làm cho dân tộc xuất hiện. Chỉ đến lúc đó tất cả lãnh địa của các nước phương Tây mới thực sự hợp nhất lại, tức là chấm dứt tình trạng cát cứ phong kiến và dân tộc được hình thành.

Ở một số nước phương Đông, do tác động của hoàn cảnh mang tính đặc thù, đặc biệt do sự thúc đẩy của quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước, dân tộc đã hình thành trước khi chủ nghĩa tư bản được xác lập. Loại hình dân tộc tiền tư bản đó xuất hiện trên cơ sở một nền văn hoá, một tâm lý dân tộc đã phát triển đến độ tương đối chín muồi, nhưng lại dựa trên cơ sở một cộng đồng kinh tế tuy đã đạt tới một mức độ nhất định nhưng nhìn chung còn kém phát triển và còn ở trạng thái phân tán.

Cho đến nay, khái niệm dân tộc được hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau, trong đó có hai nghĩa được dùng phổ biến nhất:

Một là, chỉ cộng đồng người có mối liên hệ chặt chẽ và bền vững, có sinh hoạt kinh tế chung, có ngôn ngữ riêng và những nét văn hoá đặc thù; xuất hiện sau bộ lạc, bộ tộc: kế thừa, phát triển cao hơn những nhân tố tộc người ở bộ lạc, bộ tộc và thể hiện thành ý thức tự giác tộc người của dân cư cộng đồng đó. Theo nghĩa thứ nhất, dân tộc được hiểu như một tộc người hay một dân tộc trong một quốc gia đa dân tộc. Với nghĩa hiểu này, Việt Nam gồm 54 dân tộc hay 54 tộc người.

Hai là, chỉ một cộng đồng người ổn định hợp thành nhân dân một nước, có lãnh thổ, quốc gia, nền kinh tế thống nhất, quốc ngữ chung và có ý thức về sự thống nhất quốc gia của mình, gắn bó với nhau bởi lợi ích chính trị, kinh tế, truyền thống văn hoá và truyền thống đấu tranh chung trong suốt quá trình lịch sử lâu dài dựng nước và giữ nước. Theo nghĩa thứ hai, dân tộc đồng nghĩa với quốc gia - dân tộc. Theo nghĩa này, có thể nói dân tộc Việt Nam, dân tộc Trung Hoa, v.v..

Với nghĩa thứ ^{hai} nhất, dân tộc là một bộ phận của quốc gia; với nghĩa thứ hai, dân tộc là toàn bộ nhân dân của quốc gia đó - quốc gia dân tộc. Dưới góc độ môn học chủ nghĩa xã hội khoa học, dân tộc được hiểu theo nghĩa thứ ^{hai} nhất. Tuy nhiên, chỉ khi đặt nó bên cạnh nghĩa thứ hai, trong mối liên hệ với nghĩa thứ hai thì sắc thái nội dung của nó mới bộc lộ đầy đủ.

Dân tộc thường được nhận biết thông qua những đặc trưng chủ yếu sau đây:

+ Có chung một phương thức sinh hoạt kinh tế. Đây là đặc trưng quan trọng nhất của dân tộc. Các mối quan hệ kinh tế là cơ sở liên kết các bộ phận, các thành viên của dân tộc, tạo nên nền tảng vững chắc của cộng đồng dân tộc.

+ Có thể cư trú tập trung trên một vùng lãnh thổ của một quốc gia, hoặc cư trú đan xen với nhiều dân tộc anh em. Vận mệnh dân tộc một phần rất quan trọng gắn với việc xác lập và bảo vệ lãnh thổ đất nước.

+ Có ngôn ngữ riêng và có thể có chữ viết riêng (trên cơ sở ngôn ngữ chung của quốc gia) làm công cụ giao tiếp trên mọi lĩnh vực: kinh tế, văn hoá, tình cảm...

+ Có nét tâm lý riêng (nét tâm lý dân tộc) biểu hiện kết tinh trong nền văn hoá dân tộc và tạo nên bản sắc riêng của nền văn hoá dân tộc, gắn bó với nền văn hoá của cả cộng đồng các dân tộc (quốc gia dân tộc).

Như vậy, cộng đồng người ổn định chỉ trở thành dân tộc khi có đủ các đặc trưng trên, các đặc trưng của dân tộc là một chỉnh thể gắn bó chặt chẽ với nhau, đồng thời mỗi đặc trưng có một vị trí xác định. Sự tổng hợp các đặc trưng nêu trên làm cho các cộng đồng dân tộc được đề cập ở đây - về thực chất là một cộng đồng xã hội - tộc người, trong đó những nhân tố tộc người đan kết, hoà quyện vào các nhân tố xã hội. Điều đó làm cho khái niệm dân tộc khác với các khái niệm sắc tộc, chủng tộc - thường chỉ căn cứ vào các đặc điểm tự nhiên, chẳng hạn màu da hay cấu tạo tự nhiên của các bộ phận trong cơ thể để phân loại cộng đồng người.

Nghiên cứu khái niệm và các đặc trưng của dân tộc cần thấy rằng: khái niệm dân tộc và khái niệm quốc gia gắn bó chặt chẽ với nhau. Bởi vì, dân tộc ra đời trong một quốc gia nhất định, thông thường thì những nhân tố hình thành dân tộc chín muồi không tách rời với sự chín muồi của những nhân tố hình thành quốc gia - chúng bổ sung và thúc đẩy lẫn nhau.

Nếu như cộng đồng *thị tộc* (trong xã hội nguyên thủy) mang tính thuần túy tộc người, trong đó quan hệ huyết thống còn đóng vai trò chi phối tuyệt đối, thì ở cộng đồng bộ lạc và liên minh *bộ lạc* (xuất hiện vào cuối xã hội nguyên thủy) đã xuất hiện dưới dạng đầu tiên những thiết chế

chính trị – xã hội, trong đó những quan hệ tộc người xen với những quan hệ chính trị – xã hội. Cộng đồng *bộ tộc* xuất hiện vào thời kỳ xã hội có sự phân chia rõ rệt hơn về giai cấp và sau đó là sự xuất hiện nhà nước – *quốc gia*. Từ đây, sự cố kết bộ tộc là nhân tố quan trọng trong sự hình thành và củng cố quốc gia; ngược lại, sự hình thành, củng cố quốc gia là điều kiện có ý nghĩa quyết định sự củng cố và phát triển của cộng đồng bộ tộc, là sự chuẩn bị quan trọng nhất để cộng đồng bộ tộc chuyển lên một hình thức cao hơn – tức là *dân tộc*.

Tính tộc người và tính chính trị - xã hội đó ghi đậm vào tâm trí của đông đảo dân cư ý thức gắn bó quyền lợi và nghĩa vụ của mình với dân tộc, với nhà nước, quốc gia. Tình cảm đối với dân tộc hoà nhập vào tình cảm đối với Tổ quốc và trở thành một trong những giá trị thiêng liêng, bền vững của nhiều thế hệ con người ở nhiều dân tộc, quốc gia. Tình cảm ấy xuất hiện và được củng cố trong quá trình lịch sử dựng nước và giữ nước lâu dài, trở thành nét truyền thống đặc sắc của các dân tộc, quốc gia đó.

Nhận thức vấn đề này không chỉ có ý nghĩa khoa học mà còn có ý nghĩa thực tiễn quan trọng. Bởi vì, công cuộc cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới – từ cơ sở kinh tế đến kiến trúc thượng tầng và các quan hệ xã hội không thể thiếu nội dung cải tạo, xây dựng cộng đồng dân tộc và các mối quan hệ dân tộc. Ngược lại, việc cải tạo, xây dựng cộng đồng dân tộc và các mối quan hệ dân tộc không thể tách rời công cuộc cải tạo, xây dựng toàn diện xã hội mà trước hết là xây dựng chế độ chính trị - xã hội, xây dựng nhà nước theo con đường tiến bộ.

Dân tộc xã hội chủ nghĩa chỉ xuất hiện do kết quả của sự cải tạo, xây dựng từng bước cộng đồng dân tộc và các mối quan hệ dân tộc theo các nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học. Đồng thời, dân tộc xã hội chủ nghĩa chỉ có thể xuất hiện do kết quả của công cuộc cải tạo, xây dựng toàn diện các lĩnh vực của đời sống xã hội để từng bước củng cố chế độ xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, trong thực tiễn, không nên xem nhẹ hoặc làm lu mờ những nhân tố dân tộc tồn tại lâu dài trong một cộng đồng quốc gia gồm nhiều dân tộc. Nhân tố dân tộc đó được biểu hiện nổi bật nhất trong văn hoá, nghệ thuật, ngôn ngữ, phong tục, tập quán, tâm lý và tình cảm; chúng hoà quyện vào nhau tạo thành một thể thống nhất trong đa dạng về bản sắc dân tộc; là căn cứ chủ yếu để phân biệt dân tộc này với dân tộc khác. Điều đó đòi hỏi nhà nước xã hội chủ nghĩa trong khi hoạch định và thực hiện mọi chính sách chung của quốc gia, cần chú ý đến tính đặc thù của cộng đồng gồm nhiều dân tộc, hơn nữa, cần có những chính sách riêng đáp ứng những đòi hỏi chính đáng mang tính đặc thù của từng dân tộc.

2. Hai xu hướng của sự phát triển các dân tộc và biểu hiện của hai xu hướng khách quan đó trong thời đại ngày nay

Nghiên cứu vấn đề dân tộc và phong trào dân tộc trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản, V.I. Lênin đã phát hiện ra hai xu hướng khách quan của sự phát triển các dân tộc.

Xu hướng thứ nhất, do sự thức tỉnh, sự trưởng thành của ý thức dân tộc mà các cộng đồng dân cư muốn *tách ra*

để xác lập các cộng đồng dân tộc độc lập. Trong thời kỳ tư bản chủ nghĩa, ở các quốc gia gồm nhiều cộng đồng dân cư có nguồn gốc tộc người khác nhau. Khi mà các tộc người đó có sự trưởng thành về ý thức dân tộc, ý thức về quyền sống của mình, các cộng đồng dân cư đó muốn tách ra thành lập các dân tộc độc lập. Vì họ hiểu rằng, chỉ trong cộng đồng độc lập, họ mới có quyền quyết định vận mệnh của mình mà quyền cao nhất là quyền tự do lựa chọn chế độ chính trị và con đường phát triển. Trong thực tế, xu hướng này đã biểu hiện thành phong trào đấu tranh chống áp bức dân tộc, thành lập các quốc gia dân tộc độc lập. Xu hướng này nổi lên trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa tư bản và vẫn còn tác động trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.

Xu hướng thứ hai, các dân tộc trong từng quốc gia, thậm chí các dân tộc ở nhiều quốc gia muốn *liên hiệp lại với nhau.* Xu hướng này nổi lên trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Chính sự phát triển của lực lượng sản xuất, của khoa học và công nghệ, của giao lưu kinh tế và văn hoá trong xã hội tư bản đã làm xuất hiện nhu cầu xoá bỏ hàng rào ngăn cách giữa các dân tộc, tạo nên mối liên hệ quốc gia và quốc tế rộng lớn giữa các dân tộc, thúc đẩy các dân tộc xích lại gần nhau.

Hai xu hướng này vận động trong điều kiện của chủ nghĩa đế quốc gặp nhiều trở ngại. Bởi vì, nguyện vọng của các dân tộc được sống độc lập, tự do bị chính sách xâm lược của chủ nghĩa đế quốc xoá bỏ. Chính sách xâm lược của chủ nghĩa đế quốc đã biến hầu hết các dân tộc nhỏ bé hoặc còn ở trình độ lạc hậu thành thuộc địa và phụ thuộc

của nó. Xu hướng các dân tộc xích lại gần nhau trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng bị chủ nghĩa đế quốc phủ nhận. Thay vào đó họ áp đặt lập ra những khối liên hiệp nhằm duy trì áp bức, bóc lột đối với các dân tộc khác, trên cơ sở cưỡng bức và bất bình đẳng.

Vì vậy, chủ nghĩa Mác-Lênin cho rằng, chỉ trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội, khi chế độ người bóc lột người bị xoá bỏ thì tình trạng dân tộc này áp bức, đô hộ các dân tộc khác mới bị xoá bỏ và chỉ khi đó hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc mới có điều kiện để thể hiện đầy đủ. Quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là sự quá độ lên một xã hội thực sự tự do, bình đẳng, đoàn kết hữu nghị giữa người và người trên toàn thế giới.

Hai xu hướng khách quan của phong trào dân tộc do V.I. Lênin phát hiện đang phát huy tác dụng trong thời đại ngày nay với những biểu hiện rất phong phú và đa dạng.

** Xét trong phạm vi các quốc gia xã hội chủ nghĩa có nhiều dân tộc:*

Xu hướng thứ nhất biểu hiện trong sự nỗ lực của từng dân tộc để đi tới sự tự chủ và phồn vinh của bản thân dân tộc mình. Xu hướng thứ hai tạo nên sự thúc đẩy mạnh mẽ để các dân tộc trong cộng đồng quốc gia xích lại gần nhau hơn, hoà hợp với nhau ở mức độ cao hơn trong mọi lĩnh vực của đời sống.

Ở các quốc gia xã hội chủ nghĩa, hai xu hướng phát huy tác động cùng chiều, bổ sung, hỗ trợ cho nhau và diễn ra trong từng dân tộc, trong cả cộng đồng quốc gia và đến tất

cả các quan hệ dân tộc. Sự xích lại gần nhau trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng giữa các dân tộc sẽ tạo điều kiện cho từng dân tộc đi nhanh tới sự tự chủ và phồn vinh. Bởi vì, nó sẽ tạo điều kiện cho dân tộc đó có thêm những điều kiện vật chất và tinh thần để hợp tác chặt chẽ hơn với các dân tộc anh em; đồng thời nó cho phép mỗi dân tộc không chỉ sử dụng tiềm năng của các dân tộc mình mà còn có sự gắn kết hữu cơ với tiềm năng của các dân tộc anh em trong một nước để tiến lên phía trước. Sự xích lại gần nhau giữa các dân tộc trong cùng quốc gia có nghĩa là những tinh hoa, những giá trị của các dân tộc đó thâm nhập vào nhau, bổ sung, hoà quyện vào nhau để tạo thành những giá trị chung. Tuy nhiên, sự hoà quyện đó không xoá bỏ sắc thái của từng dân tộc, không xoá nhòa những đặc thù dân tộc; ngược lại, nó bảo lưu, gìn giữ và phát huy những tinh hoa, bản sắc của từng dân tộc. Trong chế độ xã hội chủ nghĩa, cả hai xu hướng trên đều loại trừ các tư tưởng và hành vi kỳ thị dân tộc, chia rẽ dân tộc, tự ti dân tộc, dân tộc hẹp hòi, xung đột dân tộc. Trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Đảng ta đã khẳng định: “Sự phát triển mọi mặt của từng dân tộc đi liền với sự củng cố, phát triển của cộng đồng các dân tộc trên đất nước ta. Sự tăng cường tính cộng đồng, tính thống nhất là một quá trình hợp quy luật, nhưng tính cộng đồng, tính thống nhất không mâu thuẫn, không bài trừ tính đa dạng, tính độc đáo trong bản sắc của mỗi dân tộc”¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, tr.98.

Mọi sự vi phạm quan hệ biện chứng giữa hai xu hướng khách quan nêu trên đều dẫn đến những hậu quả tiêu cực.

** Xét trên phạm vi thế giới, sự tác động của hai xu hướng khách quan thể hiện rất nổi bật. Bởi vì:*

Thời đại ngày nay là thời đại các dân tộc bị áp bức đã vùng dậy, xoá bỏ ách đô hộ của chủ nghĩa đế quốc và giành lấy sự tự quyết định vận mệnh của dân tộc mình, bao gồm quyền tự lựa chọn chế độ chính trị và con đường phát triển của dân tộc, quyền bình đẳng với các dân tộc khác. Đây là một trong những mục tiêu chính trị chủ yếu của thời đại – mục tiêu độc lập dân tộc.

Xu hướng này biểu hiện trong phong trào giải phóng dân tộc thành sức mạnh chống chủ nghĩa đế quốc và chính sách của chủ nghĩa thực dân mới dưới mọi hình thức. Xu hướng này cũng biểu hiện trong cuộc đấu tranh của các dân tộc nhỏ bé đang là nạn nhân của sự kỳ thị dân tộc, phân biệt chủng tộc, đang bị coi là đối tượng của chính sách đồng hoá cưỡng bức ở nhiều nước tư bản.

Như vậy, độc lập tự chủ của mỗi dân tộc là xu hướng khách quan, là chân lý thời đại, là sức mạnh hiện thực tạo nên quá trình phát triển của mỗi dân tộc, sẽ làm tiêu tan tất cả những gì cản trở nó.

Thời đại ngày nay còn có xu hướng các dân tộc muốn xích lại gần nhau để trở lại hợp nhất thành một quốc gia thống nhất theo nguyên trạng đã được hình thành trong lịch sử. Xu hướng đó tạo nên sức hút các dân tộc vào các liên minh được hình thành trên những cơ sở lợi ích chung

nhất định. Các dân tộc có những lợi ích mang tính khu vực, dựa trên yếu tố gần nhau về địa lý, giống nhau về môi trường thiên nhiên, tương đồng về một số giá trị văn hoá, trùng hợp nhau về lịch sử và hiện tại trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung bên ngoài.

Đặc biệt vào những năm 90 của thế kỷ XX, xu hướng "tập đoàn hoá" ở các khu vực của thế giới tăng lên rõ rệt không chỉ do tác động của lợi ích kinh tế mà còn do sức thúc đẩy của các lợi ích chính trị. Hơn nữa, sự liên minh đó còn tạo nên sức hút trên toàn cầu nhằm tập trung giải quyết những vấn đề chung của cả nhân loại như: chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân, chống ô nhiễm và bảo vệ môi trường sinh thái, khắc phục nạn đói xảy ra thường xuyên ở nhiều nơi trên thế giới, kế hoạch hoá sự phát triển dân số và bảo vệ sức khoẻ... Lợi ích toàn cầu có tác động sâu xa gắn bó loài người trong một quá trình vận động thống nhất, bởi vì các dân tộc quốc gia trên thế giới hiện nay còn đang ở trình độ phát triển khác nhau và đang cần sự hỗ trợ nhau để cùng tiến bộ.

Nhận rõ điều này, mỗi dân tộc, quốc gia phải biết thực hiện chính sách độc lập tự chủ để mở cửa hội nhập vào dòng vận động chung của nhân loại; đồng thời phải tìm được giải pháp hữu hiệu để gìn giữ, phát huy bản sắc của dân tộc mình.

Dựa trên sự phân tích hai xu hướng khách quan của phong trào dân tộc trong thời đại hiện nay, Đảng ta đã khẳng định: "Giữ vững độc lập tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối

ngoại"¹ là nguyên tắc thống nhất của đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta.

II. NỘI DUNG CƯƠNG LĨNH DÂN TỘC CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN

Dựa trên cơ sở tư tưởng của C. Mác và Ph. Ăngghen về vấn đề dân tộc; dựa vào sự tổng kết kinh nghiệm đấu tranh của phong trào cách mạng thế giới và cách mạng Nga; phân tích sâu sắc hai xu hướng khách quan của phong trào dân tộc gắn liền với quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản, nhất là khi đã bước vào giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, V.I. Lênin đã khái quát lại thành "Cương lĩnh dân tộc" của Đảng cộng sản. Trong tác phẩm *Về quyền dân tộc tự quyết*, Người nêu rõ: "*Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc được quyền tự quyết, liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc lại*".

1. Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng

Đây là quyền thiêng liêng của các dân tộc trong mối quan hệ giữa các dân tộc. Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng có nghĩa là: các dân tộc lớn hay nhỏ (kể cả bộ tộc và chủng tộc) không phân biệt trình độ phát triển cao hay thấp đều có nghĩa vụ và quyền lợi ngang nhau; không một dân tộc nào được giữ đặc quyền đặc lợi và có quyền đi áp bức bóc lột dân tộc khác, thể hiện trong luật pháp của mỗi nước và luật pháp quốc tế.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 84.

Trong một quốc gia có nhiều dân tộc, quyền bình đẳng giữa các dân tộc phải được pháp luật bảo vệ và được thể hiện trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó việc phân đấu khắc phục sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế, văn hoá do lịch sử để lại có ý nghĩa cơ bản.

Trên phạm vi giữa các quốc gia - dân tộc, đấu tranh cho sự bình đẳng giữa các dân tộc trong giai đoạn hiện nay gắn liền với cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa sôvanh; gắn liền với cuộc đấu tranh xây dựng một trật tự kinh tế thế giới mới; chống sự áp bức bóc lột của các nước tư bản phát triển đối với các nước chậm phát triển về kinh tế.

Thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc là cơ sở để thực hiện quyền dân tộc tự quyết và xây dựng mối quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa các dân tộc.

2. Các dân tộc được quyền tự quyết

Quyền dân tộc tự quyết là quyền làm chủ của mỗi dân tộc đối với vận mệnh dân tộc mình, quyền tự quyết định chế độ chính trị - xã hội và con đường phát triển của dân tộc mình. Quyền tự quyết bao gồm quyền tự do độc lập về chính trị tách ra thành lập một quốc gia dân tộc độc lập vì lợi ích của các dân tộc (chứ không phải vì mưu đồ và lợi ích của một nhóm người nào) và cũng bao gồm quyền tự nguyện liên hiệp với các dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng cùng có lợi để có đủ sức mạnh chống nguy cơ xâm lược từ bên ngoài, giữ vững độc lập chủ quyền và có thêm những điều kiện thuận lợi cho sự phát triển quốc gia - dân tộc.

Khi xem xét, giải quyết quyền tự quyết của dân tộc cần đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân. Triệt để ủng hộ các phong trào dân tộc tiến bộ phù hợp với lợi ích chính đáng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Kiên quyết đấu tranh chống lại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực đế quốc và phản động lợi dụng chiêu bài “dân tộc tự quyết” để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước, giúp đỡ các thế lực phản động dân tộc chủ nghĩa (sô vanh, hẹp hòi) đàn áp các lực lượng tiến bộ, đòi ly khai và đi vào quỹ đạo của chủ nghĩa thực dân mới, chủ nghĩa tư bản.

3. Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc

Liên hiệp công nhân của tất cả các dân tộc là tư tưởng cơ bản trong cương lĩnh dân tộc của các đảng cộng sản: nó phản ánh bản chất quốc tế của phong trào công nhân, phản ánh sự thống nhất giữa sự nghiệp giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp. Nó bảo đảm cho phong trào dân tộc có đủ sức mạnh để giành thắng lợi.

Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc quy định mục tiêu hướng tới; quy định đường lối, phương pháp xem xét cách giải quyết quyền dân tộc tự quyết, quyền bình đẳng dân tộc. Đồng thời, nó là yếu tố sức mạnh đảm bảo cho giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức chiến thắng kẻ thù của mình. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”.

Đoàn kết, liên hiệp công nhân các dân tộc là cơ sở vững chắc để đoàn kết các tầng lớp nhân dân lao động rộng rãi

thuộc các dân tộc trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội. Vì vậy, nội dung liên hiệp công nhân các dân tộc đóng vai trò liên kết cả ba nội dung của cương lĩnh thành một chỉnh thể. Đoàn kết giai cấp công nhân các dân tộc là sự thể hiện thực tế tinh thần yêu nước mà thời đại ngày nay đã trở thành sức mạnh cực kỳ to lớn. Nội dung đó phù hợp với tinh thần quốc tế chân chính đang lên tiếng kêu gọi các dân tộc, quốc gia xích lại gần nhau.

Cương lĩnh dân tộc của đảng cộng sản là một bộ phận trong cương lĩnh cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp; là cơ sở lý luận của đường lối, chính sách dân tộc của các đảng cộng sản và nhà nước xã hội chủ nghĩa.

III. ĐẶC ĐIỂM QUAN HỆ DÂN TỘC VIỆT NAM VÀ CHÍNH SÁCH DÂN TỘC CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC TA HIỆN NAY

1. Đặc điểm quan hệ dân tộc ở Việt Nam

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc thống nhất gồm 54 dân tộc. Dân tộc Kinh chiếm 87% dân số; 53 dân tộc còn lại chiếm 13% dân số, phân bố rải rác trên địa bàn cả nước. 10 dân tộc có số dân từ dưới 1 triệu đến 100 ngàn người là: Tày, Nùng, Thái, Mường, Khơme, Mông, Dao, Giarai, Bana, Êđê; 20 dân tộc có số dân dưới 100 ngàn người; 16 dân tộc có số dân từ dưới 10 ngàn người đến 1 ngàn người; 6 dân tộc có số dân dưới 1 ngàn người (Cống, Si La, Pu Páo, Rơ Măm, Ô Đu, Brâu).

Đặc trưng nổi bật trong quan hệ giữa các dân tộc ở nước ta là sự cố kết dân tộc, hoà hợp dân tộc trong một cộng đồng thống nhất đã trở thành truyền thống, thành sức mạnh và đã được thử thách trong các cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc, xây dựng đất nước qua mấy ngàn năm lịch sử cho đến ngày nay.

Do những yếu tố đặc thù của nền kinh tế trồng lúa nước, một kết cấu công xã nông thôn bền chặt sớm xuất hiện. Trải qua lịch sử liên tục chống ngoại xâm, dân tộc ta đã hình thành rất sớm và trở thành một quốc gia dân tộc thống nhất ngay dưới chế độ phong kiến. Đoàn kết là xu hướng khách quan cố kết các dân tộc trên cơ sở có chung lợi ích, có chung vận mệnh lịch sử, chung một tương lai, tiền đồ.

Tuy nhiên, bên cạnh mặt cố kết tạo nên tính cộng đồng chung, có nơi có lúc vẫn xảy ra hiện tượng tiêu cực trong quan hệ dân tộc. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch lại luôn luôn dùng mọi thủ đoạn chia rẽ dân tộc và can thiệp vào nội bộ nước ta. Do đó, phát huy truyền thống đoàn kết, xoá bỏ thành kiến, nghi kỵ dân tộc và kiên quyết đập tan mọi âm mưu chia rẽ dân tộc của kẻ thù là nhiệm vụ trọng yếu của nhân dân ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa hiện nay.

x Hình thái cư trú xen kẽ giữa các dân tộc ngày càng tăng, tuy trong từng khu vực nhất định có những dân tộc sống tương đối tập trung, nhưng không thành địa bàn riêng biệt. Do đó, các dân tộc ở nước ta không có lãnh thổ riêng, không có nền kinh tế riêng và sự thống nhất hữu cơ

giữa dân tộc và quốc gia trên mọi mặt của đời sống xã hội ngày càng được củng cố.

Do điều kiện tự nhiên, xã hội và hậu quả của các chế độ áp bức bóc lột trong lịch sử nên trình độ phát triển kinh tế, văn hoá... giữa các dân tộc còn khác biệt, chênh lệch nhau.

Tình trạng chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế, văn hoá... giữa các dân tộc, giữa các vùng dân cư là một đặc trưng cần quan tâm nhằm từng bước khắc phục sự chênh lệch đó để thực hiện bình đẳng, đoàn kết dân tộc ở nước ta. Nhiều vùng dân tộc thiểu số canh tác còn ở trình độ rất thấp, chủ yếu dựa vào khai thác tự nhiên. Đời sống vật chất của bà con dân tộc thiểu số còn thiếu thốn, tình trạng nghèo đói kéo dài, thuốc chữa bệnh khan hiếm, nạn mù chữ và tái mù chữ còn ở nhiều nơi. Đường giao thông và phương tiện đi lại nhiều vùng rất khó khăn; điện, nước phục vụ cho sản xuất đời sống nhiều vùng còn rất thiếu; thông tin, bưu điện nhiều nơi chưa đáp ứng yêu cầu của đời sống, nhất là ở vùng cao, vùng xa xôi hẻo lánh...

Cùng với nền văn hoá cộng đồng, mỗi dân tộc trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam đều có đời sống văn hoá mang bản sắc riêng rất phong phú. Bởi vì, bất cứ dân tộc nào, dù nhiều người hay ít người, đều có nền văn hoá riêng, phản ánh truyền thống lịch sử, đời sống tinh thần, niềm tự hào của dân tộc bằng những bản sắc độc đáo. Đặc trưng của sắc thái văn hoá dân tộc bao gồm: ngôn ngữ tiếng nói, văn học, nghệ thuật, tình cảm dân tộc, y phục, phong tục tập quán, quan hệ gia đình, dòng họ... Một số dân tộc có chữ viết riêng (Khơme, Chăm, Thái, Mông,

Giarai, Êđê). Một số dân tộc thiểu số gắn với một vài tôn giáo truyền thống (Khơme – với đạo Phật; Chăm – với Islam, Balamôn); một vài dân tộc gắn với đạo Tin Lành, đạo Thiên Chúa... Vì vậy, Đảng và Nhà nước ta luôn luôn tôn trọng bản sắc văn hoá riêng và tôn trọng tự do tín ngưỡng của mỗi dân tộc. Sự phát triển đa dạng mang bản sắc văn hoá của từng dân tộc càng làm phong phú thêm nền văn hoá của cả cộng đồng.

Các dân tộc thiểu số tuy chỉ chiếm 13% dân số cả nước nhưng lại cư trú trên các địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh và giao lưu quốc tế, đó là các vùng biên giới, vùng rừng núi cao, hải đảo... Nhiều vùng đồng bào dân tộc thiểu số trước đây là căn cứ cách mạng và kháng chiến. Một số dân tộc có quan hệ dòng tộc với các dân tộc ở các nước láng giềng và khu vực.

Xuất phát từ tình hình, đặc trưng cơ bản của dân tộc Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta luôn luôn quan tâm đến vấn đề chính sách dân tộc xem xét nó như là vấn đề xã hội - chính trị rộng lớn, toàn diện gắn liền với các mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta hiện nay

Dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề dân tộc và thực tiễn lịch sử đấu tranh cách mạng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam cũng như dựa vào

tình hình thế giới trong giai đoạn hiện nay, Đảng và Nhà nước ta ngay từ khi thành lập cho đến nay luôn luôn coi vấn đề dân tộc và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc có tầm quan trọng đặc biệt. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, đồng bào các dân tộc đều là anh em ruột thịt, là con cháu một nhà, thương yêu đoàn kết giúp đỡ nhau là nghĩa vụ thiêng liêng của các dân tộc. Người còn khẳng định: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công”. Trong mỗi thời kỳ cách mạng, Đảng và Nhà nước coi việc giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc là nhiệm vụ có tính chiến lược nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp, cũng như tiềm năng riêng của từng dân tộc trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc và đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Đảng ta đã nêu rõ: “*Vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc* có vị trí chiến lược lâu dài trong sự nghiệp cách mạng”¹. Thực hiện tốt chính sách các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển; xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, phát triển sản xuất hàng hoá, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần đi đôi với “giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá, tiếng nói, chữ viết và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Thực hiện tốt chiến lược phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng căn cứ cách mạng”², kiên quyết “Chống kỳ thị,

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 121-122.

chia rẽ dân tộc; chống tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, dân tộc cực đoan; khắc phục tư tưởng tự ti, mặc cảm dân tộc”¹.

Những chính sách dân tộc cơ bản của Đảng và Nhà nước ta được biểu hiện cụ thể như sau:

+ Có chính sách *phát triển kinh tế hàng hoá* ở các vùng dân tộc thiểu số phù hợp với điều kiện và đặc điểm từng vùng, từng dân tộc, bảo đảm cho đồng bào các dân tộc khai thác được thế mạnh của địa phương để làm giàu cho mình và đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đây là vấn đề cực kỳ quan trọng để khắc phục sự chênh lệch về kinh tế, văn hoá, bảo đảm sự bình đẳng thực sự giữa các dân tộc. Đi đôi với phát huy tiềm lực kinh tế của các vùng dân tộc cần chú trọng bảo vệ môi trường thiên nhiên, ổn định đời sống của đồng bào, phát huy mối quan hệ tốt đẹp, gắn bó giữa đồng bào tại chỗ và đồng bào từ nơi khác đến, chống tư tưởng dân tộc hẹp hòi.

+ *Tôn trọng lợi ích, truyền thống, văn hoá, ngôn ngữ, tập quán, tín ngưỡng* của đồng bào các dân tộc; từng bước nâng cao dân trí đồng bào các dân tộc, nhất là các dân tộc thiểu số ở vùng núi cao, hải đảo.

Đây là vấn đề quan trọng và rất tế nhị, cần lắng nghe ý kiến của đồng bào và có chính sách thật cụ thể nhằm làm cho nền văn hoá chung vừa hiện đại vừa đậm đà bản sắc dân tộc, ngày càng phong phú và rực rỡ.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 128.

+ Tiếp tục phát huy truyền thống *đoàn kết và đấu tranh* kiên cường của các dân tộc vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, chống tư tưởng dân tộc lớn và dân tộc hẹp hòi, nghiêm cấm mọi hành vi miệt thị và chia rẽ dân tộc.

+ Tăng cường *bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số*; đồng thời giáo dục tinh thần đoàn kết hợp tác cho cán bộ các dân tộc. Bởi vì, chỉ tinh thần đó mới phù hợp với đòi hỏi khách quan của công cuộc phát triển dân tộc và xây dựng đất nước. Trong công cuộc đó, không dân tộc nào có thể chỉ sử dụng đội ngũ cán bộ xuất thân từ dân tộc mình, ngược lại, cần sự hỗ trợ lẫn nhau giữa các đội ngũ cán bộ thuộc mọi dân tộc trong cả nước.

Như vậy, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước mang tính toàn diện, tổng hợp, quán xuyên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, liên quan đến mỗi dân tộc và quan hệ giữa các dân tộc trong cả cộng đồng quốc gia. Phát triển kinh tế – xã hội của các dân tộc là nền tảng để tăng cường đoàn kết và thực hiện quyền bình đẳng dân tộc, là cơ sở để từng bước khắc phục sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các dân tộc. Do đó, chính sách dân tộc còn mang tính cách mạng và tiến bộ, đồng thời còn mang tính nhân đạo, bởi vì, nó không bỏ sót bất cứ dân tộc nào, không cho phép bất cứ tư tưởng khinh miệt, kỳ thị, chia rẽ dân tộc; nó tôn trọng quyền làm chủ của mỗi con người và quyền tự quyết của các dân tộc. Mặt khác, nó còn nhằm phát huy nội lực của mỗi dân tộc kết hợp với sự giúp đỡ có hiệu quả của các dân tộc anh em trong cả nước.

Nhận thức đúng đắn bản chất, nội dung, tính chất của

chính sách dân tộc có ý nghĩa quyết định tới việc định hướng và đổi mới các biện pháp thực hiện chính sách dân tộc, làm cho chính sách dân tộc đi vào cuộc sống.

CÂU HỎI THẢO LUẬN VÀ ÔN TẬP

1. Phân biệt các khái niệm dân tộc. Phân tích về hai xu hướng khách quan của sự phát triển các dân tộc trong thời đại hiện nay?

2. Phân tích nội dung cơ bản "Cương lĩnh dân tộc" của Đảng Cộng sản Việt Nam?

3. Khái quát tình hình các dân tộc ở Việt Nam và nội dung cơ bản các chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước?

CHƯƠNG X

VẤN ĐỀ TÔN GIÁO TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Tôn giáo là một hình thái ý thức - xã hội ra đời và biến đổi theo sự biến động của điều kiện kinh tế - xã hội. Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, tôn giáo còn tồn tại và có những biến đổi nhất định.

Việt Nam là một quốc gia có nhiều hình thức tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau và đang có chiều hướng phát triển trên phạm vi cả nước. Vì vậy, để tiến hành thắng lợi công cuộc đổi mới ở nước ta, trước hết đòi hỏi Đảng phải đổi mới tư duy, nhìn nhận và đánh giá đúng những vấn đề lý luận và thực tiễn, trong đó có vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo đang và sẽ có nhiều biểu hiện mới, đa dạng, phức tạp, cần được giải quyết đúng đắn.

I. BẢN CHẤT, NGUỒN GỐC VÀ TÍNH CHẤT CỦA TÔN GIÁO

1. Bản chất và nguồn gốc của tôn giáo

a) Bản chất của tôn giáo

Chủ nghĩa Mác - Lênin coi tín ngưỡng, tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội phản ánh một cách hoang đường,

hư ảo hiện thực khách quan. Qua hình thức phản ánh của tôn giáo, những sức mạnh tự phát trong tự nhiên và xã hội đều trở thành thần bí. Trong tác phẩm *Chống Duyrinh*, Ph. Ăngghen đã viết: "Tất cả mọi tôn giáo chẳng qua chỉ là sự phản ánh hư ảo - vào trong đầu óc của con người - của những lực lượng ở bên ngoài chi phối cuộc sống hàng ngày của họ; chỉ là sự phản ánh trong đó những lực lượng ở trần thế đã mang hình thức những lực lượng siêu trần thế."¹ C. Mác và Ph. Ăngghen còn cho rằng, tôn giáo là một hiện tượng xã hội, văn hóa, lịch sử; một lực lượng xã hội trần thế.

Giữa tín ngưỡng và tôn giáo có sự khác nhau, song lại có quan hệ chặt chẽ mà ranh giới để phân biệt chúng chỉ là tương đối.

Tín ngưỡng là một khái niệm rộng hơn tôn giáo. Ở đây chúng ta chỉ đề cập một dạng tín ngưỡng - đó là tín ngưỡng tôn giáo (gọi tắt là tôn giáo).

Tín ngưỡng là niềm tin và sự ngưỡng mộ của con người vào một hiện tượng, một lực lượng siêu nhiên, tôn sùng vào một điều gì đó pha chút thần bí, hư ảo, vô hình tác động mạnh đến tâm linh con người, trong đó bao hàm cả niềm tin tôn giáo. Còn tôn giáo thường được hiểu là một hiện tượng xã hội bao gồm có ý thức tôn giáo lấy niềm tin tôn giáo làm cơ sở, hành vi và các tổ chức hoạt động tín ngưỡng tôn giáo - nghĩa là, tôn giáo thường có giáo lý, giáo luật, lễ nghi và các tổ chức giáo hội.

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t. 20, tr. 437.

Mê tín dị đoan là một hiện tượng xã hội tiêu cực đã xuất hiện từ lâu và vẫn tồn tại ở thời đại chúng ta. Trên thực tế, mê tín dị đoan thường xen vào các hình thức sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo. Việc xác định hiện tượng mê tín dị đoan chủ yếu dựa vào biểu hiện và hậu quả tiêu cực của nó. Mê tín dị đoan là niềm tin cuồng vọng của con người vào các lực lượng siêu nhiên đến mức độ mê muội với những hành vi cực đoan, thái quá, phi nhân tính, phản văn hóa của một số người gọi chung là cuồng tín. Hiện tượng mê tín dị đoan thường gắn chặt và lợi dụng các hình thức sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo để hành nghề. Vì vậy, cùng với việc tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân thì chúng ta phải loại bỏ dần mê tín dị đoan nhằm làm lành mạnh hoá đời sống tinh thần xã hội.

Tôn giáo là sản phẩm của con người, gắn với những điều kiện lịch sử tự nhiên và lịch sử xã hội xác định. Do đó, xét về mặt bản chất, tôn giáo là một hiện tượng xã hội phản ánh sự bất lực, bế tắc của con người trước tự nhiên và xã hội.

Theo C.Mác: "Sự nghèo nàn của *tôn giáo* vừa là *biểu hiện* của sự nghèo nàn *hiện thực*, vừa là *sự phản kháng* chống sự nghèo nàn hiện thực ấy. Tôn giáo là tiếng thở dài của chúng sinh bị áp bức, là trái tim của thế giới không có trái tim, cũng giống như nó là tinh thần của những trật tự không có tinh thần. Tôn giáo là *thuốc phiện* của nhân dân"¹.

1. *Sđd*, t.1, tr. 570.

Tuy nhiên, tôn giáo cũng chứa đựng một số giá trị văn hoá, phù hợp với đạo đức, đạo lý của xã hội.

Về phương diện thế giới quan, thế giới quan duy vật mácxít và thế giới quan tôn giáo là *đối lập* nhau. Tuy vậy, trong thực tiễn, những người cộng sản có lập trường mácxít không bao giờ có thái độ xem thường hoặc trấn áp những nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo hợp pháp của nhân dân. Ngược lại, chủ nghĩa Mác-Lênin và những người cộng sản, chế độ xã hội chủ nghĩa luôn tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân.

Sự khác nhau giữa chủ nghĩa xã hội hiện thực và "thiên đường" mà các tôn giáo thường hướng tới là ở chỗ trong quan niệm tôn giáo, "thiên đường" không phải là hiện thực xã hội mà là ở "thế giới bên kia", trên "thượng giới" (tức là cái hư ảo). Còn những người cộng sản chủ trương và hướng con người vào xã hội văn minh, hạnh phúc ngay ở thế giới hiện thực, do mọi người xây dựng và vì mọi người. V.I. Lênin đã chỉ rõ: "Đối với chúng ta, sự thống nhất của cuộc đấu tranh thực sự cách mạng đó của giai cấp bị áp bức để sáng tạo nên một cảnh cực lạc trên trái đất, là quan trọng hơn sự thống nhất ý kiến của những người vô sản về cảnh cực lạc trên thiên đường"¹.

b) Nguồn gốc của tôn giáo

Tôn giáo xuất hiện rất sớm trong lịch sử xã hội loài người, hoàn thiện và biến đổi cùng với sự phát triển của các quan hệ kinh tế, chính trị, xã hội. Sự xuất hiện và biến đổi đó gắn liền với các nguồn gốc sau:

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1979, t. 12, tr. 174.

- Nguồn gốc kinh tế - xã hội của tôn giáo

Trong xã hội cộng sản nguyên thủy, do trình độ lực lượng sản xuất thấp kém, con người cảm thấy yếu đuối và bất lực trước thiên nhiên rộng lớn và bí ẩn, vì vậy, họ đã gán cho tự nhiên những sức mạnh, quyền lực to lớn, thần thánh hoá những sức mạnh đó. Đó là hình thức tồn tại đầu tiên của tôn giáo.

Khi xã hội xuất hiện những giai cấp đối kháng, bên cạnh cảm giác yếu đuối trước sức mạnh của tự nhiên, con người lại cảm thấy bất lực trước những sức mạnh tự phát hoặc của thế lực nào đó của xã hội. Không giải thích được nguồn gốc của sự phân hoá giai cấp và áp bức bóc lột, tội ác, v.v., và của những yếu tố ngẫu nhiên, may rủi, con người thường hướng niềm tin ảo tưởng vào "thế giới bên kia" dưới hình thức các tôn giáo.

Như vậy, sự yếu kém của trình độ phát triển lực lượng sản xuất, sự bần cùng về kinh tế, áp bức về chính trị, thất vọng, bất lực trước những bất công xã hội là nguồn gốc sâu xa của tôn giáo.

- Nguồn gốc nhận thức của tôn giáo

Các nhà duy vật trước C. Mác thường nhấn mạnh về nguồn gốc nhận thức của tôn giáo. Còn các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin, lại quan tâm trước hết đến nguồn gốc kinh tế - xã hội của tôn giáo. Tuy nhiên, chủ nghĩa Mác-Lênin không phủ nhận nguồn gốc nhận thức của tôn giáo mà còn làm sáng tỏ một cách có cơ sở khoa học nguồn gốc đó.

Ở một giai đoạn lịch sử nhất định, nhận thức của con người về tự nhiên, xã hội và bản thân mình là có giới hạn.

Khoa học có nhiệm vụ từng bước khám phá những điều chưa biết. Song, khoảng cách giữa biết và chưa biết luôn luôn tồn tại; điều gì mà khoa học chưa giải thích được thì điều đó dễ bị tôn giáo thay thế.

Sự xuất hiện và tồn tại của tôn giáo còn gắn liền với đặc điểm nhận thức của con người. Con người ngày càng nhận thức đầy đủ hơn, sâu sắc hơn thế giới khách quan, khái quát hoá thành các khái niệm, phạm trù, quy luật. Nhưng càng khái quát hoá, trừu tượng hoá đến mức hư ảo thì sự vật, hiện tượng được con người nhận thức càng có khả năng xa rời hiện thực và dễ phản ánh sai lệch hiện thực. Sự nhận thức bị tuyệt đối hoá, cường điệu hoá của chủ thể nhận thức sẽ dẫn đến thiếu khách quan, mất dần cơ sở hiện thực, dễ rơi vào ảo tưởng, thần thánh hoá đối tượng.

- Nguồn gốc tâm lý của tôn giáo

Các nhà duy vật cổ đại thường đưa ra luận điểm "sự sợ hãi sinh ra thần linh". V.I. Lênin tán thành và phân tích thêm: sợ hãi trước thế lực mù quáng của tư bản..., sự phá sản "đột ngột", "bất ngờ", "ngẫu nhiên", làm họ bị diệt vong..., dồn họ vào cảnh chết đói, đó chính là nguồn gốc sâu xa của tôn giáo hiện đại.

Ngoài sự sợ hãi trước sức mạnh của tự nhiên và xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo làm nảy sinh những tình cảm như lòng biết ơn, sự kính trọng, tình yêu trong quan hệ giữa con người với tự nhiên và con người với con người. Đó là những giá trị tích cực của tín ngưỡng, tôn giáo.

Tín ngưỡng, tôn giáo đã đáp ứng nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, góp phần bù đắp những hụt hẫng

trong cuộc sống, nổi trống vắng trong tâm hồn, an ủi, vỗ về, xoa dịu cho các số phận lúc sa cơ lỡ vận. Vì thế, dù chỉ là hạnh phúc hư ảo, nhưng nhiều người vẫn tin, vẫn bám víu vào. C. Mác đã nói, tôn giáo là trái tim của thế giới không có trái tim, cũng giống như nó là tinh thần của trạng thái xã hội không có tinh thần.

2. Tính chất của tôn giáo

a) Tính lịch sử của tôn giáo

Con người sáng tạo ra tôn giáo. Mặc dù tôn giáo còn tồn tại lâu dài, nhưng nó chỉ là một phạm trù lịch sử. Tôn giáo không phải xuất hiện cùng với sự xuất hiện của con người. Tôn giáo chỉ xuất hiện khi khả năng tư duy trừu tượng của con người đạt tới một mức độ nhất định.

Tôn giáo là sản phẩm của lịch sử. Trong từng thời kỳ của lịch sử, tôn giáo có sự biến đổi cho phù hợp với kết cấu chính trị và xã hội của thời đại đó. Thời đại thay đổi, tôn giáo cũng có sự thay đổi, điều chỉnh theo.

Đến một giai đoạn lịch sử, khi những nguồn gốc sản sinh ra tôn giáo bị loại bỏ, khoa học và giáo dục giúp cho đại đa số quần chúng nhân dân nhận thức được bản chất các hiện tượng tự nhiên và xã hội thì tôn giáo sẽ dần dần mất đi vị trí của nó trong đời sống xã hội và cả trong nhận thức, niềm tin của mỗi con người. C. Mác đã nói: Tôn giáo sẽ mất đi khi mà "con người không chỉ mưu sự, mà lại còn làm cho thành sự nữa, - thì chỉ khi đó, cái sức mạnh xa lạ cuối cùng hiện nay vẫn còn đang phản ánh vào tôn giáo mới sẽ mất đi, và cùng với nó bản thân sự phản ánh có tính chất tôn giáo cũng sẽ mất đi, vì khi đó sẽ không có gì

để phản ánh nữa"¹. Đương nhiên, để đi đến trình độ đó sẽ còn là một quá trình phát triển rất lâu dài của xã hội loài người.

b) Tính quần chúng của tôn giáo

Tính quần chúng của tôn giáo không chỉ biểu hiện ở số lượng tín đồ các tôn giáo. Hiện nay tín đồ của các tôn giáo chiếm tỷ lệ khá cao trong dân số thế giới (nếu chỉ tính các tôn giáo lớn, đã có tới từ 1/3 đến 1/2 dân số thế giới chịu ảnh hưởng của tôn giáo). Mặt khác, tính quần chúng của tôn giáo còn thể hiện ở chỗ các tôn giáo là nơi sinh hoạt văn hóa, tinh thần của một số bộ phận quần chúng nhân dân lao động. Dù tôn giáo hướng con người niềm tin vào hạnh phúc hư ảo của thế giới bên kia, song nó luôn luôn phản ánh khát vọng của những người bị áp bức về một xã hội tự do, bình đẳng, bác ái... Bởi vì, tôn giáo thường có tính nhân văn, nhân đạo và hướng thiện. Vì vậy, còn nhiều người ở trong các tầng lớp khác nhau của xã hội tin theo.

c) Tính chính trị của tôn giáo

Trong xã hội không có giai cấp, tôn giáo chưa mang tính chính trị. Tính chất chính trị của tôn giáo chỉ xuất hiện khi xã hội đã phân chia giai cấp, có sự khác biệt về lợi ích, các giai cấp thống trị đã lợi dụng tôn giáo để phục vụ lợi ích của mình.

Những cuộc chiến tranh tôn giáo trong lịch sử và hiện

1. C.Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 20, tr. 439.

tại, như các cuộc thập tự chinh thời trung cổ ở châu Âu hay xung đột tôn giáo ở bán đảo Ban Căng, ở Pakixtan, Ấn Độ, Angiêri, Bắc Ailen, Bắc Capcadơ (thuộc Nga)... đều xuất phát từ những ý đồ của những thế lực khác nhau trong xã hội, lợi dụng tôn giáo để thực hiện mục tiêu chính trị của mình. Trong nội bộ các tôn giáo, cuộc đấu tranh giữa các dòng, hệ, phái... nhiều khi cũng mang tính chính trị. Trong những cuộc đấu tranh ý thức hệ, thì tôn giáo thường là một bộ phận của đấu tranh giai cấp.

Ngày nay, tôn giáo đang có chiều hướng phát triển, đa dạng, phức tạp không chỉ thể hiện tính tự phát trong nhân dân, mỗi địa phương, mỗi quốc gia... mà còn có tổ chức ngày càng chặt chẽ, rộng lớn ngoài phạm vi địa phương, quốc gia - đó là nhiều tổ chức quốc tế của các tôn giáo với vai trò, thế lực không nhỏ trên toàn cầu và với những trang bị hiện đại tác động không chỉ trong lĩnh vực tư tưởng, tâm lý... mà cả trong chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Vì vậy, cần nhận rõ rằng: đa số quần chúng tín đồ đến với tôn giáo nhằm thoả mãn nhu cầu tinh thần; song, trên thực tế, tôn giáo đã và đang bị các thế lực chính trị - xã hội lợi dụng cho thực hiện mục đích ngoài tôn giáo của họ.

II. VẤN ĐỀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1. Nguyên nhân tồn tại của tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Các tôn giáo vẫn còn tồn tại lâu dài trong các nước xã hội chủ nghĩa là do các nguyên nhân chủ yếu sau đây:

- *Nguyên nhân nhận thức*: Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và trong chế độ xã hội chủ nghĩa trình độ dân trí của nhân dân chưa thật cao; nhiều hiện tượng tự nhiên và xã hội đến nay khoa học chưa giải thích được.

Hiện nay, nhân loại đã đạt được những thành tựu to lớn về khoa học và công nghệ, với những tiến bộ vượt bậc của công nghệ thông tin, sinh học, vật liệu mới... đã giúp con người có thêm những khả năng để nhận thức xã hội và làm chủ tự nhiên. Song, thế giới khách quan là vô cùng, vô tận, tồn tại đa dạng và phong phú, nhận thức của con người là một quá trình và có giới hạn, thế giới còn nhiều vấn đề mà hiện tại khoa học chưa thể làm rõ. Những sức mạnh tự phát của tự nhiên, xã hội đôi khi rất nghiêm trọng còn tác động và chi phối đời sống con người. Do vậy, tâm lý sợ hãi, trông chờ, nhờ cậy và tin tưởng vào Thần, Thánh, Phật... chưa thể gạt bỏ khỏi ý thức của con người trong xã hội, trong đó có nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa.

- *Nguyên nhân tâm lý*: Tôn giáo đã tồn tại lâu đời trong lịch sử loài người, ăn sâu vào trong tiềm thức của nhiều người dân.

Trong mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, thì ý thức xã hội bảo thủ hơn so với tồn tại xã hội, trong đó tôn giáo lại là một trong những hình thái ý thức xã hội bảo thủ nhất. Tín ngưỡng, tôn giáo đã in sâu vào đời sống tinh thần, ảnh hưởng khá sâu đậm đến nếp nghĩ, lối sống của một bộ phận nhân dân qua nhiều thế hệ đến mức trở thành một kiểu sinh hoạt văn hoá tinh thần không thể thiếu của cuộc sống. Cho nên, dù có thể có những biến đổi

lớn lao về kinh tế, chính trị, xã hội... thì tín ngưỡng, tôn giáo cũng không thay đổi ngay theo tiến độ của những biến đổi kinh tế, xã hội mà nó phản ánh.

- *Nguyên nhân chính trị - xã hội*: Trong các nguyên tắc tôn giáo có những điểm còn phù hợp với chủ nghĩa xã hội, với đường lối chính sách của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Đó là mặt giá trị đạo đức, văn hóa của tôn giáo, đáp ứng được nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Dưới chủ nghĩa xã hội, tôn giáo cũng có khả năng tự biến đổi để thích nghi theo xu hướng "đồng hành với dân tộc" sống "tốt đời, đẹp đạo", "sống phúc âm giữa lòng dân tộc"... Nhà nước không ngừng nâng cao địa vị, tính tích cực xã hội của những người có đạo bằng cách tạo điều kiện để họ tham gia ngày càng nhiều vào các hoạt động thực tiễn. Trên cơ sở đó, nhà nước xã hội chủ nghĩa làm cho người có đạo hiểu rằng, niềm tin tôn giáo chân chính không đối lập với chủ nghĩa nhân đạo xã hội chủ nghĩa, và chủ nghĩa xã hội đang hiện thực hoá lý tưởng của chủ nghĩa nhân đạo trong cuộc sống của mỗi người dân.

Cuộc đấu tranh giai cấp vẫn đang diễn ra dưới nhiều hình thức vô cùng phức tạp; trong đó, các thế lực chính trị vẫn lợi dụng tôn giáo để phục vụ cho mưu đồ chính trị của mình. Mặt khác, những cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột dân tộc, sắc tộc, tôn giáo, khủng bố, bạo loạn, lật đổ... còn xảy ra ở nhiều nơi. Nỗi lo sợ về chiến tranh, bệnh tật, đói nghèo... cùng với những mối đe dọa khác là điều kiện thuận lợi cho tôn giáo tồn tại.

- *Nguyên nhân kinh tế*: Trong chủ nghĩa xã hội, nhất là

giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ còn nhiều thành phần kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường với những lợi ích khác nhau của các giai tầng xã hội, sự bất bình đẳng về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội... vẫn là một thực tế; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân chưa cao, thì con người càng chịu tác động mạnh mẽ của những yếu tố ngẫu nhiên, may rủi. Điều đó đã làm cho con người có tâm lý thụ động, nhờ cậy, cầu mong vào những lực lượng siêu nhiên.

- *Nguyên nhân về văn hoá*: Sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo có khả năng đáp ứng ở một mức độ nào đó nhu cầu văn hoá tinh thần và có ý nghĩa nhất định về giáo dục ý thức cộng đồng, đạo đức, phong cách, lối sống. Vì vậy, việc kế thừa, bảo tồn và phát huy văn hoá (có chọn lọc) của nhân loại, trong đó có đạo đức tôn giáo là cần thiết. Mặt khác, tín ngưỡng, tôn giáo có liên quan đến tình cảm, tư tưởng của một bộ phận dân cư, và do đó sự tồn tại của tín ngưỡng, tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội như một hiện tượng xã hội khách quan.

2. Những quan điểm chỉ đạo giải quyết vấn đề tôn giáo trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội

Tín ngưỡng, tôn giáo là một vấn đề tế nhị, nhạy cảm và phức tạp. Vì vậy, giải quyết những vấn đề nảy sinh từ tôn giáo cần phải hết sức thận trọng, tỉ mỉ và chuẩn xác; vừa đòi hỏi giữ vững nguyên tắc, đồng thời phải mềm dẻo, linh hoạt, đúng như tinh thần của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng ta là: không "tuyên chiến" với tôn giáo mà tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân.

Giải quyết vấn đề tôn giáo trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội cần dựa trên những quan điểm sau:

Một là, chủ nghĩa Mác- Lênin, hệ tư tưởng chủ đạo của xã hội xã hội chủ nghĩa và hệ tư tưởng tôn giáo có sự khác nhau cơ bản về thế giới quan, nhân sinh quan và con đường mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân. Với hệ thống tín điều và giáo lý của mình, tôn giáo phần nào hạn chế khả năng vươn lên làm chủ của con người. Vì vậy, khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo trong đời sống xã hội phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới; là yêu cầu khách quan của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Hai là, một khi tín ngưỡng tôn giáo còn là nhu cầu tinh thần của một bộ phận quần chúng nhân dân, thì chính sách nhất quán của nhà nước xã hội chủ nghĩa là tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và quyền tự do không tín ngưỡng của công dân. Mọi công dân theo tôn giáo hoặc không theo tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật, đều có quyền lợi và nghĩa vụ như nhau. Cần phát huy những nhân tố tích cực của tôn giáo, đặc biệt là những giá trị đạo đức; chủ nghĩa nhân đạo và tình thân yêu nước. Nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm tự do tín ngưỡng của công dân. Đó là sự thể hiện bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thể hiện sự quan tâm của đảng cộng sản và nhà nước của giai cấp vô sản đến nhu cầu tinh thần của quần chúng nhân dân đối với tín ngưỡng tôn giáo.

Ba là, thực hiện đoàn kết giữa những người theo với những người không theo một tôn giáo nào, đoàn kết các

tôn giáo hợp pháp, chân chính, đoàn kết toàn dân tộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nghiêm cấm mọi hành vi chia rẽ vì lý do tín ngưỡng tôn giáo. Thông qua quá trình cùng nhau đoàn kết xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc, nâng cao mức sống, lối sống và trình độ kiến thức của quần chúng, những người lao động có tín ngưỡng, tôn giáo sẽ dần dần đến với chủ nghĩa xã hội. Những người lao động quan tâm việc xây dựng cuộc sống hạnh phúc thực sự ở thế gian - một thiên đường dưới trần gian - có ý nghĩa thiết thực hơn những cuộc tranh luận suông về có hay không có "cõi cực lạc", "thiên đường", v.v..

V.I. Lênin nhấn mạnh rằng: Những lời tuyên chiến âm ỉ với chủ nghĩa duy tâm, những mệnh lệnh ngăn cấm tín ngưỡng, tôn giáo là những hành vi đại dột, vô chính phủ, làm cho kẻ thù lợi dụng để kích động tình cảm tôn giáo của tín đồ, làm cho họ ngày càng gắn bó với tôn giáo, xa lánh, thậm chí đi đến chống lại công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đương nhiên, như vậy không có nghĩa là coi nhẹ việc giáo dục chủ nghĩa vô thần khoa học, thế giới quan duy vật cho toàn dân, trong đó có những tín đồ tôn giáo, việc làm đó góp phần nâng cao trình độ kiến thức cho toàn dân.

Bốn là, phân biệt rõ hai mặt chính trị và tư tưởng trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo. Mặt tư tưởng thể hiện sự tín ngưỡng trong tôn giáo. Khắc phục mặt này là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài, gắn liền với quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào có tín ngưỡng. Mặt chính trị thể hiện sự lợi dụng tôn giáo để chống lại sự nghiệp đấu tranh cách

mạng, xây dựng chủ nghĩa xã hội của những phần tử phản động đội lốt tôn giáo. Đấu tranh loại bỏ mặt chính trị phản động trong lĩnh vực tôn giáo là nhiệm vụ thường xuyên, đòi hỏi phải nâng cao cảnh giác kịp thời chống lại những âm mưu và hành động của các thế lực thù địch lợi dụng tôn giáo chống phá sự nghiệp cách mạng của nhân dân, nhằm bảo vệ thành quả cách mạng, xây dựng xã hội mới - giải quyết vấn đề này vừa phải khẩn trương, kiên quyết, vừa phải thận trọng và có sách lược đúng.

Năm là, phải có quan điểm lịch sử khi giải quyết vấn đề tôn giáo:

Ở những thời kỳ lịch sử khác nhau, vai trò, tác động của từng tôn giáo đối với đời sống xã hội không giống nhau. Quan điểm thái độ của các giáo hội, giáo sĩ, giáo dân về các lĩnh vực của đời sống xã hội luôn có sự khác biệt. Vì vậy, cần phải có quan điểm lịch sử cụ thể khi xem xét, đánh giá và ứng xử đối với những vấn đề có liên quan đến tôn giáo.

Có những tôn giáo khi mới xuất hiện như một phong trào bảo vệ lợi ích của người nghèo, người bị áp bức và nô lệ. Nhưng rồi, tôn giáo ấy lại biến thành công cụ của giai cấp bóc lột, thống trị. Có những giáo sĩ suốt đời hành đạo luôn luôn đồng hành cùng với dân tộc, nhưng cũng có những người đã hợp tác với các thế lực phản động, đi ngược lại lợi ích quốc gia, dân tộc. Có những vị chân tu luôn "kính Chúa yêu nước", thiết tha sống "tốt đời, đẹp đạo", nhưng lại có những người lầm đường lạc lối nghe theo kẻ địch phản bội Tổ quốc và suy đến cùng cũng phản

lại cả lợi ích của giáo hội. Điều khiến cho nhà nước xã hội chủ nghĩa luôn cần có thái độ, cách cư xử phù hợp với từng trường hợp cụ thể đó là điều mà V.I. Lênin đã nhắc nhở: "Người mácxít phải biết chú ý đến toàn bộ tình hình cụ thể"¹.

III. VẤN ĐỀ TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM VÀ CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA HIỆN NAY

1. Đặc điểm, tình hình tôn giáo ở Việt Nam

a) Đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam

Một là, Việt Nam là nước có nhiều tín ngưỡng, tôn giáo.

Hiện nay, ở nước ta có sáu tôn giáo lớn đã được Nhà nước thừa nhận về tổ chức là: Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Hồi giáo, Cao đài, Hoà Hảo/với khoảng 20 triệu tín đồ. Ngoài ra còn hàng chục triệu người khác vẫn giữ tín ngưỡng dân gian, truyền thống và cả tín ngưỡng nguyên thủy.

Tín ngưỡng, tôn giáo ở nước ta chủ yếu ở cấp độ tâm lý tôn giáo. Nhiều tín đồ tôn giáo tuy khá sùng đạo, nhưng hiểu giáo lý rất ít, gia nhập đạo phần nhiều do lan truyền tâm lý, hoặc do vận động, lôi kéo; ý thức tôn giáo ở phần lớn tín đồ không thật sâu sắc.

Hai là, các tôn giáo, tín ngưỡng dung hợp, đan xen và hoà đồng, không có kỳ thị, tranh chấp và xung đột tôn giáo.

1. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1979, t.17, tr. 518.

Các tín ngưỡng truyền thống và tàn dư tôn giáo nguyên thủy in dấu ấn khá sâu đậm vào đời sống tinh thần của người Việt Nam, theo suốt chiều dài lịch sử, đó là cái nền tâm linh dễ dàng đón nhận sự du nhập của các tôn giáo khác. Sự khoan dung, lòng độ lượng, nhân ái của dân tộc Việt Nam, cùng với yêu cầu phải đoàn kết toàn dân để bảo vệ nền độc lập, thống nhất lãnh thổ, nên người Việt Nam tiếp nhận các tôn giáo khác nhau một cách tự nhiên, miễn là nó không trái với lợi ích dân tộc – quốc gia và truyền thống văn hoá, tín ngưỡng cổ truyền.

Sự phân bố tôn giáo ở nước ta có đặc điểm nổi bật là giáo dân của các tôn giáo thường sinh sống thành từng cộng đồng quy mô nhỏ, các cộng đồng tôn giáo khác nhau có thể sống xen kẽ nhau. Ở nhiều nơi, trong một làng, xã cũng có các nhóm tín đồ của các tôn giáo khác nhau sống đan xen, hoà hợp nhau, hoặc xen kẽ với những người không theo tôn giáo nào.

Ba là, các tôn giáo chính có ảnh hưởng lớn trong xã hội Việt Nam đều du nhập từ bên ngoài, ít nhiều đều có sự biến đổi và mang dấu ấn Việt Nam.

Các tôn giáo từ bên ngoài vào Việt Nam vừa theo cách du nhập tự nhiên qua giao lưu kinh tế, văn hoá như: Phật giáo, Hồi giáo; vừa có sự áp đặt song hành với quá trình xâm lược của các đế quốc trong lịch sử như Công giáo, Tin lành... Quá trình giao du, gặp gỡ các tôn giáo vừa thâm nhập, bổ sung, vừa cải biến lẫn nhau, khiến cho mỗi tôn giáo đều có sự biến đổi phù hợp với đặc điểm địa lý, lịch sử và văn hoá Việt Nam.

Bốn là, sự pha trộn phức tạp giữa ý thức tôn giáo với

tín ngưỡng truyền thống và tình cảm, phong tục tập quán và nhân dân.

Tín ngưỡng truyền thống dân gian mà nổi bật nhất là phong tục thờ cúng tổ tiên, đã dung hợp với các tôn giáo, góp phần tạo nên đặc điểm tình cảm, tâm hồn, tính cách người Việt Nam. Tuy vậy, sự pha trộn phức tạp giữa ý thức tôn giáo với tín ngưỡng cổ truyền và tình cảm, phong tục tập quán đã ăn sâu vào đời sống tinh thần người Việt Nam, làm cho một bộ phận không nhỏ quần chúng lao động rất dễ dàng tiếp nhận tình cảm, ý thức tôn giáo mới.

b) Tình hình tôn giáo ở nước ta hiện nay

Mặc dù sự hình thành và phạm vi ảnh hưởng đối với số lượng tín đồ và tác động chính trị - xã hội không giống nhau, đồng bào các tôn giáo đã góp phần xứng đáng vào sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, hàng chục vạn thanh niên có đạo đã tham gia chiến đấu và nhiều người đã anh dũng hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc. Trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhiều tín đồ và giáo sĩ đã nhận thức đúng chính sách, luật pháp của Nhà nước, làm tốt cả "việc đạo" và "việc đời". Tình hình kinh tế, an ninh chính trị và trật tự xã hội ở nhiều vùng tôn giáo khá ổn định. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau, một bộ phận đồng bào có tín ngưỡng tôn giáo còn băn khoăn, lo lắng cả phần đạo và phần đời.

Những năm gần đây, sinh hoạt tôn giáo có phần phát

triển, nhà thờ, đình chùa, miếu mạo, thánh thất được tu sửa và tôn tạo, xây cất lại, in ấn tài liệu, đào tạo các chức sắc... Số người tham gia các hoạt động tôn giáo gia tăng. Những hoạt động lễ hội gần gũi với tôn giáo nhiều, mang nhiều màu sắc khác nhau, cũng xuất hiện nhiều hiện tượng mê tín dị đoan. Thực trạng trên, một mặt phản ánh nhu cầu tinh thần của một số đông quần chúng. Từ khi đổi mới và dân chủ hoá tự do tín ngưỡng càng có điều kiện thể hiện, đáp ứng nguyện vọng của một bộ phận nhân dân. Mặt khác cũng nói lên điều không bình thường vì trong đó không chỉ có sự sinh hoạt tôn giáo thuần túy, mà còn biểu hiện lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo để phục vụ cho mưu đồ chính trị và hoạt động mê tín dị đoan.

2. Quan điểm, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay

a) Quan điểm

Xuất phát từ những quan điểm chỉ đạo trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo dưới chủ nghĩa xã hội và tình hình tôn giáo ở nước ta, Đảng ta đã khẳng định: "*Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo với đồng bào không theo tôn giáo. Chăm lo phát triển kinh tế, văn hoá, nâng cao đời sống của đồng bào. Nghiêm cấm lợi dụng các vấn đề dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động trái pháp luật và chính*

sách của Nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia"¹.

Nghị quyết Trung ương 7 khoá IX về công tác tôn giáo đã chỉ rõ quan điểm lớn sau:

- Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đồng bào các tôn giáo là bộ phận của khối đoàn kết toàn dân tộc.

- Đảng, Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng.

- Công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị.

b) Chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay:

Theo tinh thần trên, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay bao gồm:

+ Thực hiện quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của công dân trên cơ sở pháp luật.

+ Tích cực vận động đồng bào các tôn giáo tăng cường đoàn kết toàn dân nhằm xây dựng cuộc sống "tốt đời, đẹp đạo", tích cực góp phần vào công cuộc đổi mới kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định về chính trị, trật tự và an toàn xã hội. Trên cơ sở đó, chăm lo cải thiện đời sống vật chất và văn hoá, nâng cao trình độ mọi mặt cho đồng bào.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 128.

+ Hướng các chức sắc giáo hội hoạt động tôn giáo theo đúng pháp luật, ủng hộ các xu hướng tiến bộ trong các tôn giáo, làm cho các giáo hội ngày càng gắn bó với dân tộc và sự nghiệp cách mạng toàn dân, thể hiện rõ vai trò trách nhiệm của tôn giáo ở một quốc gia độc lập.

+ Luôn luôn cảnh giác, kịp thời chống lại những âm mưu và thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng tôn giáo chống lại sự nghiệp cách mạng của nhân dân, chống chủ nghĩa xã hội.

+ Những quan hệ quốc tế và đối ngoại về tôn giáo hoặc có liên quan đến tôn giáo phải theo chế độ, chính sách chung về quan hệ quốc tế đối ngoại của Nhà nước.

Đại hội X của Đảng tiếp tục khẳng định: "Đồng bào các tôn giáo là bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo tôn giáo của công dân, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Phát huy những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo. Động viên, giúp đỡ đồng bào theo đạo và các chức sắc tôn giáo sống "tốt đời, đẹp đạo". Các tổ chức tôn giáo hợp pháp hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ. Thực hiện tốt các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, văn hoá của đồng bào các tôn giáo. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác tôn giáo. Đấu tranh ngăn chặn các hoạt động mê tín dị đoan, các hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo làm

phương hại đến lợi ích chung của đất nước, vi phạm quyền tự do tôn giáo của công dân"¹.

Như vậy, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta bao gồm nhiều mặt, vừa có mặt đối nội, vừa có mặt đối ngoại. Thực hiện chính sách tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo. Nhà nước thực hiện chức năng quản lý của mình thông qua chính sách, pháp luật, các đoàn thể nhân dân và Mặt trận Tổ quốc có nhiệm vụ vận động các tín đồ và chức sắc trong các giáo hội phấn đấu xây dựng cuộc sống "tốt đời, đẹp đạo".

CÂU HỎI THẢO LUẬN VÀ ÔN TẬP

1. Phân tích nguồn gốc, bản chất và những tính chất cơ bản của tôn giáo?

2. Vì sao trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và trong chế độ xã hội chủ nghĩa vẫn còn tôn giáo? Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin đối với tôn giáo như thế nào?

3. Nêu khái quát về tôn giáo ở Việt Nam hiện nay và nội dung cơ bản của quan điểm và chính sách đối với tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay?

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 122- 123.

CHƯƠNG XI

VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

I. VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG CỦA GIA ĐÌNH TRONG XÃ HỘI

1. Quan niệm về gia đình

a) Định nghĩa gia đình

Với tư cách *một hình thức cộng đồng tổ chức đời sống xã hội*, gia đình được hình thành từ rất sớm và đã trải qua một quá trình phát triển lâu dài. Xuất phát nhu cầu bảo tồn và duy trì nòi giống, từ sự cần thiết phải nương tựa vào nhau để sinh tồn, các hình thức quần tụ giữa nam giới và nữ giới, những hình thức cộng đồng tổ chức đời sống gia đình đã xuất hiện. Lịch sử nhân loại đã trải qua nhiều hình thức gia đình: gia đình đối ngẫu, gia đình một vợ một chồng...

Trên cơ sở của sự phát triển kinh tế - xã hội, các kiểu, dạng tổ chức cộng đồng mang tính "tự nhiên" ngay từ đầu đã chịu sự quy định của những biến đổi trong sản xuất, trong đời sống kinh tế - xã hội. Để quan hệ với thiên nhiên, tác động vào thiên nhiên, con người cần phải quần

tự thành các nhóm cộng đồng. Ban đầu, các quan hệ chi phối trong những nhóm cộng đồng ấy còn mang sắc thái tự nhiên, sinh học. Trước những yêu cầu của sản xuất và sinh hoạt, những đòi hỏi của đời sống kinh tế, các quan hệ ấy dần trở nên chặt chẽ, giữa các thành viên trong cộng đồng ấy *xuất hiện những cơ chế ràng buộc lẫn nhau phù hợp và thích ứng với những điều kiện sản xuất, sinh hoạt của mỗi một nền sản xuất. Gia đình dần trở thành một thiết chế xã hội*, một hình ảnh "xã hội thu nhỏ", *nhưng không phải là sự thu nhỏ một cách đơn giản các quan hệ xã hội. Như vậy, gia đình được coi là một thiết chế xã hội đặc thù, nhỏ nhất, cơ bản nhất.*

Nếu như văn hoá là toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra, nhằm thoả mãn, đáp ứng các nhu cầu của chính mình, thì gia đình không chỉ là một hình thức tổ chức cộng đồng, một thiết chế xã hội mà điều quan trọng gia đình còn là một giá trị văn hoá xã hội. Tính chất, bản sắc của gia đình lại được duy trì, bảo tồn, được sáng tạo và phát triển nhằm thoả mãn những nhu cầu của mỗi thành viên gia đình trong sự tương tác, gắn bó với văn hoá cộng đồng dân tộc, cộng đồng giai cấp và tầng lớp của mỗi giai đoạn lịch sử, mỗi quốc gia, dân tộc xác định.

Tóm lại, *gia đình là một trong những hình thức tổ chức cơ bản trong đời sống cộng đồng của con người, một thiết chế văn hoá - xã hội đặc thù, được hình thành, tồn tại và phát triển trên cơ sở của quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống, quan hệ nuôi dưỡng và giáo dục... giữa các thành viên.*

b) Đặc trưng các mối quan hệ cơ bản của gia đình

- Hôn nhân và quan hệ hôn nhân là một quan hệ cơ bản của sự hình thành, tồn tại và phát triển gia đình:

Hôn nhân là một hình thức quan hệ tính giao giữa nam và nữ nhằm thoả mãn các nhu cầu tâm sinh lý, tình cảm và đảm bảo tái sản xuất ra con người, nhằm duy trì, phát triển nòi giống. Cùng với sự phát triển của lịch sử, hôn nhân cũng có những biến đổi sâu sắc về hình thức, tính chất, sắc thái của nó. Nếu như trong chế độ cộng sản nguyên thủy, hình thức hôn nhân chủ yếu là quần hôn, trong các chế độ tư hữu, hôn nhân được hình thành, xây dựng và thực hiện trên cơ sở bảo đảm lợi ích của những người chủ sở hữu (ví dụ: trong chế độ phong kiến hôn nhân một vợ một chồng nhưng điều đó chỉ ràng buộc đối với người vợ...). Hôn nhân là hình thức quan hệ tính giao của con người, chỉ có ở con người, nên ngay từ đầu, hôn nhân đã mang bản chất người, nhân văn và nhân đạo. Sự phù hợp về tâm lý, sức khỏe và nhất là trạng thái tình cảm, ngay từ đầu đã là cơ sở trực tiếp của hôn nhân, mang lại bản sắc đặc thù của quan hệ hôn nhân. Tuy nhiên, như mọi quan hệ xã hội khác, hôn nhân luôn chịu sự chi phối của các quan hệ kinh tế và bản chất chế độ xã hội mà trên đó nó được hình thành và phát triển. Vì vậy, hôn nhân trong bất cứ thời đại nào cũng có thể và cần phải được xã hội thừa nhận, ở những mức độ, trình độ khác nhau. Trong chế độ tư hữu và các xã hội có sự phân chia giai cấp, sự thừa nhận đó được thể hiện về mặt pháp luật, bên cạnh sự thừa nhận của cộng đồng, của các chuẩn mực văn hoá

và lối sống của truyền thống trong cộng đồng. Sự phù hợp về trạng thái tâm lý, tình cảm, lối sống giữa đôi nam nữ trước khi đi đến hôn nhân và là cơ sở trực tiếp cho hôn nhân được gọi là tình yêu. Cũng như hôn nhân, tình yêu của mỗi thời đại, mỗi giai cấp và tầng lớp, mỗi dân tộc và cộng đồng tâm lý văn hoá cũng có những giá trị và chuẩn mực riêng, với những biểu hiện riêng, cụ thể và sinh động.

- *Huyết thống, quan hệ huyết thống là quan hệ cơ bản đặc trưng của gia đình:*

Do nhu cầu hết sức tự nhiên cần duy trì và phát triển nòi giống, con người đã sáng tạo ra gia đình với tính cách một thiết chế xã hội. Trong gia đình, cùng với quan hệ hôn nhân, quan hệ *huyết thống* được coi là một quan hệ cơ bản nhất. Tuy nhiên, ngay cả quan niệm về quan hệ này cũng có những thay đổi theo tiến trình lịch sử. Những sự thay đổi ấy được quy định, chịu sự chi phối của các điều kiện kinh tế, văn hoá, chính trị của xã hội. Mặt khác, quan hệ huyết thống ấy cũng gia nhập, đan xen vào các quan hệ kinh tế - xã hội và chính trị xã hội của mỗi thời đại. Trong chế độ công xã nguyên thuỷ, huyết thống về dòng mẹ được coi như chuẩn mực để tính quan hệ thân tộc gần xa. Khi ấy, gia đình được xây dựng trên cơ sở huyết thống mẫu hệ. Gia đình theo huyết thống về dòng cha (gia đình phụ hệ) được coi như một sự phủ định đối với gia đình mẫu hệ được hình thành và phát triển cùng với sự xuất hiện chế độ tư hữu. Những biểu hiện của bất bình đẳng trong quan hệ nam nữ dù ở mức độ thấp (gia đình mẫu hệ) đến mức độ cao hơn và ngày càng gay gắt hơn (gia đình phụ hệ: gia

đình chủ nô, gia đình phong kiến gia trưởng, gia đình tư sản) chỉ có thể được khắc phục trong điều kiện khi mà chế độ tư hữu bị xoá bỏ, chế độ sở hữu công cộng (công hữu) đối với các tư liệu sản xuất được xác lập.

- *Quan hệ quần tụ trong cùng một không gian sinh tồn:*

Ngay từ đầu, xuất phát từ yêu cầu được đặt ra trong quan hệ với tự nhiên và giữa con người với nhau, cộng đồng gia đình đã luôn cư trú, quần tụ trong một không gian sinh tồn. Lúc đầu là trong một hang đá, hốc cây... sau là trong một mái nhà... Dù không gian sinh tồn ấy ngày càng mở rộng và chịu sự chi phối của các quan hệ kinh tế - xã hội, nhưng nhu cầu quần tụ vẫn luôn được đặt ra, cho dù ngày nay, khái niệm không gian sinh tồn của gia đình không còn giữ nguyên nghĩa như một giới hạn địa lý thuần túy. Cho dù sự can thiệp, mức độ quan tâm giữa các thành viên gia đình đã được xã hội thay thế, đảm nhận ở mức độ đáng kể, sự quan tâm, chăm sóc giữa các thành viên, các thế hệ trong mỗi gia đình không vì thế mà mất đi. Trái lại nó được củng cố, được thực hiện nhờ những thiết bị, phương tiện và tiện nghi ngày càng hiện đại, đầy đủ hơn.

- *Quan hệ nuôi dưỡng giữa các thành viên và thế hệ thành viên trong gia đình:*

Nuôi dưỡng là một nghĩa vụ, một trách nhiệm, đồng thời còn là một quyền lợi thiêng liêng của gia đình, của các thành viên gia đình đối với nhau. Nuôi dưỡng không đơn thuần chỉ là các bậc cha mẹ, ông bà nuôi dưỡng con cháu, mà còn là hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng của con cháu

đối với cha mẹ, ông bà, giữa các thành viên khoẻ mạnh có thuận lợi trong làm ăn sinh sống đối với các thành viên gặp những khó khăn, những rủi ro về sức khoẻ, về làm ăn sinh sống. Mặc dù xã hội phát triển, sự quan tâm của xã hội đối với gia đình và các thành viên gia đình qua các chính sách bảo hiểm, chăm sóc y tế, dưỡng lão... nhưng nuôi dưỡng của gia đình có những đặc thù mà xã hội dù hiện đại đến đâu cũng không thể thay thế và càng không nên đặt vấn đề thay thế hoàn toàn.

2. Vị trí gia đình trong xã hội

a) Gia đình là tế bào của xã hội

Có thể ví xã hội là một cơ thể sống hoàn chỉnh và không ngừng biến đổi được "sắp xếp, tổ chức" theo nhiều mối quan hệ trong đó gia đình được xem là một tế bào, một thiết chế cơ sở đầu tiên. Mỗi một chế độ xã hội được sinh thành, vận động và biến đổi trên cơ sở một phương thức sản xuất xác định và có vai trò quy định đối với gia đình. Nhưng xã hội ấy lại tồn tại thông qua các hình thức kết cấu và quy mô gia đình. Mỗi gia đình hạnh phúc, hoà thuận thì cả cộng đồng và xã hội tồn tại và vận động một cách êm thấm. Mục đích chung của sự vận động biến đổi của xã hội trước hết vì lợi ích của mỗi công dân, mỗi thành viên xã hội và mỗi gia đình - tổ chức và thiết chế xã hội đầu tiên, cơ sở nơi quần tụ của mỗi công dân và thành viên của xã hội. Nhưng lợi ích của mỗi công dân, mỗi thành viên xã hội lại chịu sự chi phối của lợi ích các tập đoàn giai cấp thống trị trong xã hội, trong điều kiện xã hội phân chia thành giai cấp.

b) Trình độ phát triển kinh tế - xã hội quyết định quy mô, kết cấu, hình thức tổ chức và tính chất của gia đình

Quan điểm duy vật về lịch sử đã chỉ ra rằng, gia đình là những hình thức phản ánh đặc thù của trình độ sản xuất, của trình độ phát triển kinh tế. Trong tiến trình lịch sử nhân loại, các phương thức sản xuất cộng sản nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa, xã hội chủ nghĩa đã lần lượt thay thế nhau, kéo theo và dẫn đến sự biến đổi về hình thức tổ chức, quy mô và kết cấu cũng như tính chất của gia đình. Từ gia đình tập thể - quần hôn với các hình thức huyết thống, đối ngẫu, gia đình cặp đôi bước sang hình thức gia đình cá thể, một vợ một chồng; từ gia đình một vợ, một chồng bất bình đẳng, chỉ về phía người phụ nữ, người vợ sang gia đình một vợ, một chồng ngày càng bình đẳng giữa nam - nữ, giữa các thành viên trong gia đình. Tất cả những bước tiến đó của gia đình phụ thuộc chủ yếu và trước hết vào những bước tiến trong sản xuất, trong trình độ phát triển kinh tế của mỗi thời đại.

c) Gia đình là một thiết chế cơ sở, đặc thù của xã hội, là cầu nối giữa cá nhân với xã hội

Trong hệ thống cơ cấu tổ chức của xã hội, gia đình được coi là thiết chế cơ sở, đầu tiên, nhỏ nhất. Sự vận động biến đổi của thiết chế tuân theo những quy luật chung của cả hệ thống. Nhưng thiết chế ấy vận động biến đổi còn trên cơ sở kế thừa các giá trị văn hoá truyền thống của mỗi nền văn hoá, mỗi vùng và địa phương khác nhau và còn được bộc lộ, thể hiện ở mỗi thành viên và thế hệ thành viên trong sự "giao thoa" của mỗi cá nhân và mỗi gia đình. Thông qua các hoạt động tổ chức đời sống trong gia đình

và của gia đình, mỗi cá nhân, mỗi gia đình tiếp nhận, chịu sự tác động và "phản ứng" lại đối với những tác động của xã hội, thông qua các tổ chức, các thiết chế, chính sách... của xã hội. Sự đồng thuận hay không đồng thuận của những tác động từ xã hội, nhà nước với những hình thức tổ chức, sinh hoạt trong thiết chế gia đình sẽ tạo ra kết quả tốt hay xấu của mỗi chế độ xã hội, mỗi thời đại.

d) Gia đình là tổ ấm, mang lại các giá trị hạnh phúc, sự hài hoà trong đời sống cá nhân của mỗi thành viên, mỗi công dân của xã hội

Từ thuở lọt lòng cho đến suốt cuộc đời, mỗi thành viên được nuôi dưỡng, chăm sóc để trở thành công dân của xã hội, lao động cống hiến và hưởng thụ, đóng góp cho xã hội trước hết và chủ yếu là thông qua gia đình và với gia đình. Sự yên ổn, hạnh phúc mỗi gia đình là tiền đề, điều kiện quan trọng cho sự hình thành, phát triển nhân cách, bảo đảm đạt hiệu quả cho các hoạt động lao động của xã hội. Rõ ràng là, muốn xây dựng xã hội phải chú ý xây dựng gia đình. Xây dựng gia đình là trách nhiệm, là một bộ phận cấu thành trong chỉnh thể các mục tiêu phấn đấu của xã hội, vì sự ổn định và phát triển của chính xã hội.

3. Các chức năng cơ bản của gia đình

a) Chức năng tái sản xuất ra con người

Tái sản xuất ra chính bản thân con người là một chức năng cơ bản và riêng có của gia đình. Chức năng này bao gồm các nội dung cơ bản: tái sản xuất, duy trì nòi giống, nuôi dưỡng nâng cao thể lực, trí lực bảo đảm tái sản xuất nguồn lao động và sức lao động cho xã hội.

Hoạt động sinh con đẻ cái của con người trước hết xuất phát từ nhu cầu tồn tại của chính con người, của xã hội. Chức năng này đáp ứng một nhu cầu rất tự nhiên, chính đáng của con người. Nhưng tốc độ gia tăng dân số, mật độ dân cư... và nhiều yếu tố khác liên quan đến các vấn đề chiến lược và trình độ phát triển kinh tế, xã hội... Vì vậy sinh đẻ của mỗi gia đình không chỉ là việc riêng của gia đình mà còn là một nội dung quan trọng của mỗi quốc gia và toàn nhân loại. Chiến lược về dân số hợp lý sẽ trực tiếp tạo ra một cách có kế hoạch nguồn nhân lực mới phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, là mục tiêu, động lực quan trọng nhất của phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội.

b) Chức năng kinh tế và tổ chức đời sống gia đình

Hoạt động kinh tế và tổ chức đời sống vật chất là một chức năng cơ bản của gia đình. Hoạt động kinh tế, hiểu theo nghĩa đầy đủ gồm có hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động tiêu dùng để thoả mãn các yêu cầu ăn mặc, ở, đi lại của mỗi thành viên và của gia đình.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nhiều gia đình có điều kiện (có sở hữu hoặc tham gia sở hữu tư liệu sản xuất) đều có thể trở thành một đơn vị kinh tế tự chủ trong sản xuất kinh doanh. Để có thể phát huy mọi tiềm năng sáng tạo trong kinh tế, đảng và nhà nước đề ra và thực hiện các chính sách sao cho mọi gia đình, mọi cá nhân có thể làm giàu chính đáng bằng hoạt động sản xuất kinh doanh trong khuôn khổ pháp luật.

Cùng với sản xuất kinh doanh, các gia đình và hộ gia đình công nhân viên chức, cán bộ hành chính sự nghiệp,

giáo viên, nhà khoa học, trí thức văn nghệ sỹ... cũng được khuyến khích trong lao động sáng tạo, tăng thu nhập chính đáng từ lao động sáng tạo của mình. Các loại gia đình này tuy không trực tiếp thực hiện chức năng sản xuất kinh doanh, nhưng cũng thực hiện một nội dung quan trọng của hoạt động kinh tế: bảo đảm hoạt động tiêu dùng đáp ứng các nhu cầu vật chất cơ bản của con người, qua đó kích thích sự phát triển hoạt động kinh tế của xã hội.

Thực hiện tốt chức năng kinh tế sẽ tạo ra tiền đề và cơ sở vật chất vững chắc cho tổ chức đời sống của gia đình. Đương nhiên, ngoài cơ sở kinh tế, thì còn nhiều yếu tố khác mới đảm bảo cho một gia đình trở nên văn minh, hạnh phúc.

c) Chức năng giáo dục của gia đình

Nội dung của giáo dục gia đình tương đối toàn diện, cả giáo dục tri thức và kinh nghiệm, giáo dục đạo đức và lối sống, giáo dục nhân cách, thẩm mỹ, ý thức cộng đồng. Phương pháp giáo dục của gia đình cũng rất đa dạng, song chủ yếu là phương pháp nêu gương, thuyết phục, chịu ảnh hưởng không ít của tư tưởng, lối sống, tâm lý, gia phong của gia đình truyền thống. Dù giáo dục xã hội đóng vai trò ngày càng quan trọng, có ý nghĩa quyết định, nhưng có những nội dung và phương pháp giáo dục gia đình mang lại hiệu quả lớn không thể thay thế. Giáo dục gia đình còn bao hàm cả tự giáo dục. Do đó, chủ thể giáo dục gia đình cơ bản và chủ yếu vẫn là thế hệ cha mẹ, ông bà đối với con cháu.

Giáo dục gia đình là một bộ phận và có quan hệ hỗ trợ,

bổ sung hoàn thiện thêm cho giáo dục nhà trường và xã hội. Do đó, dù giáo dục nhà trường và giáo dục xã hội có phát triển lên trình độ nào, giáo dục gia đình vẫn được coi là một thành tố của nền giáo dục xã hội nói chung. Giáo dục gia đình luôn trở thành bộ phận quan trọng, hợp thành giáo dục nói chung phục vụ các lợi ích cơ bản của giai cấp thống trị trong bất cứ thời đại nào, khi xã hội còn giai cấp và phân chia giai cấp.

d) Chức năng thoả mãn các nhu cầu tâm - sinh lý, tình cảm của gia đình.

Nếu như trình độ sản xuất kinh doanh, hoạt động kinh tế và tổ chức đời sống gia đình là điều kiện và tiền đề vật chất của xây dựng gia đình, thì thoả mãn các nhu cầu tâm sinh lý được coi là một chức năng có tính văn hoá - xã hội của gia đình. Chức năng này có vị trí đặc biệt quan trọng, cùng với các chức năng khác tạo ra khả năng thực tế cho xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhiều vấn đề phức tạp liên quan đến giới tính và giới, tâm lý lứa tuổi và thế hệ, những căng thẳng mệt mỏi về thể xác và tâm hồn trong lao động và công tác... nhiều khi có thể được giải quyết trong một môi trường gia đình hoà thuận. Sự hiểu biết, cảm thông, chia sẻ và đáp ứng các nhu cầu tâm sinh lý giữa vợ - chồng, cha mẹ - con cái... làm cho mỗi thành viên có điều kiện sống lạc quan, khoẻ mạnh về thể chất và tinh thần là những tiền đề cần thiết cho một thái độ, hành vi tích cực trong cuộc sống gia đình và xã hội.

Gia đình là một thiết chế đa chức năng. Mọi thành viên gia đình, tùy thuộc vào vị thế, lứa tuổi... đều có quyền và

nghĩa vụ thực hiện các chức năng nói trên. Trong đó, người phụ nữ có vai trò đặc biệt quan trọng, bởi họ là người do đặc thù tự nhiên - sinh học, đảm nhận và thực hiện một số thiên chức không thể thay thế. Tuy nhiên, trong quá trình lịch sử, phụ nữ là những người vất vả, cực nhọc và chịu nhiều thiệt thòi nhất cả trong quan hệ xã hội lẫn trong quan hệ gia đình. Do đó, giải phóng phụ nữ được coi là một mục tiêu quan trọng của cách mạng xã hội chủ nghĩa, cần phải được bắt đầu từ gia đình.

Gia đình, thông qua thực hiện các chức năng khách quan vốn có của mình, có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển xã hội, nhưng chỉ với tư cách là của cái bộ phận đối với cái toàn thể. Mọi quan điểm tuyệt đối hoá, đề cao quá mức hay phủ nhận, hạ thấp vai trò của gia đình đều là sai lầm.

II. ĐIỀU KIỆN XÂY DỰNG GIA ĐÌNH TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1. Điều kiện kinh tế - xã hội

Việc thủ tiêu chế độ bóc lột, từng bước xác lập và củng cố hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nền kinh tế quốc dân là yếu tố cơ bản và quan trọng nhất để từng bước xoá bỏ những tập quán hôn nhân cũ chịu ảnh hưởng nặng nề của các giai cấp thống trị trong xã hội cũ, xoá bỏ cơ sở kinh tế của tình trạng bất bình đẳng về giới, bất bình đẳng giữa các thành viên và các thế hệ thành viên trong gia đình.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, phát triển nền kinh thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, một mặt từng bước hình thành hoàn thiện và phát triển các cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, mặt khác, tạo ra những điều kiện, những cơ hội để phát huy mọi tiềm năng của mọi gia đình, mọi thành viên trong xã hội. Phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa còn là tiền đề để từng bước giải quyết đúng đắn giữa tăng trưởng, phát triển kinh tế với thực hiện công bằng xã hội, xoá đói giảm nghèo. Điều đó cũng tạo ra những cơ sở, điều kiện phát triển gia đình, từng bước khắc phục những hạn chế, kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống, hình thành các yếu tố tích cực trong gia đình, thực hiện bước chuyển từ gia đình truyền thống sang gia đình mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Điều kiện chính trị và văn hoá - xã hội

a) Điều kiện chính trị

Cùng với sự xác lập và từng bước phát triển kinh tế, nhà nước xã hội chủ nghĩa chú ý đến việc xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thực hiện một hệ thống pháp luật, trong đó có Luật hôn nhân và gia đình. Cùng với hệ thống chính sách và pháp luật được xây dựng, ban hành nhằm đảm bảo thực hiện lợi ích của mọi công dân, trong đó có phụ nữ, Luật hôn nhân và gia đình ngày càng hoàn thiện đã thực sự là cơ sở pháp lý cho quá trình thực hiện hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, xây dựng gia đình bình đẳng, dân chủ, bảo đảm cuộc sống gia đình, hạnh phúc và bền vững. Với sự ra đời và hoàn thiện của hệ thống pháp

luật và chính sách bảo đảm thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội, chế độ hôn nhân một vợ một chồng được sự thừa nhận và bảo vệ của pháp luật - cơ sở trực tiếp của xây dựng gia đình hạnh phúc trong chủ nghĩa xã hội. Chính điều đó đã tạo ra ngày càng đầy đủ hơn những điều kiện để gia đình có thể kế thừa những giá trị văn hoá truyền thống trong quan hệ tình yêu, hôn nhân của mỗi dân tộc, vừa phát triển những nhân tố mới, tích cực hơn của hôn nhân, gia đình hiện đại.

b) Điều kiện văn hoá

Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, giáo dục và đào tạo, phát triển khoa học - công nghệ luôn được coi là quốc sách hàng đầu, tạo ra ngày càng nhiều cơ hội, điều kiện phát huy đầy đủ khả năng mỗi công dân, mỗi gia đình. Cùng với phát triển khoa học - công nghệ, một hệ thống chiến lược và chính sách phát triển giáo dục - đào tạo, nâng cao dân trí cũng được nhà nước xây dựng và tổ chức thực hiện. Các thành viên xã hội, mọi gia đình đều được hưởng những thành quả do chính sách phát triển giáo dục, nâng cao dân trí. Dân trí cao là một tiền đề xã hội quan trọng để xây dựng gia đình bình đẳng tiến bộ và hạnh phúc.

c) Điều kiện xã hội

Cùng với phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, nhà nước xã hội chủ nghĩa cũng chú trọng xây dựng và tổ chức thực hiện một hệ thống các chính sách xã hội trên các lĩnh vực dân số, kế hoạch hoá gia đình, việc làm, y tế và chăm sóc sức khoẻ, bảo hiểm xã hội... Những

chính sách này được xây dựng, từng bước đi vào cuộc sống mà kết quả của nó là việc tạo ra những điều kiện và tiền đề quan trọng đối với những thay đổi theo chiều hướng tích cực trong hình thức tổ chức, quy mô, kết cấu gia đình.

III. NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG CƠ BẢN VÀ NỘI DUNG XÂY DỰNG GIA ĐÌNH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

1. Những định hướng cơ bản xây dựng gia đình mới ở nước ta hiện nay

a) Xây dựng gia đình mới ở nước ta hiện nay phải trên cơ sở kế thừa, giữ gìn và phát huy các giá trị tốt đẹp của gia đình truyền thống Việt Nam, đồng thời tiếp thu những giá trị tiến bộ của thời đại về gia đình

Bên cạnh tính chất phụ quyền, gia trưởng, gia đình truyền thống có những giá trị tốt đẹp cần được kế thừa, phát huy trong điều kiện mới. Trong số các giá trị đó phải kể đến truyền thống vừa cố kết trong gia đình lại vừa đoàn kết tình làng nghĩa xóm; tình yêu gia đình gắn chặt với tình yêu dân tộc. Những giá trị ấy của nhân dân ta đã được hun đúc, phát triển thêm trong suốt hơn 70 năm đấu tranh cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Tuy nhiên trong quá trình xây dựng gia đình mới cũng cần chú ý từng bước khắc phục, loại bỏ các giá trị không còn hợp lý của gia đình truyền thống: tính cục bộ theo họ tộc, địa phương, những nghi lễ rườm rà, tốn kém trong ma chay, cưới hỏi, sự bất bình đẳng về giới, bất bình đẳng giữa các thế hệ...

Trong điều kiện hiện nay, sự chuyển đổi hệ giá trị từ gia đình truyền thống sang gia đình hiện đại đang đòi hỏi phải tiếp thu chọn lọc các giá trị văn hoá của nhân loại. Những giá trị văn hoá ấy chỉ có thể được chọn lọc, được tiếp thu một khi các giá trị tốt đẹp của gia đình truyền thống được bảo tồn, được phát huy dung nạp những nội dung giá trị mới phù hợp với văn hoá và đạo lý làm người của dân tộc Việt Nam.

b) Xây dựng gia đình mới ở nước ta hiện nay được thực hiện trên cơ sở quan hệ hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, bảo đảm quyền tự do kết hôn và ly hôn

Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ là hôn nhân được xây dựng chủ yếu dựa trên tình yêu chân chính giữa nam và nữ. Tình yêu chân chính là quan hệ tình cảm nảy sinh trong quá trình gặp gỡ, hiểu biết và cảm thông lẫn nhau, tìm thấy ở nhau những điểm tương đồng, mong muốn chia sẻ những khó khăn, sẵn sàng cùng nhau xây dựng cuộc sống chung hạnh phúc, thương yêu nhau, không thể thiếu nhau.

Hôn nhân tự nguyện tiến bộ là bước phát triển tự nhiên của tình yêu chân chính. Từ chỗ yêu thương nhau và thấy cần gắn bó với nhau xây dựng cuộc sống gia đình một cách tự nguyện, họ tình nguyện đến với nhau và được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sự thừa nhận của pháp luật, một mặt giúp cho mỗi người khi bước vào hôn nhân, ý thức rõ hơn trách nhiệm công dân của mình trong cuộc sống gia đình; đồng thời pháp luật bảo vệ mỗi người khỏi những sự căm dỗ, lợi dụng đối với những người thiếu chín chắn, nhẹ

dạ. Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ không hề bác bỏ sự quan tâm, hướng dẫn, chia sẻ tâm tư tình cảm của các bậc cha mẹ. Sự quan tâm đúng mức của cha mẹ thường là giúp cho con cái có trách nhiệm hơn, sống đúng mực hơn trong tình yêu, ý thức được đầy đủ hơn về trách nhiệm mỗi người trong hôn nhân và gia đình.

Hôn nhân tự nguyện tiến bộ bao giờ cũng gồm *hai mặt tự do kết hôn và tự do ly hôn*. Nếu tự do kết hôn được xây dựng và là sự phát triển của tình yêu chân chính, thì ly hôn là kết cục khó tránh khỏi khi tình yêu không còn nữa. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, ly hôn dù bất cứ lý do nào, thì hậu quả xã hội của nó cũng hết sức nặng nề. Hơn thế, hôn nhân dựa trên tình yêu chân chính, nhưng tình yêu chân chính bao hàm cả nghĩa vụ trách nhiệm cùng nhau chia sẻ khó khăn, cùng nhau vượt qua những thử thách, những trở ngại... trong cuộc sống chung. Vì vậy, ly hôn chính đáng là cần thiết, nhưng cần có sự bảo đảm của pháp lý, có sự hỗ trợ, hoà giải của các đoàn thể xã hội, của cộng đồng làng xóm, dân phố.

c) Gia đình mới ở Việt Nam được xây dựng, trên cơ sở các quan hệ bình đẳng, thương yêu, có trách nhiệm cùng chia sẻ, gánh vác công việc của các thành viên để thực hiện các chức năng cơ bản của gia đình và nghĩa vụ xã hội

Trong số các quan hệ giữa các thành viên gia đình, cần đề cập hai quan hệ cơ bản nhất: quan hệ vợ chồng, quan hệ cha mẹ - các con. Việc hình thành và từng bước phát triển gia đình mới, cần đặc biệt chú ý đến bình đẳng trong quan hệ vợ - chồng. Kết hợp nhiều giải pháp, biện pháp,

trong đó sự đồng bộ của việc đề ra và thực hiện các chính sách kinh tế, văn hoá, giáo dục... góp phần quan trọng tạo ra và từng bước củng cố quan hệ bình đẳng vợ - chồng trong tham gia quyết định các vấn đề trọng đại của gia đình cũng như tham gia các hoạt động xã hội.

Cùng với quan hệ vợ chồng, trong xây dựng gia đình mới cần chú ý đến quan hệ cha, mẹ - con cái, quan hệ giữa anh, chị - em, quan hệ ông, bà - các cháu trong các gia đình nhiều thế hệ. Trong xây dựng các quan hệ này, *sự tác động của xã hội* đóng vai trò hết sức quan trọng, thông qua các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, văn hoá - giáo dục, tuyên truyền vận động. Trong đó cần lưu ý là những tác động ấy sao cho trở thành các nhân tố và điều kiện khách quan, bên ngoài cho quá trình thực hiện tốt các chức năng cơ bản của gia đình (chứ không thể và không được thay thế việc thực hiện các chức năng đó) và làm tốt trách nhiệm xã hội.

d) Xây dựng gia đình mới ở Việt Nam hiện nay gắn liền với hình thành và củng cố từng bước các quan hệ gắn bó với cộng đồng, với các thiết chế, tổ chức ngoài gia đình

Đoàn kết, tương trợ thương yêu đùm bọc nhau là một giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam và con người Việt Nam, của gia đình truyền thống Việt Nam. Trong giai đoạn hiện nay, xây dựng gia đình mới cần chú ý trân trọng, giữ gìn và phát huy truyền thống ấy. Các gia đình đoàn kết động viên giúp đỡ nhau cùng thực hiện các chủ trương chính sách mới, thực hiện những quy ước, phong tục tiến bộ của gia đình, làng xóm, thực hiện

từng bước quy chế dân chủ trong mỗi làng, xã, trong mỗi gia đình... đó chính là một phương hướng quan trọng của xây dựng gia đình mới ở nước ta.

2. Một số nội dung chủ yếu của xây dựng gia đình ở Việt Nam hiện nay

a) Mỗi một địa phương, vùng lãnh thổ, thành phần dân tộc cần vận dụng sáng tạo những định hướng cơ bản trong xây dựng gia đình, cụ thể hoá những định hướng ấy thành các tiêu chí cụ thể, thích hợp với hoàn cảnh lịch sử cụ thể, điều kiện kinh tế, văn hoá, xã hội cụ thể, phù hợp với từng hình thức gia đình hiện có. Trong mỗi thời kỳ nhất định lại đề ra các tiêu chí nhất định, cụ thể sát hợp trong từng nội dung xây dựng gia đình, tránh tình trạng đề ra tiêu chuẩn chung chung, không cụ thể. Đồng thời chú ý rút kinh nghiệm sau mỗi thời kỳ, mỗi phong trào vận động của mỗi thời kỳ ấy.

b) Nội dung cơ bản, trực tiếp của xây dựng gia đình ở Việt Nam hiện nay là xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc. Đây chính là mục tiêu, là chuẩn mực cơ bản mà chúng ta cần xây dựng, là đích hướng tới hiện nay của mỗi gia đình ở nước ta. No ấm, được hiểu là sự thoả mãn những nhu cầu vật chất và tinh thần cơ bản phù hợp với khả năng lao động cống hiến của mỗi gia đình, mỗi thành viên gia đình, là kết quả của sự lao động cần cù, sáng tạo, chính đáng của gia đình và thành viên gia đình. Trong gia đình, cần chú trọng xây dựng quan hệ dân chủ, bình đẳng giữa các thành viên, nhất là dân chủ, bình đẳng giữa nam - nữ, giữa cha, mẹ -

con cái, tạo nên sự nề nếp, hoà thuận, kỷ cương mới trong gia đình. Sự tiến bộ của gia đình về mọi mặt dựa trên sự tiến bộ của mỗi thành viên và gắn liền với sự phát triển về mọi mặt của xã hội. Gia đình hạnh phúc không chỉ là no ấm, dân chủ, bình đẳng, tiến bộ, mà còn là tổng thể những nét đẹp trong đời sống văn hoá tinh thần mỗi gia đình, trong quan hệ cộng đồng, quan hệ xã hội, quan hệ giữa các thành viên trong từng gia đình.

c) Một trong những nội dung cơ bản và là đặc thù của xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa là ngay từ đầu cần giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng, phát triển kinh tế với giải quyết và thực hiện công bằng xã hội trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Do đó, các chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế phải hướng tới phát triển và giải quyết tốt các vấn đề xã hội, trong đó có xây dựng gia đình mới, no ấm, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc. Ngược lại, xây dựng gia đình mới, cần phải gắn bó, trở thành một bộ phận của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Liên quan đến vấn đề này, hiện nay chúng ta một mặt phải rà soát lại các chiến lược kế hoạch phát triển kinh tế gắn với giải quyết các nhu cầu phát triển xã hội, trong đó có xây dựng và phát triển mọi gia đình, mặt khác cần đưa ra các đề nghị sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các chính sách xã hội có liên quan đến vấn đề xây dựng gia đình: việc làm, xoá đói giảm nghèo, phúc lợi xã hội, y tế và chăm sóc sức khoẻ cộng đồng, dân số và kế hoạch hoá gia đình...

d) Trong số các vấn đề xã hội hiện nay, quan tâm đến

các chính sách nhằm giải phóng phụ nữ, phát huy vai trò người phụ nữ trong gia đình và trong xã hội được coi là vấn đề hết sức cơ bản và cấp bách. Khâu then chốt hiện nay là tổ chức thực hiện tốt các chiến lược phát triển xã hội có nội dung liên quan trực tiếp đến giải phóng phụ nữ nhằm phát huy những giá trị, những thành quả tích cực đã đạt được, hạn chế và đẩy lùi các tiêu cực trong kinh tế, văn hoá, giáo dục, xã hội, đạo đức và lối sống... đang làm hạn chế kìm hãm vai trò phụ nữ, cản trở sự nghiệp giải phóng phụ nữ.

đ) Trong số các vấn đề liên quan đến xây dựng gia đình hiện nay có công tác nghiên cứu khoa học nhằm giải quyết một số vấn đề đang nảy sinh khá cấp bách liên quan đến hôn nhân và gia đình. Bên cạnh việc chú trọng nghiên cứu về gia đình truyền thống, cần chú trọng hơn nữa đến nghiên cứu gia đình hiện đại, nghiên cứu sự chuyển đổi các giá trị gia đình từ truyền thống sang hiện đại, sự kế thừa, tiếp thu, dung nạp những giá trị tiến bộ của thời đại, của yêu cầu mới trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và của toàn bộ công cuộc đổi mới. Đặc biệt, cần coi trọng các nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu triển khai nhằm đưa ra và tổ chức thực hiện các chính sách, biện pháp, cơ chế quản lý bảo đảm hình thành từng bước vững chắc các chuẩn mực của gia đình mới, hiện đại, gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc, đáp ứng các yêu cầu của quá trình xây dựng chế độ mới - một chế độ bảo đảm dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

CÂU HỎI THẢO LUẬN VÀ ÔN TẬP

1. Phân tích quan niệm về gia đình?
2. Phân tích vị trí các chức năng cơ bản của gia đình?
3. Những điều kiện xây dựng gia đình trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội?
4. Phân tích những vấn đề cơ bản xây dựng gia đình mới ở Việt Nam hiện nay?

CHƯƠNG XII

VẤN ĐỀ NGUỒN LỰC CON NGƯỜI TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Nguồn lực con người luôn có vai trò to lớn trong sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia. Việt Nam là một nước kinh tế kém phát triển, muốn xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội cần phát huy có hiệu quả nguồn lực con người của đất nước.

I. NGUỒN LỰC CON NGƯỜI VÀ VAI TRÒ CỦA NÓ TRONG SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1. Con người và nguồn lực con người

a) Quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin về con người và con người xã hội chủ nghĩa

- Quan niệm về con người:

Chủ nghĩa Mác-Lênin cho rằng, con người vừa là thực thể tự nhiên, vừa là thực thể xã hội, đồng thời là chủ thể cải tạo hoàn cảnh.

Con người là một thực thể "song trùng" tự nhiên và xã hội, là sự kết hợp cái tự nhiên (sinh học) và cái xã hội. Hai

yếu tố này gắn kết với nhau, đan quện vào nhau, trong cái tự nhiên chứa đựng tính xã hội và cũng không có cái xã hội tách rời cái tự nhiên.

Con người trong quá trình tồn tại không chỉ tác động vào tự nhiên, làm biến đổi thế giới tự nhiên mà con người còn quan hệ với nhau tạo nên bản chất người, làm cho con người khác với con vật. "Bản chất con người không phải là một cái trừu tượng cố hữu của cá nhân riêng biệt. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hoà những quan hệ xã hội"¹.

Con người không thể tồn tại được một khi tách khỏi xã hội. Chỉ trong xã hội con người mới có thể trao đổi lao động, thông qua đó mà thoả mãn những nhu cầu trong cuộc sống, như ăn, ở, di lại v.v.. Trong xã hội thông qua quan hệ với người khác mà mỗi người nhận thức về mình một cách đầy đủ hơn, trên cơ sở đó mà rèn luyện, phấn đấu vươn lên về mọi mặt, từng bước hoàn thiện nhân cách.

- *Quan niệm về con người xã hội chủ nghĩa:*

Con người xã hội chủ nghĩa bao gồm cả những con người từ xã hội cũ để lại và cả những con người sinh ra trong xã hội mới. Con người sống dưới chế độ xã hội chủ nghĩa mang những nét đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, song vẫn còn chịu ảnh hưởng không ít những tư tưởng, tác phong, thói quen của xã hội cũ. Cho nên, quá trình xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa là quá trình diễn ra

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 3, tr. 11.

cuộc đấu tranh gay go, quyết liệt giữa cái cũ và cái mới, cái tiến bộ và cái lạc hậu.

Con người xã hội chủ nghĩa vừa là chủ thể trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa là sản phẩm của quá trình đó.

Một mặt, trong lao động sản xuất, đấu tranh xã hội, con người tạo ra những điều kiện cơ sở vật chất ngày một tốt hơn, phục vụ con người ngày một chu đáo hơn, cuộc sống của con người ngày càng đầy đủ hơn, môi trường xã hội ngày càng trong sạch, ngày càng nhân văn hơn, do vậy, càng có những điều kiện để xây dựng nên những phẩm chất của con người xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, cũng chính trong quá trình lao động cải tạo tự nhiên, cải tạo xã hội mà con người cải tạo chính bản thân mình, tự rèn luyện khắc phục những hạn chế, thiếu sót của bản thân.

Mỗi thời kỳ lịch sử, trên cơ sở của sự phát triển lực lượng sản xuất, của trình độ phát triển xã hội, cần phải xác định mô hình con người cần xây dựng. Toàn bộ mọi hoạt động của xã hội, hệ thống luật pháp, những chính sách kinh tế - xã hội, mục tiêu của giáo dục - đào tạo phải hướng vào mục tiêu đó, hình thành những phẩm chất con người theo bản chất, mục tiêu xã hội chủ nghĩa. Một khi con người đã hình thành với những phẩm chất tốt đẹp đó lại trở thành chủ thể tự giác để phát triển xã hội theo mục tiêu xã hội chủ nghĩa.

Dựa trên lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tiếp thu những giá trị truyền thống của dân tộc, căn cứ vào điều kiện cụ

thể của Việt Nam, những đặc trưng con người xã hội chủ nghĩa mà chúng ta phấn đấu xây dựng là:

+ Con người xã hội chủ nghĩa là con người có ý thức, trình độ và năng lực làm chủ. Đồng thời xã hội tạo ra những điều kiện về kinh tế, chính trị, xã hội, v.v. để con người thực hiện được quyền làm chủ đó.

+ Con người xã hội chủ nghĩa là con người lao động mới, có tri thức sâu sắc về công việc mà mình đang đảm nhận, lao động có ý thức kỷ luật, có tinh thần hợp tác với đồng nghiệp, biết đánh giá chất lượng lao động, hiệu quả lao động của bản thân.

+ Con người xã hội chủ nghĩa là con người sống có văn hoá, có tình nghĩa với anh em, bạn bè, mọi người xung quanh, biết được vị trí của mình trong từng mối quan hệ xã hội và giải quyết đúng đắn được những mối quan hệ đó; thường xuyên có ý thức nâng cao trình độ tri thức về mọi mặt, ra sức rèn luyện sức khoẻ, bảo đảm phát triển toàn diện cá nhân.

+ Con người xã hội chủ nghĩa là con người giàu lòng yêu nước, thương dân, có tình thương yêu giai cấp, thương yêu đồng loại, sống nhân văn, nhân đạo, có ý thức và kiên quyết đấu tranh bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ những thành quả cách mạng; kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu chống phá của kẻ thù.

b) Nguồn lực con người

Trong các nguồn lực có thể khai thác như nguồn lực tự nhiên, nguồn lực khoa học - công nghệ, nguồn vốn, nguồn lực con người thì nguồn lực con người là quyết định nhất,

bởi lẽ những nguồn lực khác chỉ có thể khai thác có hiệu quả khi nguồn lực con người được phát huy. Chúng ta biết rằng, điều kiện tự nhiên, khí hậu, địa lý, nguồn vốn có vai trò rất lớn trong sự phát triển của một quốc gia. Song những yếu tố đó ở dưới dạng tiềm năng, tự chúng là những khách thể bất động. Chúng chỉ trở thành nhân tố "khởi động", và phát huy tác dụng khi kết hợp với nguồn lực con người. Những nguồn lực khác ngày càng cạn kiệt, ngược lại nguồn lực con người ngày càng đa dạng và phong phú và có khả năng nội sinh không bao giờ cạn. Ngược lại nguồn lực con người càng được sử dụng, lại càng được nâng cao chất lượng và hiệu quả.

Các lĩnh vực khoa học khác nhau, có thể hiểu nguồn lực theo những cách khác nhau, nhưng chung nhất nguồn lực là một hệ thống các nhân tố mà mỗi nhân tố đó có vai trò riêng nhưng có mối quan hệ với nhau tạo nên sự phát triển của một sự vật, hiện tượng nào đó.

Từ cách hiểu như vậy, nguồn lực con người là những yếu tố ở trong con người có thể huy động, sử dụng để thúc đẩy sự phát triển xã hội.

Hiện nay có nhiều khái niệm khác nhau về nguồn lực con người. Ngân hàng Thế giới cho rằng: nguồn nhân lực là toàn bộ vốn người (thể lực, trí lực, kỹ năng, nghề nghiệp, v.v.) mà mỗi cá nhân sở hữu, có thể huy động được trong quá trình sản xuất, kinh doanh, hay trong một hoạt động nào đó.

Qua các ý kiến khác nhau có thể hiểu, *nguồn lực con người* là tổng thể những yếu tố thuộc về thể chất, tinh

thần, đạo đức, phẩm chất, trình độ tri thức, vị thế xã hội, v.v. tạo nên năng lực của con người, của cộng đồng người có thể sử dụng, phát huy trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và trong những hoạt động xã hội.

Khi chúng ta nói tới nguồn lực con người là ta nói tới con người với tư cách là chủ thể hoạt động sáng tạo tham gia cải tạo tự nhiên, làm biến đổi xã hội.

Nói tới nguồn lực con người là nói tới số lượng và chất lượng nguồn nhân lực.

Số lượng nguồn lực con người được xác định trên quy mô dân số, cơ cấu độ tuổi, sự tiếp nối các thế hệ, giới tính và sự phân bố dân cư giữa các vùng, các miền của đất nước, giữa các ngành kinh tế, giữa các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Chất lượng nguồn lực con người là một khái niệm tổng hợp bao gồm những nét đặc trưng về thể lực, trí lực, tay nghề, năng lực quản lý, mức độ thành thạo trong công việc, phẩm chất đạo đức, tình yêu quê hương đất nước, ý thức giai cấp, ý thức về trách nhiệm cá nhân với công việc, với gia đình và xã hội, giác ngộ và bản lĩnh chính trị, v.v. và sự kết hợp các yếu tố đó. Trong các yếu tố trên thì phẩm chất đạo đức và trình độ học vấn là quan trọng nhất, nó nói lên mức trưởng thành của con người, quy định phương pháp tư duy, nhân cách, lối sống của mỗi con người.

Số lượng và chất lượng nguồn lực con người có quan hệ với nhau một cách chặt chẽ. Nếu số lượng nguồn lực con người quá ít sẽ gây khó khăn cho phân công lao động xã hội và do vậy, chất lượng lao động cũng bị hạn chế. Chất lượng nguồn lực con người nâng cao sẽ góp phần làm giảm số lượng người hoạt động trong một đơn vị sản xuất, kinh

doanh hay giảm số người hoạt động trong một tổ chức xã hội, đồng thời cũng tạo điều kiện nâng cao hiệu quả hoạt động của một tập thể người trong lao động sản xuất, hoạt động xã hội.

Xã hội muốn phát triển nhanh và bền vững phải quan tâm đào tạo nguồn lực con người có chất lượng ngày càng cao. Muốn thực hiện được điều đó, cần có sự quan tâm ngay trong quá trình đào tạo, trong quá trình sử dụng và phân công lao động xã hội.

2. Vai trò của nguồn lực con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội

Chủ nghĩa xã hội có được xây dựng thành công hay không, tùy thuộc vào việc chúng ta có phát huy tốt nguồn lực con người hay không? Khi Việt Nam bước vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những *con người xã hội chủ nghĩa*"¹ (với ý nghĩa là đặc biệt chú ý đến vấn đề nhận thức của con người về chủ nghĩa xã hội - tức là phải giác ngộ xã hội chủ nghĩa).

Để làm rõ hơn quan điểm trên của Hồ Chí Minh,² cần nghiên cứu vai trò nguồn lực con người trong một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội.

a) Vai trò nguồn lực con người trong lĩnh vực kinh tế

Trong lĩnh vực kinh tế, cần xem xét con người với tư cách là lực lượng sản xuất và vai trò trong quan hệ sản xuất.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.10, tr. 310.

Trong bất cứ xã hội nào, người lao động cũng là yếu tố quan trọng nhất trong lực lượng sản xuất. Ngày nay, khoa học và công nghệ ngày càng phát triển, hàm lượng chất xám trong giá trị hàng hoá ngày càng cao, thì vai trò của người lao động có trí tuệ lại càng quan trọng trong lực lượng sản xuất. V.I. Lênin đã chỉ ra: *"Lực lượng sản xuất hàng đầu của toàn thể nhân loại là công nhân, là người lao động"*¹.

Con người khi được làm chủ những tư liệu sản xuất, được đào tạo một cách chu đáo những kiến thức quản lý kinh tế sẽ có điều kiện khai thác một cách có hiệu quả tiềm năng đất đai, biết kết hợp các yếu tố của quá trình sản xuất như huy động vốn, động viên khuyến khích người lao động làm việc có hiệu quả, quản lý chặt chẽ nguyên liệu vật tư, do vậy, hiệu quả sản xuất kinh doanh sẽ tốt hơn. Ngày nay vai trò người quản lý trong sản xuất kinh doanh ngày càng trở nên quan trọng, do vậy, các quốc gia thường rất quan tâm tới đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ này.

Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, người lao động đã trở thành những người làm chủ đất nước, làm chủ trong quá trình tổ chức quản lý sản xuất, từ việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh tới tổ chức sản xuất kinh doanh và làm chủ trong quá trình phân phối sản phẩm. Điều đó tạo ra những điều kiện thuận lợi để phát huy nguồn lực con người, phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, làm cho đất nước ngày càng giàu đẹp.

1. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1977, t. 38, tr. 430.

b) Vai trò nguồn lực con người trong lĩnh vực chính trị

Từ khi giai cấp công nhân và đảng của nó lãnh đạo toàn xã hội thì con người đã được giải phóng khỏi áp bức dân tộc, áp bức giai cấp, trở thành người làm chủ đất nước, nhân dân tự tổ chức thành nhà nước dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân. Quán triệt quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng nhà nước chuyên chính vô sản, Hồ Chí Minh nhiều lần lưu ý rằng, nước ta phải đi đến dân chủ thực sự, "Chúng ta phải ra sức thực hiện những cải cách xã hội, để nâng cao đời sống của nhân dân, thực hiện *dân chủ thực sự*"¹.

Xét nguồn lực con người trên phương diện chính trị, khi mà người dân có tri thức, có năng lực, thấy được trách nhiệm của mình trong việc lựa chọn những người có đức có tài vào các cơ quan nhà nước sẽ góp phần xây dựng nhà nước vững mạnh.

Cán bộ nhà nước có hiểu biết lý luận, hiểu biết thực tiễn, thấy được trách nhiệm của mình đối với nhân dân, sẽ hết lòng phụng sự nhân dân và thực sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân sẽ được dân mến, dân tin, dân ủng hộ.

Cán bộ tích cực tuyên truyền đường lối của đảng, phổ biến luật pháp của nhà nước đến nhân dân, làm cho dân hiểu dân tin; người dân chủ động tích cực thực hiện đường lối đó, có ý thức tôn trọng luật pháp, thực hiện những nghĩa vụ công dân, hiểu rõ quyền lợi của mình, kiên quyết

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội, 2002, t.7. tr. 323.

đấu tranh với những hiện tượng tiêu cực trong xã hội sẽ làm tăng sức mạnh của nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Nói về vai trò của quần chúng tham gia công việc của Nhà nước, Hồ Chí Minh đã viết: khi người dân "... *biết hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân chủ của mình, dám nói, dám làm*"¹, "thì việc gì khó khăn mấy họ cũng làm được, hy sinh mấy họ cũng không sợ"².

Có thể khẳng định, nguồn lực con người là yếu tố quan trọng trong việc xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhà nước của dân, do dân, vì dân; trong quá trình đấu tranh bảo vệ những thành quả cách mạng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu phá hoại của kẻ thù.

c) Vai trò nguồn lực con người trong lĩnh vực văn hoá

Dưới chủ nghĩa xã hội nhân dân lao động đã trở thành người làm chủ trong đời sống văn hóa xã hội. Hệ thống báo chí, phát thanh truyền hình do nhà nước quản lý nhằm phục vụ đắc lực cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, góp phần nâng cao mức hưởng thụ văn hoá cho quần chúng nhân dân lao động.

Mặt khác, quần chúng nhân dân lao động cũng là những người góp phần xây dựng nên những công trình văn hoá, những người sáng tạo ra các tác phẩm nghệ thuật.

Một khi, con người có tri thức, có hiểu biết về các hình

1. *Sđd*, t.12, tr. 223.

2. *Sđd*, t.5, tr. 246.

thức nghệ thuật, sẽ tham gia sáng tạo ra những tác phẩm nghệ thuật có giá trị cao như: những bộ phim hay, những điệu múa đẹp, những tác phẩm văn học có nội dung phong phú, v.v.. Những công trình văn hóa, nghệ thuật như vậy dễ đi vào lòng người, có tác dụng giáo dục đạo đức, góp phần hình thành nhân cách cho mỗi con người trong xã hội.

Con người có văn hoá cũng là những người có nghĩa vụ bảo tồn những di sản văn hoá tinh thần của đất nước, của nhân loại. Do vậy, nếu mỗi con người có ý thức, năng lực thực hiện tốt công việc này, thì những giá trị văn hoá tinh thần, giá trị văn hoá vật chất của xã hội được bảo tồn, lưu giữ, được nâng cao.

Trong điều kiện giao lưu quốc tế ngày càng mở rộng, mỗi con người chúng ta có điều kiện tiếp cận với nền văn hoá nhiều nước trên thế giới. Trình độ tri thức của mỗi người về văn hoá sẽ là tiền đề cho họ tiếp nhận những giá trị tốt đẹp của dân tộc khác, loại bỏ những yếu tố không phù hợp để làm giàu cho nền văn hoá dân tộc mình, làm phong phú đời sống tinh thần cá nhân.

Con người có tri thức khoa học, có năng lực nghiên cứu tạo ra những khả năng cho họ có những đóng góp xứng đáng trong sự phát triển khoa học của đất nước. Đảng và Nhà nước ta luôn luôn quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trí thức, tạo điều kiện cho họ cống hiến hết khả năng trí tuệ cho đất nước, cho sự phát triển của xã hội.

d) Vai trò nguồn lực con người trong lĩnh vực xã hội

Những vấn đề xã hội bao gồm: Vấn đề lao động việc làm, thực hiện công bằng xã hội, thực hiện xoá đói, giảm nghèo, v.v. Muốn giải quyết tốt những vấn đề này, đòi hỏi chúng ta phải phát huy tốt vai trò nguồn lực con người.

Giải quyết lao động việc làm là một vấn đề được từng gia đình, toàn xã hội chúng ta quan tâm, vì có giải quyết tốt vấn đề lao động việc làm mới phát huy được những thế mạnh của đất nước, mới giải quyết tốt được những vấn đề xã hội khác. Song, muốn giải quyết tốt vấn đề lao động việc làm, đòi hỏi chúng ta phải nâng cao chất lượng nguồn lực con người từ nâng cao sức khỏe, trình độ học vấn, tay nghề, năng lực quản lý, tới ý thức chính trị cho người lao động.

Chính sách xóa đói giảm nghèo là một chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ta hiện nay. Chính sách này chỉ phát huy hiệu quả khi chính những người nghèo thấy được trách nhiệm của mình, cố gắng nỗ lực phấn đấu vươn lên, đồng thời được sự đồng tình ủng hộ của toàn xã hội, sự trợ giúp của Nhà nước, v.v.

Như vậy, con người không chỉ là chủ thể của hoạt động sản xuất vật chất, mà còn là chủ thể của quá trình sản xuất tinh thần của xã hội. Bằng hoạt động thực tiễn, trước hết là lao động sản xuất, con người cải tạo tự nhiên, biến đổi xã hội, bắt tự nhiên phục vụ cho mình, và làm đẹp cho tự nhiên; đồng thời trong quá trình đó con người cải tạo chính bản thân mình. Do vậy, sự phối hợp giữa các thành viên trong cộng đồng đó cũng tạo ra sức mạnh to lớn trong việc phát huy nguồn lực con người để nhận thức, cải tạo tự nhiên và xã hội. Ngược lại, sự thiếu thống nhất, sự phối hợp không đồng bộ của các thành viên trong xã hội cũng sẽ làm giảm đi, thậm chí triệt tiêu cả động lực phát triển tự nhiên và xã hội.

Nguồn lực con người, xét về mỗi cá nhân, còn là những

yếu tố tiềm năng cấu thành con người có thể được khai thác. Nhưng hiệu quả việc phát huy nguồn lực con người lại tùy thuộc vào chế độ xã hội, tùy thuộc vào cách tổ chức xã hội, phụ thuộc vào năng lực và nghệ thuật của người quản lý xã hội, phụ thuộc vào cơ chế và chính sách xã hội.

Nguồn lực con người không khai thác, không phát huy được là lãng phí lớn nhất. Đặc biệt là với đội ngũ trí thức càng hoạt động, càng nghiên cứu, càng làm việc trí tuệ của họ càng đa dạng, càng phong phú và sâu sắc. Nước ta đang còn là một nước nghèo, kinh tế kém phát triển, thì việc phát huy nguồn lực con người để xây dựng đất nước càng trở nên quan trọng.

II. PHÁT HUY NGUỒN LỰC CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM

1. Phát huy nguồn lực con người ở Việt Nam những năm qua

Phát huy nguồn lực con người là quá trình đào tạo, bồi dưỡng làm tăng nguồn lực con người về thể lực, trí lực, phẩm chất đạo đức, v.v., là quá trình khai thác có hiệu quả những yếu tố đó trong lao động, học tập, chiến đấu nhằm phục vụ cho sự nghiệp xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

a) Những kết quả đạt được

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, những người dân Việt Nam đã từ địa vị những người bị mất nước, người dân nô lệ trở thành những người làm chủ đất nước. Mọi công dân Việt Nam không phân biệt giàu nghèo, trai gái,

dân tộc, tôn giáo hễ là công dân đều có quyền bầu cử, lựa chọn ra những đại biểu xứng đáng có tài, có đức để tham gia công việc Nhà nước. Ai muốn ra giúp nước đều có quyền ứng cử. Nhà nước của Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám là nhà nước của dân, do dân, vì dân, tạo điều kiện cho mọi người dân phát huy tài năng, trí tuệ đóng góp cho đất nước. Ngay sau ngày Độc lập, Hồ Chí Minh đã phát động nhân dân thực hiện xoá nạn mù chữ. Người quan niệm một dân tộc dốt là một dân tộc yếu.

Những năm qua, kinh tế - xã hội Việt Nam ngày càng phát triển, năng suất lao động ngày càng cao, đã tạo điều kiện cải thiện đáng kể đời sống nhân dân, giúp cho việc chăm sóc con người ngày một tốt hơn. Điều kiện ăn, ở, đi lại, học hành của nhân dân đã được cải thiện so với trước. Đảng và Nhà nước ta đã tạo những điều kiện thuận lợi cho mọi người dân tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước cũng như kế hoạch phát triển kinh tế của từng địa phương, từng cơ sở sản xuất kinh doanh. Trong nhiều đơn vị kinh tế đã động viên mọi người dân đóng góp tài năng trí tuệ, thực hiện cải tiến kỹ thuật, thay đổi quy trình sản xuất nhằm tạo ra năng suất lao động và hiệu quả kinh tế cao.

Việt Nam đã quan tâm tới giáo dục đào tạo, đã đưa tỉ lệ số người biết chữ từ 5% trước đây, tới nay đã gần 90% dân số biết chữ. Trình độ dân trí đã có tiến bộ nhiều so với trước đây. Nhiều tỉnh đã thực hiện xoá nạn mù chữ, phổ cập tiểu học hay trung học phổ thông cơ sở. Hiện nay ngân

sách nhà nước đầu tư cho giáo dục - đào tạo năm sau cao hơn năm trước. Giáo dục miền núi, vùng sâu, vùng xa được quan tâm ngày một tốt hơn. Đảng và Nhà nước ta đã khẳng định giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, tạo ra điều kiện thuận lợi để "cả nước trở thành một xã hội học tập"¹. Trong quá trình giảng dạy, học tập, đã tìm mọi biện pháp để thực hiện "phát huy tinh thần độc lập suy nghĩ và sáng tạo của học sinh, sinh viên, đề cao năng lực tự học, tự hoàn thiện học vấn và tay nghề"².

Mấy chục năm qua chúng ta đã đào tạo được một đội ngũ trí thức đông đảo, hơn mười nghìn người có trình độ trên đại học, hơn một triệu người có trình độ đại học đang công tác trong các lĩnh vực của đời sống xã hội; họ đã có những đóng góp to lớn trong kháng chiến giải phóng dân tộc, trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, ngày nay đang tích cực đóng góp cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Việc chăm sóc sức khoẻ cho các tầng lớp nhân dân đã được xã hội quan tâm. Những cơ sở khám chữa bệnh được xây dựng tới tận các xã, kể cả vùng sâu, vùng xa. Tuổi thọ trung bình của người Việt Nam đã tăng lên nhiều so với trước đây. Thể lực của người Việt Nam đã được cải thiện hơn trước. Trang thiết bị trong các bệnh viện, trong các cơ sở khám chữa bệnh ngày một đầy đủ, ngày một hiện đại.

Do trình độ học vấn của người Việt Nam được nâng lên,

1.2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.109.

quan hệ xã hội, giao lưu quốc tế ngày càng mở rộng, cho nên, tính tích cực xã hội, tính tự chủ, sự năng động sáng tạo của con người Việt Nam đã được nâng lên so với trước đây.

Nhìn chung, trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã chăm lo tới việc bồi dưỡng nguồn nhân lực của đất nước cả sức khỏe, tri thức, năng lực, phẩm chất đạo đức; thực hiện cải cách bộ máy Nhà nước về mọi mặt; tạo điều kiện cho mỗi người phát huy được khả năng của mình đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

b) Những hạn chế của việc phát huy nguồn lực con người ở Việt Nam

Hạn chế trong việc phát huy nguồn lực con người ở Việt Nam, trước hết chúng ta đề cao quá cao mặt xã hội, nặng động viên tinh thần; nhẹ mặt tự nhiên, không quan tâm đúng mức tới nhu cầu vật chất, chưa thực sự chú ý tới lợi ích cá nhân người lao động; có lúc, có nơi đã đồng nhất lợi ích cá nhân với chủ nghĩa cá nhân, nên không phát huy mạnh mẽ được tính tích cực xã hội của người lao động; vai trò của cá nhân bị lu mờ; tài năng cá nhân không được khuyến khích; tính cách riêng của cá nhân không được thừa nhận.

Hai là, có lúc chúng ta đề cao quá mức tính giai cấp, coi nhẹ tính nhân loại, không chú ý kế thừa những giá trị truyền thống dân tộc, chưa làm theo đúng tính quy luật mà chủ nghĩa Mác-Lênin đã chỉ ra: chủ nghĩa xã hội là sự tiếp nối quá trình phát triển của nhân loại, phải biết tiếp thu những di sản của quá khứ một cách có chọn lọc, nâng

lên tầm cao mới. Con người trong xã hội thuộc một giai cấp, một dân tộc nhất định, là cá nhân của một cộng đồng nhân loại, do vậy, trong nó mang dấu ấn của thời đại, những nét đặc trưng của dân tộc và mang bản chất một giai cấp nhất định. Con người muốn phát triển nhân cách một cách đầy đủ phải kết hợp một cách hài hoà tất cả những phẩm chất, không được quá nhấn mạnh yếu tố này đi đến phủ nhận những yếu tố khác. Những khuyết điểm trên đây, dẫn tới sự phát triển khiếm khuyết về nhân cách trong không ít người Việt Nam. Sự hiểu biết về truyền thống văn hoá dân tộc, tinh hoa văn hoá nhân loại trong nhiều người Việt Nam còn hạn chế. Điều đó đang gây ra những khó khăn trong quá trình hội nhập quốc tế của nước ta hiện nay.

Ba là, tình trạng quan liêu trong bộ máy nhà nước, một bộ phận cán bộ tham nhũng của quyền, vi phạm quyền tự do dân chủ của công dân đang làm biến dạng nhân cách con người, làm cho con người bị phân thân; không ít kẻ cơ hội, hữu khuynh chui vào tổ chức đảng, cơ quan nhà nước gây ra những tác động xấu đang làm xói mòn lòng tin của quần chúng đối với Đảng và Nhà nước ta. *"Tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng"*¹ đang làm giảm nhiệt tình, hăng say lao động, hạn chế sức sáng tạo trong một bộ phận những người lao động, tác động không nhỏ tới niềm tin và sự tu

1. *Sđd*, tr. 76.

duỡng, rèn luyện, phấn đấu trau dồi đạo đức cách mạng của các thế hệ trẻ hôm nay.

Nhiều người muốn ở lại thành phố, bỏ nghề gây lãng phí cho xã hội và gia đình. Cơ cấu đào tạo giữa các ngành, giữa các bậc học chưa hợp lý, do vậy dẫn tới tình trạng vừa thừa, vừa thiếu cán bộ hiện nay. Nhìn chung, việc đào tạo và sử dụng cán bộ ở nước ta hiện nay còn nhiều bất cập. Tình trạng thiếu việc làm trong một bộ phận thanh niên đang tạo ra sức ép lớn cho xã hội.

Bốn là, sự kết hợp các nguồn lực ở nước ta còn nhiều hạn chế. Khí hậu Việt Nam có nhiều thuận lợi cho việc trồng các loại cây nông, công nghiệp vùng nhiệt đới, nhưng hiệu quả khai thác đất đai ở nước ta còn thấp, trong khi đó sức lao động ở Việt Nam còn dồi dư khá nhiều. Tình trạng thiếu việc làm ở nông thôn, một bộ phận người lao động thất nghiệp ở thành phố đang gây ra sự lãng phí lớn về nguồn lực con người ở nước ta hiện nay.

Năm là, năng lực lao động của người lao động Việt Nam còn hạn chế. Số người lao động qua đào tạo còn ở mức thấp so với các nước trong khu vực. Những người lao động được đào tạo còn có sự tách rời giữa lý luận và thực tiễn. Người lao động còn mang nặng tư duy ý thức tác phong của người sản xuất nhỏ, thiếu ý thức tổ chức kỷ luật, v.v. Nhiều người đã được đào tạo nhưng lại không làm đúng ngành nghề.

Những hạn chế trong việc xây dựng, bồi dưỡng, phát huy nguồn lực con người Việt Nam trong thời gian qua do những nguyên nhân sau:

Thứ nhất: Nước ta là một nước nông nghiệp lạc hậu đi lên chủ nghĩa xã hội, năng suất lao động còn rất thấp, đời sống của nhân dân còn nhiều khó khăn, tình trạng nghèo đói còn tồn tại trong một bộ phận dân cư, do vậy, việc chăm sóc đầy đủ, đảm bảo những điều kiện cho con người phát triển toàn diện còn hạn chế

Thứ hai: Việt Nam trải qua nhiều năm chiến tranh, với khẩu hiệu tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng, chúng ta dồn sức người sức của để giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, không có điều kiện chăm sóc cho con người trên nhiều phương diện.

Hiện nay hậu quả chiến tranh còn để lại rất nặng nề đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân phải tiếp tục khắc phục.

Thứ ba: Những ảnh hưởng của phong tục tập quán, thói quen của người sản xuất nhỏ như: thiếu ý thức tổ chức kỷ luật, cách nhìn thiên cận, tâm lý tự ty, tính vị kỷ, cục bộ địa phương, kể cả tác phong gia trưởng trong giáo dục và đánh giá mỗi con người, v.v..

Thứ tư: Tư tưởng chủ quan nóng vội, muốn tiến nhanh lên chủ nghĩa xã hội cùng với những hạn chế trong việc nghiên cứu lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin đã dẫn chúng ta tới những hạn chế trong việc chăm lo, đào tạo, bồi dưỡng và phát huy nguồn lực con người ở nước ta trong những năm qua. Cơ chế hành chính bao cấp tạo nên tư tưởng trông chờ ỷ lại, sự thiếu dân chủ trong đời sống xã hội đã hạn chế phát triển tính năng động, sáng tạo, tính dám chịu trách nhiệm của con người Việt Nam.

Thứ năm: Trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường, mở rộng giao lưu quốc tế, một mặt cũng tạo ra

những tác động tích cực, nhưng mặt khác cũng đang tạo ra những ảnh hưởng tiêu cực như: lối sống thực dụng, chỉ vì chức, vì quyền, vì tiền mà không ít người có thể làm mọi việc bất chấp luân thường đạo lý. Điều đó gây ra những tác động xấu trong xã hội.

Thứ sáu: Sự đầu tư cho giáo dục - đào tạo còn hạn chế, "công tác quản lý giáo dục - đào tạo có những mặt yếu kém bất cập"¹. Phương pháp giáo dục còn chưa kích thích được tính sáng tạo của người học, chưa thực sự gắn kết lý luận với thực tiễn cuộc sống, cho nên không ít sinh viên sau khi ra trường khó xin việc. Tình trạng tiêu cực trong giáo dục còn đang phổ biến ở nhiều nơi, chất lượng giáo viên còn hạn chế. Những điều đó đang ảnh hưởng tới chất lượng đào tạo, trực tiếp ảnh hưởng tới việc phát huy nguồn nhân lực trong giai đoạn hiện nay.

Thứ bảy: Những yếu kém trong quản lý nhà nước, hệ thống luật pháp chưa đồng bộ, tính gia trưởng, sự bảo thủ trong một số cán bộ có chức có quyền, tâm lý đố kỵ, ghen ghét với những người có năng lực của một số người đang hạn chế phát huy nguồn lực con người ở nước ta hiện nay.

2. Những phương hướng và giải pháp phát huy nguồn lực con người ở Việt Nam hiện nay

a) Những phương hướng

Để phát huy nguồn lực con người Việt Nam thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, cần thực hiện một số phương hướng sau:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 25.

Thứ nhất: Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển nền kinh tế đất nước.

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá với nội dung chuyển lao động thủ công sang lao động cơ khí máy móc, vừa tạo ra những điều kiện để nâng cao mức sống nhân dân, tạo điều kiện cho xã hội và gia đình quan tâm tới giáo dục nhiều hơn. Đồng thời công nghiệp hoá, hiện đại hoá cũng đặt ra những yêu cầu, những thách thức buộc người lao động phải phấn đấu vươn lên, nếu họ không muốn bị thải loại khỏi dây chuyền sản xuất.

Như vậy, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước vừa là điều kiện để xây dựng, bồi dưỡng phát huy nguồn lực con người, đồng thời đến lượt nó phát huy nguồn lực con người lại là yếu tố quyết định thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Thứ hai: Xây dựng và từng bước hoàn chỉnh một hệ thống chính sách xã hội phù hợp.

Chính sách xã hội là một bộ phận hợp thành chính sách của Đảng Cộng sản và Nhà nước xã hội chủ nghĩa là sự thể hiện lý tưởng chính trị, cương lĩnh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản, trong hệ thống pháp luật của Nhà nước xã hội chủ nghĩa và thể hiện bằng quá trình tổ chức thực tiễn trong cuộc sống của toàn xã hội.

Chính sách xã hội thể hiện trên tất cả các lĩnh vực từ kinh tế tới văn hoá, giáo dục, chính sách lao động việc làm v.v., là những chính sách trực tiếp đảm bảo những nhu cầu vật chất và tinh thần của con người biểu hiện rõ nhất bản chất của một chế độ xã hội; đó là những chính sách điều chỉnh các mối quan hệ xã hội; và là một trong những

động lực trực tiếp để con người hoạt động trên lĩnh vực xã hội.

Phát triển kinh tế, nâng cao năng suất lao động là tiền đề, là điều kiện cho việc thực hiện chính sách xã hội.

Thực hiện tốt chính sách xã hội, thực hiện công bằng trong phân phối, chăm lo tới người lao động, tạo điều kiện cho người lao động học tập phấn đấu vươn lên, cống hiến hết sức mình cho xã hội sẽ góp phần to lớn phát triển kinh tế của đất nước.

Chính sách xã hội dưới chủ nghĩa xã hội phải hướng tới con người và vì con người. Mục tiêu cao nhất của chủ nghĩa xã hội là giải phóng xã hội, giải phóng con người, đưa con người từ vương quốc của tất yếu sang vương quốc của tự do. Để thực hiện điều đó, cần phải bảo đảm "tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển"¹; gắn đời sống vật chất với đời sống tinh thần.

Thứ ba: Từng bước xây dựng và không ngừng hoàn thiện cơ chế quản lý của chế độ xã hội chủ nghĩa:

Cơ chế quản lý của một xã hội là toàn bộ những thiết chế, những quy định về mối quan hệ trách nhiệm, quyền hạn giữa cá nhân với tổ chức, giữa tổ chức với tổ chức nhằm thực hiện mục đích quản lý xã hội theo một định hướng nhất định của giai cấp cầm quyền.

Chế độ xã hội chủ nghĩa là chế độ xã hội do nhân dân lao động làm chủ trong tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 113.

trị, văn hoá - tư tưởng... Do vậy, xã hội phải tạo ra những điều kiện cho người lao động tham gia tích cực vào công việc quản lý xã hội, quản lý kinh tế, quản lý nhà nước, thông qua đó mà họ tích cực đóng góp tài năng, trí tuệ cho xã hội.

Thứ tư: Thực hiện cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá.

Nguồn lực con người là sự kết hợp các yếu tố trong con người mà chúng ta có thể phát huy, từ sức khoẻ tới trí tuệ, tri thức, tình yêu quê hương đất nước, v.v.. Như vậy, nguồn lực con người bao gồm cả những yếu tố tự nhiên, cả yếu tố xã hội trong mỗi con người.

Để bồi dưỡng, phát triển và phát huy tốt hơn nữa nguồn lực con người trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, chúng ta cần tiếp tục thực hiện tốt hơn nữa cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá. Cuộc cách mạng này có nhiệm vụ trang bị lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho quần chúng nhân dân lao động, "phát huy chủ nghĩa yêu nước và truyền thống đại đoàn kết dân tộc, ý thức độc lập tự chủ, tự cường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa"¹.

Những phương hướng trên nhằm bồi dưỡng nguồn nhân lực nước ta ngày càng có tri thức, có trình độ tay nghề, có sức khoẻ, có năng lực quản lý, có ý thức, năng lực

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 54.

làm chủ đất nước; đồng thời phát huy ngày càng tốt hơn nguồn lực con người trong sự nghiệp xây dựng một xã hội "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", tiến tới chủ nghĩa xã hội.

b) Một số giải pháp phát huy nguồn lực con người ở nước ta hiện nay

Để phát huy nguồn lực con người, cần thực hiện đồng bộ những giải pháp sau:

Thứ nhất: Trong lĩnh vực kinh tế.

Phải nâng cao vị thế của người lao động trong quá trình sản xuất. Cần nhanh chóng khắc phục tình trạng tách người lao động ra khỏi tư liệu sản xuất. Thực hiện giao đất, giao rừng cho nông dân, tạo điều kiện cho mọi người dân làm chủ cụ thể những tư liệu sản xuất của toàn xã hội, ở mọi thành phần kinh tế.

Huy động rộng rãi nhân dân đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của địa phương, đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, của đơn vị.

Phát huy sáng kiến của người lao động, chăm lo đời sống vật chất tinh thần của họ, thực hiện phân phối công bằng, công khai, dân chủ.

Động viên mọi người dân bỏ vốn ra sản xuất kinh doanh, khai thác thế mạnh của các địa phương, phát triển ngành nghề truyền thống, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát huy trình độ tay nghề, năng lực quản lý kinh doanh của mỗi thành viên trong xã hội, để cùng với Nhà nước giải quyết những khó khăn của đất nước.

Tăng cường giáo dục đạo đức, khơi dậy lương tâm nghề nghiệp, nêu cao trách nhiệm của mỗi người trong hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ. Cần làm cho mọi người thấy được trách nhiệm của mình phải lao động nghiêm túc, có chất lượng, có hiệu quả, tạo ra hàng hoá tốt, nâng cao chất lượng dịch vụ. Điều đó vừa tạo điều kiện cho xã hội phát triển, vừa là điều cho hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả. Phê phán mạnh mẽ thói lười biếng, làm bừa, làm ẩu; ngăn chặn làm ăn phi pháp, phi đạo lý.

Thứ hai: Trong lĩnh vực chính trị.

Nâng cao trình độ của cán bộ, đảng viên và nhân dân về nhận thức chính trị (chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng ta), về luật pháp, về Nhà nước của dân, do dân, vì dân, từ đó nâng cao trách nhiệm và năng lực của họ tích cực tham gia vào công việc của Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị của nước ta.

Tăng cường vai trò kiểm tra giám sát của quần chúng nhân dân trong mọi hoạt động của bộ máy nhà nước, thực hiện dân chủ hoá đời sống xã hội, huy động đông đảo quần chúng nhân dân tham gia vào cuộc đấu tranh chống tham nhũng.

Xây dựng cơ chế quản lý xã hội, quản lý nhà nước để người dân có điều kiện tham gia công việc Nhà nước, công việc xã hội, thực sự là người làm chủ đất nước; khắc phục tình trạng trì trệ, bảo thủ trong một số cơ quan nhà nước.

Phân rõ trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng tập thể, từng cá nhân trong từng công việc, khắc phục tình

trạng chồng chéo, hay buông lỏng quản lý nhà nước trong một số ngành, một số địa phương.

Giáo dục tinh thần yêu nước, nâng cao ý thức tự cường dân tộc, trách nhiệm công dân, bản lĩnh chính trị của mỗi người dân. Kiên quyết đấu tranh với những hiện tượng tiêu cực, tình trạng vi phạm kỷ cương, phép nước và những âm mưu chống phá của kẻ thù, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ thành quả cách mạng.

Trên cơ sở những thành quả cách mạng đạt được, người dân lao động mới có điều kiện học tập, rèn luyện, phấn đấu về mọi mặt và cống hiến ngày càng nhiều cho xã hội.

Thứ ba: Trên lĩnh vực xã hội.

Từng bước khắc phục đi tới loại bỏ những phong tục tập quán lạc hậu, những quan hệ không bình đẳng, xây dựng quan hệ mới giữa người với người trên tinh thần tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong sản xuất kinh doanh, trong đời sống xã hội. Xây dựng quan hệ bình đẳng hữu nghị giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc, giữa các quốc gia.

Cần thực hiện những biện pháp làm giảm dần khoảng cách chênh lệch giữa các tầng lớp dân cư, giữa các vùng lãnh thổ. Quan tâm tới những hộ nghèo, những gia đình khó khăn, những hộ chính sách xã hội, những vùng sâu, vùng xa tạo ra cơ hội phát triển cho mọi người, làm cho mọi người dân đều được hưởng những thành quả y tế, giáo dục, văn hoá...

Thực hiện chính sách xoá đói, giảm nghèo; tập trung giải quyết những vấn đề cấp bách về lao động việc làm;

trên cơ sở đó, người lao động mới có điều kiện nâng cao trình độ tri thức, trình độ tay nghề, mới có môi trường rèn luyện phấn đấu, cống hiến sức mình cho đất nước, cho xã hội.

Thứ tư: Trên lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

"Giáo dục và đào tạo là *quốc sách hàng đầu* nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài"¹ cho đất nước, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá hiện nay. Cần phải tuyên truyền làm cho mọi người dân thấy được trách nhiệm của mình đối với sự nghiệp chung của đất nước mà quan tâm tới lĩnh vực này.

Đảng, Nhà nước, các tổ chức đảng, các cấp chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội và từng gia đình đều phải quan tâm tới giáo dục và đào tạo. Tăng cường hơn nữa sự phối hợp của gia đình, nhà trường, xã hội trong đào tạo thế hệ trẻ.

Để đào tạo ra những cán bộ vừa "hồng" vừa "chuyên" có ý thức và năng lực làm chủ đất nước, làm chủ xã hội, cần phải có sự đổi mới nội dung và phương pháp giáo dục. Nội dung giáo dục phải phản ánh được những tri thức quan trọng nhất của thời đại, những thành tựu mới nhất của khoa học công nghệ, phải góp phần giáo dục lòng yêu nước, ý thức tự cường dân tộc, hình thành nhân cách mới của người lao động.

Phải tích cực đổi mới phương pháp dạy và học. Phương

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 107.

pháp dạy phải kích thích được tính sáng tạo, sự hăng say tìm tòi nghiên cứu của người học. Phương pháp học phải độc lập tự chủ, biết vận dụng kiến thức đã học vào giải thích và giải quyết những vấn đề thực tiễn cuộc sống đang đặt ra.

Việt Nam là một nước còn kém phát triển về mặt kinh tế, tuy rằng đã đạt được một số thành tựu trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, nhưng so với các nước trong khu vực và quốc tế vẫn còn hạn chế. Số năm học bình quân của người dân còn thấp, tỉ lệ chưa biết chữ còn cao, do vậy, đòi hỏi chúng ta phải nỗ lực phấn đấu nhiều hơn nữa.

Thứ năm: Trên lĩnh vực tư tưởng, văn hoá, nghệ thuật.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII, Đảng ta đã khẳng định, văn hoá vừa là mục tiêu, vừa là động lực xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Văn hoá nghệ thuật nước ta trước đây đã phục vụ tốt cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc; đã động viên được nhân dân tích cực tham gia trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Những năm đổi mới vừa qua văn học, nghệ thuật nước ta đã có những đổi mới về nội dung, hình thức, đã động viên được nhân dân tích cực tham gia sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước. Song bên cạnh đó văn học nghệ thuật vẫn còn một bộ phận đi chệch hướng, chạy theo thị hiếu thấp hèn, dễ dãi của một bộ phận thanh niên thiếu giáo dục.

Đây mạnh cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng, phê phán những tư tưởng phản động đang tìm cách phủ nhận con đường xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. *"Đây mạnh tổng*

kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, tiếp tục làm sáng tỏ hơn lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta"¹; "Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị, tạo sự thống nhất cao hơn nữa trong Đảng, sự đồng thuận trong nhân dân"², đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, thực dụng, chần chừ suy thoái về đạo đức, lối sống.

Trước yêu cầu mới của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đòi hỏi các nhà văn, nhà thơ, các nhạc sĩ, các nghệ sĩ phải nâng cao trách nhiệm của mình trong sáng tác, biểu diễn, không vì đồng tiền mà bán rẻ lương tâm, vô trách nhiệm với đất nước.

Dư luận xã hội phải lên tiếng ủng hộ những tác phẩm có nội dung, hình thức hay, phê phán những tác phẩm có nội dung, hình thức dở. Cần tăng cường hơn nữa công tác quản lý của Nhà nước trong hoạt động sáng tác, biểu diễn, sao cho văn học nghệ thuật phải cổ vũ cho cái hay cái đẹp, góp phần xây dựng lối sống lành mạnh, nâng cao những giá trị nhân văn, phát huy những giá trị tốt đẹp trong con người Việt Nam.

Đảng và Nhà nước ta phải chăm lo tới việc bồi dưỡng, nâng cao chất lượng và phát huy có hiệu quả nguồn lực con người Việt Nam, tạo nên sự phát triển nhanh và bền

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Các Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khoá IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr. 66, 67.

vững đất nước, nhanh chóng thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

CÂU HỎI THẢO LUẬN VÀ ÔN TẬP

1. Nêu quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về con người, con người xã hội chủ nghĩa?
2. Phân tích quan niệm về nguồn lực con người trong mối quan hệ với các nguồn lực khác. Liên hệ về nguồn lực con người Việt Nam hiện nay?
3. Phương hướng và giải pháp cơ bản nhằm phát huy nguồn lực con người ở nước ta hiện nay?

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Chú dẫn của Nhà xuất bản</i>	5
Chương I: Vị trí, đối tượng, phương pháp và chức năng của chủ nghĩa xã hội khoa học	7
Chương II: Lược khảo lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa	26
Chương III: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	56
Chương IV: Cách mạng xã hội chủ nghĩa	75
Chương V: Thời đại ngày nay	105
Chương VI: Xã hội xã hội chủ nghĩa	132
Chương VII: Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa	154
Chương VIII: Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội	179
Chương IX: Vấn đề dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội	201
Chương X: Vấn đề tôn giáo trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội	223
Chương XI: Vấn đề gia đình trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội	245
Chương XII: Vấn đề nguồn lực con người trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội	267

Chịu trách nhiệm xuất bản

TRỊNH THỨC HUỖNH

Chịu trách nhiệm nội dung

TS. HOÀNG PHONG HÀ

Biên tập nội dung:

TS. TRỊNH ĐÌNH BẢY

PHÍ NGỌC NỘI

Biên tập kỹ, mỹ thuật:

PHÙNG MINH TRANG

Trình bày bìa:

PHÙNG MINH TRANG

Chế bản vi tính:

TRỊNH THÙY DƯƠNG

Sửa bản in: BAN SÁCH GIÁO KHOA - THAM KHẢO

Đọc sách mẫu: BAN SÁCH GIÁO KHOA - THAM KHẢO

In 8.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5cm, tại Công ty CP in Nghệ An.
Giấy phép xuất bản số: 59-2006/CXB/33-12/NXB. CTQG,
cấp 2-8-2006

In xong và nộp lưu chiểu tháng 8 năm 2006.



